



SỔ TAY VĂN BẢN PHÁP LUẬT

SỐ 6

Công ty Kiểm toán và Kế toán – AAC

Năm 2005 – Tập I

Nội dung

	<i>Trang</i>
1. Thuế GTGT	03 - 20
<i>Các quy định chung</i>	03 - 12
<i>Thuế suất</i>	12 - 14
<i>Hoá đơn chứng từ</i>	14 - 20
2. Thuế TNDN	20 - 32
3. Thuế TNCN	32 - 35
4. Các loại thuế khác, phí và lệ phí	36 - 39
5. Xuất nhập khẩu	39 - 52
6. Doanh nghiệp Nhà nước	52 - 53
7. Doanh nghiệp FDI	53 - 55
8. Ngân hàng	55
9. Kế toán - tài chính	56 - 59
10. Đầu tư	59 - 62
11. Lao động, tiền lương	63 - 67
12. Các quy định khác	67 - 75
13. Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 07/2004 đến tháng 12/2004	76
14. Danh mục các văn bản mới ban hành từ tháng 7/2004 đến tháng 12/2004	77- 100

Sổ tay này chỉ có giá trị thông tin và tổng hợp. Trong trường hợp áp dụng cụ thể bạn đọc phải căn cứ vào nội dung toàn văn của các văn bản pháp luật tương ứng hoặc sự hướng dẫn của các chuyên gia tư vấn của AAC

Viết tắt

CP	<i>Chính phủ</i>
TTCP	<i>Thủ tướng Chính phủ</i>
BTC	<i>Bộ Tài chính</i>
BTM	<i>Bộ Thương mại</i>
BLĐTBXH	<i>Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội</i>
BKHĐT	<i>Bộ Kế hoạch & Đầu tư</i>
NHNN	<i>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>
TCT	<i>Tổng Cục thuế</i>
TCHQ	<i>Tổng Cục Hải quan</i>
Thuế GTGT	<i>Thuế Giá trị gia tăng</i>
Thuế TNDN	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>
Thuế TNCN	<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>
Doanh nghiệp FDI	<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>
DNNN	<i>Doanh nghiệp Nhà nước</i>
CTCP	<i>Công ty cổ phần</i>
NĐ	<i>Nghị định</i>
TT	<i>Thông tư</i>
QĐ	<i>Quyết định</i>
CV	<i>Công văn</i>

THUẾ GTGT

Quy định chung

1. Chi nhánh tư nộp thuế: Luật thuế GTGT qui định, cơ sở hạch toán phụ thuộc là pháp nhân không đầy đủ, có con dấu, có tài khoản ngân hàng, trực tiếp bán hàng hoá, dịch vụ, kê khai đầy đủ thuế GTGT đầu ra đầu vào, muốn kê khai nộp thuế riêng phải đăng ký nộp thuế, cấp mã số thuế phụ thuộc và sử dụng hoá đơn riêng. (CV số 1908 TCT/PCCS ngày 17/6/2005).
2. Giá tính thuế khi bán và CQSD đất: Đối với các cơ sở kinh doanh được Nhà nước giao đất xây nhà, cơ sở hạ tầng kỹ thuật để bán, để chuyển nhượng gắn với chuyên quyền sử dụng đất, giá tính thuế GTGT đối với nhà, cơ sở hạ tầng bán ra hoặc chuyển nhượng là giá bán, giá chuyển nhượng chưa có thuế, trừ tiền sử dụng đất theo giá đất qui định khi giao đất. (CV số 1895 TCT/PCCS ngày 17/6/2005).
3. Không phải nộp thuế khi chuyển giao tài sản trong trường hợp sáp nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp sáp nhập không phải lập hóa đơn GTGT và kê khai, nộp thuế GTGT khi chuyển giao tài sản trong nội bộ doanh nghiệp sáp nhập. (CV số 1838 TCT/ĐTN ngày 14/6/2005).
4. Hoàn thuế TSCĐ đã được khấu trừ: Đối với TSCĐ, vật tư, hàng hoá mua vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT đã được khấu trừ thuế đầu vào, nay chuyển sang sử dụng cho hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho mục đích khác – dùng để thể chấp, nhưng bị xử lý bán để thu hồi nợ cho các tổ chức tài chính, tín dụng, thì cơ sở kinh doanh phải hoàn lại thuế GTGT của TSCĐ đã khấu trừ.
Số thuế GTGT hoàn lại được tính trên giá trị còn lại của TSCĐ; Đối với vật tư, hàng hoá thì cơ sở phải hoàn lại toàn bộ số thuế GTGT đã khấu trừ. (CV số 1820 TCT/DNK ngày 13/6/2005).
5. Thuế nhà thầu phụ Việt Nam: Căn cứ theo qui định của Bộ Tài chính về chế độ áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam, và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam thì, trường hợp nhà thầu phụ Việt Nam khi ký hợp đồng với nhà thầu chính nước ngoài nhằm thực hiện một phần giá trị công việc của gói thầu, nhà thầu phụ Việt Nam phải xuất hoá đơn GTGT và kê khai, nộp thuế GTGT theo qui định. (CV số 1808 TCT/ĐTN ngày 13/6/2005).
6. Chính sách thuế GTGT: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ sử dụng chung cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng cơ sở không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, thì thuế đầu vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ % doanh số của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra. (CV số 1806 TCT/ĐTN ngày 13/6/2005).
7. Không được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% nếu giao hàng tại trụ sở doanh nghiệp: Hàng hóa, dịch vụ cung cấp trực tiếp cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất được áp dụng thuế suất 0% nếu có đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế xuất khẩu. Theo CV số 1737 TCT/DNK ngày 7/6/2005 của TCT, doanh nghiệp sẽ không được hưởng thuế suất 0% nếu giao hàng hóa ngay trụ sở hoặc cho các đại lý của khách hàng vì lô hàng đó sẽ không được coi là hàng hóa xuất khẩu. (CV số 1737 TCT/DNK ngày 7/6/2005).
8. Thuế hàng xuất khẩu tại chỗ: Theo Bộ Tài chính, hàng hoá do các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bán cho các khách hàng nước ngoài, nhưng giao hàng tại Việt Nam theo chỉ định của người mua nước ngoài thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.
Tuy nhiên, để được áp dụng thuế suất 0%, lô hàng đó phải có Hợp đồng bán hàng và các phụ lục kèm theo ký với người mua nước ngoài, trong đó qui định rõ tên và người nhận, địa điểm giao hàng; Hoá đơn GTGT ghi thuế suất thuế GTGT 0%, trong đó ghi rõ tên người mua nước ngoài, người nhận hàng và địa điểm nhận hàng; và phải có Tờ khai Hải quan hàng xuất khẩu có xác nhận hàng thực xuất khẩu theo qui định của Tổng cục Hải quan. (CV số 1726 TCT/ĐTN ngày 07/6/2005).
9. Xử lý thuế hàng nhập khẩu: Tổng cục Hải quan hướng dẫn, đối với hàng hoá nhập khẩu còn nằm trong sự quản lý và giám sát của Hải quan cửa khẩu, nhưng vì lý do nào đó được phép tái xuất hoặc buộc phải tái xuất thì, nếu doanh nghiệp đã nhận thông báo nộp thuế GTGT nhưng chưa nộp thuế thì sẽ không thu thuế GTGT; nếu trường hợp đã nộp thuế GTGT thì sẽ được hướng dẫn kê khai khấu trừ hoặc hoàn thuế theo qui định của Bộ Tài chính. (CV số 2169 TCHQ/KTTT ngày 06/6/2005).
10. Tiêu chí phân loại hoàn thuế GTGT: Thực hiện phân loại doanh nghiệp được hoàn thuế trước, kiểm tra sau hoặc kiểm tra trước khi hoàn thuế căn cứ vào Phiếu nhận xét hồ sơ hoàn thuế và tiêu chí phân loại doanh nghiệp phải kiểm tra trước khi hoàn thuế gồm: đối tượng nộp thuế (ĐTNT) mới thành lập, có thời gian kinh doanh dưới 01 năm và đề nghị hoàn thuế lần đầu; ĐTNT đã có các hành vi vi phạm gian lận về thuế GTGT; ĐTNT xuất khẩu hàng hoá theo đường biên giới đất liền; ĐTNT mới được tổ chức, sắp xếp lại như: chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.... (CV số 1714 TCT/PCCS ngày 06/6/2005).
11. Điều kiện áp dụng thuế GTGT 0% khi bên nước ngoài không thanh toán qua ngân hàng: Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu chỉ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào nếu việc thanh toán được thực hiện qua ngân hàng. Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp đã xuất khẩu hàng hóa, phía

nước ngoài thanh toán bằng tiền mặt nhưng sau đó doanh nghiệp bán hàng trả lại tiền mặt cho phía nước ngoài để phía nước ngoài thanh toán lại qua ngân hàng thì doanh nghiệp bán hàng vẫn được áp dụng thuế GTGT 0%. **(CV số 1698 TCT/DNNN ngày 03/6/2005).**

12. **Khấu trừ thuế TSCĐ:** Đối với TSCĐ, vật tư, hàng hoá mua vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT đã được khấu trừ thuế đầu vào, nay chuyển sang sử dụng cho hoạt động sử dụng, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho mục đích khác thì doanh nghiệp phải hoàn lại thuế GTGT của TSCĐ đã khấu trừ đó. Số thuế GTGT hoàn lại được tính trên giá trị còn lại của TSCĐ. **(CV số 1667 TCT/PCCS ngày 01/6/2005).**
13. **Thuế GTGT của đơn vị hạch toán phụ thuộc tính theo % trên doanh thu chưa thuế:** Đơn vị hạch toán phụ thuộc ở khác địa phương nơi đóng trụ sở chính của doanh nghiệp, trực tiếp bán hàng hóa phát sinh doanh thu thì cơ sở hạch toán phụ thuộc phải kê khai, nộp thuế GTGT tại địa phương nơi phát sinh doanh thu theo tỷ lệ 2% trên doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%, tỷ lệ 3% trên doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%. **(CV số 1651 TCT/DNK ngày 31/5/2005).**
14. **Kê khai nộp thuế của nhà thầu nước ngoài:** Bộ Tài chính hướng dẫn, trường hợp nhà thầu nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam, thực hiện được chế độ hoá đơn, chứng từ phản ánh trên sổ kế toán đầy đủ về doanh thu hàng hoá và dịch vụ bán ra, giá trị hàng hoá và dịch vụ mua vào, thuế GTGT đầu ra/đầu vào được khấu trừ, thuế GTGT phải nộp, thì nhà thầu nước ngoài đó đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và thuế TNDN theo tỷ lệ ấn định trên doanh thu. **(CV số 1639 TCT/ĐTN ngày 31/5/2005).**
15. **Mỗi ngày nộp chậm thuế sẽ bị phạt 0,1% số tiền chậm nộp:** Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT nếu nộp chậm tiền thuế so với ngày quy định thì ngoài việc phải nộp đủ tiền thuế, mỗi ngày nộp chậm còn phải nộp phạt một khoản tiền bằng 0,1% số tiền thuế chậm nộp. **(CV số 1632 TCT/PCCS ngày 31/5/2005).**
16. **Không được khấu trừ thuế GTGT trả thay cho nhà thầu ở khâu nhập khẩu:** Nhà thầu nước ngoài bán hàng tại Việt Nam thông qua doanh nghiệp làm đại lý được khấu trừ thuế GTGT khâu nhập khẩu nếu thực hiện chế độ kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán đơn giản mà đảm bảo được việc nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tuy nhiên nếu doanh nghiệp là đại lý bán hàng thực hiện việc nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu thay cho nhà thầu thì doanh nghiệp sẽ không được khấu trừ thuế. **(CV số 1629 TCT/DNK ngày 31/5/2005).**
17. **Có thể hoàn thuế GTGT đầu vào phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản theo năm:** Nếu có hóa đơn GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng thì doanh nghiệp được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo nhưng tối đa không quá 03 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh thuế GTGT đầu vào. Riêng đối với thuế GTGT đầu vào phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nếu doanh nghiệp không xin hoàn thuế GTGT đầu vào theo từng quý thì có thể xin hoàn thuế GTGT đầu vào theo từng năm. **(CV số 1614 TCT/TTHT ngày 30/5/2005).**
18. **Hoạt động xây dựng được hoàn thuế GTGT đầu vào mà không cần có tờ khai hải quan:** Doanh nghiệp thực hiện hoạt động xây dựng, lắp đặt các công trình cho doanh nghiệp chế xuất sẽ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% khi đáp ứng các điều kiện: có hợp đồng ký giữa bên cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp chế xuất, việc thanh toán phải thực hiện qua ngân hàng. Doanh nghiệp không cần phải có tờ khai hải quan xác nhận vật tư đã sử dụng cho công trình. **(CV số 1586 TCT/DNNN ngày 26/5/2005).**
19. **Dự án ODA:** (i) Hoàn thuế GTGT: Chủ dự án ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay hoặc vốn ODA hỗn hợp thuộc đối tượng được NSNN đầu tư không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần, được hoàn thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án. Số thuế GTGT được hoàn là số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào.

Trường hợp chủ dự án không được NSNN bố trí vốn đối ứng để thanh toán tiền thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào đó; và chủ dự án giao thầu cho các nhà thầu chính thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế cung cấp hàng hoá, dịch vụ mua vào không có thuế GTGT, thì nhà thầu chính được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho dự án. **(CV số 1582 TCT/DNNN ngày 26/5/2005).**

(ii) Hồ sơ hoàn thuế dự án ODA – Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính thì, khi nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT cho cơ quan thuế, các chủ dự án phải có văn bản giải trình cụ thể cơ cấu nguồn vốn đề nghị thực hiện dự án, trong đó xác định rõ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT, nguyên nhân không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn. Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về việc xác nhận nêu trên và số thuế GTGT đề nghị hoàn. **(CV số 5969 TC/TCT ngày 18/5/2005).**
20. **Không sử dụng giấy nộp tiền để làm căn cứ xác định thuế GTGT đầu vào:** Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào đã nộp ở khâu nhập khẩu là số thuế GTGT được ghi trên chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu do cơ quan hải quan phát hành. Doanh nghiệp không được sử dụng giấy nộp tiền bằng chuyển khoản để làm căn cứ khấu trừ thuế. **(CV số 1528 TCT/ĐTN ngày 23/5/2005).**
21. **Phải nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 3% trên giá thanh toán tại nơi lắp đặt công trình:** Doanh nghiệp lắp đặt công trình ở địa phương khác phải kê khai doanh thu và tạm nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 3% trên giá thanh toán tại

địa phương nơi lắp đặt công trình. Số thuế GTGT đã kê khai, tạm nộp được trừ vào số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp. **(CV số 1519 TCT/DNK ngày 23/5/2005).**

22. **Xét hoàn thuế GTGT:** Cơ sở kinh doanh mà nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trong tháng có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu có thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu phát sinh từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế GTGT theo tháng.

Trường hợp trong tháng thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết, bao gồm cả thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ bán trong nước thì cũng được tính vào số thuế hoàn trong tháng. **(CV số 1507 TCT/PCCS ngày 23/5/2005).**

23. **Chuyển quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT:** Hoạt động chuyển quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ chuyển quyền sử dụng đất thì vẫn phải lập hóa đơn GTGT, trên đó ghi rõ hàng hoá không chịu thuế GTGT, dòng giá bán ghi là giá chưa có thuế VAT, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ. **(CV số 1506 TCT/PCCS ngày 23/5/2005).**

24. **Thuế GTGT của nhà thầu sẽ do nhà thầu tư trả:** Chủ đầu tư phía Việt Nam không phải thanh toán cho nhà thầu nước ngoài khoản thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ do nhà thầu nước ngoài mua. Nếu là nhà thầu thực hiện dự án ODA thì nhà thầu có thể làm thủ tục để được hoàn lại thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ này. **(CV số 1477 TCT/ĐTN ngày 18/5/2005).**

25. **Hàng bán cho tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo không phải chịu thuế:** Doanh nghiệp sẽ không phải tính và nộp thuế GTGT đối với hàng hóa bán cho các tổ chức quốc tế, người nước ngoài để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Khi bán hàng, doanh nghiệp phải lập hóa đơn trên đó ghi rõ là hàng bán cho tổ chức, người nước ngoài để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại và không tính thuế GTGT. Doanh nghiệp phải lưu giữ văn bản của tổ chức quốc tế, người nước ngoài hoặc cơ quan đại diện tại Việt Nam để làm căn cứ kê khai quyết toán thuế. **(CV số 1432 TCT/PCCS ngày 13/5/2005).**

26. **Thuế tàu biển:** Trong trường hợp một công ty có tàu vận tải biển đã đăng ký và được cơ quan thuế xác nhận là phương tiện vận tải quốc tế, thì khi mua hàng hoá, dịch vụ sửa chữa cho tàu vận tải quốc tế, công ty phải cung cấp bản đăng ký phương tiện vận tải quốc tế với cơ quan thuế cho người bán để người bán làm căn cứ xác định không tính thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tàu. **(CV số 1397 TCT/DNK ngày 11/5/2005).**

27. **Không trả tiền vào tài khoản của doanh nghiệp vẫn được khấu trừ thuế:** Trường hợp việc thanh toán tiền hàng xuất khẩu được thực hiện vào hai tài khoản (tài khoản của doanh nghiệp và tài khoản của giám đốc) thì doanh nghiệp xuất khẩu vẫn sẽ được coi là có đủ điều kiện về hình thức thanh toán để áp dụng thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu nếu hợp đồng xuất khẩu có quy định về vấn đề này và toàn bộ số tiền hàng đã hạch toán kế toán, phản ánh vào doanh thu, được kê khai nộp thuế **(CV số 1386 TCT/DNK ngày 10/5/2005).**

28. **Hoàn thuế GTGT đ/v hộ kinh doanh cá thể nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:** Hộ kinh doanh cá thể nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết khi giải thể để tham gia thành lập công ty TNHH hoặc công ty cổ phần thì sẽ không được hoàn thuế. **(CV số 1368 TCT/DNK ngày 10/5/2005).**

29. **Hoàn thuế GTGT:** Theo Bộ Tài chính, cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được xét hoàn thuế khi cơ sở kinh doanh trong 03 tháng liên tục trở lên (không phân biệt chế độ kế toán), có lũy kế số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra được hoàn thuế.

Số thuế được hoàn là số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết của thời gian xin hoàn thuế **(CV số 1341 TCT/PCCS ngày 09/5/2005).**

30. **Để được hoàn thuế GTGT phải đảm bảo đủ thủ tục hồ sơ theo quy định:** Để được khấu trừ/hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, doanh nghiệp phải có đủ hồ sơ như sau: (i) hợp đồng mua bán hàng hóa cho tổ chức cá nhân nước ngoài; (ii) tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan đã thực xuất; (iii) hàng xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng; (iv) hoá đơn GTGT bán hàng hóa cho nước ngoài **(CV số 1338 TCT/PCCS ngày 06/05/2005).**

31. **Phải có xác nhận của cơ quan thuế hoặc hải quan khi làm thủ tục hoàn thuế:** Để được hoàn trả các thuế GTGT nộp thừa vào ngân sách nhà nước, doanh nghiệp cần thỏa mãn các điều kiện sau: (i) khoản thuế GTGT nộp thừa đã được cơ quan thuế, hải quan cấp tỉnh kiểm tra, xem xét, có QĐ hoàn trả và CV đề nghị hoàn trả; và (ii) việc hoàn trả thuế GTGT được thực hiện từ quỹ hoàn thuế GTGT. **(CV số 1320 TCT/DNN ngày 6/5/2005).**

32. **Được tính vào số thuế GTGT đầu vào nếu nộp thuế theo phương pháp khấu trừ:** Tuỳ theo phương pháp đăng ký nộp thuế, doanh nghiệp được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đã nộp thừa, nộp nhằm ở khâu nhập khẩu như sau: (i) nếu đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì số thuế GTGT đã nộp thừa, nộp nhằm được tính vào số thuế GTGT đầu vào và được khấu trừ khi tính thuế GTGT ở khâu kinh doanh nội địa; (ii) nếu đối tượng nhập khẩu không đăng ký thuế theo phương pháp khấu trừ thì số thuế GTGT đã nộp thừa, nộp nhằm được hoàn lại cho người nhập khẩu. **(CV số 5249/TC-CST ngày 29/04/2005).**

33. **Doanh nghiệp gian lận thuế GTGT được khấu trừ đối với số thuế GTGT kê khai đúng:** Doanh nghiệp kê khai gian lận thuế GTGT trong hồ sơ hoàn thuế sẽ không được khấu trừ, hoàn thuế đối với số thuế gian lận. Tuy

- nhiên, số thuế GTGT kê khai đúng quy định được chuyển sang kỳ sau bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp và được xem xét hoàn thuế nếu sau 03 tháng liên tục chưa khấu trừ hết (**CV số 1257 TCT/PC-CS ngày 28/4/2005**).
34. **Phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với phí phục vụ du lịch:** Kể từ ngày 1/1/1999, doanh nghiệp kinh doanh du lịch có thu phí phục vụ du lịch phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với khoản phí này (**CV số 1221 TCT/DNNN ngày 27/4/2005**).
35. **Không trực tiếp bán hàng sẽ không phải kê khai, nộp thuế:** Chi nhánh của doanh nghiệp không trực tiếp bán hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT mà chỉ thu mua hàng hoá và điều chuyển về công ty thì không phải kê khai, nộp thuế GTGT tại chi nhánh (**CV số 1220 TCT/NDK ngày 27/4/2005**).
36. **Thuế GTGT đầu vào đối với tàu hoạt động vận tải quốc tế:** Doanh nghiệp vận tải đường biển phải nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu nếu nhập khẩu tàu thuộc đối tượng chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu. Sau khi nhập khẩu, nếu con tàu đó được đăng ký hoạt động vận tải quốc tế thì sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, doanh nghiệp sẽ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của con tàu đó.
- Ngược lại, doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu nếu sau đó doanh nghiệp xác định được hàng hóa đã nộp thuế ở khâu nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (**CV số 1194 TCT/DNNN ngày 22/4/2005**).
37. **Chi nhánh có thể được khấu trừ thuế GTGT đầu vào của TSCĐ do doanh nghiệp mua:** Doanh nghiệp mua tài sản cố định (TSCĐ) sau đó bàn giao tài sản đó cho chi nhánh quản lý, sử dụng cùng với số thuế GTGT đầu vào của hóa đơn mua tài sản này thì chi nhánh có thể được kê khai, khấu trừ, lập hồ sơ hoàn thuế đối với TSCĐ đó nếu chi nhánh thuộc đối tượng và đủ điều kiện hoàn thuế (**CV số 1151 TCT/DNK ngày 19/4/2005**).
38. **Được hoàn thuế GTGT nếu chưa khấu trừ hết trong 3 tháng liên tục:** Doanh nghiệp nộp thừa thuế GTGT ở khâu nhập khẩu đối với hàng hoá được miễn thuế thì phần thuế GTGT đã được tính khấu trừ theo tỷ lệ % không thực hiện tính lại. Phần thuế GTGT nộp thừa chưa được khấu trừ sẽ được trừ vào số thuế GTGT phải nộp ở khâu kinh doanh khi kê khai hàng tháng. Trường hợp doanh nghiệp có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết liên tục trong 3 tháng trở lên thì sẽ được hoàn. Số thuế GTGT nộp thừa ở khâu nhập khẩu được tính vào số thuế GTGT được hoàn (**CV số 1138 TCT/DNNN ngày 18/4/2005**).
39. **Hoạt động cho thuê tàu định hạn để vận tải quốc tế không phải chịu thuế GTGT:** Hoạt động cho thuê tàu định hạn để vận tải quốc tế được coi là hoạt động cung ứng dịch vụ trực tiếp cho vận tải quốc tế nên không phải chịu thuế GTGT. Tương tự như vậy, các dịch vụ cung cấp trực tiếp cho con tàu này cũng không phải nộp loại thuế này (**CV số 1120 TCT/DNK ngày 18/4/2005**).
40. **Thuế dịch vụ lữ hành:** Theo quy định, dịch vụ du lịch quốc tế không được xem là hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu để áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% mà phải chịu thuế suất thuế GTGT như đối với hàng hóa tiêu dùng tại Việt Nam với mức thuế suất là 10%.
- Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói, thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế để tính thuế GTGT và doanh thu của cơ sở kinh doanh.
- Trường hợp giá trọn gói bao gồm các khoản không chịu thuế GTGT như chi phí vé máy bay vận chuyển khách du lịch từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam đi nước ngoài, các chi phí ăn nghỉ, thăm quan ở nước ngoài, thì các khoản chi này được tính giảm trừ trong giá tính thuế GTGT (**CV số 1108 TCT/PCCS ngày 14/4/2005**).
41. **Thuế phát sinh doanh số kinh doanh:** Cá nhân kinh doanh vừa và nhỏ nộp thuế theo mức ấn định từng kỳ, nếu có thay đổi về doanh số kinh doanh phải khai báo với cơ quan thuế để xem xét, điều chỉnh lại mức thuế đã ấn định. Trường hợp không khai báo hoặc khai không trung thực, cơ quan thuế có quyền ấn định mức thuế phải nộp cho phù hợp với thực tế kinh doanh.
- Trường hợp hộ kinh doanh có phát sinh doanh số kinh doanh ngoài tỉnh và đã nộp thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh này. Nếu hộ kinh doanh khai báo với cơ quan trực tiếp quản lý thuế về doanh số kinh doanh ngoài tỉnh để xác định lại mức thuế GTGT phải nộp đã ấn định, thì chứng từ nộp thuế GTGT ngoài tỉnh được trừ vào số tiền thuế GTGT phải nộp (**CV số 1070 TCT/DNK ngày 12/4/2005**).
42. **Kê khai, nộp thuế GTGT khi bán tài sản thanh lý là đối tượng chịu thuế GTGT:** Doanh nghiệp khi chia tách, giải thể, phá sản, chuyển đổi sở hữu có bán tài sản thanh lý là hàng hóa chịu thuế GTGT thì phải lập hóa đơn và kê khai, nộp thuế GTGT đối với tài sản này (**CV số 1048 TCT/DNNN ngày 08/4/2005**).
43. **Tờ khai tính thuế GTGT:** Cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT phải lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng, kèm theo bảng kê hàng hoá, dịch vụ mua vào/ bán ra theo mẫu qui định.
- Thời điểm để xác định doanh thu tính thuế GTGT phát sinh là thời điểm cơ sở kinh doanh đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá, dịch vụ cho người mua, không phân biệt người mua đã trả tiền hay chưa (**CV số 1032 TCT/ĐTN ngày 06/4/2005**).
44. **Kê khai thuế tại nơi có trụ sở chính nếu không lập cơ sở trực thuộc tại địa phương khác:** Doanh nghiệp không lập cơ sở trực thuộc ở địa phương khác mà chỉ cử nhân viên đến địa phương khác hoạt động thì không phải kê

khai, nộp thuế GTGT tại địa phương đó mà thực hiện kê khai, nộp thuế tập trung tại nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính (**CV số 1030 TCT/ĐTN ngày 06/4/2005**).

45. **Không truy thu hay hoàn trả tiền thuế GTGT do trốn hoặc nhầm lẫn đã quá 5 năm:** Thời hiệu truy thu và hoàn trả thuế GTGT trong trường hợp phát hiện có hành vi trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế là 5 năm kể từ ngày phát hiện việc trốn thuế hoặc nhầm lẫn về thuế. Quá thời hạn này, doanh nghiệp sẽ không bị truy thu thuế và đồng thời cũng không được hoàn trả số thuế đã nộp thừa do nhầm lẫn (**CV số 3818/TC-CST ngày 04/4/2005**).
46. **Cơ sở phụ thuộc không phát sinh doanh thu kê khai, nộp thuế tập trung tại trụ sở chính:** Chi nhánh, văn phòng đại diện ở khác địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc TW) nơi đóng trụ sở chính của doanh nghiệp nếu không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu, không hạch toán đầy đủ thuế đầu vào thì thực hiện kê khai, nộp thuế tập trung tại Trụ sở chính (**CV số 987 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
47. **Thuế đối với hàng tiêu huỷ:** Trường hợp một đơn vị mua hoặc nhập khẩu các sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam và nước ngoài, nhưng sau đó phải tiêu huỷ do một số nguyên nhân như hư hỏng, quá hạn sử dụng... thì đơn vị đó không được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào của số hàng trên.

Hàng hoá tiêu huỷ hoặc huỷ bỏ thì đơn vị phải lập hội đồng thanh huỷ, trong đó, có biên bản xác định rõ mức độ, nguyên nhân và trách nhiệm – Biên bản phải ghi rõ số lượng, chủng loại, trị giá hàng huỷ, giá trị thanh lý có thể thu hồi được, và giám đốc doanh nghiệp ký cũng như chịu trách nhiệm trước các cơ quan có thẩm quyền (**CV số 958 TCT/ĐTN ngày 01/4/2005**).
48. **Không phải nộp thuế GTGT cho hàng tạm nhập - tái xuất:** Do hàng tạm nhập - tái xuất là đối tượng thuộc diện không chịu thuế GTGT nên doanh nghiệp sẽ không bị thu thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu theo hình thức tạm nhập - tái xuất (**CV số 1207/TCHQ-KTTT ngày 31/3/2005**).
49. **Văn phòng dự án ODA được hoàn thuế GTGT đối với dịch vụ mua vào tại Việt Nam:** Văn phòng đại diện của các dự án ODA sẽ được hoàn thuế GTGT đối với các dịch vụ mua ngoài tại Việt Nam trong trường hợp kinh phí hoạt động của văn phòng được trích từ nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại (**CV số 856 TCT/ĐTN ngày 25/3/2005**).
50. **Thuế vận tải biển quốc tế:** Bộ Tài chính quy định, hàng hoá, dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế như: nhiên liệu, nguyên vật liệu, phụ tùng, nước và các thực phẩm, suất ăn phục vụ cho hành khách, dịch vụ vệ sinh cho tàu biển, máy bay, tàu hoả quốc tế, bốc xếp hàng hoá xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (**CV số 855 TCT/ĐTN ngày 25/3/2005**).
51. **Sản phẩm thủy sản có thể được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu sản xuất khép kín:** Sản phẩm thủy hải sản chưa chế biến thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nên toàn bộ thuế GTGT đầu vào của nguyên liệu, vật tư phục vụ nuôi trồng sản phẩm này không được khấu trừ mà phải tính vào chi phí kinh doanh. Theo CV số 835 TCT/DNK ngày 24/3/2005, nếu doanh nghiệp vừa nuôi trồng vừa chế biến thủy hải sản theo phương thức khép kín tạo ra sản phẩm chịu thuế GTGT thì doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (**CV số 835 TCT/DNK ngày 24/3/2005**).
52. **Phương pháp tính thuế trong xây dựng:** Chính phủ đã quy định, phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp chỉ áp dụng đối với cá nhân sản xuất, kinh doanh; tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam mà không theo Luật đầu tư nước ngoài; và chỉ áp dụng cho cơ sở kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Theo đó, đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng thì chỉ áp dụng phương pháp khấu trừ thuế GTGT, không áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Việc áp dụng phương pháp khấu trừ thuế dựa trên cơ sở số thuế GTGT đầu vào, đầu ra theo hoá đơn, chứng từ hiện có tại công ty và các tổ đội thi công (**CV số 830 TCT/PCCS ngày 24/3/2005**).
53. **Giảm thuế GTGT:** Cơ sở sản xuất kinh doanh bị lỗ do nguyên nhân số thuế GTGT phải nộp của các hoạt động này lớn hơn số thuế tính theo mức thuế doanh thu trước đây thì thuộc đối tượng được xét giảm thuế GTGT trong thời gian 03 năm đầu thực hiện Luật thuế GTGT (đó là từ năm 1999 – 2001).

Số thuế GTGT được xét giảm từng năm tương ứng với số lỗ do nguyên nhân trên, nhưng tối đa không vượt quá số thuế GTGT phải nộp phát sinh trong năm xin xét giảm thuế. Và việc xét giảm thuế này thuộc thẩm quyền giải quyết của Cục thuế địa phương (**CV số 813 TCT/ĐTN ngày 22/3/2005**).
54. **Chưa được cấp mã số thuế vẫn có thể được hoàn thuế GTGT:** Doanh nghiệp có thể được hoàn thuế GTGT đối với hóa đơn thiếu mã số thuế do phát sinh trong thời gian chưa được cấp mã số thuế. Tuy nhiên, các hóa đơn này phải có đủ các chỉ tiêu khác. Đồng thời, doanh nghiệp phải cam kết sử dụng hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (**CV số 810 TCT/DNN ngày 22/03/2005**).
55. **Có thể được hoàn thuế nếu chưa khấu trừ hết trong 03 tháng liên tục:** Doanh nghiệp có hành vi gian lận trong kê khai khấu trừ thuế, hoàn thuế thì không được khấu trừ, hoàn thuế đối với số thuế GTGT kê khai gian lận. Đối với số thuế GTGT kê khai đúng quy định được chuyển sang kỳ sau bù trừ vào số thuế GTGT phải nộp. Theo CV số 780 TCT/PC-CS ngày 17/3/2005, trong 03/tháng liên tục mà chưa khấu trừ hết số thuế trên thì doanh nghiệp có thể được xem xét hoàn thuế GTGT. (**CV số 780 TCT/PC-CS ngày 17/3/2005**).
56. **Doanh nghiệp phải kê khai để cấp mã số thuế 13 số cho đơn vị trực thuộc:** Doanh nghiệp được cấp mã số thuế 10 số. Nếu có đơn vị trực thuộc thì theo CV số 748 TCT/DNN ngày 15/3/2005 của TCT, doanh nghiệp phải kê

khai, đăng ký các đơn vị trực thuộc với cơ quan Thuế để cơ quan thuế cấp mã số thuế 13 số cho các đơn vị trực thuộc. **(CV số 748 TCT/DNNN ngày 15/3/2005).**

57. **Đại lý bảo hiểm bán đúng giá không phải nộp thuế GTGT với doanh thu bán bảo hiểm:** Các đại lý bảo hiểm bán đúng giá hưởng hoa hồng không phải kê khai, nộp thuế GTGT đối với doanh thu bán bảo hiểm và doanh thu hoa hồng đại lý. **(CV số 735 TCT/DNNN ngày 15/3/2005).**
58. **Số liệu thu mua không khớp sẽ không được khấu trừ thuế GTGT:** Doanh nghiệp thu mua hàng nông lâm, thủy sản không lập đúng, đủ chứng từ thu mua hoặc số liệu giữa chứng từ thu mua với bảng kê, số liệu hạch toán chi phí không đúng thực tế sẽ không được khấu trừ thuế GTGT đối với giá trị hàng thu mua và có thể bị ấn định thuế TNDN. **(CV số 709 TCT/DNK ngày 14/3/2005).**
59. **Kê khai thuế của Chi nhánh:** Các cơ sở hạch toán độc lập và các cơ sở hạch toán phụ thuộc mà có tư cách pháp nhân không đầy đủ, có con dấu và tài khoản tại ngân hàng trực tiếp bán hàng hoá, dịch vụ, phát sinh doanh thu thì phải kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ tại địa phương nơi cơ sở kinh doanh đóng trụ sở;

Các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc ở khác địa phương nơi đóng trụ sở chính của doanh nghiệp, nếu không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu, cơ sở không hạch toán đầy đủ thuế đầu vào thì thực hiện kê khai, nộp thuế tập trung tại văn phòng trụ sở chính của doanh nghiệp. **(CV số 707 TCT/DNK ngày 14/3/2005).**
60. **Không thu thuế GTGT đối với hàng phục vụ nghiên cứu khoa học:** Doanh nghiệp không phải nộp thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu để phục vụ trực tiếp cho nghiên cứu khoa học. **(CV số 890/TCHQ-KTTT ngày 10/3/2005 của TCHQ).**
61. **Giá tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh giải trí:** Giá tính thuế GTGT của dịch vụ giải trí có đặt cược được xác định trên cơ sở số tiền thu được từ đặt cược trừ (-) số tiền trả thưởng cho khách thắng cược. **(CV số 2819 TC/CST ngày 10/3/2005).**
62. **Ngoại lệ trong hồ sơ xin hoàn thuế GTGT hàng xuất khẩu:** Một trong những điều kiện để áp dụng thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu là tiền hàng phải được thanh toán thông qua ngân hàng. Theo CV số 665 TCT/DNK ngày 09/3/2005 của TCT, trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu về Việt Nam để sản xuất hàng xuất khẩu; đồng thời yêu cầu bên mua hàng nước ngoài thanh toán tiền nguyên liệu trực tiếp cho bên bán nguyên liệu cũng ở nước ngoài và thanh toán tiền chênh lệch giữa giá mua nguyên liệu và giá bán thành phẩm về Việt Nam thì hình thức thanh toán này cũng sẽ được chấp nhận để áp dụng thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu. **(CV số 665 TCT/DNK ngày 09/3/2005).**
63. **Tiền bản quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa không chịu thuế GTGT:** Tiền bản quyền không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Do đó, khi trả phí bản quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa cho bên nước ngoài, doanh nghiệp Việt Nam không phải nộp hộ nhà thầu nước ngoài thuế GTGT mà chỉ phải nộp hộ thuế TNDN. **(CV số 663 TCT/DNK ngày 9/3/2005).**
64. **Chính sách thuế GTGT:** Trường hợp doanh nghiệp trong nước mua hàng hoá trong kho ngoại quan của một doanh nghiệp nước ngoài, mà số hàng hoá này không làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam, sau đó bán cho một khách hàng nước ngoài khác để xuất khẩu thì hàng hoá đó thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Doanh nghiệp sẽ làm thủ tục hải quan, hồ sơ cần thiết theo qui định của Bộ Tài chính để được xác định và xử lý không thu thuế GTGT như hàng chuyển khẩu, hàng quá cảnh, hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu...

Các khoản thuế GTGT đầu vào của chi phí quản lý chung sẽ phải phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu chịu thuế GTGT và doanh thu không chịu thuế GTGT. **(CV số 638 TCT/PCCS ngày 08/3/2005).**
65. **Phải đăng ký thuế khi thay đổi địa điểm kinh doanh:** Khi thay đổi địa điểm kinh doanh, trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày được cấp đổi GPKD theo địa chỉ mới, doanh nghiệp phải đăng ký thuế tại cơ quan thuế nơi chuyển đến. Được biết, Giấy chứng nhận đăng ký thuế sẽ được cấp cho doanh nghiệp trong vòng 8 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ hợp lệ. **(CV số 620 TCT/DNK ngày 04/3/2005).**
66. **Thời điểm xác định doanh thu tính thuế GTGT là thời điểm bàn giao công trình:** Thời điểm xác định doanh thu tính thuế GTGT là thời điểm doanh nghiệp chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa. Do đó, theo CV số 608 TCT/DNK ngày 04/3/2005 của TCT, trường hợp doanh nghiệp đã ký hợp đồng chuyển nhượng nền nhà, đã thu tiền tạm ứng của khách hàng để thi công xây lắp nhưng chưa hoàn thành công trình thì chưa được xác định doanh thu tính thuế GTGT. **(CV số 608 TCT/DNK ngày 04/3/2005).**
67. **Kê khai khấu trừ thuế GTGT truy thu:** Nếu một đơn vị bị kết luận là trốn thuế và ẩn lậu thuế thì ngoài việc bị truy thu số thuế còn thiếu, còn bị xử phạt vi phạm tiền từ 1 – 5 lần số thuế trốn, ẩn lậu theo luật định. Và số thuế GTGT truy thu này không được kê khai để khấu trừ, mà được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, số tiền phạt phải lấy từ lợi nhuận sau thuế.

Với đơn vị vi phạm lần đầu, và không có biểu hiện cố tình khai man, trốn thuế, không bị kết luận là trốn thuế hoặc ẩn lậu thuế thì được khấu trừ thuế GTGT nộp thay và xử phạt hành chính về vi phạm vi chậm kê khai nộp thuế. Số thuế GTGT truy thu nếu doanh nghiệp đã kê khai khấu trừ thì được tính khấu trừ hoặc hoàn lại theo qui định. **(CV số 607 TCT/ĐTN ngày 04/3/2005).**

68. Phải kê khai, nộp thuế GTGT ở cả nơi thực hiện hợp đồng và nơi đặt trụ sở chính: Trong trường hợp công ty thực hiện hợp đồng xây lắp công trình ở địa phương khác nơi đặt trụ sở chính thì phải đăng ký, kê khai, nộp thuế GTGT ở địa phương nơi thực hiện hợp đồng và quyết toán thuế ở địa phương nơi đặt trụ sở chính. **(CV số 597 TCT/DNK ngày 02/3/2005).**
69. Vẫn phải nộp thuế GTGT khi xuất bù linh kiện cho đại lý để bảo hành miễn phí: Theo CV số 564 TCT/ĐTN ngày 28/2/2005 của TCT, doanh nghiệp FDI vẫn phải xuất hóa đơn và nộp thuế GTGT khi xuất bù linh kiện cho đại lý theo chính sách bảo hành miễn phí của Công ty mẹ ở nước ngoài. Trên hóa đơn ghi rõ giá của linh kiện, phụ tùng, thuế GTGT và tổng giá thanh toán đồng thời có ghi rõ là xuất bù linh kiện để bảo hành miễn phí. Sau đó, doanh nghiệp có thể tiến hành điều chỉnh sổ sách kế toán, ghi giảm doanh thu hoặc hạch toán vào công nợ để tính thuế TNDN. **(CV số 564 TCT/ĐTN ngày 28/2/2005).**
70. Kê khai thuế GTGT: Hàng hoá xuất khẩu được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào phải có đủ Hợp đồng bán hàng hoá cho nước ngoài, Hóa đơn GTGT bán hàng cho nước ngoài, Chứng từ thanh toán tiền qua ngân hàng, Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận của cơ quan hải quan đã xuất khẩu.
- Trường hợp hàng hoá chưa xuất khẩu nhưng doanh nghiệp đã viết hoá đơn GTGT xuất khẩu hàng hoá cho phía nước ngoài là vi phạm chế độ sử dụng hoá đơn chứng từ. Qua kiểm tra, nếu cơ quan thuế thấy có đầy đủ các thủ tục chứng minh hàng hoá đã thực xuất khẩu thì doanh nghiệp được xét hoàn thuế nhưng phải phạt vi phạm hành chính về sử dụng hoá đơn chứng từ **(CV số 554 TCT/DNN ngày 25/02/2005).**
71. Khấu trừ, hoàn thuế: Về việc khấu trừ, hoàn thuế đối với mặt hàng nông, lâm, hải sản thì, đối với trường hợp đã qua kiểm tra, xác định doanh nghiệp thực tế có mua hàng, hàng hoá có nhập kho, số lượng hàng hoá nhập kho phù hợp với số lượng trên bảng kê, có đầy đủ chứng từ thanh toán khi mua hàng, bán hàng và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán thì được chấp nhận khấu trừ hoặc hoàn thuế;
- Ngược lại, nếu qua kiểm tra, xác định được doanh nghiệp lập bảng kê khống thì sẽ bị xử lý theo luật định. **(CV số 552 TCT/DNK ngày 25/02/2005).**
72. Hoàn thuế GTGT: Doanh nghiệp vẫn có thể được hoàn thuế GTGT trong trường hợp do sơ suất mà kê khai nhầm số thông báo nộp thuế thay vì kê khai số biên lai nộp thuế khi lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đầu vào ở khâu nhập khẩu. Để được hoàn thuế, doanh nghiệp phải giải trình rõ lý do, kê khai bổ sung đúng số biên lai nộp thuế GTGT và nộp lại "Bảng kê chứng từ hàng hóa mua vào". Nếu doanh nghiệp đã có đầy đủ chứng từ, biên lai nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu và nộp kịp thời đúng theo thông báo nộp thuế của cơ quan Hải quan (các thông báo thuế đã kê khai trong hồ sơ) doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế GTGT theo quy định, đồng thời doanh nghiệp cũng bị xử phạt hành chính về việc chưa thực hiện đúng thủ tục kê khai **(CV số 541 TCT/ĐTN ngày 24/02/2005).**
73. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Theo Luật thuế GTGT hiện hành thì, căn cứ để xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Đối với hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế GTGT thì phải ghi số chứng từ, ngày, của biên lai, chứng từ nộp thuế vào cột ghi chú.
- Trường hợp một công ty chưa hiểu rõ quy định, đã kê khai nộp thuế GTGT theo tờ khai Hải quan khi chưa có biên lai nộp thuế GTGT thì, nếu công ty đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, có biên lai nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu đúng quy định, phù hợp với các tờ khai trên, và hàng hoá nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thì được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT, song phải đảm bảo thời hạn kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào với tờ khai hải quan tối đa là 03 tháng. **(CV số 531 TCT/DNN ngày 23/02/2005).**
74. Doanh nghiệp đã giải thể vẫn phải nộp thuế khi bán tài sản: doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể thì khi bán tài sản, máy móc, thiết bị chỉ được cấp hóa đơn lẻ để xuất cho người mua. Trong trường hợp này, doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN theo mức ấn định trên doanh thu bán tài sản. **(CV số 517 TCT/DNK ngày 21/2/2005).**
75. Thuế GTGT khi thay đổi chế độ kế toán: Khi thay đổi phương pháp tính thuế GTGT từ phương pháp tính trực tiếp trên GTGT sang phương pháp khấu trừ thuế thì, việc khấu trừ thuế GTGT chỉ áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.
- Nếu một công ty được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện chế độ kế toán Việt Nam và chuyển từ phương pháp tính thuế GTGT từ phương pháp tính trực tiếp trên GTGT sang phương pháp khấu trừ thuế, thì công ty không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với những hoá đơn phát sinh trước ngày áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế; không thực hiện điều chỉnh lại số thuế GTGT đã nộp của giai đoạn tính thuế GTGT trực tiếp trên GTGT. **(CV số 516 TCT/ĐTN ngày 21/02/2005).**
76. Nhà thầu nước ngoài nộp thuế GTGT tại Việt Nam: Nếu nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam thì phải nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Được biết, giá trị gia tăng của từng ngành nghề được quy định theo tỷ lệ phần trăm doanh thu tính thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài. **(CV số 514 TCT/DNN ngày 21/02/2005).**
77. Thời điểm bàn giao công trình là thời điểm xác định thuế suất thuế GTGT: Thời điểm để xác định thuế GTGT phát sinh là thời điểm doanh nghiệp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng (đối với trường hợp bán trả góp) hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho người mua không phân biệt người mua đã trả tiền hay chưa. Trong

trường hợp bàn giao và đưa công trình xây dựng vào sử dụng trước ngày 31/12/2003 nhưng sau đó nhiều tháng mới xuất hóa đơn thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng thuế suất thuế GTGT cho hoạt động xây dựng là 5% quy định tại thời điểm bàn giao công trình (*CV số 538 TCT/DNNN ngày 23/02/2005*).

78. Khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Theo Luật thuế GTGT hiện hành thì, căn cứ để xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu. Đối với hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế GTGT thì phải ghi số chứng từ, ngày, tháng của biên lai, chứng từ nộp thuế vào cột ghi chú.

Trường hợp một công ty chưa hiểu rõ quy định, đã kê khai nộp thuế GTGT theo tờ khai Hải quan khi chưa có biên lai nộp thuế GTGT thì, nếu công ty đã nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu, có biên lai nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu đúng quy định, phù hợp với các tờ khai trên, và hàng hoá nhập khẩu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty thì được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT, song phải đảm bảo thời hạn kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào với tờ khai hải quan tối đa là 03 tháng (*CV số 531 TCT/DNNN ngày 23/02/2005*).

79. Thuế GTGT khi thay đổi chế độ kế toán: Khi thay đổi phương pháp tính thuế GTGT từ phương pháp tính trực tiếp trên GTGT sang phương pháp khấu trừ thuế thì, việc khấu trừ thuế GTGT chỉ áp dụng đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế.

Nếu một công ty được Bộ Tài chính chấp thuận thực hiện chế độ kế toán Việt Nam và chuyển từ phương pháp tính thuế GTGT từ phương pháp tính trực tiếp trên GTGT sang phương pháp khấu trừ thuế, thì công ty không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với những hoá đơn phát sinh trước ngày áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế; không thực hiện điều chỉnh lại số thuế GTGT đã nộp của giai đoạn tính thuế GTGT trực tiếp trên GTGT (*CV số 516 TCT/ĐTN ngày 21/02/2005*).

80. Nhà thầu nước ngoài nộp thuế GTGT tại Việt Nam: Nếu nhà thầu nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam thì phải nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Được biết, giá trị gia tăng của từng ngành nghề được quy định theo tỷ lệ phần trăm doanh thu tính thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài (*CV số 514 TCT/DNNN ngày 21/02/2005*).

81. Hoàn thuế GTGT: Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn về việc hoàn trả các khoản thu đã nộp vào Ngân sách Nhà nước. Theo đó, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được cơ quan tài chính hoàn trả các khoản thu đã nộp vào Ngân sách Nhà nước khi khoản thu đó đã được cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan các tỉnh, thành phố kiểm tra, xem xét, có quyết định hoàn trả và công văn đề nghị hoàn trả gửi cơ quan tài chính.

Việc hoàn trả thuế GTGT, kể cả thuế GTGT đơn vị nộp nhầm, nộp thừa, sẽ được thực hiện hoàn trả từ quỹ hoàn thuế GTGT (*CV số 489 TCT/DNNN ngày 15/02/2005*).

82. Sẽ bị xử lý về thuế trong trường hợp đại lý bán sai giá: Nếu đại lý nhận làm đại lý bán đúng giá cho một nhà sản xuất nhưng bán sai giá quy định thì đại lý sẽ bị phạt vi phạm hành chính về thuế. Ngoài ra đại lý sẽ bị xử lý như sau: (i) nếu bán hàng cao hơn mức giá quy định thì phải kê khai, nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo giá bán ghi trên hóa đơn; (ii) nếu bán hàng thấp hơn mức giá quy định thì đại lý phải kê khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo giá đã quy định (*CV số 485 TCT/PCCS ngày 07/02/2005*).

83. Được khấu trừ thuế GTGT đối với chi phí mua nguyên liệu gia công hộ bên nước ngoài: Doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với chi phí mua nguyên liệu, phụ liệu theo hợp đồng của bên nước ngoài giao gia công. Để được khấu trừ thuế, doanh nghiệp hạch toán toàn bộ tiền mua hộ nguyên vật liệu do phía nước ngoài thanh toán vào doanh thu gia công, đồng thời hạch toán vào chi phí giá mua không bao gồm thuế GTGT và phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp đối với các loại hàng này (*CV số 473 TCT/ĐTN ngày 04/2/2005*).

84. Khấu trừ, hoàn thuế GTGT: Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, song khi bán hàng đã tính và thu thuế GTGT của khách hàng thì cơ sở đó phải nộp toàn bộ số thuế GTGT đã thu được này vào Ngân sách Nhà nước. Đồng thời không được kê khai khấu trừ và không được hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, mà phải tính vào nguyên giá tài sản cố định, giá trị nguyên vật liệu hoặc chi phí kinh doanh (*CV số 467 TCT/ĐTN ngày 04/02/2005*).

85. Không thanh toán qua ngân hàng cũng có thể được hoàn thuế: Hàng hóa xuất khẩu phải thanh toán qua ngân hàng mới được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Tuy nhiên, trường hợp bên nước ngoài dùng tiền từ một dự án do chính bên nước ngoài đó đầu tư tại Việt Nam để trừ vào khoản tiền còn thiếu thì doanh nghiệp xuất khẩu vẫn được hoàn thuế với phần tiền hàng này (*CV số 438 TCT/DNNN ngày 02/02/2005*).

86. Hoàn thuế GTGT trong trường hợp giảm thuế nhập khẩu: Nếu doanh nghiệp được giảm thuế nhập khẩu dẫn đến thuế GTGT phải nộp ít hơn số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu thì số thuế GTGT nộp thừa sẽ được hoàn trả hoặc khấu trừ vào số thuế chưa nộp. Doanh nghiệp trong trường hợp này phải hạch toán tăng thu nhập chịu thuế TNDN của năm được hoàn trả đúng bằng số thuế GTGT nộp thừa đã được khấu trừ hoặc hoàn trả (*CV số 436 TCT/ĐTN ngày 02/02/2005*).

87. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất trước 01/01/2004 được áp dụng thuế GTGT 5%: Doanh nghiệp chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng theo hợp đồng đã ký với mức thuế GTGT 5%, đã thu tiền của người mua tối thiểu là 30% giá trị hợp đồng trước ngày 01/01/2004 thì sau ngày 01/01/2004 vẫn được áp

dụng thuế suất thuế GTGT 5% cho các hợp đồng này. Được biết, mức thuế suất thuế GTGT đang áp dụng hiện nay là 10% (**CV số 428 TCT/DNNN ngày 02/02/2005**).

88. **Truy thu thuế nếu ghi giá trên hóa đơn thấp hơn giá thực tế:** Doanh nghiệp bán xe hai bánh gắn máy ghi giá trên hóa đơn thấp hơn giá bán thực tế thì sẽ bị truy thu thuế GTGT, thuế TNDN theo giá tính lệ phí trước bạ. Tuy nhiên, nếu người mua không phải là người tiêu dùng thì không bị áp dụng quy định này (**CV số 392 TCT/DNK ngày 31/01/2005**).

89. **Hoàn thuế cho dự án ODA:** Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA thì, các bên liên danh thành lập ra ban điều hành liên danh, Ban điều hành thực hiện hạch toán kế toán, có tài khoản tại ngân hàng, chịu trách nhiệm phát hành hoá đơn và thanh toán từ chủ dự án thì cơ quan thuế cấp mã số thuế cho Ban điều hành dự án để được hoàn thuế GTGT. Các bên tham gia liên danh phát hành hoá đơn có thuế GTGT khi nhận được thanh toán từ Ban điều hành.

Nếu Ban điều hành tính thuế GTGT đầu ra và được chủ dự án thanh toán thuế GTGT thì Ban điều hành dự án thực hiện kê khai nộp thuế GTGT và khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định, Ban điều hành không được hoàn thuế GTGT đầu vào; Nếu Ban điều hành không được chủ dự án thanh toán thuế GTGT thì Ban điều hành hoàn thuế GTGT (**CV số 376 TCT/DNNN ngày 27/01/2005**).

90. **Khấu trừ thuế GTGT đầu vào:** Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT. Trường hợp hàng hoá, dịch vụ sử dụng chung cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT nhưng cơ sở không hạch toán riêng được thuế đầu vào được khấu trừ, thì thuế đầu vào được tính khấu trừ theo tỷ lệ % doanh số của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Dựa theo quy định trên, nếu doanh nghiệp chỉ hạch toán được riêng doanh thu hàng hoá chịu thuế và hàng hoá không chịu thuế, thuế GTGT đầu vào tương ứng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ sẽ xác định theo kết quả hạch toán riêng. Đối với thuế GTGT đầu vào liên quan đến chi phí quản lý chung, doanh nghiệp không hạch toán được riêng thì tính phân bổ theo tỷ lệ % trên doanh thu chịu thuế và không chịu thuế GTGT để xác định số thuế GTGT đầu vào liên quan đến chi phí quản lý được khấu trừ (**CV số 334 TCT/DNK ngày 24/01/2005**).

91. **Thuế hoạt động xây dựng nhà tư nhân:** Căn cứ theo những quy định hiện hành thì, đối tượng nộp thuế GTGT và thuế TNDN là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ. Trường hợp cơ quan thuế đã lập biên bản tính thuế áp dụng biện pháp chủ hộ nộp thay cho chủ thầu xây dựng thì phối hợp với cơ quan chức năng liên quan và chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kiên quyết, nhằm thu đủ thuế theo luật định; Trong trường hợp chủ nhà tự nguyện nộp thay thuế cho chủ thầu xây dựng, thì cơ quan thuế thực hiện thu đủ số thuế của chủ thầu xây dựng do chủ nhà nộp thay (**CV số 278 TCT/DNK ngày 20/01/2005**).

92. **Chính sách thuế:** Liên quan đến chính sách thuế, phí đối với đơn vị sự nghiệp có thu, theo các hướng dẫn của Bộ Tài chính thì đơn vị sự nghiệp có thu trực tiếp thu tiền của tổ chức, cá nhân có nhu cầu đo đạc để thực hiện dịch vụ đo đạc bản đồ địa chính, kiểm tra, nghiệm thu bản đồ địa chính, thống kê, kiểm kê đất đai, cập nhật thông tin, phải kê khai và nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định. Đối với hoạt động không thuộc diện chịu thuế GTGT thì phải sử dụng hoá đơn GTGT, trên hoá đơn GTGT chỉ ghi dòng bán giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

Trường hợp đơn vị có sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT phát sinh không thường xuyên thì được cơ quan thuế cung cấp hoá đơn lẻ để sử dụng cho từng trường hợp (**CV số 211 TCT/PCCS ngày 17/01/2005**).

93. **Khấu trừ thuế:** Thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho. Trường hợp hoá đơn GTGT hoặc chứng từ nộp thuế đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào phát sinh trong tháng nhưng chưa kê khai kịp trong tháng thì được kê khai khấu trừ vào các tháng tiếp sau, trong thời gian tối đa là 03 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Nếu sau khi đã kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng trong 03 tháng liên tục trở lên vẫn có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết thì mới được hoàn thuế GTGT (**CV số 124 TCT/PCCS ngày 12/01/2005**).

94. **Thuế đ/v tổ chức nước ngoài:** Ngày 11/01/2005, Bộ Tài chính ban hành TT số 05/2005/TT-BTC, hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam phải thực hiện các nghĩa vụ về thuế GTGT - đối với hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT; thuế TTĐB - đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB; thuế TNDN - đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, thu nhập phát sinh tại Việt Nam; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu - đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; và thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao - áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của các cá nhân làm việc cho nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài hoặc cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam nhưng không có chứng từ chứng minh là cá nhân được phép hành nghề độc lập (**TT số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005**).

95. Hoàn thuế xuất khẩu: Để được hoàn thuế GTGT trường hợp gia công hàng xuất khẩu, theo Luật thuế GTGT thì, hàng hoá gia công xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% phải có đủ hồ sơ, chứng từ chứng minh là hàng thực tế đã xuất khẩu, gồm: Hợp đồng gia công hàng hoá xuất khẩu ký với nước ngoài; Hoá đơn GTGT xuất trả hàng gia công cho nước ngoài; Chứng từ thanh toán tiền hoặc chứng từ xác nhận thanh toán của khách hàng nước ngoài; Tờ khai hải quan về hàng xuất khẩu có xác nhận hàng đã xuất khẩu của cơ quan hải quan (**CV số 29 TCT/DNK ngày 05/01/2005**).
96. Hàng hóa giao dịch ngoài Việt Nam không phải chịu thuế GTGT tại Việt Nam: Doanh nghiệp Việt Nam sẽ không phải chịu thuế GTGT tại Việt Nam đối với các giao dịch mua bán hàng hóa hoàn toàn thực hiện ở nước ngoài. Tuy nhiên, trong trường hợp này, doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế TNDN đối với phần lợi nhuận thu được từ giao dịch thực hiện ở nước ngoài (**CV số 4322 TCT/DNK ngày 28/12/2004**).

Thuế suất

1. Dịch vụ sử dụng và sửa chữa xe cầu chuyên dùng chịu thuế GTGT 5%: Hoạt động sử dụng xe cầu chuyên dùng để vận chuyển, cầu, bốc xếp hàng hóa và dịch vụ sửa chữa các thiết bị của xe cầu chuyên dùng chịu thuế suất thuế GTGT 5%. (**CV số 1543 TCT/DNK ngày 24/5/2005**).
2. Dịch vụ lai dắt phương tiện vận tải quốc tế không phải chịu thuế GTGT: Hoạt động lai dắt các phương tiện tham gia vận tải quốc tế được coi là dịch vụ cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, dịch vụ lai dắt cho các phương tiện vận tải nội địa lại phải chịu thuế GTGT với thuế suất 5%. (**CV số 1522 TCT/DNK ngày 23/5/2005**).
3. Dịch vụ khoa học, công nghệ có thuế suất thuế GTGT 5%: Các dịch vụ khoa học, kỹ thuật, công nghệ như: xử lý số liệu, viết báo cáo đánh giá tác động môi trường v.v.. có thuế suất thuế GTGT là 5%. (**CV số 1453 TCT/DNNN ngày 17/5/2005**).
4. Quảng cáo tại các buổi biểu diễn nghệ thuật có thuế GTGT 10%: Hoạt động tổ chức biểu diễn văn hóa, nghệ thuật không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, hoạt động quảng cáo tại các buổi biểu diễn nghệ thuật lại có thuế GTGT là 10% (**CV số 1438 TCT/PCCS ngày 13/5/2005**).
5. Thuế đối với dịch vụ công cộng và dịch vụ vệ sinh kinh doanh là khác nhau: Dịch vụ vệ sinh công cộng như thu dọn, xử lý rác thải, thoát nước v.v.. không phân biệt nguồn kinh phí chi trả đều thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nhưng dịch vụ vệ sinh mang tính chất kinh doanh thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10% (**CV số 1326 TCT/DNNN ngày 06/5/2005**).
6. Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải đến bãi rác không chịu thuế GTGT: Dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải đến bãi rác thuộc diện không chịu thuế GTGT. (**CV số 1266 TCT/PCCS ngày 29/4/2005**).
7. Hoạt động cứu hộ áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%: Hoạt động thường trực, điều tiết, cứu hộ, cứu nạn chống va trôi mùa mưa bão áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%. (**CV 1256 TCT/PCCS ngày 28/4/2005**).
8. Thuế vận chuyển hành khách: Luật thuế GTGT qui định, việc vận chuyển hành khách đi từ khu cách ly ga quốc tế đến chân máy bay và ngược lại, bán vé phục vụ ăn uống, giải trí tự chọn tại khu cách ly ga đi quốc tế là dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam nên thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.
Thuế suất thuế GTGT sẽ là 5% đối với hoạt động vận chuyển hành khách, và 10% đối với dịch vụ ăn uống, kinh doanh giải trí. (**CV số 1178 TCT/DNNN ngày 21/4/2005**).
9. Áp dụng thống nhất thuế suất thuế GTGT theo biểu thuế NK ưu đãi ở tất cả các khâu: Thuế suất thuế GTGT theo danh mục Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi được áp dụng thống nhất đối với hàng nhập khẩu từ khâu nhập khẩu đến khâu tiêu thụ nội địa. Ngoài ra, mức thuế suất này cũng được sử dụng để xác định mức thuế suất của hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước. (**CV số 1142 TCT/PCCS ngày 19/4/2005**).
10. Du lịch quốc tế không được coi là dịch vụ xuất khẩu: Dịch vụ xuất khẩu nói chung được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Theo CV số 1108 TCT/PCCS ngày 14/4/2005, du lịch quốc tế không được coi là dịch vụ xuất khẩu nên không được áp dụng mức thuế suất ưu đãi này mà phải áp dụng mức thuế suất thông thường là 10% (**CV số 1108 TCT/PCCS ngày 14/4/2005**).
11. Chính sách thuế GTGT: Nếu một cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế GTGT khác nhau thì phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất qui định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ;
Nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ bán ra (**CV số 909 TCT/DNK ngày 29/3/2005**).
12. Thuế dịch vụ giao nhân: Theo Luật định, các hãng vận tải nước ngoài phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN đối với khoản phí lưu container, phí chứng từ thu được của các khách hàng tại Việt Nam. Các công ty Việt Nam làm đại lý cho các hãng vận tải nước ngoài thu hộ các khoản phí dịch vụ nêu trên phải thực hiện khấu trừ thuế GTGT với mức thuế suất thuế GTGT 10%. Tỷ lệ % GTGT tính trên doanh thu chịu thuế là 50% và thuế TNDN với tỷ lệ % trên doanh thu chịu thuế là 5%.

Khi xuất hoá đơn cho các khách hàng, các đại lý Việt Nam phải ghi rõ trên hoá đơn là tiền thu hộ hãng vận tải nước ngoài; Dòng thuế GTGT ghi đúng số thuế GTGT đại lý Việt Nam khấu trừ và nộp thay cho hãng vận tải

nước ngoài; Dòng cộng tiền hàng ghi giá trị dịch vụ thanh toán cho hãng vận tải nước ngoài đã trừ thuế GTGT; Dòng thuế suất thuế GTGT không ghi và gạch chéo (*CV số 828 TCT/ĐTN ngày 23/3/2005*).

13. **Phải lập hóa đơn GTGT khi góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất:** Khi góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất, bên góp vốn phải lập hóa đơn GTGT, trong đó, dòng tổng giá trị thanh toán ghi giá trị vốn góp liên doanh, dòng thuế suất gạch chéo, đồng thời ghi trên hóa đơn là tiền sử dụng đất góp vốn liên doanh không chịu thuế GTGT. (*CV số 747 TCT/DNN ngày 15/3/2005*).
14. **Thuế hàng hoá luân chuyển nội bộ:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất điều chuyển hàng hoá cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng ở khác địa phương, để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau; xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở kinh doanh... thì cơ sở có thể sử dụng hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau; hoặc sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ do Bộ Tài chính phát hành kèm theo lệnh điều động nội bộ đối với hàng hoá điều chuyển nội bộ.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện một trong hai cách sử dụng hoá đơn, chứng từ nêu trên. Trước khi thực hiện phải đăng ký với cơ quan thuế trực tiếp quản lý. (*CV số 719 TCT/DNN ngày 14/3/2005*).
15. **Sử dụng chứng từ in từ máy vi tính:** Trường hợp các ngân hàng sử dụng chứng từ thanh toán thu phí dịch vụ ngân hàng in bằng máy vi tính nếu đã bổ sung thêm mã số thuế, số tiền dịch vụ, thuế GTGT và tổng số tiền thanh toán, ký hiệu, số chứng từ, chữ ký và đóng dấu theo qui định cũng được coi là hoá đơn GTGT.

Các ngân hàng sử dụng chứng từ theo đúng nội dung qui định nêu trên thì không phải làm thủ tục đăng ký số lượng sử dụng với cơ quan thuế địa phương. (*CV số 695 TCT/PCCS ngày 11/3/2005*).
16. **Mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn GTGT có thể bị truy cứu TNHS:** Mua bán bất hợp pháp hóa đơn bán hàng để kê khống nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc để được miễn giảm thuế TNDN sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Ngoài ra, hành vi mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn GTGT sẽ bị truy cứu TNHS. (*CV số 635 TCT/TT ngày 08/3/2005*).
17. **Sử dụng hoá đơn:** (i) Đối với doanh nghiệp cổ phần hoá – Các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hoá, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, hình thức sở hữu, xin được sử dụng tiếp hoá đơn đã tự in trong thời gian đầu để giải quyết thủ tục về việc cấp mã số thuế và tránh lãng phí, thì cơ quan thuế có thể giải quyết cho doanh nghiệp tiếp tục sử dụng số lượng hoá đơn còn tồn đọng nhưng phải đóng dấu tên doanh nghiệp và mã số thuế mới lên trên hoá đơn. Số lượng hoá đơn còn tồn tại phải được kiểm kê, sau đó đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng số lượng hoá đơn này.

Nếu doanh nghiệp sử dụng hoá đơn tự in (mẫu duyệt từ/1998) cho các hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT. Nhưng nay do thay đổi chính sách, hàng hoá, dịch vụ đó thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì không được phép sử dụng tiếp mẫu hoá đơn bán hàng đã được duyệt đó. (*CV số 619 TCT/PCCS ngày 04/3/2005*).
- (ii) Đối với cá nhân, đơn vị sự nghiệp không có đăng ký kinh doanh, nhưng có phát sinh không thường xuyên doanh thu sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, có nhu cầu sử dụng hoá đơn thì phải có hợp đồng cung cấp hàng hoá, dịch vụ. Căn cứ vào hợp đồng, cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ và được lập tại Chi cục Thuế theo từng số. Người bán hàng hoá dịch vụ được nhận liên 1, 2; chữ ký của khách hàng được ký trực tiếp trên liên 1,2 của hoá đơn, liên 3 của hoá đơn do cơ quan thuế - nơi cấp hoá đơn quản lý, lưu trữ.

Cá nhân, đơn vị hành chính sự nghiệp được cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ là đối tượng có không có ĐKKD, không được cấp mã số thuế. Để phân biệt giữa hoá đơn cấp lẻ và hoá đơn của các đơn vị, tổ chức, cá nhân có ĐKKD và có mã số thuế, Chi cục thuế nơi cấp hoá đơn lẻ phải đóng dấu của Chi cục Thuế vào phí trên, bên trái của hoá đơn cấp lẻ cho các đối tượng nộp thuế. (*CV số 610 TCT/DNK ngày 04/3/2005*).
18. **Thuế dịch vụ sửa chữa:** Dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam là dịch vụ phục vụ trực tiếp cho vận tải quốc tế, thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đối với các trường hợp các đơn vị cung ứng dịch vụ sửa chữa phương tiện vận tải quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam trước đây đã áp dụng thuế suất 5%, các đơn vị này đã kê khai nộp thuế GTGT đầu ra theo thuế suất 5% và thực hiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo qui định thì không xử lý truy hoàn hoặc truy thu thuế GTGT (*CV số 556 TCT/DNN ngày 25/02/2005*).
19. **Phải nộp thuế GTGT nếu kinh doanh giống vật nuôi, cây trồng không có giấy ĐKKD:** Sản phẩm giống vật nuôi, giống cây trồng chỉ thuộc đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT nếu doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm này có giấy ĐKKD giống vật nuôi, giống cây trồng. Do đó, theo CV số 470 TCT/DNN ngày 04/02/2005 của TCT, nếu doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm này không có giấy ĐKKD thì toàn bộ doanh thu thu được phải chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5% (*CV số 470 TCT/DNN ngày 04/02/2005*).
20. **Thuế suất của hoạt động sản xuất và sửa chữa khuôn đúc là khác nhau:** Theo CV số 468 TCT/ĐTN ngày 04/02/2005 của TCT, mặc dù hoạt động sản xuất, kinh doanh khuôn đúc các loại có thuế suất thuế GTGT 5% nhưng hoạt động sửa chữa, bảo hành các loại khuôn đúc này phải chịu thuế suất thuế GTGT 10% (*CV số 468 TCT/ĐTN ngày 04/02/2005*).
21. **Có thể được áp dụng thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu vượt mức:** Nếu doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa vượt mức hợp đồng ký ban đầu nhưng sau đó đã bổ sung phụ kiện hợp đồng phù hợp với phần xuất vượt mức

và có đầy đủ hóa đơn chứng từ khác thì phần doanh số xuất khẩu vượt mức vẫn được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% (**CV số 442 TCT/DNN ngày 02/02/2005**).

22. **Thuế suất thuế GTGT của chè sơ chế và chè thành phẩm là khác nhau:** Các loại chè tươi như chè búp, chè lá chưa chế biến hoặc chỉ sơ chế sẽ được áp dụng thuế suất thuế GTGT 5%. Tuy nhiên, các sản phẩm chè đã được chế biến sẽ có mức thuế suất cao hơn là 10% (**CV số 440 TCT/DNK ngày 02/02/2005**).
23. **Không áp dụng thuế GTGT 5% với các sản phẩm không là nguyên liệu sản xuất thuốc:** Thuế GTGT 5% được áp dụng đối với các sản phẩm thuộc danh mục dược liệu làm nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, phòng bệnh; các sản phẩm dược liệu không thuộc danh mục trên phải áp dụng thuế suất thuế GTGT 10% (**CV số 437 TCT/DNK ngày 02/02/2005**).
24. **Có thể áp dụng thuế GTGT 0% khi điều chỉnh giá gia công hàng xuất khẩu:** Doanh nghiệp gia công xuất khẩu điều chỉnh giá gia công nhưng không phát sinh chi phí, không ảnh hưởng đến thuế GTGT đầu vào, phù hợp với biến động thị trường và có biên bản thỏa thuận với phía nước ngoài về việc điều chỉnh đơn giá gia công thì có thể được áp dụng thuế GTGT 0% đối với giá gia công đã điều chỉnh (**CV số 413 TCT/ĐTN ngày 01/02/2005**).
25. **Thuế hàng xuất khẩu sang Campuchia:** Bộ Tài chính ra Thông tư 06/2005/TT-BTC ngày 14/01/2005, hướng dẫn việc áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu sang Campuchia thu ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt.

Thông tư này áp dụng cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh có hàng hoá xuất khẩu sang Campuchia, nộp thuế tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi cơ sở sản xuất, kinh doanh đặt trụ sở cho phép thu tiền bán hàng hoá, dịch vụ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi tiền mặt được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào và được xét hoàn lại thuế xuất khẩu (**TT số 06/2005/TT-BTC ngày 14/01/2005**).
26. **Thuế suất thuế GTGT:** Theo qui định của Bộ Tài chính thì thuế suất thuế GTGT 0% được áp dụng đối với dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân.

Trong đó, dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ được cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam nếu có đủ điều kiện: cơ sở cung cấp dịch vụ phải có hợp đồng ký với người mua ở nước ngoài theo qui định của Luật Thương mại, người mua nước ngoài thanh toán tiền dịch vụ cho cơ sở cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Dựa theo những qui định trên thì, nếu một công ty có cho doanh nghiệp chế xuất thuê đất để xây dựng nhà ở tập thể cho công nhân làm việc tại doanh nghiệp chế xuất thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% như trên (**CV số 170 TCT/PCCS ngày 13/01/2005**).
27. **Thuế dịch vụ bảo hiểm:** Theo qui định của Bộ Tài chính, dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ đã được cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài và được tiêu dùng ngoài lãnh thổ Việt Nam, thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0%. Theo đó, một công ty bảo hiểm cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho một công ty nước ngoài hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam thì dịch vụ bảo hiểm cung cấp cho công ty nước ngoài đó là dịch vụ xuất khẩu và thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% (**CV số 136 TCT/ĐTN ngày 12/01/2005**).
28. **Thuế GTGT đối với hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng:** Kể từ ngày 01/01/2004, hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng bị áp dụng mức thuế GTGT là 10% thay vì mức thuế suất 5% như trước đây. Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp đã ký hợp đồng cho thuê với mức thuế 5% và đã thu một phần tiền trước ngày 01/01/2004 thì doanh nghiệp được tiếp tục áp dụng mức thuế suất 5% (**CV số 4374 TCT/PCCS ngày 30/12/2004**).
29. **Thuế GTGT DV cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất:** Trường hợp doanh nghiệp vừa cung cấp hàng hóa vừa cung cấp dịch vụ sửa chữa liên quan đến hàng hóa đã cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất thì doanh nghiệp sẽ được áp dụng chung mức thuế GTGT là 0% cho cả hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp (**CV số 4307 TCT/ĐTN ngày 24/12/2004**).

Hoá đơn chứng từ

1. **Xử lý hóa đơn viết sai thuế suất:** Nếu doanh nghiệp viết sai thuế suất thuế GTGT trên hóa đơn và tự phát hiện việc viết sai thuế suất sau khi đã giao liên 2 cho khách hàng thì hai bên phải lập biên bản hủy hóa đơn, có chữ ký, đóng dấu của người đứng đầu doanh nghiệp, sau đó lập hóa đơn mới ghi đúng thuế suất để thay thế hóa đơn hủy bỏ. Doanh nghiệp bán hàng phải lưu đủ các liên của hóa đơn viết sai thuế suất tại quyển hóa đơn và điều chỉnh lại số thuế GTGT phải nộp. (**CV số 1909 TCT/PCCS ngày 17/6/2005**).
2. **Xử lý hoá đơn không:** Khi một doanh nghiệp bán hàng bị kiểm tra, thấy không có hàng hoá như theo hoá đơn, nhưng doanh nghiệp mua vẫn có nhận hàng hoá thì đó là dấu hiệu hai bên không mua, bán hàng hoá mà mua bán hoá đơn để hợp pháp hoá hàng trôi nổi, trốn thuế. Trường hợp này sẽ bị lập hồ sơ và truy cứu trách nhiệm về hành vi mua bán và sử dụng trái phép hoá đơn GTGT. Trước mắt, những hàng hoá này do không hợp pháp, không được khấu trừ thuế GTGT, không được tính vào chi phí hợp lý và bị xử phạt vi phạm theo qui định. (**CV số 1907 TCT/PCCS ngày 17/6/2005**).

3. Sử dụng phiếu xuất kho hàng gửi bán để làm chứng từ lưu thông hàng hoá trên đường: Khi chuyển hàng hoá từ kho trạm trung chuyển tới các đại lý bán hàng, doanh nghiệp sử dụng phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý để làm chứng từ lưu thông hàng hoá trên đường. **(CV số 1906 TCT/PCCS ngày 17/6/2005).**

4. Lập bảng kê theo mẫu khi mua hàng của cá nhân không kinh doanh, không có hoá đơn: Khi mua hàng của cá nhân không kinh doanh, không có hoá đơn, doanh nghiệp được lập bảng kê theo mẫu quy định trên cơ sở chứng từ thanh toán của người bán hàng để làm căn cứ khi tính thuế TNDN. **(CV số 1904 TCT/PCCS ngày 17/6/2005).**

5. Số lượng hoá đơn bán cho doanh nghiệp: Trả lời thắc mắc cho doanh nghiệp về việc phòng ấn chỉ bán hoá đơn căn cứ theo số lượng sử dụng của tháng trước, theo Tổng cục Thuế thì, số lượng hoá đơn cơ quan thuế bán lần sau tối đa không quá số lượng hoá đơn sử dụng tháng trước liền kề. Khi sử dụng hết số hoá đơn đã mua, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng tiếp thì được cơ quan thuế bán hoá đơn kịp thời.

Quy định số lượng hoá đơn được mua mỗi lần nhằm hạn chế các doanh nghiệp mua nhiều hoá đơn rồi bỏ trốn, mua bán hoá đơn. **(CV số 1880 TCT/PCCS ngày 16/6/2005).**

6. Hoá đơn giảm giá: Hàng hoá, dịch vụ có giảm giá thì trên hoá đơn phải ghi rõ tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT, thuế GTGT, tổng giá thanh toán chưa có thuế GTGT.

Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hoá, dịch vụ thực tế mua đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hoá đã bán được tính điều chỉnh trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau. Trên hoá đơn phải ghi rõ số hoá đơn và số tiền được giảm giá. **(CV số 1864 TCT/PCCS ngày 15/6/2005).**

7. Lập lại hoá đơn thuế GTGT: Cơ sở kinh doanh đã xuất bán, cung ứng hàng hoá, dịch vụ và lập hoá đơn, nhưng do hàng hoá, dịch vụ không đảm bảo chất lượng, qui cách, dẫn đến phải điều chỉnh giá bán. Khi đó, bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, qui cách hàng hoá, mức giá tăng/giảm theo hoá đơn bán hàn, lý do tăng/giảm giá, đồng thời bên bán lập hoá đơn để điều chỉnh mức giá được điều chỉnh.

Trên hoá đơn, ghi rõ điều chỉnh giá cho hàng hoá, dịch vụ tại hoá đơn số, ký hiệu.... Căn cứ vào hoá đơn điều chỉnh giá, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh số mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào. **(CV số 1817 TCT/DNK ngày 13/6/2005).**

8. Hoá đơn, chứng từ mua hàng: Hàng hoá không phân biệt là hàng hoá sản xuất trong nước hay hàng hoá nhập khẩu của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, đang vận chuyển, đang bày bán, đã bán hay đang trong kho đều phải có hoá đơn, chứng từ kèm theo để chứng minh nguồn gốc hàng hoá là hợp pháp (ngay tại thời điểm cơ quan quản lý thị trường kiểm tra).

Nếu người mua không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của lô hàng thì sẽ bị xử lý truy thu thuế GTGT, thuế TNDN. Tuy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt từ 01 – 05 lần thuế GTGT, thuế TNDN theo luật định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế. **(CV số 1738 TCT/DNK ngày 07/6/2005).**

9. Có thể bị XPVPHC về hành vi trốn thuế khi khai man chứng từ kế toán: Theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán thì hành vi ghi lùi ngày trên hóa đơn bị xử phạt theo hành vi khai man chứng từ kế toán; ghi nhảy cóc hóa đơn bị xử phạt cảnh cáo. Ngoài ra, doanh nghiệp còn bị xử lý phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế nếu việc ghi lùi ngày trên hóa đơn, ghi nhảy cóc hóa đơn dẫn đến khai man, trốn thuế. **(CV số 1665 TCT/PCCS ngày 01/6/2005).**

10. Lập lại hoá đơn: Trong trường hợp, hoá đơn bên bán hàng xuất cho bên mua hàng đã được xé rời khỏi quyển, nhưng sau đó bên mua phát hiện bên bán ghi sai mã số thuế của bên mua, thì 2 bên phải thực hiện lập biên bản thu hồi hoá đơn đã ghi sai mã số thuế; đồng thời gạch chéo trên hoá đơn ghi sai mã số thuế và lập hoá đơn khác thay thế cho hoá đơn ghi sai đó, và ghi rõ hoá đơn mới lập này thay thế cho hoá đơn nào. **(CV số 1640 TCT/DNK ngày 31/5/2005).**

11. Thu hồi, đổi sản phẩm lỗi thời: Khi một doanh nghiệp thu hồi một số sản phẩm mẫu cũ do doanh nghiệp đã xuất bán thì bên mua và bên bán phải lập biên bản hoặc thoả thuận bằng văn bản ghi rõ lý do trả lại, loại hàng hoá, số lượng, giá trị hàng thu hồi theo các hoá đơn doanh nghiệp đã xuất bán cho các đối tượng.

Đối với sản phẩm thu hồi về phải giảm trừ doanh thu và giảm trừ chi phí giá vốn hàng bán. **(CV số 1615 TCT/ĐTN ngày 30/5/2005).**

12. Hoá đơn chung cho hàng miễn thuế chỉ áp dụng trên chuyến bay quốc tế xuất cảnh: Việc lập hoá đơn chung cho loại hình bán hàng miễn thuế hiện nay chỉ được áp dụng cho hàng miễn thuế bán trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh. **(CV số 2039/TCHQ-GSQL ngày 26/5/2005).**

13. Hoá đơn hàng khuyến mại: Theo Luật định, đối với sản phẩm, hàng hoá xuất dùng để khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT thì cơ sở phải sử dụng hoá đơn GTGT. Trên hoá đơn GTGT đó phải gạch bỏ dòng thuế suất và tiền thuế GTGT, chỉ ghi dòng giá thanh toán là giá thành hoặc giá vốn của hàng hoá, đồng thời ghi rõ là hàng khuyến mại, quảng cáo không thu tiền. **(CV số 1551 TCT/PCCS ngày 24/5/2005).**

14. Được khấu trừ thuế GTGT đối với hóa đơn đầu vào giao chậm: Doanh nghiệp có thể được khấu trừ thuế GTGT của hóa đơn đầu vào giao chậm nếu bên giao có văn bản xác nhận lý do, bên bán có hạch toán doanh thu và thuế GTGT của các hóa đơn này. Tuy nhiên, hai bên sẽ bị xử phạt về việc lập giao hóa đơn bán hàng. **(CV số 1524 TCT/DNK ngày 23/5/2005).**
15. Không được đóng dấu sẵn vào chỉ tiêu "Thủ trưởng đơn vị" trên hóa đơn: Doanh nghiệp không được đóng dấu sẵn vào chỉ tiêu "Thủ trưởng đơn vị" trên hóa đơn chưa sử dụng. Vi phạm điều này, doanh nghiệp sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán với hình thức cảnh cáo. **(CV số 1436 TCT/PCCS ngày 13/5/2005).**
16. Mua bán, sử dụng hóa đơn trái phép có thể bị xử lý về hình sự: Doanh nghiệp có thể bị xử lý về hình sự nếu có hành vi mua bán, sử dụng trái phép các loại hóa đơn không hợp pháp như hóa đơn của các doanh nghiệp đã có thông báo bỏ trốn, hóa đơn bị mất đã có thông báo không còn giá trị v.v.. **(CV số 1414 TCT/PCCS ngày 12/5/2005).**
17. Cần xuất hóa đơn khi phân chia sản phẩm theo hợp đồng liên doanh: Khi phân chia sản phẩm nhập khẩu theo hợp đồng liên doanh, doanh nghiệp giao hàng cần xuất hóa đơn cho doanh nghiệp nhận hàng để làm chứng từ hạch toán kế toán, kê khai thuế. Trong trường hợp hóa đơn được xuất sau 03 tháng kể ngày đã giao đủ sản phẩm, doanh nghiệp nhận hàng sẽ không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào còn doanh nghiệp giao hàng sẽ bị xử phạt VPHC trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ. **(CV số 1389 TCT/DNK ngày 11/5/2005).**
18. Xử lý đối với trường hợp bên mua hàng làm mất bản gốc liên 2 hóa đơn: Trong trường hợp bên mua hàng làm mất bản gốc liên 2 hóa đơn do hoàn cảnh khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, bị mất cắp v.v.. thì phải lập hồ sơ mất hóa đơn gồm các giấy tờ sau đây để gửi cơ quan thuế: (i) CV về việc mất hóa đơn; (ii) biên bản mất hóa đơn mua hàng có xác nhận của cơ quan thuế hoặc cơ quan công an; (iii) bản sao hóa đơn liên 1 có xác nhận ký tên, đóng dấu của bên bán hàng. Doanh nghiệp được sử dụng hồ sơ nêu trên làm chứng từ khấu trừ thuế GTGT đầu vào sau khi nộp đủ số tiền phạt vi phạm hành chính về hành vi làm mất hóa đơn. **(CV số 1342 TCT/PCCS ngày 09/5/2005).**
19. Chữ ký và đóng dấu trên hoá đơn: Trường hợp một doanh nghiệp sử dụng nhiều hoá đơn, thì giám đốc công ty có thể uỷ quyền cho nhân viên bán hàng ký hoá đơn khi lập, giao hoá đơn cho khách hàng.

Việc uỷ quyền hoá đơn phải có QĐ của thủ trưởng đơn vị và hoá đơn này được đóng dấu vào góc trên, bên trái của liên 2 hoá đơn. **(CV số 1328 TCT/PCCS ngày 06/5/2005).**
20. Không xuất hoá đơn GTGT đối với phần vốn góp của bên nước ngoài: Doanh nghiệp không xuất hoá đơn GTGT cho phần vốn góp của đối tác nước ngoài trong HĐHTKD vì vốn góp không được coi là doanh thu. Nếu đã xuất hoá đơn và kê khai, nộp thuế đối với phần vốn góp đó thì sẽ phải điều chỉnh giảm doanh thu tương ứng với phần vốn góp. Số thuế nộp thừa sẽ được bù trừ vào số thuế mà doanh nghiệp phải nộp. **(CV số 1327 TCT/DNK ngày 06/5/2005).**
21. Bị xử phạt nếu tự ý in thừa hóa đơn tự in: Doanh nghiệp phải đăng ký việc tự in hóa đơn với cơ quan thuế có thẩm quyền và chỉ được in và sử dụng trong phạm vi đã đăng ký. Nếu doanh nghiệp in thừa hóa đơn so với số lượng đã đăng ký thì sẽ bị thu hồi số hóa đơn in thừa chưa sử dụng, đồng thời sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. **(CV số 1322 TCT/PCCS ngày 06/5/2005).**
22. Phải lập hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã thu hồi nếu khách hàng đề nghị: Doanh nghiệp kinh doanh mặt hàng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, nhưng đã tính thuế GTGT và lập hóa đơn GTGT giao cho khách hàng thì chỉ phải thu hồi hóa đơn đã giao cho khách hàng (kèm theo biên bản ghi rõ lý do thu hồi hóa đơn) và lập hóa đơn mới thay thế hóa đơn đã thu hồi nếu khách hàng đề nghị điều chỉnh hóa đơn. Trường hợp khách hàng không yêu cầu điều chỉnh hóa đơn thì doanh nghiệp không phải điều chỉnh lại hóa đơn. **(CV số 1302 TCT/DNK ngày 05/5/2005).**
23. Xử lý hoá đơn của đơn vị bỏ trốn: Các hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ của doanh nghiệp bỏ trốn phát sinh trước ngày doanh nghiệp được xác định là bỏ trốn theo thông báo của cơ quan thuế, thì phải kiểm tra xác định trên cơ sở hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ, thanh lý hợp đồng, hàng hoá mua vào có nhập kho, được hạch toán kế toán trên sổ sách kế toán đầy đủ và đúng qui định, chứng từ thanh toán phù hợp với hoá đơn thì hoá đơn đó được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, cũng như được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Trong trường hợp không có hợp đồng thì căn cứ vào chứng từ thanh toán phù hợp với hoá đơn được phản ánh trong sổ sách kế toán của cơ sở kinh doanh để xử lý cho kê khai, khấu trừ. **(CV số 1287 TCT/PCCS ngày 04/5/2005).**
24. Không được hoàn thuế GTGT nếu hoá đơn GTGT ghi sai mã số thuế: Hóa đơn được dùng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT, tính vào chi phí hợp lý và thanh toán tiền phải là bản gốc, nguyên vẹn, có ghi đầy đủ các chỉ tiêu một cách chính xác. Doanh nghiệp sẽ không được hoàn thuế GTGT đối với hóa đơn GTGT ghi sai mã số thuế. **(CV số 1285 TCT/PCCS ngày 04/5/2005).**
25. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng hoá đơn: Sau khi kiểm tra các đơn vị kinh doanh xăng dầu về quản lý, sử dụng hoá đơn, Tổng cục Thuế đã phát hiện sai phạm của các đơn vị này là sử dụng hoá đơn không theo thứ tự từ nhỏ đến lớn; sai lệch về số tiền bán hàng, tiền thuế giữa liên 1 và liên 2 của cùng số hoá đơn; ghi không đầy đủ các chỉ tiêu trên hoá đơn...

- Tổng cục sẽ tiếp tục tăng cường kiểm tra việc quản lý, sử dụng hoá đơn tại các cơ sở kinh doanh xăng dầu, đặc biệt là các trường hợp nghi vấn buôn bán hoá đơn, các đơn vị kinh doanh số lượng lớn, có nhiều cửa hàng, quầy hàng. **(CV số 1136 TCT/TTr ngày 18/4/2005).**
26. **Chứng từ điện tử:** Một doanh nghiệp chứng minh được hàng hoá đã thực xuất khẩu và việc thanh toán qua ngân hàng bằng chứng từ điện tử thì trên giấy báo có phải đóng dấu của ngân hàng, có chữ ký tay bằng bút mực của nhân viên quản lý tài khoản của doanh nghiệp và kế toán trưởng (trưởng phòng kế toán). Khi đó, giấy báo có được coi là chứng từ hợp lệ trong bộ hồ sơ để thực hiện khấu trừ thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu **(CV số 1107 TCT/PCCS ngày 14/4/2005).**
27. **Sử dụng chứng từ khi điều chuyển hàng trong nội bộ doanh nghiệp:** Doanh nghiệp có thể sử dụng hóa đơn GTGT hoặc sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ khi xuất điều chuyển hàng cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như chi nhánh, cửa hàng ở các địa phương để bán và ngược lại, xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau, xuất hàng hóa cho các cơ sở đại lý bán đúng giá, hưởng hoa hồng **(CV số 1076 TCT/DNK ngày 13/4/2005).**
28. **Chứng từ đ/v khoản chi hỗ trợ:** Về hướng dẫn lập chứng từ đối với khoản chi hỗ trợ bán hàng, hỗ trợ khuyến mại tiếp thị cho các đại lý bán hàng bằng tiền, theo Tổng cục Thuế, (i) việc sử dụng hoá đơn GTGT sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc hạch toán chi phí cũng như ghi nhận khoản tiền nhận được của các đại lý bán hàng của doanh nghiệp;
- (ii) Việc sử dụng hoá đơn GTGT hay phiếu thu/chi không có sự khác biệt trong trường hợp các doanh nghiệp nghiêm túc trong việc hạch toán doanh thu, chi phí **(CV số 1056 TCT/ĐTN ngày 11/4/2005).**
29. **Lập lại hoá đơn khi ghi sai thuế GTGT:** Một công ty A xuất hàng cho công ty B mượn, trên hoá đơn có ghi giá trị nhưng thuế suất thuế GTGT ghi 0%, và khi công ty B khi trả lại hàng cho công ty A cũng ghi thuế suất thuế GTGT 0% thì hai bên phải lập biên bản huỷ hoá đơn.
- Trên hoá đơn phải có chữ ký, đóng dấu của người đứng đầu công ty. Sau đó, lập hoá đơn có ghi đúng thuế suất thuế GTGT để thay thế hoá đơn huỷ bỏ trên.
- Hoá đơn huỷ bỏ phải lưu đủ các liên tại quyển hoá đơn. Đồng thời điều chỉnh số thuế GTGT phải nộp cho thời điểm xuất hàng hoá cho mượn và xuất trả hàng hoá **(CV số 1004 TCT/PCCS ngày 04/4/2005).**
30. **Thời gian lưu trữ hoá đơn:** Về thời gian lưu trữ hoá đơn có in sẵn mệnh giá, căn cứ theo Luật Kế toán thì, đối với các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ, nội bộ doanh nghiệp có sử dụng hoá đơn dạng vé có in sẵn mệnh giá như: vé trông xe, vé thăm quan, vé xông hơi,... để quản lý với số lượng lớn, tuy không sử dụng vé in sẵn mệnh giá để trực tiếp ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính, nhưng doanh nghiệp vẫn phải lưu trữ liên lưu, liên kiểm soát của vé tối thiểu là 05 năm **(CV số 1003 TCT/PCCS ngày 04/4/2005).**
31. **Hoá đơn tự in:** Mẫu hoá đơn do tổ chức, cá nhân tự thiết kế thì phải có các chỉ tiêu: tên đơn vị, tổ chức; địa chỉ, mã số thuế, ký hiệu, số hoá đơn; tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị mua hàng; tên hàng hoá, dịch vụ, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, tiền hàng; thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT...
- Những nội dung đặc thù, biểu tượng của đơn vị cũng có thể được đưa vào mẫu hoá đơn tự in **(CV số 1002 TCT/PCCS ngày 04/4/2005).**
32. **Hoá đơn đ/v chi nhánh:** Tổng cục Thuế hướng dẫn, đối với các công ty, xí nghiệp có nhu cầu đăng ký sử dụng hoá đơn theo mẫu thống nhất cho nhiều đơn vị phụ thuộc, đóng ở nhiều địa phương khác nhau trong cả nước thì, Cục thuế địa phương nơi có trụ sở chính của công ty, xí nghiệp thực hiện duyệt mẫu, qui định ký hiệu hoá đơn riêng cho từng đơn vị phụ thuộc và chấp thuận sử dụng; đồng thời thông báo mẫu, ký hiệu và số lượng hoá đơn đăng ký in từng đợt cho Cục thuế các tỉnh, thành phố khác có liên quan để có căn cứ theo dõi, quản lý việc sử dụng hoá đơn của các đơn vị thành viên phụ thuộc **(CV số 1001 TCT/PCCS ngày 04/4/2005).**
33. **Được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đ/v hoá đơn tự in không in sẵn đủ chỉ tiêu:** Thông thường, mẫu hoá đơn thuế GTGT đầu vào phải có các chỉ tiêu được in sẵn như: tên, địa chỉ, phương thức thanh toán, mã số thuế người mua hàng, số tiền ghi bằng chữ v.v.. mới được coi là chứng từ hợp pháp để kê khai, khấu trừ thuế. Tuy nhiên, theo CV số 992 TCT/ĐTN ngày 04/4/2005, nếu cơ sở kinh doanh sử dụng hoá đơn tự in đã đăng ký theo mẫu quy định nhưng có một số chỉ tiêu không in sẵn mà ghi bằng tay sau khi in hóa đơn thì vẫn được coi là hợp pháp khi khấu trừ thuế GTGT đầu vào **(CV số 992 TCT/ĐTN ngày 04/4/2005).**
34. **Hoá đơn cho máy tính tiền:** Tất cả các cơ sở kinh doanh có cửa hàng, siêu thị... mà sử dụng máy tính tiền để bán lẻ hàng hoá, dịch vụ thì đều phải sử dụng hoá đơn bán lẻ tự in sử dụng cho máy tính tiền. Hoá đơn bán lẻ này sẽ được sử dụng làm căn cứ tính thuế **(CV số 981 TCT/PCCS ngày 04/4/2005).**
35. **Lập hóa đơn trong trường hợp bên mua bảo hành sản phẩm thay bên bán:** Về nguyên tắc, bên bán là người lập hóa đơn bán hàng và phải chịu chi phí bảo hành sản phẩm. Tuy nhiên, theo CV số 900 TCT/PCCS ngày 29/3/2005, nếu trong quá trình sử dụng sản phẩm, bên mua đã trực tiếp sửa chữa, thay thế sản phẩm trong thời hạn bảo hành thì để bên bán có căn cứ hoàn lại số tiền bảo hành cho bên mua, bên mua phải lập hóa đơn đối với phần sửa chữa, thay thế giao cho bên bán **(CV số 900 TCT/PCCS ngày 29/3/2005).**
36. **Thuế GTGT đối với ô tô thanh lý là 10%:** Ô tô thuộc đối tượng chịu thuế GTGT nên khi bán thanh lý ô tô, doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế GTGT với thuế suất 10% **(CV số 844 TCT/DNK ngày 24/3/2005).**

37. **Lập lại hoá đơn thuế GTGT:** Luật thuế GTGT qui định, đối với cơ sở kinh doanh đã xuất bán, cung ứng hàng hoá, dịch vụ và lập hoá đơn, nhưng do hàng hoá, dịch vụ không đảm bảo chất lượng, qui cách dẫn đến phải điều chỉnh giá bán, thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản.
- Trong văn bản thoả thuận đó phải ghi rõ số lượng, qui cách hàng hoá, mức tăng/giảm theo hoá đơn bán hàng, lý do tăng/giảm giá; đồng thời bên bán lập hoá đơn để điều chỉnh mức giá được điều chỉnh. Hoá đơn ghi rõ lý do điều chỉnh cho hàng hoá, dịch vụ tại hoá đơn số, ký hiệu... Hoá đơn điều chỉnh giá này chính là căn cứ để bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh thuế đầu ra và đầu vào (**CV số 836 TCT/DNK ngày 24/3/2005**).
38. **Phải lập hóa đơn GTGT khi góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất:** Khi góp vốn liên doanh bằng quyền sử dụng đất, bên góp vốn phải lập hóa đơn GTGT, trong đó, dòng tổng giá trị thanh toán ghi giá trị vốn góp liên doanh, dòng thuế suất gạch chéo, đồng thời ghi trên hóa đơn là tiền sử dụng đất góp vốn liên doanh không chịu thuế GTGT. (**CV số 747 TCT/DNNN ngày 15/3/2005**).
39. **Thuế hàng hoá luân chuyển nội bộ:** Các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất điều chuyển hàng hoá cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, cửa hàng ở khác địa phương, để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc với nhau; xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở kinh doanh... thì cơ sở có thể sử dụng hoá đơn GTGT để làm căn cứ thanh toán và kê khai nộp thuế GTGT ở từng đơn vị và từng khâu độc lập với nhau; hoặc sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ do Bộ Tài chính phát hành kèm theo lệnh điều động nội bộ đối với hàng hoá điều chuyển nội bộ.
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ thực hiện một trong hai cách sử dụng hoá đơn, chứng từ nêu trên. Trước khi thực hiện phải đăng ký với cơ quan thuế trực tiếp quản lý. (**CV số 719 TCT/DNNN ngày 14/3/2005**).
40. **Sử dụng chứng từ in từ máy vi tính:** Trường hợp các ngân hàng sử dụng chứng từ thanh toán thu phí dịch vụ ngân hàng in bằng máy vi tính nếu đã bổ sung thêm mã số thuế, số tiền dịch vụ, thuế GTGT và tổng số tiền thanh toán, ký hiệu, số chứng từ, chữ ký và đóng dấu theo qui định cũng được coi là hoá đơn GTGT.
- Các ngân hàng sử dụng chứng từ theo đúng nội dung qui định nêu trên thì không phải làm thủ tục đăng ký số lượng sử dụng với cơ quan thuế địa phương. (**CV số 695 TCT/PCCS ngày 11/3/2005**).
41. **Mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn GTGT có thể bị truy cứu TNHS:** Mua bán bất hợp pháp hóa đơn bán hàng để kê khống nhằm chiếm đoạt tài sản hoặc để được miễn giảm thuế TNDN sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Ngoài ra, hành vi mua bán, sử dụng trái phép hóa đơn GTGT sẽ bị truy cứu TNHS. (**CV số 635 TCT/TT ngày 08/3/2005**).
42. **Sử dụng hoá đơn:** (i) Đối với doanh nghiệp cổ phần hoá – Các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hoá, chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, hình thức sở hữu, xin được sử dụng tiếp hoá đơn đã tự in trong thời gian đầu để giải quyết thủ tục về việc cấp mã số thuế và tránh lãng phí, thì cơ quan thuế có thể giải quyết cho doanh nghiệp tiếp tục sử dụng số lượng hoá đơn còn tồn đọng nhưng phải đóng dấu tên doanh nghiệp và mã số thuế mới lên trên hoá đơn. Số lượng hoá đơn còn tồn tại phải được kiểm kê, sau đó đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng số lượng hoá đơn này.
- Nếu doanh nghiệp sử dụng hoá đơn tự in (mẫu duyệt từ/1998) cho các hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT. Nhưng nay do thay đổi chính sách, hàng hoá, dịch vụ đó thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì không được phép sử dụng tiếp mẫu hoá đơn bán hàng đã được duyệt đó. (**CV số 619 TCT/PCCS ngày 04/3/2005**).
- (ii) Đối với cá nhân, đơn vị sự nghiệp không có đăng ký kinh doanh, nhưng có phát sinh không thường xuyên doanh thu sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT, có nhu cầu sử dụng hoá đơn thì phải có hợp đồng cung cấp hàng hoá, dịch vụ. Căn cứ vào hợp đồng, cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ và được lập tại Chi cục Thuế theo từng số. Người bán hàng hoá dịch vụ được nhận liên 1, 2; chữ ký của khách hàng được ký trực tiếp trên liên 1,2 của hoá đơn, liên 3 của hoá đơn do cơ quan thuế - nơi cấp hoá đơn quản lý, lưu trữ.
- Cá nhân, đơn vị hành chính sự nghiệp được cơ quan thuế cấp hoá đơn lẻ là đối tượng có không có ĐKKD, không được cấp mã số thuế. Để phân biệt giữa hoá đơn cấp lẻ và hoá đơn của các đơn vị, tổ chức, cá nhân có ĐKKD và có mã số thuế, Chi cục thuế nơi cấp hoá đơn lẻ phải đóng dấu của Chi cục Thuế vào phí trên, bên trái của hoá đơn cấp lẻ cho các đối tượng nộp thuế. (**CV số 610 TCT/DNK ngày 04/3/2005**).
43. **Thủ tục xuất hoá đơn GTGT:** Trường hợp cơ sở hạch toán phụ thuộc ở khác địa phương nơi đóng trụ sở chính của Văn phòng Công ty, không có tư cách pháp nhân, không có con dấu và tài khoản tiền gửi tại ngân hàng, trực tiếp bán hàng hoá, dịch vụ, phát sinh doanh thu thì cơ sở hạch toán phụ thuộc phải kê khai, nộp thuế GTGT tại địa phương, nơi phát sinh doanh thu theo tỷ lệ 2% trên doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tỷ lệ 3% trên doanh thu chưa có thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 10%.
- Số thuế GTGT cơ sở hạch toán phụ thuộc đã nộp tại địa phương được tính vào số thuế GTGT đã nộp khi Công ty kê khai nộp thuế GTGT tại Văn phòng trụ sở chính (**CV số 545 TCT/ĐTN ngày 25/02/2005**).
44. **Hoá đơn khấu trừ thuế GTGT:** Căn cứ theo những qui định hiện hành về việc in, phát hành, sử dụng và quản lý hoá đơn thì, hoá đơn dùng để khấu trừ thuế GTGT, hoàn thuế GTGT, tính chi phí hợp lý, thanh toán tiền phải là hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ bản gốc, liên 2; hoá đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu, nội dung theo qui định và

phải nguyên vẹn; số liệu, chữ viết, đánh máy hoặc in trên hoá đơn phải rõ ràng, đầy đủ và chính xác theo đúng qui định, không bị tẩy xóa, sửa chữa (**CV số 497 TCT/DNK ngày 17/02/2005**).

45. **Nhận tiền chiết khấu phải xuất hóa đơn GTGT:** Nếu doanh nghiệp chiết khấu cho đại lý nhưng tiền chiết khấu không được doanh nghiệp trừ ngay vào giá bán mà được chi trả bằng tiền mặt sau khi bán hàng thì khi nhận tiền chiết khấu, đại lý phải xuất hóa đơn GTGT cho doanh nghiệp. Trong trường hợp này, đại lý phải kê khai, nộp thuế GTGT đối với khoản tiền chiết khấu nhận được (**CV số 415 TCT/DNK ngày 01/02/2005**).

46. **Xử lý vi phạm sử dụng hoá đơn:** Tại CV số 353 TCT/PCCS ngày 25/01/2005, Tổng cục Thuế hướng dẫn về việc xử lý cơ sở kinh doanh không cung cấp được hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán khi kiểm tra quyết toán thuế.

Cơ quan thuế có quyền ấn định thu nhập chịu thuế để tính thuế TNDN khi cơ sở kinh doanh từ chối việc xuất trình sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết liên quan tới việc tính thuế TNDN; Cơ quan thuế có quyền ấn định thuế GTGT phải nộp đối với các đối tượng nộp thuế khi từ chối xuất trình sổ kế toán, hoá đơn, chứng từ và các tài liệu liên quan tới việc tính thuế GTGT (**CV số 353 TCT/PCCS ngày 25/01/2005**).

Tại CV số 351 TCT/PCCS ngày 25/01/2005 cũng đề cập tới vấn đề xử lý vi phạm hoá đơn khi kê khai thuế TNDN. Công văn hướng dẫn, nếu đối tượng nộp thuế theo phương pháp kê khai đang trong thời hạn hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN bị phát hiện có những vi phạm như tăng chi phí để tăng số lỗ, tăng chi phí để giảm lãi... và xác định không đúng các điều kiện để được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN thì, (i) nếu những vi phạm được kiểm tra phát hiện ngay trong những năm được ưu đãi thuế TNDN thì không xử phạt trốn thuế mà thực hiện xử phạt vi phạm hành chính khác liên quan; (ii) nếu những vi phạm trên chưa được kiểm tra phát hiện mà cá nhân, tổ chức không tự điều chỉnh hiệu quả làm giảm số thuế TNDN của năm tiếp sau, khi hết thời hạn được miễn thuế TNDN thì những vi phạm trên sẽ bị xử phạt trốn thuế (**CV số 351 TCT/PCCS ngày 25/01/2005**).

47. **Ghi sai chỉ tiêu mã số thuế:** Chính phủ và Bộ Tài chính đã qui định, nội dung hoá đơn phải có đủ các tiêu chí: họ, tên, địa chỉ, mã số thuế... mới đủ giá trị pháp lý.

Theo đó, nếu một doanh nghiệp tư nhân do khắc dấu sai mã số thuế nên đã lập 100 số hoá đơn ghi sai mã số thuế để giao cho khách hàng, các chỉ tiêu còn lại vẫn được ghi đầy đủ và đúng với thực tế phát sinh thì cục thuế sẽ tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với doanh nghiệp đó; bên cạnh đó, hướng dẫn đơn vị thu hồi số hoá đơn đã ghi sai mã số thuế. Bên mua và bên bán phải lập biên bản, xác nhận về việc ghi sai mã số thuế và thực hiện gạch bỏ dòng mã số thuế sai, đóng dấu lại theo đúng mã số thuế được cấp. Hoá đơn được đóng dấu lại mã số thuế, đơn vị phải ký tên, đóng dấu vào hoá đơn để xác nhận việc sửa chữa lại. Số hoá đơn đóng lại mã số thuế này được sử dụng làm căn cứ kê khai thuế (**CV số 331 TCT/PCCS ngày 24/01/2005**).

48. **Sử dụng hoá đơn:** Luật kế toán qui định, chứng từ kế toán phải lập đủ số liên qui định. Trường hợp phải lập nhiều liên chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính thì nội dung các liên phải giống nhau. Chứng từ kế toán do đơn vị kế toán qui định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 2 của Luật này lập để giao dịch với tổ chức, cá nhân bên ngoài đơn vị kế toán thì liên gửi cho bên ngoài phải có dấu của đơn vị kế toán.

Trong trường hợp thủ trưởng đơn vị đi vắng, có thể uỷ quyền cho người cho người bán hàng ký, phải ghi rõ họ tên khi lập và giao hoá đơn cho khách hàng. Việc uỷ quyền này phải có quyết định của thủ trưởng đơn vị, và hoá đơn phải được đóng dấu của tổ chức, cá nhân vào góc trên, bên trái của liên 2 hoá đơn (**CV số 287 TCT/ĐTN ngày 20/01/2005**).

49. **Ghi hóa đơn thuế GTGT:** Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, trường hợp công ty trúng thầu trực tiếp nhập khẩu máy móc, thiết bị, thuộc diện không chịu thuế GTGT để bán cho các doanh nghiệp tạo TSCĐ theo dự án đầu tư được duyệt áp dụng thuế GTGT và lập hoá đơn theo quy định như sau: khi xuất hoá đơn GTGT giá ghi trên hoá đơn phải theo giá bán theo hợp đồng đã ký, dòng thuế GTGT gạch bỏ.

Trường hợp công ty nhập hàng uỷ thác hưởng hoa hồng thì hoá đơn GTGT xuất trả hàng nhập khẩu uỷ thác ghi giá trị nhập hàng nhập và các khoản phải nộp theo chế độ qui định (nếu có), đồng thời lập hoá đơn GTGT để thanh toán tiền uỷ thác nhập; công ty phải kê khai, nộp thuế GTGT đối với hoa hồng được hưởng (**CV số 225 TCT/PCCS ngày 18/01/2005**).

50. **Phương tiện vận tải quốc tế:** Phương tiện vận tải quốc tế là phương tiện có doanh thu về vận tải quốc tế đạt trên 50% tổng doanh thu của phương tiện đó trong năm.

Nếu phương tiện vận tải do cơ sở kinh doanh vận tải Việt Nam khai thác sử dụng thì hàng năm cơ sở đó căn cứ vào doanh thu vận tải quốc tế thực tế đạt được năm trước để đăng ký với cơ quan thuế quản lý trực tiếp về danh sách các phương tiện vận tải quốc tế, để cơ quan thuế xác nhận làm căn cứ xác định không thu thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ cung cấp trực tiếp cho phương tiện vận tải quốc tế. Khi bán hàng hoá, dịch vụ cho phương tiện vận tải quốc tế, cơ sở kinh doanh phải yêu cầu cơ sở kinh doanh vận tải Việt Nam sử dụng phương tiện vận tải quốc tế cấp bản đăng ký phương tiện vận tải quốc tế với cơ quan thuế. Cơ sở cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho phương tiện vận tải quốc tế phải lập hoá đơn, ghi rõ họ tên, số hiệu phương tiện vận tải quốc tế, số, ngày tờ khai phương tiện vận tải đến (**CV số 219 TCT/DNK ngày 17/01/2005**).

51. **Ghi hoá đơn hàng quảng cáo, khuyến mại:** Khi xuất hàng hoá dùng để quảng cáo, khuyến mại, doanh nghiệp phải lập hoá đơn GTGT, trên hoá đơn ghi rõ là hàng quảng cáo, khuyến mại không thu tiền, gạch bỏ các dòng thuế suất, tiền thuế GTGT. Phần giá trị có thể ghi giá bán của hàng hoá, sản phẩm chưa có thuế GTGT.

Khi hạch toán, doanh nghiệp phải ghi sổ theo giá thành hoặc giá vốn của hàng hoá, sản phẩm dùng để quảng cáo, khuyến mại. Đồng thời, các chi phí quảng cáo, khuyến mại này và một số chi phí khác không được vượt quá tỷ lệ % trong tổng số các khoản chi phí hợp lý theo qui định (*CV số 68 TCT/ĐTN ngày 10/01/2005*).

52. **Khấu trừ thuế:** Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp hoá đơn GTGT sử dụng không đúng qui định của pháp luật, như: hoá đơn GTGT không ghi thuế GTGT, không ghi hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ, mã số của người bán nên không xác định được người bán; hoá đơn chứng từ nộp thuế GTGT giả, hoá đơn bị tẩy xoá, hoá đơn không; hoá đơn ghi giá trị cao hơn giá trị thực tế của hàng hoá dịch vụ (*CV số 34 TCT/DNK ngày 05/01/2005*).
53. **Chế độ giá:** Nhằm chống thất thu thuế GTGT và thuế TNDN qua giá bán trong hoạt động kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy, Chính phủ qui định, nếu một đơn vị là đại lý phân phối xe ô tô, xe hai bánh gắn máy cho các cơ sở sản xuất, lắp ráp trong nước theo giá bán do nhà sản xuất công bố, khi xuất bán phải ghi hoá đơn giao cho khách hàng theo giá công bố. Nếu ghi hoá đơn thấp hơn giá công bố thì đơn vị đó sẽ bị truy thu theo giá công bố (*CV số 33 TCT/DNK ngày 05/01/2005*).
54. **Vẫn được khấu trừ thuế GTGT đầu vào khi mất hóa đơn:** Trong trường hợp bị mất hóa đơn mua hàng bản gốc (liên 2), bên mua hàng có thể yêu cầu bên bán cấp lại cho mình bản sao hóa đơn mua hàng do bên bán giữ (liên 1). Trên cơ sở bản sao hóa đơn, doanh nghiệp có thể liên hệ với cơ quan thuế để được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hóa đơn bị mất. Tuy nhiên, trong trường hợp này, bên mua hàng vẫn phải nộp tiền phạt vi phạm hành chính đối với việc làm mất hóa đơn (*CV số 4362 TCT/DNN ngày 29/12/2004*).
55. **Không được in chữ ký điện tử trên chứng từ giấy:** Chứng từ kế toán phải được ký bằng tay, doanh nghiệp chỉ được sử dụng chữ ký điện tử trong các chứng từ điện tử chứ không được in chữ ký điện tử lên chứng từ bằng giấy thay cho chữ ký bằng mực (*CV số 4331 TCT/PCCS ngày 28/12/2004*).
56. **Nhà thầu phụ phải xuất hóa đơn khi cung cấp hàng hóa cho nhà thầu chính:** Nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa cho nhà thầu chính thì nhà thầu phụ phải xuất hóa đơn cho nhà thầu chính. Số thuế GTGT đầu vào của nhà thầu phụ sẽ được khấu trừ hoặc hoàn thuế theo quy định (*CV số 4321 TCT/ĐTN ngày 28/12/2004*).
57. **Hóa đơn tự in có thể ghi nhiều loại hàng hóa với nhiều mức thuế suất khác nhau:** Doanh nghiệp có thể đăng ký với cơ quan thuế để được phép sử dụng hóa đơn tự in trên đó ghi chép được nhiều loại hàng hóa với các mức thuế suất thuế GTGT khác nhau (*CV số 4333 TCT/PCCS ngày 28/12/2004*).
58. **Mẫu tờ khai thuế GTGT:** Bộ Tài chính ban hành Thông tư 127/2004/TT-BTC, sửa đổi TT số 127/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 và TT số 84/2004/TT-BTC ngày 18/8/2004 về mẫu tờ khai và hướng dẫn lập tờ khai thuế GTGT.

Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số như: mã số thuế tên cơ sở kinh doanh, địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở, số điện thoại, số fax và địa chỉ email. Nếu có sự thay đổi các thông tin nào đó, cơ sở kinh doanh phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

Đối với Tờ khai thuế GTGT của dự án đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai rõ tên của từng dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

Cũng trong vấn đề giá xe hai bánh gắn máy, nếu đơn vị sản xuất, lắp ráp xe hai bánh gắn máy trong nước thực hiện bán sản phẩm của mình theo giá thống nhất trong cả nước hoặc từng khu vực, từng địa phương, giá bán này phải được công bố công khai và thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp biết thì thuế GTGT và thuế TNDN được tính theo giá công bố (*TT số 127/2004/TT-BTC ngày 27/12/2004*).

59. **Phải lập biên bản khi trả lại hàng nếu người mua là đối tượng không có hóa đơn:** Khi nhận lại hàng hóa từ người mua là người tiêu dùng, không có hóa đơn thì bên mua và bên bán phải lập biên bản về việc trả lại hàng. Biên bản này sẽ được bên bán lưu giữ cùng với hóa đơn bán hàng để làm căn cứ điều chỉnh doanh số bán hàng và thuế GTGT đã kê khai (*CV số 4298 TCT/PCCS ngày 24/12/2004*).

THUẾ TNDN

1. **Số lỗ được chuyển của từng năm không vượt quá số đã đăng ký:** Doanh nghiệp lập kế hoạch chuyển lỗ cho từng năm căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đăng ký với cơ quan thuế. Khi quyết toán thuế TNDN, số lỗ được chuyển của từng năm không được vượt quá số đã đăng ký. (*CV số 1874 TCT/DNK ngày 16/6/2005*).
2. **Tờ khai thuế TNDN:** Sau khi nhận được tờ khai thuế, cơ quan thuế phải kiểm tra, xem xét việc kê khai thuế của cơ sở kinh doanh. Nếu trong tờ khai, cơ sở kinh doanh không kê khai hoặc kê khai không rõ các căn cứ để xác định số thuế tạm nộp cả năm thì cơ quan thuế có quyền yêu cầu cơ sở kinh doanh giải trình các căn cứ để xác định số thuế tạm nộp cả năm.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không giải trình hoặc không chứng minh được các căn cứ ghi trong tờ khai thì cơ quan thuế ấn định số thuế tạm nộp cả năm, từng quý và thông báo cho cơ sở kinh doanh thực hiện. (*CV số 1795 TCT/DNK ngày 10/6/2005*).

3. Kê khai, nộp, quyết toán thuế: Hàng năm, cơ sở kinh doanh căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của năm trước và khả năng của năm tiếp theo tự kê khai doanh thu, chi phí, thu nhập chịu thuế, số thuế phải nộp cả năm, có chia ra từng quý theo mẫu của cơ quan thuế và nộp cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý, chậm nhất là ngày 25/01.

Nếu tình hình sản xuất, kinh doanh trong năm có sự thay đổi lớn thì cơ sở kinh doanh phải báo cáo cơ quan thuế trực tiếp quản lý để điều chỉnh số thuế tạm nộp cả năm và từng quý. *(CV số 1793 TCT/DNK ngày 10/6/2005).*

4. Mua hàng của đơn vị bỏ trốn: Đối với trường hợp mua hàng của đơn vị bỏ trốn, nếu xác định hoá đơn mua vật tư trước ngày cơ quan thuế có thông báo đơn vị bán hàng cho doanh nghiệp đã bỏ trốn, phải được kiểm tra thực tế có hàng hoá nhập kho theo các hoá đơn mua đó và được hạch toán kế toán trên sổ sách đầy đủ, thì doanh nghiệp mua hàng được khấu trừ thuế GTGT và giá trị hàng hoá mua được tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 1709 TCT/PCCS ngày 06/6/2005).*
5. Miễn thuế, giảm thuế TNDN phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại: Doanh nghiệp được miễn thuế, giảm thuế TNDN cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất mang lại tùy theo từng dự án đầu tư; ngành nghề, lĩnh vực đầu tư và địa bàn đầu tư. *(CV số 1708 TCT/PCCS ngày 06/6/2005).*
6. Bán nhiều mặt hàng, xuất hoá đơn cùng giá: Về vấn đề này, cơ quan thuế có quyền xác định lại giá mua, giá bán theo giá thị trường trong nước và ngoài nước, chi phí, thu nhập chịu thuế và các yếu tố khác, bảo đảm thu đúng, thu đủ thuế TNDN, nếu phát hiện giá mua, giá bán, chi phí kinh doanh, thu nhập chịu thuế và các yếu tố khác của cơ sở kinh doanh không đúng với giá cả thị trường và các chi phí thực tế phát sinh. *(CV số 1668 TCT/PCCS ngày 01/6/2005).*

7. Xác định chi phí hợp lý: Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế có mục đích và phương pháp xác định khác nhau. Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh được xác định trên cơ sở mọi khoản chi phục vụ cho sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp đều được tập hợp và hạch toán vào sổ sách kế toán. Mục đích của việc xác định chi phí sản xuất kinh doanh để tính kết quả lãi lỗ của doanh nghiệp trong một niên độ kế toán nhất định;

Còn chi phí hợp lý được trừ để tính để tính thu nhập chịu thuế, được xác định theo qui định của các văn bản qui phạm pháp luật về thuế TNDN. Mục đích của việc xác định chi phí hợp lý là để xác định thu nhập chịu thuế và thuế TNDN.

Tuy nhiên, về cơ bản, chi phí hợp lý và chi phí sản xuất kinh doanh là thống nhất với nhau. Nhưng do mục đích và phương pháp xác định khác nhau nên cũng có một số chi phí khác khi xác định là chi phí hợp lý để tính thuế TNDN hoặc chi phí sản xuất thì không bằng nhau ở nội dung chi. *(CV số 1642 TCT/PCCS ngày 31/5/2005).*

8. Phiếu thu tiền điện, tiền điện thoại có thể được hạch toán vào chi phí hợp lý: Nếu doanh nghiệp thuê nhà để phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh mà bên cho thuê không thể cung cấp được hóa đơn tiền điện, điện thoại cho bên thuê mà chỉ cung cấp được phiếu thu tiền điện hàng tháng theo chỉ số công tơ phụ và việc này được quy định rõ trong hợp đồng thuê nhà thì phiếu thu tiền điện, điện thoại này được hạch toán vào chi phí hợp lý khi tính thuế TNDN của bên thuê. *(CV số 1633 TCT/PCCS ngày 31/5/2005).*
9. Miễn giảm thuế TNDN: Dựa trên qui định của Bộ Tài chính, cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại Khu công nghiệp được miễn thuế TNDN 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Trường hợp mức ưu đãi về thuế TNDN ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thấp hơn mức ưu đãi về thuế TNDN mà Bộ Tài chính qui định, thì cơ sở kinh doanh được hưởng các mức ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại. *(CV số 1624 TCT/ĐTN ngày 30/5/2005).*

10. Được hạch toán tiền dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí quản lý trong kỳ: Doanh nghiệp được hạch toán khoản trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm vào chi phí quản lý trong kỳ và được chuyển số dư chưa chi hết của quỹ này sang năm sau. *(CV số 1609 TCT/ĐTN ngày 30/5/2005).*

11. Xác định doanh thu chịu thuế: (I) Trường hợp một đơn vị là doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ theo chế độ qui định, có hoạt động cho thuê cơ sở hạ tầng, mà bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm, thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN được xác định phù hợp với việc xác định chi phí của cơ sở kinh doanh.

Nếu trong thời gian ưu đãi thuế, cơ sở kinh doanh lựa chọn phương pháp xác định doanh thu tính thuế để tính thu nhập chịu thuế TNDN là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm, thì thu nhập chịu thuế được miễn/giảm thuế bằng tổng thu nhập chịu thuế chia cho số năm bên thuê trả tiền trước nhân với số năm được miễn/giảm thuế. *(CV số 1608 TCT/ĐTN ngày 30/5/2005).*

(II) Một trường hợp khác, một đơn vị ký hợp đồng xây dựng với các doanh nghiệp nước ngoài và nhận tiền ứng trước ngay sau khi ký hợp đồng thì khoản tiền ứng trước ngày phải hạch toán vào nợ phải trả. Khi có biên bản xác nhận khối lượng công trình hoặc hạng mục công trình xây dựng hoàn thành bàn giao giữa hai bên, đơn vị

- hạch toán chuyển số nợ phải trả sang doanh thu để xác định doanh thu tính thuế GTGT và thuế TNDN. (CV số 1604 TCT/DNNN ngày 30/5/2005).
12. Doanh thu của hoạt động xây dựng trên lô đất trúng đấu giá chỉ bao gồm giá trị xây lắp: Doanh thu tính thuế đối với hoạt động xây dựng trên lô đất đấu giá đã được người trúng đấu giá trả tiền trúng đấu giá chỉ bao gồm giá trị phần xây lắp trên từng lô đất trúng giá. (CV số 1548 TCT/PCCS ngày 24/5/2005).
 13. Tiền khắc phục hậu quả của việc hoàn thuế phải lấy từ lợi nhuận của doanh nghiệp: Khoản tiền mà doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước để khắc phục hậu quả của việc hoàn thuế không được coi là chi phí hợp lý của doanh nghiệp. Số tiền này phải được lấy từ lợi nhuận của doanh nghiệp sau khi đã nộp thuế TNDN và trước khi phân phối các quỹ để bù đắp. (CV số 1547 TCT/PCCS ngày 24/5/2005).
 14. Không được tính vào chi phí hợp lý khoản lãi tiền vay góp vốn pháp định, vốn điều lệ: Khoản trả lãi tiền vay liên quan đến góp vốn pháp định hoặc vốn điều lệ thuộc nghĩa vụ của cổ đông/chủ đầu tư của công ty. Do vậy, không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp nên doanh nghiệp không được hạch toán khoản chi này vào chi phí hợp lý. (CV số 1487 TCT/ĐTN ngày 19/5/2005).
 15. Thuế GTGT và thuế TNDN đối với hàng hóa dùng để biếu tặng: Khi sử dụng hàng hóa do doanh nghiệp tự sản xuất hoặc mua ngoài để biếu tặng thì doanh nghiệp phải xuất hóa đơn GTGT đối với số hàng hóa này, đồng thời được khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào liên quan đến hàng hóa dùng để biếu tặng. Doanh nghiệp phải tính vào doanh thu chịu thuế TNDN theo giá bán của hàng hóa cùng loại hoặc tương đương, đồng thời các khoản chi phí liên quan đến số hàng hóa biếu tặng phải hạch toán vào chi phí khác. (CV số 1486 TCT/ĐTN ngày 19/5/2005).
 16. Thuế hoạt động mua lại cổ phần vốn góp: Trường hợp giá trị tài sản và tiền vốn nhận về từ việc thanh lý tài sản của doanh nghiệp liên doanh lớn hơn giá trị góp vốn liên doanh, doanh nghiệp đối tác bên Việt Nam được hạch toán nguồn vốn kinh doanh. Đồng thời, trường hợp doanh nghiệp Việt Nam mua lại phần vốn của bên đối tác nước ngoài thì doanh nghiệp hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn tương ứng theo các qui định hiện hành về mua tài sản.

Phần chênh lệch tăng thêm do mua lại vốn góp (nếu có) không phải nộp thuế TNDN do trên thực tế không phát sinh thu nhập chịu thuế. (CV số 1478 TCT/ĐTN ngày 18/5/2005).
 17. Chỉ được hạch toán chi phí quảng cáo ở nước ngoài nếu có sản phẩm bán tại nước đó: Để được hạch toán các khoản chi phí trả cho hoạt động quảng cáo ở nước ngoài thì doanh nghiệp phải có sản phẩm bán tại thị trường nước ngoài, nơi đã tiến hành hoạt động quảng cáo đó. (CV số 1476 TCT/ĐTN ngày 18/5/2005).
 18. Chi phí lương tháng 13: Như Tổng cục Thuế đã hướng dẫn về vấn đề này, trường hợp cuối niên độ kế toán, doanh nghiệp chi trả lương tháng 13 và các khoản tiền lương bổ sung theo qui định cụ thể tại hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể, được sự đồng ý của hội đồng quản trị và được tính toán hợp lý thì các khoản tiền lương này được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Riêng đối với các khoản tiền thưởng như nhân dịp ngày lễ, tết... thì không được tính vào chi phí hợp lý để tính thuế TNDN. (CV số 1466 TCT/ĐTN ngày 17/5/2005).
 60. Hoạt động phân lô đất để bán sẽ chịu thuế TNDN kể từ ngày 01/01/2004: Trước ngày 01/01/2004, doanh nghiệp có hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng phân lô để chuyển nhượng gắn với chuyển quyền sử dụng đất phải nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích thực tế chuyển nhượng. Sau ngày này, doanh nghiệp phải nộp thuế đối với hoạt động này theo quy định tại Luật thuế TNDN. (CV số 1434 TCT/PCCS ngày 13/5/2005).
 61. Phí bảo hành chưa chi hết không được tính vào chi phí hợp lý: Phí bảo hành sản phẩm hàng hoá là khoản trích trước vào chi phí, nếu thực tế không chi hết, doanh nghiệp không được tính khoản phí chưa chi vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế TNDN. (CV số 1371 TCT/DNK ngày 10/5/2005).
 62. Chuyển lỗ: Cở sở kinh doanh gặp khó khăn do thiên tai, địch họa, tai nạn, rủi ro bất ngờ hoặc lý do khách quan bất khả kháng mà kết quả kinh doanh bị lỗ, được cơ quan quản lý thu thuế kiểm tra xác nhận, thì được chuyển lỗ của năm kinh doanh sang năm kế tiếp để trừ vào lợi tức chịu thuế trước khi tính thuế lợi tức. (CV số 1367 TCT/ĐTN ngày 10/5/2005).
 63. Hạch toán chi phí: Các khoản chi phí không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế như: chi về đầu tư xây dựng cơ bản, chi ủng hộ các đoàn thể, chi từ thiện và các khoản chi khác không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế đối với thuế TNDN. (CV số 1365 TCT/ĐTN ngày 10/5/2005).
 64. Thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê tàu biển: Trường hợp bên cho thuê phải trả các chi phí như phí người điều khiển, bảo hiểm, bảo dưỡng, chứng nhận đăng kiểm thì doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động cho thuê tàu biển được xác định là 20% tiền cho thuê.

Nếu bên cho thuê chỉ trả một phần trong các chi phí nêu trên, thì doanh thu tính thuế được xác định là 50% trên tiền cho thuê. (CV số 1364 TCT/ĐTN ngày 10/5/2005).
 65. Được tính vào chi phí hợp lý giá trị hàng mua vào không có hóa đơn: Doanh nghiệp được tính vào chi phí hợp lý phần giá trị hàng hóa mua vào không có hóa đơn, chứng từ nếu đã hạch toán, có chứng từ thanh toán, có

doanh thu từ các mặt hàng này và đã kê khai thuế GTGT đầu ra, thuế TNDN. Tuy nhiên, doanh nghiệp sẽ bị ấn định thuế GTGT, thuế TNDN và xử phạt VPHC trong lĩnh vực thuế. *(CV số 1354 TCT/DNNN ngày 09/5/2005).*

66. **Chi phí doanh nghiệp:** Các khoản chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, chi phí giao dịch, chi phí hoa hồng, chi hội nghị... có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, được khống chế không quá 10% tổng 10 khoản chi phí theo qui định của Luật thuế TNDN.

Đối với hoạt động thương nghiệp, tổng chi phí hợp lý để xác định mức khống chế không bao gồm giá trị mua vào của hàng hoá bán ra. *(CV số 1342 TCT/PCCS ngày 09/5/2005).*

67. **Bi ấn định số thuế tạm nộp nếu không giải thích được căn cứ xác định tiền thuế:** Nếu doanh nghiệp không kê khai hoặc kê khai không rõ những căn cứ để xác định số thuế TNDN tạm nộp cả năm mà không giải thích được lý do thì doanh nghiệp sẽ bị cơ quan thuế ấn định số thuế TNDN tạm nộp. *(CV số 1337 TCT/PCCS ngày 06/5/2005).*

68. **Cá nhân cho thuê tài sản phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN:** Hoạt động cho thuê tài sản là đối tượng chịu thuế GTGT và thu nhập từ hoạt động cho thuê tài sản là thu nhập chịu thuế TNDN. Do đó, cá nhân cho doanh nghiệp thuê tài sản có trách nhiệm đề nghị cơ quan thuế cấp hóa đơn lẻ để xuất cho doanh nghiệp đi thuê và phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo mức ấn định của cơ quan thuế. *(CV số 1333 TCT/TTHT ngày 06/5/2005).*

69. **Chi cho phiên dịch, bán hàng ở nước ngoài được công vào chi phí khi tính thuế TNDN:** Doanh nghiệp được tính khoản chi trả cho phiên dịch và nhân viên bán hàng ở nước ngoài vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN nếu có đủ các giấy tờ sau: (i) hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng; (ii) hoá đơn của công ty nước ngoài trong trường hợp thuê qua công ty nước ngoài hoặc chứng từ chi tiền và ký nhận tiền của người nước ngoài trong trường hợp thuê trực tiếp. *(CV số 1303 TCT/ĐTN ngày 5/5/2005).*

70. **Tiền chi trả hộ bên nước ngoài không thuộc đối tượng chịu thuế:** Nếu doanh nghiệp nhận tiền của bên nước ngoài để thanh toán hộ các khoản chi phí tại Việt Nam trên cơ sở các hóa đơn mà các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam xuất cho bên nước ngoài thì khoản tiền này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và không tính vào thu nhập chịu thuế TNDN. Đồng thời, doanh nghiệp Việt Nam không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào và không được hạch toán vào chi phí các khoản chi đã thanh toán hộ. *(CV số 1299 TCT/ĐTN ngày 05/05/2005).*

71. **Doanh thu đ/v hoạt động gia công xuất khẩu:** Tổng cục Thuế hướng dẫn, việc hạch toán doanh thu gia công xuất khẩu là giá gia công bao gồm giá trị nguyên vật liệu mua hộ Bên nước ngoài tại Việt Nam, đồng thời hạch toán chi phí gia công hàng xuất khẩu bao gồm giá trị nguyên vật liệu mua hộ Bên nước ngoài.

Trường hợp doanh nghiệp chưa hạch toán doanh thu và chi phí giá trị nguyên vật liệu mua hộ Bên nước ngoài phát sinh tại một thời điểm nào đó – ví dụ phát sinh trước tháng 9/2003 thì được hạch toán bổ sung vào quyết toán thuế năm 2003, để phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí hàng hoá gia công xuất khẩu. *(CV số 1298 TCT/ĐTN ngày 05/5/2005).*

72. **Hạch toán chi phí không có hóa đơn vào thu nhập chịu thuế bị coi là trốn thuế:** Doanh nghiệp mua hàng hóa, vật tư không có hóa đơn nhưng hạch toán vào chi phí thì sẽ bị coi là hành vi trốn thuế. Theo đó, doanh nghiệp sẽ bị cơ quan thuế ấn định thu nhập chịu thuế TNDN và xử phạt VPHC đối với hành vi trốn thuế khi bị phát hiện. Số thuế bị coi là trốn là số thuế chênh lệch tăng giữa số thuế cơ quan thuế xác định lại so với số thuế đơn vị đã kê khai trong quyết toán thuế. *(CV số 1293 TCT/PC-CS ngày 05/5/2005).*

73. **Phiếu thu tiền điện theo công tơ phụ có thể được tính vào chi phí hợp lý:** Trong trường hợp doanh nghiệp thuê nhà nhưng không được cung cấp hóa đơn tiền điện mà chỉ được cung cấp phiếu thu tiền điện hàng tháng theo chỉ số công tơ phụ doanh nghiệp sử dụng và việc cung cấp này được quy định rõ trong hợp đồng thuê nhà thì phiếu thu tiền điện này sẽ được coi là chứng từ hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. *(CV số 1287 TCT/PCCS ngày 04/5/2005).*

74. **Doanh nghiệp ô tô được miễn thuế TNDN đ/v thu nhập từ sản phẩm chế thử:** Doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô được chế thử các sản phẩm là ô tô, hộp số, cụm truyền động. Doanh nghiệp sẽ được miễn thuế TNDN đối với phần thu nhập từ sản phẩm chế thử đã được Bộ Công nghiệp thẩm định, phê duyệt về công nghệ sản xuất, sản lượng và chất lượng sản phẩm kể từ khi được tiêu thụ trên thị trường. *(CV số 5180 TC/CST ngày 28/4/2005).*

75. **Được tính vào chi phí các khoản chi trả cộng tác viên:** Doanh nghiệp được tính vào chi phí các khoản chi trả cộng tác viên khi đảm bảo các điều kiện sau: (i) có thỏa thuận với cộng tác viên tương tự như Hợp đồng lao động; (ii) phiếu chi tiền có ký nhận của cộng tác viên và phải được hạch toán kế toán đầy đủ; (iii) đã khấu trừ thuế TNCN trước khi chi trả thu nhập. Được biết, khoản chi trả cho cộng tác viên được tính vào chi phí được bao gồm cả thuế TNCN. *(CV 1248 TCT/DNK ngày 28/4/2005).*

76. **Được khấu trừ tiền nhãn hiệu phải trả nước ngoài vào chi phí hợp lý:** Doanh nghiệp được phép khấu trừ khoản tiền quản lý, chế tạo và nhãn hiệu phải trả nước ngoài theo tỷ lệ % trên doanh thu hàng tháng vào chi phí hợp lý nếu đã thực trả, có đủ hợp đồng, chứng từ thanh toán, biên lai nộp thuế thay nhà thầu nước ngoài. *(CV số 1219 TCT/DNK ngày 27/4/2005).*

77. **Phân bổ chi phí quản lý chung:** Đối với một cá nhân làm việc đồng thời cho cả hai công ty, các chi phí cho nhân viên này được phân bổ cho từng công ty theo tỷ lệ nhất định dựa trên thời gian làm việc và được Hội đồng quản trị phê duyệt thì được tính vào chi phí hoạt động sản xuất nếu liên quan tới doanh thu chịu thuế TNDN.
- Trong đó, đối với chi phí tiền lương, từng công ty ký hợp đồng lao động với cá nhân làm việc cho hai công ty tương ứng với phần thu nhập mà các cá nhân này làm việc cho từng công ty, và chi trả tiền lương cho các cá nhân này theo hợp đồng lao động. Chứng từ chi trả tiền lương cho từng công ty được hạch toán là chi phí của doanh nghiệp;
- Và đối với cá nhân này, việc kê khai và tính thuế TNCN sẽ dựa trên qui định đối với trường hợp cá nhân có thu nhập từ nhiều nơi trong năm tính thuế. **(CV số 1195 TCT/ĐTN ngày 22/4/2005).**
78. **Quyết toán thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:** Việc lập quyết toán thuế năm 2004 của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu sẽ được thực hiện ở cả Tổng công ty xăng dầu Việt Nam và Cục thuế. Đối với các mặt hàng xăng dầu trong năm 2004 và từ ngày 01/01/2004 đến hết ngày 19/6/2004, các đơn vị sẽ thực hiện hồ sơ xin cấp bù lỗ tại Tổng công ty. Đối với mặt hàng xăng kể từ ngày 20/6/2004 đến 31/12/2004, các đơn vị phát sinh lãi sẽ thực hiện kê khai và nộp thuế tại Cục thuế địa phương, đơn vị phát sinh lỗ thì vẫn chuyển về Tổng công ty. **(CV số 1188 TCT/DNN ngày 22/4/2005).**
79. **Không được trích trước lãi tiền vay chưa trả vào chi phí hợp lý:** Lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của ngân hàng được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế TNDN. Tuy nhiên, theo CV số 1153 TCT/DNK ngày 19/4/2004 của BTC, doanh nghiệp chỉ được tính vào chi phí hợp lý đối với số lãi tiền vay đã trả trong kỳ theo hợp đồng vay được xác định theo thông báo (bảng kê tính lãi) và sổ phụ của ngân hàng, không được trích trước lãi vay chưa trả vào chi phí hợp lý. **(CV số 1153 TCT/DNK ngày 19/4/2004).**
80. **Quyết toán thuế của doanh nghiệp:** Theo qui định của Luật thuế TNDN thì, trường hợp một doanh nghiệp vi phạm hợp đồng với khách hàng nước ngoài – đã giao hàng không đúng chất lượng, không đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu như mẫu đã chào. Sau đó, doanh nghiệp đã mua lô hàng khác để thay thế trả cho khách hàng nước ngoài thì không được tính vào chi phí hợp lý khoản chi phí cho lô hàng không đúng chất lượng đó khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.
- Nếu số hàng xuất khẩu không đúng qui cách, chất lượng đó mà được khắc phục và doanh nghiệp bán được – có doanh thu từ lô hàng này, thì chi phí sản xuất hàng hoá và tiêu thụ lô hàng sẽ được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. **(CV số 1150 TCT/DNK ngày 19/4/2005).**
81. **Thuế chuyển quyền sử dụng đất:** Đối tượng nộp thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất là tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất.
- Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất không phải nộp thuế thu nhập theo qui định của Luật thuế TNDN mà nộp thuế theo qui định của Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất hiện hành. **(CV số 1125 TCT/PCCS ngày 18/4/2005).**
82. **Xác định thu nhập bình quân tháng:** Đối với cá nhân, hộ cá thể kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ thì thu nhập bình quân tháng được xác định bằng doanh thu cả năm trừ đi chi phí hợp lý theo năm cộng thu nhập chịu thuế khác từ khi kinh doanh, sau đó chia cho 12 tháng;
- Đối với cá nhân, hộ cá thể chưa thực hiện chế độ kế toán hoá đơn, chứng từ, thực hiện kê khai thuế theo doanh thu do cơ quan thuế ấn định thì, thu nhập chịu thuế được xác định bằng doanh thu tháng nhân tỷ lệ thu nhập chịu thuế do cục thuế xác định phù hợp với từng ngành nghề kinh doanh chia cho số lao động theo hợp đồng **(CV số 1086 TCT/PCCS ngày 14/4/2005).**
83. **Thuế TNDN hàng năm:** Luật thuế TNDN qui định, hàng năm, các cơ sở kinh doanh phải dự kiến số thuế TNDN tạm nộp cả năm và được chi ra từng quý. Số thuế TNDN tạm nộp được xác định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của năm trước và khả năng của năm tiếp theo, cơ sở kinh doanh thực hiện tạm nộp theo số thuế TNDN dự tính.
- Nếu cơ sở kinh doanh dự tính số thuế TNDN tạm nộp không có cơ sở hoặc không gửi tờ kê khai thuế TNDN tạm nộp cho cơ quan thuế theo thời gian qui định, thì cơ quan thuế có quyền căn cứ kết quả kinh doanh của chính cơ sở kinh doanh hoặc căn cứ kết quả kinh doanh của những cơ sở kinh doanh khác có cùng ngành nghề kinh doanh, mặt hàng kinh doanh, qui mô kinh doanh để ấn định số thuế TNDN tạm nộp **(CV số 1079 TCT/DNK ngày 13/4/2005).**
84. **Thuế TNDN đ/v đại lý:** Trong trường hợp, các đại lý có đăng ký kinh doanh nhưng không thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ làm dịch vụ đại lý đúng giá hưởng hoa hồng thì phải nộp thuế TNDN đối với hoa hồng đại lý được hưởng.
- Số thuế TNDN phải nộp trong trường hợp này được xác định theo mức ấn định là 5% tính trên hoa hồng mà hộ gia đình và cá nhân kinh doanh được hưởng. Cơ sở kinh doanh giao đại lý có trách nhiệm khấu trừ thuế TNDN vào số tiền hoa hồng phải trả cho hộ gia đình, cá nhân kinh doanh và nộp vào Ngân sách Nhà nước **(CV số 1058 TCT/TNCN ngày 11/4/2005).**

85. Chi phí đi công tác của thành viên HĐQT có thể được tính vào chi phí hợp lý: Các khoản chi liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị của doanh nghiệp FDI nếu có chứng từ hợp lệ, phù hợp với điều lệ của doanh nghiệp hoặc QĐ của HĐQT thì được tính vào chi phí hợp lý (**CV số 1032 TCT/ĐTNN ngày 06/4/2005**).
86. Xác định chi phí hợp lý: Đối với các doanh nghiệp Việt Nam có thuê các chuyên gia nước ngoài làm việc theo hợp đồng, trong đó qui định chi phí mua vé máy bay do doanh nghiệp Việt Nam thanh toán; và khi sang Việt Nam, các chuyên gia nước ngoài sử dụng vé bay khứ hồi, nên khi bay về nước, họ sẽ mang theo vé về - Trong trường hợp này, các doanh nghiệp Việt Nam phải photocopy vé máy bay, có xác nhận, đóng dấu của thu trưởng đơn vị và kèm theo chứng từ thanh toán tiền mua vé thì được sử dụng làm căn cứ hạch toán chi phí hợp lý (**CV số 1000 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
87. Được tự lựa chọn mức miễn giảm thuế TNDN có lợi nhất: Nếu trong cùng một thời điểm doanh nghiệp có thu nhập được miễn, giảm thuế theo nhiều trường hợp khác nhau thì doanh nghiệp có thể tự lựa chọn mức miễn, giảm thuế có lợi nhất và thông báo cho cơ quan thuế biết. (**CV số 999 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
88. Thuế khoản thu nhập tại nước ngoài: Đối với khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại nước mà Việt Nam chưa ký Hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần thì, thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập trước khi nộp thuế thu nhập ở nước ngoài.

Sau khi đã xác định số thuế TNDN phải nộp thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài để nộp vào Ngân sách. Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ không vượt quá số thuế TNDN phải nộp theo Luật thuế TNDN (**CV số 994 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
89. DN chuyển đổi sở hữu vẫn được hưởng ưu đãi thuế theo diện thành lập mới: Doanh nghiệp được thành lập do chuyển đổi sở hữu không được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện thành lập mới, trừ các trường hợp cổ phần hoá và giao, bán DNNN. Tuy nhiên, riêng doanh nghiệp được thành lập mới do mua lại toàn bộ tài sản của doanh nghiệp bị phá sản được Toà án phát mãi vẫn được hưởng ưu đãi theo diện thành lập mới (**CV số 989 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
90. Chi phí tính thuế: Theo qui định thì doanh nghiệp không được hạch toán vào chi phí các khoản chi không liên quan đến việc hình thành thu nhập chịu thuế TNDN.

Ví dụ, một doanh nghiệp tổ chức cho các đại lý đi du lịch nước ngoài năm 2003 theo chương trình khuyến mại dành cho đại lý hoàn thành chỉ tiêu năm 2002, nhằm khuyến khích đại lý trong việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm, thì: (i) nếu trong hợp đồng đại lý năm 2002 giữa doanh nghiệp và đại lý đã qui định cụ thể hình thức này thì khoản chi du lịch được tính vào khoản chi phí khác khi xác định thuế TNDN; (ii) nếu trong hợp đồng không có qui định này, mà đến năm 2003 doanh nghiệp mới có QĐ chi thưởng cho doanh nghiệp thì khoản chi này không được tính vào chi phí khi xác định thuế TNDN (**CV số 985 TCT/ĐTNN ngày 04/4/2005**).
91. Thuế đ/v tài sản phức lợi: Căn cứ theo qui định, một doanh nghiệp mua TSCĐ phục vụ hoạt động phức lợi từ nguồn vốn đầu tư thì TSCĐ đó không phải trích khấu hao và không được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng không được kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với TSCĐ này (**CV số 984 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
92. Thuế hoạt động kinh doanh xe ô tô: Cơ sở kinh doanh mặt hàng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy mà ghi giá trên hoá đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá bán thực tế trên thị trường sẽ bị xử lý truy thu thuế GTGT, thuế TNDN theo giá bán được xác định trên cơ sở bảng giá tối thiểu xe ô tô, xe hai bánh gắn máy tính thu lệ phí trước bạ do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương qui định. Đồng thời, cơ sở kinh doanh đó sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo qui định của pháp luật (**CV số 978 TCT/DNK ngày 01/4/2005**).
93. Ưu đãi đầu tư: Đối với phần thu nhập tăng thêm do xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước, theo Tổng cục Thuế thì doanh nghiệp sẽ được miễn giảm thuế TNDN. Thời gian giảm thuế được tính từ Kỳ tính thuế cơ sở kinh doanh bắt đầu có thu nhập chịu thuế không bao gồm số lỗ các Kỳ tính thuế trước chuyển sang (**CV số 949 TCT/PCCS ngày 31/3/2005**).
94. Được miễn, giảm thuế TNDN khi di chuyển địa điểm theo quy hoạch: Doanh nghiệp phải di chuyển địa điểm kinh doanh ra ngoài đô thị theo quy hoạch thì được miễn thuế TNDN 2 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 2 năm tiếp theo (**CV số 935 TCT/PCCS ngày 30/3/2005**).
95. Hiệp định thuế: Căn cứ theo qui định, thu nhập từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nước ngoài sẽ bị đánh thuế tại Việt Nam nếu doanh nghiệp đó có một cơ sở thường trú tại Việt Nam, và thu nhập đó liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến cơ sở thường trú đó. Khi đó, doanh nghiệp bị đánh thuế trên phần thu nhập phân bổ cho cơ sở thường trú tại Việt Nam (**CV số 933 TCT/HTQT ngày 30/3/2005**).
96. Miễn thuế TNDN đ/v hợp đồng về KHCN nếu đủ nội dung chính: Các Hợp đồng về khoa học công nghệ như Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hợp đồng dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ chỉ được miễn thuế TNDN nếu có đủ nội dung chính và phải được xác nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ có thẩm quyền (**CV số 905 TCT/PCCS ngày 29/3/2005**).
97. Không miễn giảm thuế TNDN với thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất: Doanh nghiệp được giao đất hoặc có quyền sử dụng đất từ ngày 01/01/2004 để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nhà không được miễn

giảm thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất, kể cả trường hợp các doanh nghiệp này thuộc diện ưu đãi đầu tư (*CV số 3571 TC/TCT ngày 29/3/2005*)

98. **Miễn thuế TNDN:** Về việc miễn thuế TNDN đối với sản phẩm chế thử là ô tô, phụ tùng linh kiện ô tô, theo Bộ Tài chính thì, doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, sản xuất linh kiện, phụ tùng ô tô có chế thử sản phẩm là ô tô, động cơ ô tô, hộp số, cụm truyền động thì được miễn thuế TNDN.

Thuế TNDN được miễn ở đây là phần thuế thu nhập từ sản phẩm chế thử, được miễn trong thời gian 01 năm, kể từ khi sản phẩm được tiêu thụ trên thị trường, với điều kiện doanh nghiệp đó phải đáp ứng được các điều kiện của Bộ Công nghiệp và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn chứng từ (*CV số 3545 TC/CST ngày 28/3/2005*).

99. **Kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa ngoài Việt Nam không phải chịu thuế GTGT:** Hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa ngoài lãnh thổ Việt Nam không phải chịu thuế GTGT nhưng doanh thu từ hoạt động này phải chịu thuế TNDN (*CV số 867 TCT/DNK ngày 25/3/2005*).

100. **Miễn giảm thuế TNDN:** Về việc miễn giảm thuế TNDN đối với doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần thì, căn cứ theo qui định, khi doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần nếu có đủ điều kiện ưu đãi đầu tư thì được hưởng thuế suất ưu đãi; miễn, giảm thuế TNDN theo mức độ đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư.

Thời gian giảm 50% thuế TNDN được tính theo mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi mà cơ sở kinh doanh được hưởng. Nếu hết thời gian được hưởng mức thuế suất ưu đãi thì việc áp dụng giảm 50% thuế TNDN sẽ theo mức thuế suất 28% (*CV số 864 TCT/PCCS ngày 25/3/2005*).

101. **Trích khấu hao tài sản:** Trường hợp một doanh nghiệp tư nhân do người vợ/chồng đứng tên làm chủ, có sử dụng tài sản là xe ô tô do người chồng/vợ đứng tên đăng ký sở hữu vào hoạt động kinh doanh, thì để được trích khấu hao tài sản vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN phải làm đủ thủ tục để chuyển quyền sở hữu chiếc xe đó sang tên người chủ doanh nghiệp và đáp ứng được các điều kiện theo luật định.

Sau khi được chuyển quyền sở hữu và được theo dõi, quản lý như mọi tài sản cố định khác thì các chi phí liên quan đến việc sử dụng tài sản như chi phí xăng xe, sửa chữa, bảo dưỡng... nếu có đủ hoá đơn, chứng từ đứng tên doanh nghiệp thì doanh nghiệp được tính các chi phí đó vào chi phí hợp lệ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (*CV số 863 TCT/DNK ngày 25/3/2005*).

102. **Được tính vào chi phí số thuế chịu thay nhà thầu nước ngoài:** Bên Việt Nam phải nộp hộ thuế cho nhà thầu nước ngoài và không được tính số thuế nộp hộ vào chi phí hợp lý. Theo CV số 852 TCT/PCCS ngày 25/3/2005, nếu Hợp đồng giữa nhà thầu và bên Việt Nam có thỏa thuận bên Việt Nam chịu các loại thuế này thì khi đó Bên Việt Nam mới được tính vào chi phí số thuế phải nộp (*CV số 852 TCT/PCCS ngày 25/3/2005*).

103. **Vốn góp vào doanh nghiệp bao gồm cả khoản tiền chi trước khi thành lập:** Các bên góp vốn có thể tính các khoản chi trước khi thành lập doanh nghiệp vào tài sản góp vốn như tiền đền bù đất, chi phí thuê tư vấn thiết kế v.v.. nếu các khoản chi này có hóa đơn chứng từ hợp pháp mang tên bên góp vốn. Toàn bộ tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế TNDN (*CV số 845 TCT/DNK ngày 24/3/2005*).

104. **Thanh lý tài sản cố định:** Hoạt động thanh lý TSCĐ khi doanh nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trước thời hạn - là hoạt động nằm ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được qui định tại Giấy phép đầu tư. Vì vậy, khi doanh nghiệp thanh lý TSCĐ có phát sinh lợi nhuận thì khoản lợi nhuận thu được không thuộc đối tượng được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN.

Trong một trường hợp khác, một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh bị lỗ, khi chấm dứt hoạt động, giải thể thanh lý TSCĐ mà có phát sinh lợi nhuận thì số lợi nhuận này được bù trừ với số lỗ của doanh nghiệp. Nhưng sau khi bù trừ với số lỗ mà vẫn phát sinh lợi nhuận thì phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất thuế TNDN 28% (*CV số 843 TCT/ĐTN ngày 24/3/2005*).

105. **Doanh thu tính thuế của nhà thầu chính không gồm giá trị hợp đồng giao nhà thầu phụ:** Doanh thu tính thuế của nhà thầu nước ngoài sẽ không bao gồm giá trị hợp đồng giao bớt cho nhà thầu phụ. Để xác định doanh thu tính thuế trong trường hợp này, nhà thầu chính phải nộp bộ hồ sơ gồm: (i) hợp đồng giữa nhà thầu chính và chủ đầu tư; (ii) hợp đồng giữa nhà thầu chính và nhà thầu phụ và (iii) hóa đơn do nhà thầu phụ phát hành cho nhà thầu chính (*CV số 827 TCT/ĐTN ngày 23/3/2005*).

106. **Chi phí nhập khẩu uỷ thác:** Căn cứ Luật thuế TNDN thì, các khoản chi không liên quan đến doanh thu tính thuế và thu nhập chịu thuế không được tính vào chi phí hợp lý. Do đó, nếu một đơn vị ký hợp đồng nhập khẩu uỷ thác với một số đơn vị khác và có phát sinh các chi phí thì: (i) các chi phí thực tế có liên đến hoạt động uỷ thác nhập khẩu có đủ hoá đơn, chứng từ hợp lệ và được qui định rõ tại hợp đồng nhập khẩu uỷ thác thì được tính vào chi phí hợp lý của hoạt động uỷ thác xuất khẩu;

(ii) Các khoản chi phí không liên quan đến hoạt động uỷ thác nhập khẩu, mặc dù có đủ hoá đơn, chứng từ hợp lệ cũng không được tính vào chi phí hợp lý của hoạt động uỷ thác xuất khẩu (*CV số 808 TCT/DNK ngày 22/3/2005*).

107. Cá nhân nhân hoa hồng đại lý sau 01/01/2005 bị tạm khấu trừ 10% thu nhập: Cá nhân làm đại lý nhận hoa hồng đại lý trước ngày 01/01/2005 sẽ được nộp thuế TNCN theo phương thức khấu trừ tại nguồn với thuế suất 5% đến ngày 31/12/2004. Đối với khoản hoa hồng đại lý của tháng 12/2004 nhưng thực tế chi trả sau ngày 01/01/2005 thì doanh nghiệp giao đại lý phải thực hiện tạm khấu trừ 10% thu nhập theo quy định mới về thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (**CV số 798 TCT/DNK ngày 22/3/2005**).
108. Xác định chi phí hợp lý: Đối với khoản chi phí hoa hồng cho đơn vị và cá nhân tìm khách hàng quảng cáo trên các Báo thì, theo qui định, khoản chi hoa hồng đó là khoản chi hoa hồng mỗi giới. Khoản chi này chỉ được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế theo sổ thực chi, nhưng tối đa không quá 10% tổng số các khoản chi phí hợp lý.

Trường hợp các Báo chi hoa hồng cho đơn vị và cá nhân khai thác quảng cáo vượt quá 10% tổng các khoản chi phí hợp lý, thì phần chi vượt sẽ không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Các Báo phải dùng lợi nhuận sau thuế TNDN để chi cho khoản chi vượt này (**CV số 2925 TC/TCT ngày 14/3/2005**).
109. Thời điểm hoàn thành hành vi trốn thuế: Theo qui định của Bộ Tài chính, đối với các trường hợp pháp luật qui định chế độ kê khai, tạm nộp hàng tháng, quyết toán theo/thời điểm cá nhân, tổ chức thực hiện nộp quyết toán thuế/theo qui định của pháp luật về thuế là thời điểm hoàn thành việc kê khai số thuế phải nộp; đối với các trường hợp hoàn thuế, miễn, giảm thuế là thời điểm quyết định hoàn thuế, giảm thuế, miễn thuế của cơ quan thuế có hiệu lực thi hành.

Dựa theo qui định trên thì, thời điểm xác định hoàn thành hành vi trốn thuế để xử phạt về hành vi trốn thuế được tính từ sau ngày hết hạn qui định phải nộp quyết toán thuế GTGT năm, hoặc tính từ thời điểm quyết định hoàn thuế, giảm thuế, miễn thuế của cơ quan thuế có hiệu lực thi hành. (**CV số 780 TCT/PC-CS ngày 17/3/2005**).
110. Được hạch toán giá trị nguyên vật liệu mua hộ bên nước ngoài vào chi phí gia công: Theo CV số 752 TCT/ĐTN ngày 15/3/2005 của BTC, nếu nhận gia công hàng hoá đồng thời mua hộ nguyên vật liệu gia công tại Việt Nam cho Bên nước ngoài thì doanh nghiệp được hạch toán cả chi phí giá trị nguyên vật liệu mua hộ vào chi phí gia công. (**CV số 752 TCT/ĐTN ngày 15/3/2005**).
111. Được chuyển lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái vào chi phí để tính thuế TNDN: Khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối/mà phát sinh lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái thì doanh nghiệp được kết chuyển toàn bộ số lỗ này vào chi phí để xác định thu nhập chịu thuế TNDN. (**CV số 750 TCT/ĐTN ngày 15/3/2005**).
112. Thuế thu nhập từ tiền thưởng khuyến mại: Bộ Tài chính hướng dẫn, đối với khoản tiền thưởng bằng tiền đơn vị chi trả thì phải căn cứ vào hợp đồng khuyến mại cho khách hàng được ký kết giữa hai bên, qui chế kinh doanh của doanh nghiệp về chính sách khuyến mại và lập chứng từ chi tiền ghi rõ khoản chi thưởng khuyến mại. Chứng từ chi phải có đầy đủ chữ ký của các bên – đây là căn cứ để bên chi hạch toán vào chi phí. Đơn vị nhận tiền phải hạch toán khoản tiền nhận được vào thu nhập khác để tính thuế TNDN. (**CV số 708 TCT/DNK ngày 14/3/2005**).
113. Kinh doanh nông sản có thể không được miễn thuế GTGT, thuế TNDN: Hàng nông sản kinh doanh buôn chuyển được miễn thuế GTGT, thuế TNDN. Tuy nhiên, theo CV số 705 TCT/DNK ngày 14/3/2005 của TCT, doanh nghiệp buôn bán hàng nông sản, có địa điểm kinh doanh cố định và hoạt động kinh doanh là thường xuyên thì hoạt động buôn bán nông sản trong trường hợp này không được coi là hoạt động buôn chuyển và không được miễn thuế GTGT, thuế TNDN. (**CV số 705 TCT/DNK ngày 14/3/2005**).
114. Đơn vị phụ thuộc nộp và quyết toán thuế tại nơi doanh nghiệp có trụ sở chính: Doanh nghiệp có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế TNDN tại địa phương nơi đặt trụ sở chính đối với hoạt động của mình, kể cả phần thu nhập từ các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc đóng tại địa phương khác. (**CV số 704 TCT/DNN ngày 14/3/2005**).
115. Tài sản góp vốn thành lập doanh nghiệp không phải chịu thuế GTGT, thuế TNDN: Khi nhận vốn góp bằng tài sản không phải đăng ký quyền sở hữu, doanh nghiệp phải lập biên bản chứng nhận vốn góp, giao nhận tài sản, định giá tài sản và điều chuyển tài sản để làm cơ sở pháp lý cho việc tính khấu hao tài sản sau này. Đối với tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, doanh nghiệp phải xuất hóa đơn (không ghi thuế GTGT) để làm căn cứ cho việc hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tại cơ quan nhà nước và không phải chịu lệ phí trước bạ trong trường hợp này. (**CV số 2926 TC/TCT ngày 14/3/2005**).
116. Được tính vào chi phí khoản hoa hồng trả cho môi giới khai thác quảng cáo trên báo: Khoản chi hoa hồng môi giới cho các doanh nghiệp, cá nhân tìm khách hàng quảng cáo trên báo chí được tính vào chi phí hợp lý theo sổ thực chi, nhưng tối đa không vượt quá 10% tổng chi phí hợp lý. (**CV số 2925 TC/TCT ngày 14/3/2005**).
117. Đầu tư vào Dung Quất có thể được hưởng thuế TNDN 10% suốt thời gian thực hiện dự án: Khu công nghiệp Dung Quất được chuyển đổi thành Khu kinh tế Dung Quất theo QĐ số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 của TTCP với rất nhiều điều kiện đặc biệt ưu đãi cho các nhà đầu tư. Đáng chú ý là nhà đầu tư có thể được hưởng thuế suất thuế TNDN đặc biệt ưu đãi là 10% trong suốt thời gian thực hiện dự án. Quy định này áp dụng đối với những dự án có quy mô lớn và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành, lĩnh vực hoặc phát triển kinh tế - xã hội của vùng. (**QĐ số 50/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005**).

118. **Xoá nợ thuế:** Về việc xoá nợ thuế khi thực hiện cổ phần hoá, theo Bộ Tài chính thì, đối với doanh nghiệp đã cổ phần hoá và đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, nếu có phát sinh lỗ từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giám đốc doanh nghiệp và Ban đổi mới doanh nghiệp tại doanh nghiệp phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm tập thể, cá nhân, báo cáo cơ quan có thẩm quyền Quyết định cổ phần hoá kiểm tra xử lý.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hoá có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính doanh nghiệp và cơ quan quản lý quỹ sắp xếp doanh nghiệp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá xử lý khoản lỗ phát sinh từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chuyển sang công ty cổ phần. *(CV số 694 TCT/DNNN ngày 11/3/2005).*
119. **Doanh nghiệp sản xuất, chế biến hàng mây tre được miễn, giảm thuế TNDN:** Theo Công văn 660 TCT/PCCS ngày 09/3/2005 của TCT, gia công, chế biến hàng mây tre thuộc danh mục ngành nghề, lĩnh vực được hưởng ưu đãi đầu tư. Do vậy, doanh nghiệp thu mua nguyên vật liệu mây tre về sản xuất, chế biến thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế TNDN. *(Công văn 660 TCT/PCCS ngày 09/3/2005).*
120. **Chi phí thù lao của HĐQT:** Theo luật định, tiền lương, tiền công của các sáng lập viên doanh nghiệp không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì không được tính vào chi phí tiền lương, tiền công. Ngoài ra, những khoản chi thù lao, bồi dưỡng hợp định kỳ của thành viên HĐQT, Ban kiểm soát tham gia hoặc không tham gia điều hành sản xuất kinh doanh vẫn được tính vào chi phí hợp lý theo qui chế đã được HĐQT, người tham gia góp vốn thống nhất. *(CV số 658 TCT/PCCS ngày 09/3/2005).*
121. **Chi hỗ trợ và chứng từ:** Đối với khoản hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị, chi thường khuyến mại bằng tiền thì doanh nghiệp phải căn cứ vào hợp đồng khuyến mại cho khách hàng được ký kết giữa hai bên, qui chế kinh doanh của doanh nghiệp về chính sách khuyến mại. Sau đó lập chứng từ chi tiền ghi rõ là khoản chi hỗ trợ chi phí, hỗ trợ tiếp thị hoặc chi thường khuyến mại.
- Chứng từ đó phải có đầy đủ chữ ký của các bên, người duyệt chi chịu trách nhiệm đối với khoản chi này, thì khoản chi này được hạch toán vào chi phí khác theo mức khống chế qui định hiện hành. *(CV số 657 TCT/ĐTNV ngày 09/3/2005).*
122. **Trích khấu hao TSCĐ:** Tài sản cố định được trích khấu hao vào chi phí khi đáp ứng được các điều kiện: TSCĐ đó sử dụng vào sản xuất, kinh doanh; có đầy đủ hoá đơn, chứng từ và các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh TSCĐ thuộc quyền sở hữu của cơ sở kinh doanh; và TSCĐ phải được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của cơ sở kinh doanh theo chế độ quản lý và hạch toán kế toán hiện hành. *(CV số 655 TCT/DNK ngày 09/3/2005).*
- Trong trường hợp cụ thể, một doanh nghiệp có hợp đồng mượn nhà để phục vụ sản xuất kinh doanh, trong quá trình kinh doanh có phát sinh chi phí sửa chữa nhà, sử dụng điện, nước có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp; trên hoá đơn ghi đúng tên, mã số thuế của người mua là doanh nghiệp thì được tính chi phí hợp lý - nếu: các chứng từ này thực tế sử dụng cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, không liên quan tới việc tiêu dùng của hộ gia đình là chủ nhà; riêng chi phí sửa chữa nhà, nếu số chi phí phát sinh lớn do sửa chữa cải tạo lớn, làm thay đổi kết cấu nhà hoặc tăng giá trị nhà thì được xác định như một hình thức cho thuê nhà kinh doanh khi chủ thực hiện nộp thuế, hoặc doanh nghiệp nộp thay. Thuế cho thuê nhà tương ứng với số chi này. *(CV số 656 TCT/DNK ngày 09/3/2005).*
123. **Ấn định thuế đ/v cơ sở kinh doanh:** Căn cứ theo Luật thuế TNDN, nếu doanh nghiệp tư nhân mới được thành lập từ hộ khoán ổn định kinh doanh, như: ăn uống, xăng dầu, dịch vụ, xây dựng vận tải... qua kiểm tra phát hiện vi phạm chế độ lập hoá đơn chứng từ, chế độ kê khai nộp thuế thì cơ quan thuế được quyền ấn định thu nhập chịu thuế để tính thuế TNDN.
- Để công việc này đảm bảo phù hợp với loại hình hoạt động kinh doanh và thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện tốt chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ và kê khai nộp thuế, cơ quan Thuế sẽ khảo sát để xác định tỷ lệ thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu để tính số thuế ấn định đối với cơ sở không hạch toán xác định đúng doanh thu, đồng thời ấn định doanh thu tính thuế. *(CV số 652 TCT/DNK ngày 09/3/2005).*
124. **Xác định chi phí hợp lý được trừ:** Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân khách tiết, chi phí giao dịch, đối ngoại, chi hoa hồng môi giới, chi phí hội nghị và các loại chi phí khác được tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế, nhưng tối đa không quá 10% tổng các khoản chi phí hợp lý mà Bộ Tài chính đã qui định trong Luật thuế TNDN.
- Đối với hoạt động kinh doanh thương nghiệp, chi phí hợp lý để xác định mức khống chế không bao gồm giá vốn của hàng hoá bán ra. *(CV số 636 TCT/PCCS ngày 08/3/2005).*
125. **Không tính vào chi phí tiền CGCN trả trước ngày HĐ CGCN được phê duyệt:** Các khoản chi trả liên quan đến chuyển giao công nghệ chỉ được tính vào chi phí hợp lý sau khi hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đăng ký. Vì vậy, theo Công văn 2513 TC/TCT ngày 04/3/2005 của BTC, nếu trả trước ngày hợp đồng được phê duyệt, đăng ký, các khoản tiền trên sẽ không được tính vào chi phí hợp lý. *(Công văn 2513 TC/TCT ngày 04/3/2005).*

126. Tiền phạt VPHC phải lấy từ lợi nhuận sau thuế: Theo CV số 607 TCT/DTNN ngày 04/03/2005 của TCT, nếu bị phạt phi phạm hành chính trong quá trình hoạt động thì doanh nghiệp phải lấy tiền từ lợi nhuận sau thuế để nộp phạt. *(CV số 607 TCT/DTNN ngày 04/03/2005).*
127. Chi phí rủi ro: Trường hợp giá trị hàng hoá hàng nhập khẩu của một doanh nghiệp bị rủi ro, đã được Ủy ban trọng tài kinh tế Việt Nam bác yêu cầu đòi bên nước ngoài bồi thường và khoản chi phí trọng tài, sau khi trừ các khoản bồi thường, bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính, giá trị thu hồi, giá trị và chi phí còn lại được tính trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNDN. *(CV số 596 TCT/DNK ngày 02/3/2005).*
128. Không được hạch toán khoản chi không vào chi phí: Theo CV số 592 TCT/TTtr ngày 02/3/2005 của TCT, nếu lập hóa đơn cho các khoản chi không phát sinh trên thực tế, doanh nghiệp không những không được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh mà còn bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng hóa đơn không nhằm mục đích làm giảm số thuế phải nộp hoặc làm tăng số thuế được hoàn, miễn, giảm. *(CV số 592 TCT/TTtr ngày 02/3/2005).*
129. Doanh nghiệp KTM không được khấu trừ thuế đối với chi phí vận chuyển nội địa: Doanh nghiệp trong Khu thương mại không được khấu trừ thuế GTGT đối với chi phí vận chuyển hàng hóa trong Khu thương mại đến các cửa khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng ký với các doanh nghiệp vận tải nội địa. Tuy nhiên, doanh nghiệp được tính chi phí vận chuyển này vào chi phí hợp lý để xác định thuế TNDN. *(CV số 583 TCT/DNNN ngày 2/3/2005).*
130. Tờ khai quyết toán thuế TNDN: Theo qui định của Luật thuế TNDN thì, cơ sở kinh doanh phải nộp tờ khai quyết toán thuế TNDN cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc/dương lịch hoặc kết thúc năm tài chính.
- Đối với trường hợp cơ sở kinh doanh chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi hình thức sở hữu, sáp nhập, chia tách, giải thể, phá sản thì thời gian nộp tờ khai quyết toán thuế trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền. *(CV số 565 TCT/DNK ngày 28/02/2005).*
131. Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh: Các khoản không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế như: chi về đầu tư xây dựng cơ bản, chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội và ủng hộ địa phương... không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.
- Theo đó, nếu một doanh nghiệp đầu tư làm đường thuộc tài sản của doanh nghiệp thì được hạch toán vào TSCĐ và trích khấu hao theo qui định; nếu doanh nghiệp ủng hộ địa phương tiền để làm đường trên đất của xã thì không được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế. *(CV số 544 TCT/DNK ngày 25/02/2005).*
132. Xác định chi phí hợp lý: Luật thuế TNDN đã qui định, các khoản chi không có hoá đơn, chứng từ thì không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.
- Đối với một doanh nghiệp, khi ngân hàng khấu trừ phí thanh toán vào số tiền thanh toán hàng hoá do khách hàng chuyển trả thì doanh nghiệp phải giải trình đầy đủ chứng từ để chứng minh khoản phí thực tế đã bị khấu trừ thì sẽ được hạch toán vào chi phí. Nếu doanh nghiệp không có đầy đủ chứng từ chứng minh khoản chênh lệch thiếu trong thanh toán tiền hàng xuất khẩu là phí dịch vụ chuyển tiền do ngân hàng trung gian nước ngoài khấu trừ thì không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. *(CV số 537 TCT/DNNN ngày 23/02/2005).*
133. Phải xuất trình chứng từ về lợi nhuận được chia khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài: Khi chuyển lợi nhuận là cổ tức được chia ra nước ngoài, bên cạnh việc lập Tờ khai chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, nhà đầu tư còn phải xuất trình chứng từ chứng minh số cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế. Cơ quan thuế sẽ dựa trên các tài liệu trên để xác nhận số thu nhập có thể chuyển ra nước ngoài *(CV số 466 TCT/DTNN ngày 04/02/2005).*
134. Không được trích trước lãi vay để tính chi phí: Doanh nghiệp không được trích trước lãi vay phải trả trong nhiều năm vào chi phí hợp lý. Thay vào đó, khoản chi trả lãi tiền vay ngân hàng chỉ được tính vào chi phí khi doanh nghiệp đã thực trả cho Ngân hàng theo tiến độ trả lãi quy định tại Hợp đồng *(CV số 439 TCT/DNK ngày 02/02/2005).*
135. Được tính vào chi phí khoản tiền thuê dịch vụ kỹ thuật của nước ngoài: Doanh nghiệp ký hợp đồng thuê dịch vụ kỹ thuật của nước ngoài và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế nhà thầu thì khoản chi phí thuê dịch vụ trả cho đối tác nước ngoài sẽ được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế *(CV số 414 TCT/DTNN ngày 01/02/2005).*
136. Các bên hợp doanh có thể tự thỏa thuận về thời gian phân chia thu nhập: Các bên ký hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể tự thỏa thuận việc phân chia thu nhập trước thuế hay sau thuế. Nếu các bên phân chia thu nhập trước thuế thì mỗi bên có trách nhiệm tự khai báo và nộp thuế TNDN cho khoản thu nhập được chia. Nếu phân chia thu nhập sau thuế thì các bên không phải nộp thuế TNDN cho khoản thu nhập được chia nhưng phải có xác nhận của cơ quan thuế trực tiếp quản lý doanh nghiệp về việc liên danh đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế *(CV số 399 TCT/PCCS ngày 31/1/2005).*
137. Kinh phí đào tạo nguồn nhân lực: Tại TT số 09/2005/TT-BTC ngày 28/01/2005, Bộ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2004 – 2008.

Theo qui định, đối tượng tham gia chương trình là chủ và cán bộ quản lý của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các cá nhân; tổ chức có nguyện vọng khởi sự thành lập doanh nghiệp; các doanh nhân nữ; các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

Việc đào tạo theo hình thức đào tạo ngắn hạn tập trung. Thời gian mỗi đợt đào tạo tối đa 05 ngày đối với cá nhân; 07 ngày đối với các khoá đào tạo quản trị doanh nghiệp, với mức hỗ trợ không quá 600.000đ/ 1 suất đào tạo; 14 ngày đối với các khoá bồi dưỡng nâng cao chất lượng cho các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, và mức phí hỗ trợ không vượt quá 1 triệu đồng/ 1 suất đào tạo.

Đối với các khoản chi do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tự chi trả gồm: chi phí đi lại, tiền ăn, tiền ở, tiền mua tài liệu,... doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. theo định kỳ; nhưng đối với các học viên thuộc các địa bàn đặc biệt khó khăn, được Nhà nước hỗ trợ những khoản chi phí trên, hoặc được hỗ trợ từ các nguồn tài trợ thì không được tính vào chi phí hợp lý để tính thuế TNDN (*TT số 09/2005/TT-BTC ngày 28/01/2005*).

138. **Hạch toán chi phí:** Đối với tổ chức, cá nhân bán hàng hoá, dịch vụ khi bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ phải lập, giao hoá đơn cho khách hàng theo qui định mà Chính phủ đã đề ra.

Trường hợp một đơn vị thi công mua vật tư để xây dựng công trình thì đơn vị bán vật tư phải xuất ngay hoá đơn sau khi bán, trao đổi hàng hoá, dịch vụ không căn cứ vào việc đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Giả dụ, nếu do chưa thanh toán ngay nên bên bán chưa xuất hoá đơn cho chủ công trình từ năm 2001, 2002 nhưng đến năm 2003 đơn vị bán vật tư mới xuất hoá đơn cho đơn vị thi công thì hoá đơn đó không đảm bảo tính hợp pháp để hạch toán vào chi phí và khấu trừ thuế GTGT đầu vào (*CV số 355 TCT/PCCS ngày 25/01/2005*).

139. **Thuế đối với đơn vị sự nghiệp có thu:** Theo qui định của Pháp lệnh phí và lệ phí các khoản thu phí của các đơn vị sự nghiệp có thu không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN.

Đối với hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp có thu thì, các đơn vị sự nghiệp có các hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ có trách nhiệm đăng ký kê khai và nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các khoản nộp khác theo luật định.

Thu nhập chịu thuế để tính thuế TNDN được xác định bằng doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trừ các khoản chi phí hợp lý trong kỳ cộng thu nhập chịu thuế khác. Theo cách tính trên, trong trường hợp chi phí hợp lý vượt quá doanh thu nên không phát sinh thu nhập chịu thuế thì đơn vị không phải nộp thuế TNDN (*CV số 352 TCT/PCCS ngày 25/01/2005*).

140. **Xác định thuế TNDN khi thanh lý TSCĐ:** Theo qui định của Bộ Tài chính thì, khoản thu nhập từ thanh lý tài sản được xác định là khoản thu nhập chịu thuế khác. Khoản thu nhập này được xác định bằng doanh thu thu được do thanh lý tài sản trừ đi giá trị còn lại của tài sản thanh lý và các khoản chi phí liên quan đến thanh lý tài sản.

Các khoản thu nhập khác được tổng hợp với khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định tổng thu nhập chịu thuế TNDN trước khi tính thuế TNDN. Nếu khi thanh lý tài sản mà bị lỗ thì khoản lỗ này được tổng hợp trừ vào khoản thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định tổng thu nhập chịu thuế TNDN (*CV số 327 TCT/DNK ngày 24/01/2005*).

141. **Xác định thu nhập chịu thuế:** Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản tiền mua máy móc thiết bị của đối tác nước ngoài nhưng bên nước ngoài không đòi nợ và đơn vị cũng chưa thanh toán; khoản tiền khách hàng chuyển thừa mà bên nước ngoài không xác định hiện nay ở đâu được coi là khoản thu nhập khác để tính thu nhập chịu thuế. Thời điểm xác định thu nhập là thời điểm đối chiếu công nợ cuối cùng. Trường hợp doanh nghiệp đã đưa các khoản này vào thu nhập khác mà nay phải trả do đã xác định được chủ nợ thì được điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (*CV số 275 TCT/PCCS ngày 20/01/2005*).

142. **Chuyển khoản tiền khuyến mại:** Trong trường hợp doanh nghiệp nhận làm đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng thì, khi nhận khoản tiền dùng để khuyến mại cho khách hàng của bên giao đại lý chuyển được đến hạch toán vào tài khoản thu nhập khác.

Doanh nghiệp nhận làm đại lý thực hiện việc khuyến mại cho khách hàng theo đúng qui chế qui định của bên giao đại lý và phải có đầy đủ hoá đơn chứng từ chứng minh việc thực hiện khuyến mại cho khách hàng thì số tiền nêu trên không bị khống chế chi phí theo qui định của Bộ Tài chính (*CV số 256 TCT/DNK ngày 19/01/2005*).

143. **Ưu đãi thuế:** Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư và cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm thuộc diện được miễn, giảm thuế TNDN. Mức và thời gian miễn, giảm thuế TNDN cụ thể tùy thuộc vào ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn đầu tư và việc sử dụng số lượng lao động.

Với trường hợp chuyển địa điểm, cơ sở kinh doanh phải thực hiện quyết toán thuế TNDN với Cục thuế tại địa phương cũ cho tới thời hạn di chuyển. Trong quyết toán thuế, phải xác định rõ thời điểm bắt đầu được miễn, giảm thuế, thời gian đã miễn, giảm thuế làm căn cứ để Cục thuế tại địa điểm mà cơ sở mới chuyển đến xác định tiếp thời gian còn lại được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế (*CV số 260 TCT/DNK ngày 19/01/2005*).

144. **Chi phí nhắn tin:** Trường hợp một doanh nghiệp sử dụng các máy điện thoại di động và cố định mang tên doanh nghiệp để nhắn tin vào máy di động của khách hàng nhằm mục đích tiếp thị, và chi phí nhắn tin có hoá đơn hợp pháp thì các khoản chi phí này được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế theo mức khống chế tối đa không quá 10% tổng số các khoản chi hợp lý theo qui định.
- Để quản lý được chi phí nhắn tin phục vụ tiếp thị, Cục thuế sẽ hướng dẫn cho doanh nghiệp đăng ký cụ thể số máy sử dụng để nhắn tin và yêu cầu doanh nghiệp chịu trách nhiệm về chi phí nhắn tin. Nếu tin nhắn không phục vụ mục đích kinh doanh, mà doanh nghiệp vẫn tính vào chi phí thì sẽ bị xử lý theo luật định (**CV số 224 TCT/DNK ngày 18/01/2005**).
145. **Giá bán xe hai bánh gắn máy:** Một công ty kinh doanh xe hai bánh gắn máy do Công ty A sản xuất, lắp ráp theo hình thức mua đứt bán đoạn, giá bán do công ty kinh doanh chủ động, không phụ thuộc vào giá bán do Công ty A công bố. Công ty kinh doanh thực hiện niêm yết giá bán thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ tối đa là 5%. Nếu bán theo giá thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ là 4% thì không bị xử lý truy thu thuế GTGT, thuế TNDN theo giá tính lệ phí trước bạ; Ngược lại, nếu công ty kinh doanh không thực hiện niêm yết giá bán theo qui định, bán thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ sẽ bị xử lý truy thu thuế GTGT, thuế TNDN theo giá tính lệ phí trước bạ (**CV số 139 TCT/DNK ngày 12/01/2005**).
146. **Đăng ký nộp thuế và sử dụng hoá đơn:** Luật thuế TNDN qui định, các nghiệp đoàn công nhân công nhật hoạt động như một tổ chức công đoàn cơ sở, không có hoạt động sản xuất, kinh doanh mà chỉ cử đại diện ký nhận tiền thanh toán của chủ hàng và thanh toán lại cho người lao động theo bảng chấm công của chủ hàng thì không phải đăng ký, nộp thuế. Chủ hàng phải có hợp đồng lao động với công nhân, yêu cầu nghiệp đoàn công nhân công nhật cung cấp bảng chấm công và bảng ký nhận tiền lương của từng công nhân.
- Bảng ký nhận tiền lương, bảng chấm công và phiếu chi tiền là cơ sở để tính vào chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế TNDN (**CV số 130 TCT/PCCS ngày 12/01/2005**).
147. **Thuế hàng hoá bị hư hỏng, tổn thất:** Hàng hoá bị tổn thất do nguyên nhân chủ quan hay khách quan đều không được tính vào chi phí hợp lý. Giá trị hàng hoá tổn thất sau khi trừ các khoản giá trị bồi thường bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính, giá trị tổn thất còn lại được đưa vào lỗ và trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế TNDN theo qui định về thuế TNDN.
- Hàng hoá tổn thất phải tiêu huỷ hoặc huỷ bỏ thì doanh nghiệp phải lập hội đồng thanh huỷ, trong đó có biên bản xác định rõ mức độ, nguyên nhân và trách nhiệm. Biên bản phải ghi rõ số lượng, chủng loại, giá trị hàng huỷ, giá trị thanh lý có thể thu hồi được, giám đốc doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm trước các cơ quan có thẩm quyền (**CV số 102 TCT/PCCS ngày 11/01/2005**).
148. **Kê khai nộp thuế TNDN:** Luật thuế TNDN qui định, các cơ sở kinh doanh khi đang ký kê khai thuế phải khai rõ cả các đơn vị trực thuộc hạch toán kinh doanh độc lập và các đơn vị hạch toán phụ thuộc báo sổ. Các đơn vị trực thuộc cơ sở kinh doanh thực hiện hạch toán độc lập hay phụ thuộc báo sổ đều phải đăng ký thuế với cơ quan thuế địa phương nơi đơn vị đóng trụ sở.
- Các đơn vị hạch toán độc lập thuộc cơ sở kinh doanh có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế riêng. Các đơn vị hạch toán báo sổ phụ thuộc cơ sở kinh doanh chính chỉ đăng ký thuế tại địa phương, không có nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế tại địa phương; cơ sở kinh doanh chính có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế phần kinh doanh của mình và của các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào báo sổ (**CV số 41 TCT/PCCS ngày 05/01/2005**).
149. **Thuế hàng biếu tặng:** Trường hợp cơ sở kinh doanh mua hàng hoá để bán, khi mua hàng được bên bán xuất kèm cả hàng hoá khuyến mại để cơ sở bán hàng thường khuyến mại cho người mua khi mua hàng, cơ sở mua hàng chỉ là người nhận hộ để khuyến mại cho khách hàng thì hàng khuyến mại không được tính vào thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở mua hàng theo dõi trên sổ kế toán lượng hàng nhập, xuất khuyến mại.
- Nếu cơ sở kinh doanh không thực hiện đúng theo qui định của bên giao hàng, hoặc có khuyến mại nhưng không ghi trên hoá đơn thì hàng khuyến mại không được chấp nhận, giá trị hàng khuyến mại không đúng được xác định là thu nhập khác để tính thuế TNDN (**CV số 02 TCT/DNK ngày 05/01/2005**).
150. **Hạch toán án phí và lãi trả chậm:** Doanh nghiệp vi phạm hợp đồng kinh tế bị toà án quyết định phải nộp án phí và trả lãi do thanh toán chậm tiền hàng theo hợp đồng kinh tế cho bên bán thì khoản án phí và lãi trả chậm được bù trừ vào khoản thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Trường hợp sau khi bù trừ, khoản án phí và lãi trả chậm vẫn còn thì không được tính vào chi phí hợp lý. Trường hợp không có khoản thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc số tiền bị phạt lớn hơn số tiền thu được do vi phạm hợp đồng kinh tế thì khoản tiền bị phạt hoặc số tiền chênh lệch giữa tiền bị phạt lớn hơn số tiền thu về vi phạm hợp đồng kinh tế không được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN (**CV số 01 TCT/PCCS ngày 05/01/2005**).
151. **Công việc thực hiện ở nước ngoài có thể phải chịu thuế ở Việt Nam:** Công việc của nhà thầu nước ngoài thực hiện ngoài lãnh thổ Việt Nam thì về nguyên tắc sẽ không phải chịu thuế GTGT và thuế TNDN tại Việt Nam. Tuy vậy, nếu không tách riêng được giá trị từng phần việc thực hiện tại Việt Nam và ở nước ngoài thì toàn bộ giá trị hợp đồng của nhà thầu nước ngoài có thể phải chịu thuế ở Việt Nam (**CV số 4394 TCT/ĐTN ngày 30/12/2004**).

152. Doanh thu tính thuế đối với hoạt động gia công là số tiền thực thu: Căn cứ để tính doanh thu chịu thuế đối với hoạt động gia công hàng xuất khẩu là tổng số tiền nhận được từ bên giao gia công, bao gồm tiền công, chi phí nhiên liệu, vật liệu (nếu có) và các chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa **(CV số 4348 TCT/ĐTN ngày 28/12/2004)**.

153. Mẫu tờ khai tự quyết toán thuế TNDN: Bộ Tài chính ban hành TT số 128/2004/TT-BTC ngày 27/12/2004, sửa đổi TT số 128/2003/TT-BTC ngày 27/12/2003 và TT số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004 về mẫu tờ khai tự quyết toán thuế TNDN và hướng dẫn lập tờ khai tự quyết toán thuế TNDN.

Tại Thông tư này, Bộ Tài chính ban hành kèm theo những phụ lục hướng dẫn cho các doanh nghiệp khi tự làm Tờ khai quyết toán thuế TNDN năm. Đó là hướng dẫn số thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất trong thời kỳ tính thuế; Thuế TNDN được miễn giảm đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư và cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm; Thuế TNDN được miễn giảm đối với cơ sở kinh doanh đầu tư dây chuyền sản xuất mới, mở rộng qui mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường; Thuế TNDN được miễn giảm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu;... **(TT số 128/2004/TT-BTC ngày 27/12/2004)**.

THUẾ TNCN

1. Khấu trừ tiền thuế thu nhập cao: Đối với thu nhập thường xuyên, các đối tượng nộp thuế phải thực hiện kê khai tạm nộp thuế hàng tháng. Cụ thể, cơ quan chi trả thu nhập có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thu nhập thường xuyên, tính trên số thu nhập chịu thuế do cơ quan trực tiếp chi trả cho cá nhân trong tháng.

Trường hợp trong năm chỉ làm việc một số tháng, sau đó không làm việc tại cơ quan chi trả thu nhập, thì cá nhân thực hiện quyết toán thuế thu nhập với cơ quan chi trả thu nhập cho số tháng đã làm việc, để cơ quan chi trả thu nhập cấp Biên lai thuế thu nhập. **(CV số 1849 TCT/TNCN ngày 14/6/2005)**.

2. Thuế khoản lợi ích được hưởng: Các lợi ích được hưởng do cơ quan chi trả thu nhập thanh toán như chi phí đào tạo nhân viên trả cho nơi đào tạo, chi vé máy bay về phép của người nước ngoài, học phí cho con của người nước ngoài trả trực tiếp cho các cơ sở giáo dục tại Việt Nam (thuộc các cấp từ giáo dục mầm non đến trung học phổ thông) là các khoản thu nhập không chịu thuế.

Các khoản lợi ích nêu trên là do cơ quan chi trả thu nhập thanh toán với bên cung cấp dịch vụ và các cơ sở giáo dục tại Việt Nam. Các đơn vị này có trách nhiệm xuất chứng từ cho các cơ quan chi trả thu nhập. Đây là khoản lợi ích mà đối tượng nộp thuế được hưởng, không thuộc diện chịu thuế TNCN. Do đó, khi kê khai thu nhập để tính thuế TNCN, cá nhân không phải kê khai khoản thu nhập này. **(CV số 1739 TCT/TNCN ngày 07/6/2005)**.

3. Xác định thu nhập chịu thuế: Bộ Tài chính đã qui định, các khoản thu nhập làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế là thu nhập trước khi khấu trừ thuế TNCN. Trường hợp thu nhập thực nhận không bao gồm thuế TNCN thì phải qui đổi thành thu nhập trước thuế.

Do đó, đối với khoản tiền nhà được chi trả hộ thì, khi xác định thu nhập chịu thuế của cá nhân, phải qui đổi các khoản thu nhập sau thuế thành thu nhập trước thuế, sau đó cộng với khoản thu nhập chịu thuế khác, và cộng với khoản tiền nhà được chi trả hộ để xác định tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân. **(CV số 1580 TCT/TNCN ngày 26/5/2005)**.

4. VPĐD có thể kê khai, nộp thuế TNCN trực tiếp hoặc thông qua đơn vị quản lý: VPĐD có thể lựa chọn kê khai, nộp thuế TNCN theo một trong hai cách thức: (i) đăng ký nộp thuế trực tiếp tại các cục Thuế địa phương; hoặc (ii) nộp thuế thông qua đơn vị quản lý (Sở Thương mại địa phương) nếu đơn vị quản lý này được cơ quan thuế uỷ quyền thu thuế. **(CV số 6229 TC/TCT ngày 24/5/2005)**.

5. Thu nhập chịu thuế của người lao động: Khi ký kết hợp đồng lao động, nếu qui định thu nhập thực nhận - gồm tiền lương, tiền công, tiền thù lao, không có thuế thu nhập thì phải qui đổi thành thu nhập có thuế để làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế.

Riêng khoản tiền khoán công tác phí đối với người lao động thường xuyên đi công tác ở những vùng không có điều kiện thu thập hoá đơn, chứng từ cho các chi phí ăn, nghỉ, đi lại thì không phải qui đổi thành thu nhập có thuế mà được cộng trực tiếp vào thu nhập chịu thuế. **(CV số 1488 TCT/ĐTN ngày 19/5/2005)**.

6. Không phải nộp thuế TNCN đối với trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm: Trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm của người Việt Nam, người nước ngoài đều không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN. Chứng từ làm căn cứ xác nhận cho khoản thu nhập không phải chịu thuế là các chứng từ chi trả trợ cấp, các chứng từ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động. **(CV số 1294 TCT/ĐTN ngày 05/5/2005)**.

7. Tiền lãi cổ tức tạm thời chưa bị thu thuế TNCN: Tiền lãi cổ tức chia cho cổ đông tạm thời chưa bị thu thuế TNCN. Để không phải nộp thuế TNCN, cá nhân có khoản thu nhập này phải xuất trình được hồ sơ, tài liệu, chứng từ để chứng minh. **(CV số 1261 TCT/TNCN ngày 28/4/2005)**.

8. Khấu trừ thuế TNCN đối với tiền bảo hiểm tại trụ sở chính của công ty bảo hiểm: Trong trường hợp Tổng đại lý của công ty bảo hiểm là nơi phát sinh thu nhập thì việc khấu trừ thuế TNCN vẫn được thực hiện tại trụ sở chính của công ty bảo hiểm nếu công ty trực tiếp chi trả tiền bảo hiểm vào tài khoản của từng cá nhân. **(CV số 1260 TCT/TNCN ngày 28/4/2005)**.

9. Khấu trừ thuế 10% thuế TNDN được thực hiện thống nhất từ ngày 12/9/2004: Cá nhân có thu nhập từ 500.000 đồng/lần trở lên từ các hoạt động đại lý hưởng hoa hồng, môi giới v.v.. phải khấu trừ ngay thuế với mức 10% trên tổng thu nhập. Việc khấu trừ thuế 10% này được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 12/9/2004. **(CV số 4973 TC/CST ngày 16/4/2005).**
10. Thuế phải nộp được xác định trên cơ sở loại hợp đồng đã ký: Trong trường hợp ký hợp đồng kinh tế với doanh nghiệp và tự trang trải các chi phí thực hiện dịch vụ theo hợp đồng thì cá nhân sẽ phải nộp thuế GTGT và thuế TNDN, còn nếu ký hợp đồng lao động và doanh nghiệp trang trải các chi phí này thì cá nhân phải nộp thuế TNCN **(CV số 1074 TCT/DNK ngày 13/4/2005).**
11. Thu nhập thường xuyên chịu thuế: Bộ Tài chính quy định, các khoản thu nhập của các cá nhân không thuộc đối tượng chịu thuế TNDN là thu nhập từ dịch vụ khoa học, kỹ thuật, dịch vụ tin học, dịch vụ tư vấn, thiết kế, kiến trúc, đào tạo hoạt động biểu diễn, tổ chức biểu diễn,... thì thuộc thu nhập thường xuyên chịu thuế.
Do đó, một đơn vị ký hợp đồng với cá nhân trong nước làm dịch vụ nghiên cứu xây dựng các giải pháp công nghệ, thì cá nhân này phải nộp thuế TNCN và thu nhập từ dịch vụ này là thu nhập thường xuyên chịu thuế **(CV số 1029 TCT/TNCN ngày 06/4/2005).**
12. Thuế TNCN của người nước ngoài: Một doanh nghiệp có thuê lao động nước ngoài, khi quyết toán thuế TNCN, nếu cá nhân người nước ngoài đó kê khai thu nhập bình quân tháng ở nước ngoài thấp hơn thu nhập bình quân tháng ở Việt Nam mà không chứng minh được, thì lấy thu nhập bình quân tháng ở Việt Nam làm căn cứ tính số thuế phải nộp cho thời gian cá nhân đó ở nước ngoài **(CV số 1028 TCT/TNCN ngày 06/4/2005).**
13. Thoái trả thuế: Trường hợp cá nhân lập hồ sơ thoái trả thuế năm 2004, có thu nhập chịu thuế phát sinh năm 2004, đã khấu trừ thuế. Nhưng đầu năm 2005, cơ quan chi trả thu nhập mới cấp biên lai, chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân thì các chứng từ này được làm căn cứ xét thoái trả thuế năm 2004 cho cá nhân đó;
Cũng như vậy, trong trường hợp cá nhân có thu nhập phát sinh vào cuối năm 2004, nhưng thời điểm nộp thuế vào NSNN qua Kho bạc là vào tháng 01/2005, nếu trên biên lai, chứng từ, giấy nộp tiền vào NSNN ghi rõ là khấu trừ thuế, nộp thuế khoản phát sinh của năm 2004 thì các chứng từ này cũng được làm căn cứ xét thoái trả thuế năm 2004 **(CV số 1010 TCT/TNCN ngày 04/4/2005).**
14. Thuế các khoản chi trả hộ: Chi phí mua vé máy bay về thăm quê nhà của nhân viên người nước ngoài - đối tượng chịu thuế, thuộc diện không chịu thuế TNCN. Nhưng chi phí mua vé máy bay cho gia đình của nhân viên nước ngoài thuộc diện chịu thuế TNCN, nên phải cộng chung vào thu nhập của nhân viên người nước ngoài đó khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN. Tương tự như vậy, chi phí nghỉ phép hàng năm cũng phải cộng chung vào thu nhập để tính TNCN. Người nước ngoài được trợ cấp chuyển vùng 01 lần đến cư trú tại Việt Nam – đây là khoản thu nhập không chịu thuế TNCN. Nhưng chi phí vận chuyển đồ đạc về nước sau khi hết thời hạn làm việc tại Việt Nam lại là khoản thu nhập chịu thuế TNCN **(CV số 1006 TCT/TNCN ngày 04/4/2005).**
15. Quà biếu, quà tặng từ nước ngoài sau ngày 01/7/2004 không phải chịu thuế TNCN: Thu nhập từ quà biếu, quà tặng từ nước ngoài chuyển về trước ngày 01/7/2004 phải chịu thuế TNCN, nếu chuyển về nước từ ngày 01/7/2004 thuộc đối tượng không chịu thuế TNCN **(CV số 1241/TCHQ-KTTT ngày 04/4/2005).**
16. Tổng hợp thu nhập cả năm để tính thu nhập bình quân tháng: Thuế TNCN tính theo nguyên tắc thu nhập tại thời điểm nào thì áp dụng biểu thuế tương ứng tại thời điểm đó. Theo CV số 873 TCT/TNCN ngày 25/3/2005, nếu 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm có thu nhập khác nhau thì phải gộp thu nhập của cả năm lại để tính bình quân thu nhập trong cả năm rồi mới áp dụng quy tắc trên **(CV số 873 TCT/TNCN ngày 25/3/2005).**
17. Cá nhân trong doanh nghiệp FDI được miễn thuế TNCN theo GPĐT: Nhà đầu tư nước ngoài được miễn thuế TNCN theo quy định tại giấy phép đầu tư cấp cho doanh nghiệp FDI thì nhà đầu tư nước ngoài đó vẫn tiếp tục được hưởng ưu đãi về miễn thuế TNCN theo quy định hiện hành nếu thời hạn ưu đãi vẫn còn **(CV số 872 TCT/TNCN ngày 25/3/2005).**
18. Thuế TNCN: Căn cứ Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và các văn bản hướng dẫn hiện hành thì, các khoản thu nhập làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế là thu nhập trước khi khấu trừ thuế TNCN – thu nhập trước thuế. Trường hợp thu nhập thực nhận không bao gồm thuế TNCN – thu nhập sau thuế, thì phải qui đổi thành thu nhập trước thuế. **(CV số 749 TCT/TNCN ngày 15/3/2005).**
19. Không miễn thuế đối với người nước ngoài không phải là chuyên gia: Chuyên gia làm việc trong dự án ODA sẽ được miễn thuế TNCN, thuế nhập khẩu và các loại thuế khác có liên quan. Theo CV số 661 TCT/ĐTN ngày 09/3/2005 của TCT, chuyên gia phải được Bộ KH&ĐT cấp giấy xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam. Trong trường hợp chưa hoặc không được xác nhận là chuyên gia nước ngoài thì cá nhân đó phải nộp thuế TNCN và các loại thuế khác theo quy định chung. **(CV số 661 TCT/ĐTN ngày 09/3/2005).**
20. Quyết toán thuế TNCN năm 2004: Vấn đề này được Tổng cục Thuế hướng dẫn tại CV số 508 TCT/TNCN ngày 17/02/2005.

Tại hướng dẫn về xác định thu nhập chịu thuế và áp dụng biểu thuế thì, thu nhập thường xuyên chịu thuế năm 2004 được xác định là lấy tổng thu nhập chịu thuế cả năm chia cho 12 tháng để tính thu nhập chịu thuế bình quân tháng; thu nhập của 06 tháng đầu năm áp dụng thuế suất theo biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu

nhập thường xuyên theo qui định tại Thông tư 05/2002/TT-BTC ngày 17/01/2002; thu nhập của 06 tháng cuối năm áp dụng thuế suất theo biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập thường xuyên qui định tại Thông tư 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004.

Về việc khấu trừ thuế, những thu nhập từ dịch vụ tư vấn, đại lý, tiền bản quyền sử dụng sáng chế, nhuận bút, hoa hồng môi giới...từ 500.000 đồng/lần trở lên sẽ bị khấu trừ 10% thuế TNCN trước khi chi trả thu nhập; Trường hợp cơ quan chi trả thu nhập chi trả cho cá nhân vắng lai có thu nhập từ các hợp đồng ngắn hạn, lao động có tính thời vụ, lao động chân tay...không thường xuyên, mà ước tính thu nhập chịu thuế không đến 60 triệu đồng/năm, thu nhập chịu thuế bình quân dưới 05 triệu đồng/tháng thì cơ quan chi trả tạm thời chưa khấu trừ 10% thuế đối với các đối tượng này (*CV số 508 TCT/TNCN ngày 17/02/2005*).

21. Nhân viên nước ngoài ở tại trụ sở doanh nghiệp phải nộp thuế TNCN: Khoản tiền nhà do doanh nghiệp chi trả hộ sẽ bị tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của nhân viên. Do vậy, theo CV số 504 TCT/TNCN ngày 17/02/2005 của TCT, ngay cả trong trường hợp nhân viên nước ngoài ở tại trụ sở làm việc thì thu nhập chịu thuế của họ vẫn bị tính căn cứ vào tiền thuê nhà hoặc chi phí khấu hao tính theo tỷ lệ giữa diện tích cá nhân sử dụng với diện tích của trụ sở, nhưng tối đa không quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (*CV số 504 TCT/TNCN ngày 17/02/2005*).

22. Sửa đổi Nghị định qui định thuế TNCN: Nội dung sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 81/2004/TT-BTC ngày 13/8/2004 hướng dẫn thi hành ND số 147/2004/ND-CP ngày 23/7/2004 qui định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, được Bộ Tài chính thông qua TT số 12/2005/TT-BTC ngày 04/02/2005.

Trong nội dung được sửa đổi thì, người nước ngoài có thu nhập tại Việt Nam gồm người nước ngoài làm việc tại Việt Nam trong các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, văn hoá, xã hội, các văn phòng đại diện, các chi nhánh công ty nước ngoài tại Việt Nam; các cá nhân hành nghề độc lập tại Việt Nam. Và người nước ngoài được coi là không cư trú tại Việt Nam, thu nhập chịu thuế là tổng thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi nhận thu nhập ở Việt Nam hay ở nước ngoài. Người nước ngoài được coi là cư trú tại Việt Nam nếu ở tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên, tính cho 12 tháng liên tục kể từ khi đến Việt Nam.

Về thời hạn kê khai, nộp thuế cho cơ quan thuế, thời hạn chậm nhất là 10 ngày và nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước chậm nhất vào ngày 25 của tháng tiếp theo tháng phát sinh thu nhập.

Trong Biểu tính thuế rút gọn đối với thu nhập chịu thuế của công dân Việt Nam thì, thu nhập bình quân chịu thuế là từ trên 5 triệu, mức thuế suất là 10%, số thuế thu nhập phải nộp là 0 triệu đồng + 10% số thu nhập vượt trên 5 triệu đồng; còn trong Biểu tính thuế rút gọn đối với thu nhập chịu thuế của người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, và công dân Việt Nam lao động công tác ở nước ngoài thì mức thu nhập chịu thuế từ trên 8 triệu đồng, mức thuế suất 10%, số thuế thu nhập phải nộp là 0 triệu đồng + 10% số thu nhập vượt trên 8 triệu đồng. Tương tự như vậy, mức thuế suất và số thuế thu nhập phải nộp của cá nhân người Việt Nam cũng như người nước ngoài sẽ tăng dần theo mức thu nhập bình quân tháng của cá nhân đó (*TT số 12/2005/TT-BTC ngày 04/02/2005*).

23. Thoái trả thuế thu nhập: Đối tượng được thoái trả thuế TNCN là những cá nhân trong năm tính thuế có thu nhập từ nhiều nơi, khi quyết toán thuế năm với cơ quan thuế có số thuế thu nhập đã tạm nộp trong năm lớn hơn số thuế phải nộp; cá nhân rời khỏi Việt Nam, chấm dứt hợp đồng lao động trước ngày 31/12 và không còn các khoản thu nhập phát sinh trong năm; cá nhân hành nghề tự do, đăng ký nộp thuế trực tiếp tại cơ quan thuế; cá nhân có đủ điều kiện, đã nộp hồ sơ đề nghị thoái trả thuế TNCN từ năm 2003 trở về trước nhưng chưa được giải quyết;

Thời hạn giải quyết thoái trả thuế tối đa là 15 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, gồm: đơn đề nghị thoái trả, chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, chứng từ khấu trừ thuế thu nhập, biên lai thuế thu nhập, tờ khai quyết toán thuế theo năm. Trường hợp cần phải xác minh hồ sơ thì thời hạn tối đa là 45 ngày. Số ngày xem xét giải quyết thoái trả tiền thuế TNCN được tính theo ngày làm việc (*CV số 477 TCT/TNCN ngày 04/02/2005*).

24. Thu nhập từ 500.000đ trở lên có thể bị khấu trừ thuế TNCN: Doanh nghiệp khi chi trả tiền dịch vụ, đại lý v.v.. từ 500.000 đồng trở lên cho cá nhân vắng lai thì phải khấu trừ 10% thuế TNCN. Tuy nhiên, nếu thu nhập ước tính cả năm của cá nhân đó dưới 60 triệu đồng thì tạm thời sẽ không bị khấu trừ khoản thuế nói trên (*CV số 429 TCT/TNCN ngày 02/02/2005*).

25. Thuế trợ cấp thôi việc: Về chính sách thuế đối với khoản trợ cấp thôi việc thì, khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động đã làm việc thường xuyên trong doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức từ một năm trở lên, người sử dụng lao động có trách nhiệm trợ cấp thôi việc, cứ mỗi năm làm việc là nửa tháng lương, công với phụ cấp lương nếu có. Và theo Pháp lệnh thuế thu nhập cá nhân thì, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo chế độ qui định của Nhà nước thì không chịu thuế.

Trường hợp người nước ngoài thuộc đối tượng cư trú tại Việt Nam, và khoản tiền trợ cấp thôi việc được thanh toán tại công ty ở Việt Nam là nửa tháng lương ứng với mỗi năm làm việc thì khoản tiền trợ cấp thôi việc đó không chịu thuế TNCN. Còn nếu công ty ở Việt Nam trả tiền trợ cấp cho người nước ngoài làm việc tại tập đoàn của công ty ở nước ngoài thì chỉ được miễn thuế TNDN khi cá nhân người nước ngoài có văn bản xác nhận về

việc tập đoàn này có chế độ chi trả trợ cấp thôi việc cho họ nhưng chưa nhận được trợ cấp thôi việc ở nước ngoài (**CV số 357 TCT/TNCN ngày 25/01/2005**).

26. **Thu thuế đối với lãi tiền gửi:** Theo qui định của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao thì, đối tượng nộp thuế là những công dân Việt Nam ở trong nước hoặc đi công tác, lao động ở nước ngoài có thu nhập; cá nhân là người không mang quốc tịch Việt Nam nhưng định cư không thời hạn tại Việt Nam; người nước ngoài làm việc tại Việt Nam, kể cả những người nước ngoài không sinh sống ở Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại đây.

Dựa theo qui định trên thì, lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, chênh lệch về mua, bán chứng khoán... của đối tượng là cá nhân sản xuất kinh doanh thuộc diện điều chỉnh của Luật thuế TNDN; Đối với lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay... của đối tượng là cá nhân không có đăng ký kinh doanh thì thuộc diện điều chỉnh của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Tuy nhiên, theo hướng dẫn mới của Chính phủ và Bộ Tài chính thì khoản lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay tạm thời không thuộc diện chịu thuế TNCN (**CV số 281 TCT/PCCS ngày 20/01/2005**).

27. **Thuế thu nhập nhận từ nước ngoài:** Theo qui định, việc xác định thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ở nước ngoài phải chịu thuế TNDN căn cứ vào Hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết.

Đối với khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký Hiệp định quốc tế về tránh đánh thuế hai lần thì thu nhập chịu thuế là khoản thu nhập trước khi nộp thuế thu nhập ở nước ngoài. Sau khi đã xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Luật thuế TNDN thì được trừ số thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ không vượt quá số thuế TNDN phải nộp theo Luật thuế TNDN (**CV số 282 TCT/PCCS ngày 20/01/2005**).

28. **Chính sách thuế TNCN đối với người lao động nước ngoài:** Việc kê khai nộp thuế TNCN của nhân viên người nước ngoài làm việc tại Việt Nam sẽ thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 81/2004/TT-BTC ngày 13/08/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 147/2004/NĐ-CP ngày 23/07/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Theo đó, cá nhân là người không mang quốc tịch Việt Nam làm việc tại Việt Nam, khi kê khai, nộp thuế TNCN phải kê khai cả khoản thu nhập nhận được từ nước ngoài. Sau đó lấy tổng thu nhập nhận được từ Việt Nam và thu nhập nhận được từ nước ngoài chia đều cho 12 tháng sẽ ra số thu nhập bình quân chịu thuế hàng tháng của cá nhân này (**CV số 96 TCT/ĐTN ngày 10/01/2005**).

29. **Thuế TNCN:** Tổng cục Thuế ra CV số 94 TCT/TNCN hướng dẫn nộp thuế TNDN đối với cá nhân làm việc tại các dự án và chương trình ODA ở Việt Nam.

Theo đó, đối tượng nộp thuế là các cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại các dự án do nước ngoài tài trợ, cá nhân làm việc cho nhà thầu thực hiện các công việc của dự án tại Việt Nam dưới mọi hình thức; đối tượng được miễn thuế là cá nhân được miễn thuế TNCN theo các điều ước quốc tế, thoả thuận hay Hiệp định mà Chính phủ Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có qui định về miễn thuế TNCN.

Cá nhân chỉ làm việc và có thu nhập tại dự án, có trách nhiệm nộp tờ khai đăng ký cấp mã số thuế cho ban QLDA. Ban QLDA có trách nhiệm tổng hợp tờ khai đăng ký của từng cá nhân nộp cho cơ quan thuế để làm thủ tục cấp mã số thuế; Nếu cá nhân có thu nhập từ 2 nơi trở lên thì có thể lựa chọn đăng ký trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc thông qua cơ quan chi trả thu nhập (**CV số 94 TCT/TNCN ngày 10/01/2005**).

30. **Hiệp định tránh đánh thuế hai lần:** Ngày 31/12/2004, Bộ Tài chính ra TT số 133/2004/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam. Áp dụng cho các đối tượng cư trú của Việt Nam hoặc của nước ký kết Hiệp định với Việt Nam hoặc đồng thời là đối tượng cư trú của cả Việt Nam và Nước ký kết Hiệp định với Việt Nam.

Đối với cá nhân không mang quốc tịch Việt Nam, nếu có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong 12 tháng liên tục cho năm tính thuế đầu tiên kể từ khi người đó đến Việt Nam, và 183 ngày trở lên cho những năm dương lịch tiếp theo, trong đó, ngày đến và ngày đi được tính là 01 ngày; Đối với các tổ chức, thì đó là các công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, doanh nghiệp liên doanh, công ty 100% vốn nước ngoài... được coi là những đối tượng cư trú tại Việt Nam và chịu sự điều chỉnh của Thông tư này.

Những thu nhập từ bất động sản, từ hoạt động kinh doanh, thu nhập từ hoạt động vận tải quốc tế, tiền lãi cổ phần, thu nhập là lãi tiền cho vay, từ tiền bản quyền, cung cấp dịch vụ kỹ thuật, chuyển nhượng tài sản, thu nhập từ thù lao giám đốc, từ tiền lương hưu, từ hoạt động phục vụ Chính phủ, ... là những thu nhập sẽ chịu thuế theo qui định. Và để tránh đánh thuế 2 lần, biện pháp đề ra sẽ là khấu trừ thuế, khấu trừ số thuế khoán, và khấu trừ gián tiếp.

Tại Thông tư, Bộ Tài chính còn có những qui định, hướng dẫn thủ tục khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam; thủ tục miễn, giảm và hoàn thuế tại Việt Nam đối với tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú nước ngoài; thủ tục miễn, giảm thuế tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú Việt Nam; thủ tục xác nhận thuế đã nộp tại Việt Nam đối với đối tượng cư trú của nước ngoài; và cuối cùng là thủ tục xác nhận đối tượng cư trú của Việt Nam (**TT số 133/2004/TT-BTC ngày 31/12/2004**).

THUẾ KHÁC, PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. Không được miễn, giảm tiền sử dụng đất khi đầu giá quyền sử dụng đất: Doanh nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đầu giá quyền sử dụng đất thì không được miễn, giảm tiền sử dụng đất. (CV số 7505/TC-QLCS ngày 16/6/2005).
2. Giá trị còn lại của tài sản để tính lệ phí trước bạ sẽ được xác định theo thời gian sử dụng: Trong thời gian tới, việc đánh giá chất lượng còn lại của tài sản để làm căn cứ tính lệ phí trước bạ sẽ không được xác định theo ý kiến chủ quan của cán bộ thuế. Thay vào đó, giá trị còn lại của tài sản sẽ được đánh giá theo tỷ lệ % căn cứ vào thời gian đã sử dụng của tài sản. (CV số 1860 TCT/TS ngày 15/6/2005).
3. Thuế môn bài đối với cửa hàng bán lẻ là 1 triệu đồng/năm: Doanh nghiệp phải nộp thuế môn bài theo một trong 4 mức (3 triệu, 2 triệu, 1,5 triệu và 1 triệu đồng) trong một năm, tùy theo số vốn đăng ký của doanh nghiệp. Các quầy hàng bán lẻ không đăng ký vốn nên được áp dụng mức thuế môn bài thấp nhất là 1 triệu đồng/năm. (CV số 1840 TCT/DNK ngày 14/6/2005).
4. Mức thuế môn bài đối với nhà thầu nước ngoài có thể là 1 triệu đồng/năm: Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam nhưng không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam thuộc đối tượng nộp thuế môn bài theo mức 1 triệu đồng/năm. Nếu có hoạt động kinh doanh tại nhiều địa phương khác nhau thì nhà thầu nước ngoài cũng chỉ phải nộp thuế môn bài một lần và xuất trình thẻ môn bài cho cơ quan thuế địa phương khác biết. (CV số 1816 TCT/ĐTNN ngày 13/6/2005).
5. Không phải nộp lệ phí trước bạ đ/v đất xây dựng nhà kinh doanh đã nộp tiền sử dụng: Tổ chức kinh tế được cấp phép hoạt động kinh doanh nhà không phải nộp lệ phí trước bạ đối với diện tích đất được Nhà nước giao để xây dựng nhà nếu đã nộp tiền sử dụng đất, ngay cả trong trường hợp diện tích đất đó bao gồm diện tích phải nộp tiền sử dụng và diện tích không phải nộp tiền sử dụng. (CV số 1810 TCT/TS ngày 13/6/2005).
6. Miễn/giảm tiền thuê đất: Trong trường hợp, hàng năm đối tượng được miễn/giảm tiền thuê đất không thực hiện các thủ tục miễn/giảm theo qui định, mà đến một số năm sau mới làm thủ tục, thì cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ, xác định số tiền thuê đất được miễn/giảm hàng năm, tổng số tiền thuê đất được miễn/giảm và tổng số tiền thuê đất còn lại phải nộp ngân sách từ năm bắt đầu được hưởng ưu đãi đầu tư đến năm làm thủ tục để thông báo cho đối tượng biết và thực hiện.

Số tiền thuê đất được miễn/giảm năm nào phải quyết toán tài chính và quyết toán thuế năm đó. Nếu phát sinh việc nộp thừa hoặc còn thiếu hàng năm thì được tính vào số tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước năm sau, và đối tượng phải nộp đủ số tiền thuê đất còn nợ. (CV số 1787 TCT/TS ngày 10/6/2005).
7. Phí thẩm định, đánh giá an ninh cảng biển: Mức thu phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển, cấp sổ lý lịch tàu biển theo Bộ luật quốc tế về an toàn an ninh tàu biển và cảng biển được qui định tại QĐ số 33/2005/QĐ-BTC ngày 01/6/2005.

Đối tượng của QĐ là các doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng biển tiếp nhận các loại tàu biển Việt Nam hoạt động trên tuyến quốc tế, và tàu biển nước ngoài hoạt động tại vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam.

Theo qui định, mức phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển và phí thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển và cấp giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển là 5.500.000 đồng/lần; phí thẩm định cấp sổ lý lịch tàu biển là 500.000 đồng/lần. Trường hợp thẩm định, phê duyệt lần 2, đánh giá lại, cấp lại sổ lý lịch tàu biển được giảm 20% so với mức phí lần đầu. (QĐ số 33/2005/QĐ-BTC ngày 01/6/2005).
8. Không hiện diện tại VN vẫn phải nộp thuế nếu có thu nhập phát sinh tại VN: Trước ngày 16/02/2005, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam không phải nộp thuế nhà thầu. Tuy nhiên, theo CV số 1607 TCT/ĐTNN ngày 30/5/2005 của TCT, từ ngày 16/02/2005, dù không hiện diện tại Việt Nam nhưng doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài có phát sinh thu nhập phát sinh tại Việt Nam vẫn phải nộp thuế nhà thầu. (CV số 1607 TCT/ĐTNN ngày 30/5/2005).
9. Không phải nộp lệ phí trước bạ đối với hàng khuyến mại: Doanh nghiệp dùng tài sản thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng để làm hàng hoá khuyến mại, trả thưởng thì không phải nộp lệ phí trước bạ đối với tài sản này. (CV số 1585 TCT/TS ngày 26/5/2005).
10. Người nước ngoài có thu nhập nhưng không hiện diện tại VN phải nộp thuế nhà thầu: Người nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam nhưng có thu nhập phát sinh tại Việt Nam sẽ không phải nộp thuế TNCN mà nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo chế độ thuế đối với nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam. (CV số 1580 TCT/TNCN ngày 26/5/2005).
11. Phải nộp thuế đ/v Hợp đồng cung cấp dịch vụ ngoài lãnh thổ Việt Nam kể từ 16/02/2005: Doanh nghiệp nước ngoài không phải nộp thuế đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp Việt Nam được thực hiện hoàn toàn ngoài lãnh thổ Việt Nam được ký trước ngày 16/02/2005. Sau ngày 16/02/2005 thì doanh nghiệp nước ngoài phải nộp thuế theo quy định đối với nhà thầu nước ngoài. Quy định này cũng áp dụng đối với trường hợp gia hạn hợp đồng. (CV số 1210 TCT/ĐTNN ngày 26/4/2005).

12. Giá tính lệ phí trước bạ đ/v đất đấu giá: Giá tính lệ phí trước bạ là giá trị tài sản chịu lệ phí trước bạ theo giá thị trường trong nước tại thời điểm tính lệ phí trước bạ. Đối với tài sản mua theo phương thức đấu thầu, đấu giá thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trúng thầu, trúng đấu giá áp dụng tại thời điểm đấu thầu, đấu giá.
Trong trường hợp một cá nhân mua đất đấu giá từ năm 2002, và kê khai lệ phí trước bạ năm 2002 thì tính lệ phí trước bạ theo giá trúng đấu giá; nhưng nếu đến năm 2005 mới làm thủ tục kê khai lệ phí trước bạ thì, về nguyên tắc là tính theo giá đã trúng thầu đấu giá, nhưng nếu giá đấu năm 2002 thấp hơn giá qui định tại thời điểm năm 2005 thì tính lệ phí trước bạ theo giá đất do UBND tỉnh qui định áp dụng tại thời điểm năm 2005. **(CV số 1122 TCT/TS ngày 18/4/2005).**
13. LPTB đ/v công ty cho thuê tài chính: Tài sản cho thuê của các công ty cho thuê tài chính được chuyển quyền sở hữu cho bên thuê khi kết thúc thời hạn thuê, thì bên thuê không phải nộp lệ phí trước bạ. Kể cả trường hợp hợp đồng cho thuê tài chính được chuyển nhượng cho bên thuê thứ 2 – do bên thuê thứ nhất không có nhu cầu hoặc khả năng tiếp tục thuê, được bên cho thuê chấp nhận thì, bên thuê thứ 2 cũng không phải nộp lệ phí trước bạ.
Trường hợp bên thuê không mua lại tài sản thuê sau khi hết hợp đồng cho thuê tài chính, mà bên cho thuê chuyển giao tài sản đó cho tổ chức cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân đó phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu và sử dụng. **(CV số 1121 TCT/TS ngày 18/4/2005).**
31. Không miễn thuế TTĐB đối với phương tiện vận tải nhập khẩu làm TSCĐ: Đối với các phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu để tạo TSCĐ của doanh nghiệp FDI thì doanh nghiệp chỉ được miễn thuế NK, không được miễn thuế TTĐB (nếu có). Được biết, những phương tiện này sẽ không phải chịu thuế GTGT nếu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được **(CV số 4406 TC/CST ngày 14/4/2005).**
32. Thuốc lá điều sản xuất bằng nguyên liệu sợi trong nước áp dụng thuế suất 45%: Thuốc lá điều có đầu lọc sản xuất chủ yếu tại Việt Nam thì áp dụng thuế suất thuế TTĐB là 45%. Trường hợp thuốc lá điều có đầu lọc sản xuất chủ yếu bằng nguyên liệu nhập khẩu thì phải chịu thuế suất thuế TTĐB 65% **(CV số 3906 TC/TCT ngày 05/4/2005).**
33. Không miễn thuế TTĐB với hàng chuyên dùng phục vụ an ninh: Hàng chuyên dùng phục vụ an ninh nhập khẩu chỉ được miễn thuế nhập khẩu, không được miễn thuế TTĐB **(CV số 1231/TCHQ-KTTT ngày 04/4/2005).**
34. LPTB đối với diện tích đất trúng đấu giá được phép xây nhà để bán: Doanh nghiệp trúng đấu giá quyền sử dụng đất phải nộp LPTB khi đăng ký quyền sử dụng đối với mảnh đất trúng đấu giá. Tuy nhiên, theo CV số 991 TCT/TS ngày 04/4/2005, đối với trường hợp kinh doanh nhà, doanh nghiệp trúng đấu giá không phải nộp LPTB đối với từng diện tích đất xây dựng nhà để kinh doanh hoặc chia lô để chuyển nhượng mà phải nộp LPTB đối với toàn bộ diện tích đất đã nhận **(CV số 991 TCT/TS ngày 04/4/2005).**
35. Phải nộp lệ phí trước bạ khi chuyển mục đích sử dụng đất: Khi chuyển mục đích sử dụng đối với đất đã được cấp GCN QSDĐ, doanh nghiệp phải nộp lệ phí trước bạ (LPTB) như sau: (i) nếu đất trước khi chuyển mục đích sử dụng chưa được nộp LPTB thì doanh nghiệp phải nộp toàn bộ tiền LPTB theo giá đất sau khi chuyển mục đích sử dụng; (ii) nếu đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đã được nộp LPTB thì doanh nghiệp chỉ phải nộp LPTB trên số chênh lệch giữa giá đất sau khi chuyển mục đích sử dụng với giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng **(CV số 983 TCT/TS ngày 04/4/2005).**
36. Lệ phí trước bạ: Theo Pháp lệnh nhà ở thì, nhà thuộc loại tài sản phải đăng ký quyền sở hữu và cũng là tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ. Do đó, khi tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai, nộp lệ phí trước bạ thì cơ quan Thuế tiến hành thu lệ phí trước bạ nhà và lệ phí trước bạ đất theo qui định.
Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc chức năng của cơ quan Thuế. Trường hợp sau này cơ quan quản lý nhà nước về nhà tiếp tục thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho chính chủ tài sản đã nộp lệ phí trước bạ nhà đó thì, cơ quan Thuế sẽ không thu lệ phí trước bạ đối với nhà, đất đã nộp lệ phí trước bạ - không thu 2 lần **(CV số 917 TCT/TS ngày 29/3/2005).**
37. Bổ sung Luật thuế TTĐB: Bộ Tài chính ban hành Thông tư 18/2005/TT-BTC ngày 08/3/2005, sửa đổi bổ sung một số điểm của TT số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003, hướng dẫn thi hành ND số 149/2003/NĐ-CP ngày 04/12/2003 qui định chi tiết thi hành Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB.
Trong nội dung sửa đổi lần này, Bộ Tài chính tập trung vào hàng hoá gia công xuất khẩu ra nước ngoài, và hàng hoá nhập khẩu vào khu chế xuất, doanh nghiệp chế xuất; Bên cạnh đó, cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước thì trong thời hạn 05 ngày, kể từ khi bán hàng phải kê khai và nộp đủ thuế TTĐB thay cho cơ sở sản xuất;
Một nội dung bổ sung sửa đổi khác nữa là, thông báo số thuế phải nộp đối với đối tượng là cá nhân, hộ sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán và hoá đơn, chứng từ. Thông báo nộp thuế phải gửi tới đối tượng nộp thuế trước 03 ngày so với ngày phải nộp thuế ghi trên thông báo;... **(Thông tư 18/2005/TT-BTC ngày 08/3/2005).**
38. Hợp đồng thuê đất phải áp dụng giá đất do UBND cấp tỉnh công bố hàng năm: Kể từ ngày 01/01/2005, các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm được ký trước ngày 01/7/2004 phải áp dụng giá đất theo khung giá do UBND cấp tỉnh công bố hàng năm. Sau khi hết thời hạn đã trả trước tiền thuê đất cho một số năm, các hợp đồng thuê

đất trả tiền trước sẽ bị tính lại giá thuê đất theo giá mới do UBND cấp tỉnh ban hành (không bị giới hạn bởi mức tăng tối đa 15%) và phải chuyển sang hình thức trả tiền thuê đất hàng năm (**CV số 536 TCT/TS ngày 23/02/2005**).

39. **Có thể bị phạt đến 11 triệu đồng nếu chậm đăng ký, kê khai thuế:** Nếu doanh nghiệp đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ nhưng quá thời hạn quy định mới đăng ký, kê khai thuế thì sẽ bị xử lý vi phạm hành chính đối với cả hai hành vi: "đăng ký nộp thuế quá thời hạn quy định" và "không nộp tờ khai thuế cho cơ quan thuế trong thời hạn quy định". Được biết, tổng mức tiền phạt đối với cả hai hành vi trên có thể lên đến 11 triệu đồng. (**CV số 533 TCT/PC-CS ngày 23/02/2005**).
40. **Nộp lệ phí trước bạ khi chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất phi nông nghiệp:** Người sử dụng đất đã được cấp GCN quyền sử dụng đất nông nghiệp nay được phép chuyển đổi thành đất phi nông nghiệp (không thay đổi tên người sử dụng) phải nộp lệ phí trước bạ cho mảnh đất đó. Theo CV số 447 TCT/TS ngày 03/02/2005 của TCT, giá tính thuế trước bạ là số chênh lệch giữa giá đất phi nông nghiệp và giá đất nông nghiệp theo bảng giá đất do UBND cấp tỉnh quy định tại thời điểm tính lệ phí trước bạ (**CV số 447 TCT/TS ngày 03/02/2005**).
41. **Ô tô 21 chỗ ngồi và 53 chỗ đứng không phải chịu thuế TTĐB:** Ô tô dưới 24 chỗ ngồi thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Tuy nhiên, theo CV số 1412/TC-CST ngày 02/02/2005 của BTC, riêng loại ô tô thiết kế có 21 chỗ ngồi và 53 chỗ đứng tạm thời chưa phải chịu thuế TTĐB (**CV số 1412/TC-CST ngày 02/02/2005 của BTC**).
42. **Không được áp dụng chế độ nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê từ 01/7/2004:** Từ ngày 01/7/2004, các tổ chức, cá nhân thuê đất không được áp dụng hình thức trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê. Theo CV số 422 TCT/TS ngày 01/02/2005 của TCT, các hợp đồng thuê đất trước ngày 01/7/2004 mà đến ngày 01/7/2004 chưa nộp tiền thuê đất thì không được nộp tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà phải nộp tiền thuê đất hàng năm (**CV số 422 TCT/TS ngày 01/02/2005**).
43. **Nhà thầu nước ngoài không phải nộp thuế đối với phần lãi trả chậm thu được:** Nếu doanh nghiệp phải trả lãi do thanh toán chậm theo hợp đồng cung cấp máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và trao đổi sản phẩm cho nhà thầu nước ngoài thì khoản lãi trả chậm này không thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu (**CV số 412 TCT/ĐTNN ngày 01/02/2005**).
44. **Lợi nhuận chuyển ra nước ngoài sau 01/01/2004 không phải nộp thuế:** Kể từ ngày 01/01/2004, nhà đầu tư nước ngoài không phải nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài đối với các khoản thu nhập có được do tham gia đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Theo CV số 409 TCT/ĐTNN ngày 01/02/2005 của TCT, khoản thu nhập phát sinh trước 01/01/2004 nhưng được chuyển ra nước ngoài từ ngày 01/01/2004 trở đi cũng không phải nộp thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài (**CV số 409 TCT/ĐTNN ngày 01/02/2005**).
45. **Thời hạn nộp tờ khai thu phí, lệ phí:** Bộ Tài chính quy định, tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thực hiện kê khai phí, lệ phí từng tháng và nộp tờ khai cho cơ quan thuế nơi đăng ký thu phí, lệ phí trong 05 ngày đầu của tháng tiếp theo để theo dõi, quản lý.
 Vì vậy, thời hạn tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí phải nộp tờ khai thu phí, lệ phí hàng tháng là trong khoảng thời gian từ ngày mùng 01 – 05 của tháng tiếp theo (**CV số 371 TCT/TS ngày 26/01/2005**).
46. **Thanh toán chứng từ, thu phí, lệ phí:** Cơ quan thuế, cơ quan được sử dụng biên lai thu tiền phải có lịch thanh toán biên lai, tiền thuế, tiền phí, lệ phí, tiền bán ấn chỉ theo qui định. Cán bộ sử dụng các loại chứng từ thu phải thực hiện việc thanh toán các loại biên lai thu thuế, thu phí, lệ phí, thu tiền với cơ quan thuế.
 Theo đó, trường hợp các đơn vị thu phí, lệ phí hàng tháng không thanh toán biên lai sử dụng với cơ quan thuế là trái qui định (**CV số 330 TCT/PCCS ngày 24/01/2005**).
47. **Lệ phí trước bạ:** Đất được nhà nước giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng vào mục đích xây dựng nhà để kinh doanh nhà, mà tổ chức, cá nhân được phép hoạt động kinh doanh nhà đã nộp tiền sử dụng đất theo qui định của pháp luật thì không phải nộp lệ phí trước bạ. Do đó, trường hợp nhà đầu tư trúng thầu công trình "đổi đất lấy cơ sở hạ tầng" thì được phép kinh doanh và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất trúng thầu.
 Khi đó, nhà đầu tư phải nộp lệ phí trước bạ đối với phần diện tích đất mà nhà đầu tư xây dựng nhà để ở, để kinh doanh nhà nghỉ, khách sạn hoặc cho thuê nhà và các hoạt động kinh doanh khác theo giá trúng thầu thực tế ghi trên hoá đơn. Và nhà đầu tư không phải nộp lệ phí trước bạ đối với phần diện tích đất dùng để xây dựng nhà để kinh doanh hoặc nhà được phép chia lô để chuyển nhượng đất cho các tổ chức, cá nhân (**CV số 298 TCT/TS ngày 20/01/2005**).
48. **Thuế TTĐB đ/v ô tô:** Kể từ ngày 01/01/2005 đến ngày 31/12/2005, thuế TTĐB đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước được qui định như sau: ô tô từ 05 chỗ ngồi trở xuống có thuế suất thuế TTĐB là 40%; ô tô từ 06 – 15 chỗ có thuế TTĐB là 25%; ô tô từ 16 - dưới 24 chỗ có thuế TTĐB là 12,5% (**CV số 195 TCT/DNN ngày 17/01/2005**).
49. **Phí và lệ phí sở hữu công nghiệp:** Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp tại TT số 132/2004/TT-BTC ngày 30/12/2004.

Thông tư áp dụng cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài nộp đơn yêu cầu cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ tiến hành các công việc hay cung cấp các dịch vụ yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu công

nghiệp qui định chi tiết tại Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư này, phải nộp phí, lệ phí theo qui định tại Thông tư. Mức phí đã bao gồm chi phí in hoặc mua mẫu đơn, tiếp nhận đơn, thẩm định, in văn bằng hoặc giấy chứng nhận, vào sổ đăng ký quốc gia và các chi phí liên quan khác (**TT số 132/2004/TT-BTC ngày 30/12/2004**)

50. **Chuyển sang nộp tiền thuê đất hàng năm nếu chưa nộp tiền thuê đất trước 01/7/2004:** Kể từ ngày 01/7/2004, các doanh nghiệp không được thuê đất theo hình thức trả tiền thuê một lần cho toàn bộ thời gian thuê. Do vậy, nếu các hợp đồng thuê đất ký trước ngày 01/7/2004 mà sau ngày 01/7/2004 mới nộp tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê thì doanh nghiệp đã nộp tiền thuê đất sẽ bị thoái trả tiền số tiền đã nộp để chuyển sang hình thức nộp tiền thuê đất hàng năm (**CV số 4328 TCT/TS ngày 28/12/2004**).
51. **Được khấu trừ tiền đền bù thiệt hại về đất vào tiền sử dụng đất:** Doanh nghiệp được Nhà nước giao đất nếu phải đền bù thiệt hại về đất cho người có đất bị thu hồi thì được trừ số tiền thực tế đã đền bù vào tiền sử dụng đất phải nộp nhưng tối đa không quá 90% (**CV số 15301/TC-CST ngày 27/12/2004**).
52. **Thuế TTĐB với xe ô tô dưới 6 chỗ sẽ không thấp hơn 40%:** Nhằm điều tiết mức giá và tình hình cung cầu ô tô trong nước, Bộ Tài chính đã kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ từ 01/01/2005 nên áp dụng thuế suất thuế TTĐB 40% đối với xe ô tô dưới 6 chỗ được sản xuất, lắp ráp trong nước (**CV số 14460 TC/CST ngày 08/12/2004**).

XUẤT- NHẬP KHẨU

1. **Thủ tục hải quan hàng xuất trả:** Trong trường hợp, hàng đã nhập khẩu vào Việt Nam nhưng không tiêu thụ được, nay doanh nghiệp đề nghị xuất hoặc trả lại người bán, hoặc sang nước thứ 3 thì, theo Tổng cục Hải quan, hàng nhập khẩu đã hoàn tất các thủ tục hải quan, đưa vào lưu thông, không còn dưới sự giám sát của hải quan. Nếu doanh nghiệp đề nghị xuất khẩu trả lại và hoàn thuế phải chứng minh được hàng xuất khẩu trả lại phải là đúng hàng đã nhập khẩu. (**CV số 2378 TCHQ/GSQL ngày 17/6/2005**).
2. **Được làm thủ tục nhập hàng nếu được ủy quyền khai hải quan và làm thủ tục hải quan:** Người được chủ hàng hoá, chủ phương tiện vận tải ủy quyền hợp pháp bằng văn bản để khai hải quan và làm thủ tục hải quan hàng hoá thì được phép làm thủ tục nhập lô hàng đó. (**CV số 2377 TCHQ/GSQL ngày 17/6/2005**).
3. **Thời hạn thuế của hàng tạm nhập tái xuất:** Thời hạn nộp thuế hàng hoá kinh doanh theo phương thức tạm nhập tái xuất là 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn của cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập tái xuất, áp dụng cho cả trường hợp được phép ra hạn theo qui định của Bộ Thương mại.
Nếu quá thời hạn qui định mà chưa tái xuất, thì doanh nghiệp phải nộp đủ thuế theo thông báo thuế cho lô hàng mới gia hạn. (**CV số 2346/TCHQ-KTTT ngày 16/6/2005**).
4. **Chỉ áp dụng thuế theo tỉ lệ nội địa hóa đ/v hàng có thuế suất thuế NK từ 30% trở lên:** Đối với các sản phẩm, phụ tùng thuộc ngành cơ khí - điện - điện tử, chính sách ưu đãi thuế theo tỉ lệ nội địa hóa chỉ áp dụng đối với các mặt hàng có mức thuế nhập khẩu ưu đãi từ 30% trở lên, không áp dụng đối với mặt hàng có mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi dưới 30%. (**CV số 2333 TCHQ-KTTT ngày 16/06/2005**).
5. **Không miễn thuế NK đối với hàng quà tặng có tính chất kinh doanh:** Hàng quà tặng chỉ được xét miễn thuế nhập khẩu nếu không có mục đích kinh doanh. Trong trường hợp doanh nghiệp khai báo là hàng quà tặng nhưng thực chất lại có tính chất kinh doanh như tặng kèm theo điều kiện phải thực hiện một số yêu cầu của người tặng nhằm mục đích quảng cáo, thương mại thì hàng quà tặng trong trường hợp này không thuộc đối tượng được xét miễn thuế nhập khẩu. (**CV số 2249/TCHQ-KTTT ngày 13/6/2005**).
6. **Quyết toán thuế theo tỷ lệ nội địa hoá:** Trường hợp nội địa hoá sản phẩm, phụ tùng tại quyết toán thuế của doanh nghiệp cao hơn tỷ lệ nội địa hoá đăng ký, dẫn đến doanh nghiệp được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu thấp hơn thuế suất thuế nhập khẩu đã được áp dụng theo tỷ lệ nội địa hoá đăng ký, nhưng trong năm tài chính doanh nghiệp không tăng thêm linh kiện, chi tiết, bộ phận thực hiện nội địa hoá so với đăng ký, thì phải tiến hành kiểm tra chi tiết, đối chiếu sổ sách chứng từ. Nếu thấy cần thiết, cơ quan hải quan sẽ phối hợp cùng với cơ quan thuế các địa phương khác, kiểm tra các doanh nghiệp cung cấp phụ tùng sản xuất trong nước trước khi xử lý hoàn thuế hoặc cho áp dụng tỷ lệ nội địa hoá của năm sau theo tỷ lệ nội địa hoá đã được quyết toán và kiểm tra. (**CV số 2241/TCHQ-KTTT ngày 13/6/2005**).
7. **Không phải nộp C/O đối với xăng dầu nhập khẩu:** Khi làm thủ tục hải quan đối với xăng dầu nhập khẩu, doanh nghiệp không phải nộp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O). (**CV số 2238/TCHQ-GSQL ngày 13/6/2005**)
8. **Thuế xe ô tô ngoại giao chuyển nhượng:** Theo CV số 6905/TC-TCHQ ngày 08/6/2005, giá tính thuế nhập khẩu đối với xe ô tô chuyển nhượng của các đối tượng ngoại giao có thời gian sử dụng và lưu lại Việt Nam trên 05 được xác định như sau:

Thời gian sử dụng và lưu lại tại Việt Nam	Giá tính thuế nhập khẩu = % giá hàng hoá mới tại thời điểm tính thuế (hàng mới chưa qua sử	Giá tính thuế nhập khẩu = % giá hàng hoá mới tại thời điểm tính thuế (hàng đã
--	--	---

	dụng)	qua sử dụng)
Từ trên 5 – 6 năm	40%	30%
Từ trên 6 – 7 năm	30%	20%
Từ trên 7 – 8 năm	20%	10%
Từ trên 8 – 9 năm	15%	5%
Từ trên 9 – 10 năm	10%	0%
Từ trên 10 năm	0%	0%

9. **Thuế hàng xuất khẩu thất lạc tờ khai Hải quan:** Trường hợp doanh nghiệp bị thất lạc tờ khai hải quan của hàng hoá xuất khẩu, để được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đối với lô hàng xuất khẩu đó, ngoài các điều kiện theo luật định, doanh nghiệp phải liên hệ với cơ quan Hải quan nơi mở tờ khai xin bản sao có xác nhận sao y bản chính của cơ quan Hải quan, hoặc công chứng của bản lưu tờ khai Hải quan đã bị thất lạc.

Nếu doanh nghiệp không có tờ khai Hải quan hoặc bản sao tờ khai hải quan để chứng minh thực tế hàng hoá đã xuất khẩu thì doanh nghiệp không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, và không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hoá đó. **(CV số 1731 TCT/DNK ngày 07/6/2005).**

10. **Được chọn mức thuế suất áp dụng đối với hàng NK có yêu cầu tỷ lệ nội địa hóa:** Doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí, điện, điện tử có hàng hóa đủ điều kiện được hưởng mức thuế suất CEPT và mức thuế suất thuế NK theo tỷ lệ nội địa hóa, được lựa chọn một trong hai mức để áp dụng và thực hiện thống nhất theo mức thuế suất đó. **(NĐ số 45/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005).**

11. **Ưu đãi thuế quan:** Ngày 06/6/2005, Bộ Tài chính ban hành TT 45/2005/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện NĐ số 78/2003/NĐ-CP ngày 01/07/2003, NĐ số 151/2004/NĐ-CP ngày 05/08/2004, NĐ số 213/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004, NĐ số 13/2005/NĐ-CP ngày 03/02/2005 của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN.

Hàng hoá nhập khẩu được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT nếu nằm trong Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế của Việt Nam để thực hiện CEPT/AFTA; được nhập khẩu từ các nước thành viên ASEAN; được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá ASEAN - Mẫu D; và vận chuyển thẳng từ nước xuất khẩu là thành viên ASEAN đến Việt Nam.

TT có qui định, trường hợp mức thuế nhập khẩu ưu đãi (thuế MFN) của một mặt hàng qui định trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hiện hành được điều chỉnh thấp hơn so với mức thuế suất CEPT thì mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng cho mặt hàng này sẽ là mức thuế suất MFN. Khi mức thuế suất MFN qui định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi của mặt hàng này được điều chỉnh cao hơn mức thuế suất thuế CEPT thì mức thuế suất thuế nhập khẩu áp dụng sẽ là mức thuế suất CEPT;... **(TT 45/2005/TT-BTC ngày 06/6/2005).**

12. **Không cần văn bản xác nhận sản phẩm gia công ở nước ngoài không NK trở lại Việt Nam:** Khi làm thủ tục hải quan để đặt gia công ở nước ngoài, việc xuất trình văn bản xác nhận của Bộ quản lý chuyên ngành chỉ áp dụng đối với trường hợp đặt gia công một công đoạn của sản phẩm sau đó nhập khẩu sản phẩm trở lại Việt Nam, không áp dụng đối với trường hợp đặt gia công ở nước ngoài sau đó sản phẩm gia công không nhập khẩu trở lại Việt Nam. **(CV số 2145/TCHQ-GSQL ngày 03/6/2005).**

13. **Qui định về cửa khẩu:** Chính phủ đã qui định qua NĐ số 32/2005/NĐ-CP ngày 14/3/2005, cửa khẩu chính được mở cho người, phương tiện, hàng hoá của Việt Nam và nước láng giềng xuất, nhập qua biên giới quốc gia;

Còn cửa khẩu phụ được mở cho người, phương tiện hàng hoá Việt Nam và nước láng giềng ở khu vực biên giới, vùng biên giới qua lại biên giới quốc gia. **(CV số 2119/TCHQ/GSQL ngày 01/6/2005).**

14. **Điều kiện áp dụng thuế suất CEPT đ/v hàng NK có xuất xứ Thái Lan:** Hàng nhập khẩu có xuất xứ Thái Lan sẽ được áp dụng mức thuế suất thuế NK ưu đãi đặc biệt CEPT nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau: (i) thuộc danh mục hàng hóa và thuế suất của Việt Nam ban hành kèm theo NĐ 48/2005/NĐ-CP; (ii) được nhập khẩu và vận chuyển thẳng từ Thái Lan vào Việt Nam theo nguyên tắc vận tải trực tiếp; (iii) có C/O mẫu D do cơ quan có thẩm quyền của Thái Lan cấp; và (iv) thuộc tờ khai hải quan hàng nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan từ ngày 01/4/2005 đến ngày 31/12/2007. **(TT số 42/2005/TT-BTC ngày 31/5/2005).**

15. **Giảm thuế nhập khẩu từ Thái Lan:** Ngày 31/5/2005, Bộ Tài chính ban hành TT số 04/2005/TT-BTC, hướng dẫn về việc giảm thuế nhập khẩu một số mặt hàng để thực hiện thoả thuận giữa Việt Nam và Thái Lan. Theo đó, thuế suất của một số hàng hoá nhập khẩu từ Thái Lan vào Việt Nam sẽ giảm từ 0 – 5%.

Theo qui định tại TT, thuế suất của các chế phẩm dùng trong chăn nuôi động vật đều giảm xuống còn 0%; Thuế suất của hầu hết các mặt hàng máy điều hòa đều được xuống còn 5%-0% (trừ các mặt hàng có công suất trên 21,1 KW có mức thuế 10%); Thuế suất của các loại xi măng, các mặt hàng sứ vệ sinh là 5%...

Để được hưởng các ưu đãi thuế trên, các mặt hàng nhập khẩu và vận chuyển từ Thái Lan vào Việt Nam phải theo nguyên tắc vận tải trực tiếp, thỏa mãn yêu cầu xuất xứ ASEAN, được xác nhận bằng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - Mẫu D do Bộ Thương mại của Thái Lan hoặc cơ quan ủy quyền của Thái Lan cấp; Ngoài ra, những mặt hàng đó phải thuộc tờ khai hải quan hàng nhập khẩu đăng ký với cơ quan hải quan từ ngày 1/4/2005 đến ngày 31/12/2007.

Nếu hàng hoá nhập khẩu vi phạm về C/O mẫu D, sẽ bị đình chỉ việc áp dụng thuế CEPT và tạm thu theo mức thuế suất của Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi hoặc thông thường hiện hành. **(TT số 04/2005/TT-BTC ngày 31/5/2005).**

16. **Phải có hai hợp đồng riêng biệt mới được áp dụng thủ tục XNK tại chỗ hàng gia công:** Để được áp dụng thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ hàng gia công cho nước ngoài, doanh nghiệp phải có hai hợp đồng riêng biệt là hợp đồng gia công ký giữa bên Việt Nam với bên nước ngoài đặt gia công và hợp đồng mua bán ngoại thương ký giữa bên nước ngoài đặt gia công với bên Việt Nam nhập khẩu tại chỗ hàng gia công. **(CV số 2106/TCHQ-GSQL ngày 31/5/2005).**
17. **Chưa xem xét giảm thuế suất thuế nhập khẩu phôi thép xuống 0%:** Thuế suất thuế nhập khẩu phôi thép hiện nay là 5% và thép thành phẩm là 10%. Để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất phôi thép, dự đoán thuế suất thuế NK phôi thép sẽ giữ nguyên như hiện nay và chỉ điều chỉnh xuống 0% khi mặt hàng này tăng đột biến trên 430 USD/tấn. **(CV số 6310 TC/CST ngày 25/5/2005).**
18. **Hoàn thuế nguyên vật liệu:** Một doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư sản xuất sản phẩm bán cho các doanh nghiệp khác để trực tiếp xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài, sau khi doanh nghiệp mua sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất đã xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài thì doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu, vật tư được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với số lượng sản phẩm thực xuất khẩu. **(CV số 1957 TCHQ/KTTT ngày 23/5/2005).**
19. **Hàng tạm nhập - tái xuất được hoàn thuế NK nếu có chứng từ thanh toán qua ngân hàng:** Một trong những điều kiện để xem xét hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng tạm nhập - tái xuất là doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán qua ngân hàng của lô hàng xuất khẩu. **(CV số 1956 TCHQ/KTTT ngày 23/5/2005).**
20. **Phải có xác nhận của Hải quan trên Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp:** Để được hưởng thuế suất thuế GTGT 0% khi xuất khẩu, hàng hoá gia công chuyển tiếp theo chỉ định của bên nước ngoài phải có xác nhận của bên giao, bên nhận và cơ quan Hải quan quản lý hợp đồng gia công của cả hai bên này trên Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp **(CV số 1488 TCT/ĐTN ngày 19/5/2005).**
21. **Hàng NK bán cho khu chế xuất được hoàn thuế NK:** Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá vào thị trường nội địa sau đó bán cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất sẽ được coi là hoạt động xuất khẩu nên có thể được xem xét hoàn thuế nhập khẩu. Việc xử lý hoàn thuế nhập khẩu được áp dụng theo quy định đối với hàng nhập khẩu nhưng vì lý do nào đó phải tái xuất sang nước thứ ba. **(CV số 1919 TCHQ/KTTT ngày 18/5/2005).**
22. **Giá tính thuế NK hàng đã qua sử dụng do cơ quan hải quan địa phương tự xây dựng:** Giá tính thuế nhập khẩu quy định tại Danh mục dữ liệu giá chỉ áp dụng đối với hàng nhập khẩu là hàng mới. Đối với hàng nhập khẩu là hàng cùng loại đã qua sử dụng thì không áp dụng giá tính thuế tại Danh mục dữ liệu giá mà giá tính thuế sẽ do cơ quan hải quan địa phương tự xây dựng bổ sung và áp dụng. **(CV số 1907/TCHQ-KTTT ngày 18/5/2005).**
23. **Quy chế cảng mở:** Ngày 17/5/2005, Tổng cục Hải quan có tham gia ý kiến vào Dự thảo Quy chế cảng mở qua CV số 1881/TCHQ-GSQL ngày 17/5/2005.

Một trong những điều được sửa đổi, bổ sung là hàng hoá từ nước ngoài đưa vào khu vực cảng mở chưa phải nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT, thuế TTĐB; hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam - gồm hàng tiêu dùng, văn phòng phẩm và trang thiết bị văn phòng phục vụ cho hoạt động của văn phòng, đưa vào khu vực cảng mở thì không phải nộp thuế xuất khẩu/ thuế nhập khẩu, nhưng phải trình cho Hải quan hoá đơn bán hàng mà Bộ Tài chính qui định. **(CV số 1881/TCHQ-GSQL ngày 17/5/2005).**
24. **Miễn thuế phạt chậm nộp:** Doanh nghiệp có hàng hoá xuất nhập khẩu, nhưng số thuế phải nộp ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu được thực hiện thu – chi qua Ngân sách hoặc Ngân sách cấp tiền để nộp thuế thì không tính phạt chậm nộp thuế. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải xuất trình cho cơ quan Hải quan giấy báo có và lệnh thu Ngân sách do Bộ Tài chính phát hành. **(CV số 1874/TCHQ-KTTT ngày 16/5/2005).**
25. **Xử lý thuế hàng đưa ra nước ngoài:** Về thuế nhập khẩu, hàng hoá là tài sản di chuyển của các tổ chức, cá nhân Việt Nam được phép đưa ra nước ngoài để kinh doanh và làm việc, thì khi hết thời hạn chuyển về nước được miễn thuế nhập khẩu đối với những tài sản đã đưa ra nước ngoài nay đưa trở về nước;

Đối với thuế GTGT thì, hàng hoá tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Đối với máy móc, thiết bị là tài sản của các tổ chức, cá nhân đưa ra nước ngoài để phục vụ sản xuất, thi công, sau đó nhập khẩu trở lại cũng được coi là hàng tạm xuất tái nhập. **(CV số 1867 TCHQ/KTTT ngày 16/5/2005).**

26. Linh kiện có nguồn gốc nhập khẩu không được tính là nội địa hóa: Các linh kiện ô tô có nguồn gốc nhập khẩu bao gồm linh kiện do doanh nghiệp trực tiếp nhập khẩu hoặc mua của các doanh nghiệp thương mại nhập khẩu sẽ không được tính là tỉ lệ nội địa hóa. **(QĐ số 05/2005/QĐ-BKHCN ngày 11/05/2005).**
27. Thời điểm tính thuế NK hàng tạm nhập, tái xuất là ngày đăng ký tờ khai hải quan: Thời điểm tính thuế nhập khẩu các mặt hàng tạm nhập tái xuất, kể cả mặt hàng xăng dầu kinh doanh tạm nhập - tái xuất, chuyển sang tiêu thụ nội địa, là ngày đăng ký tờ khai hàng tạm nhập, tái xuất tại cơ quan hải quan. **(CV số 1811/TCHQ-KTTT ngày 11/05/2005).**
28. Hàng thực phẩm NK chỉ phải kiểm chất lượng một lần: Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa là thực phẩm chỉ cần đăng ký kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại cơ quan y tế, không cần phải tiếp tục đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với hàng nhập khẩu nữa. **(CV số 1763/TCHQ-GSQL ngày 09/5/2005).**
29. Áp dụng thuế CEPT với dụng cụ điện đun nước nóng, phụ tùng xe máy: Mặt hàng dụng cụ điện đun nước nóng, xích xe máy, nhông xích xe máy nhập khẩu thuộc đối tượng áp dụng thuế suất CEPT nếu đáp ứng đủ các điều kiện: (i) nằm trong Danh mục hàng hóa và thuế suất thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho từng năm và cho các năm 2003/2006; (ii) được NK từ các nước thành viên ASEAN vào Việt Nam; (iii) có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ASEAN - mẫu D; (iv) được vận chuyển thẳng từ nước XK là thành viên của ASEAN đến Việt Nam. **(CV số 1728/TCHQ-KTTT ngày 05/5/2005).**
30. Hải quan có quyền tự xác định thời điểm tính thời hạn truy thu thuế nhập khẩu: Thời hạn truy thu thuế đối với các lô hàng nhập khẩu đã thực hiện phương thức thanh toán biên mậu là 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp ký biên bản làm việc với cơ quan Hải quan và chấp nhận vi phạm. Trong trường hợp doanh nghiệp không đến làm việc hoặc không ký biên bản vi phạm hay Ngân hàng có văn bản xác nhận doanh nghiệp vi phạm về thanh toán thì Hải quan sẽ tự xác định thời điểm tính thời hạn truy thu thuế. **(CV số 1727/TCHQ/KTSTQ ngày 05/05/2005).**
31. Thuế nhập khẩu hàng đầu tư nước ngoài: Theo qui định của Chính phủ thì, doanh nghiệp thành lập theo Giấy phép đầu tư của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, nhập khẩu hàng hoá là máy móc, thiết bị cần thiết cho thiết kế sản phẩm hoặc trang thiết bị văn phòng phục vụ cho quản lý sản xuất được miễn thuế nhập khẩu để tạo TSCĐ;

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng có văn bản qui định, thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển nằm trong dây chuyền công nghệ nhập khẩu để tạo TSCĐ của doanh nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Và Danh mục các nhóm trang thiết bị nhập khẩu tạo TSCĐ chỉ được miễn thuế nhập khẩu 01 lần, không áp dụng cho trường hợp thay thế. **(CV số 1711/TCHQ-KTTT ngày 04/5/2005).**
32. Giải quyết chính sách thuế: Đối với hàng hoá tạm nhập tái xuất, có phát sinh hồ sơ tồn đọng chưa thanh khoản do vướng mắc về chứng từ thanh toán, sẽ chưa bị thực hiện biện pháp cưỡng chế làm thủ tục xuất nhập khẩu nếu doanh nghiệp chỉ còn nợ thuế nhập khẩu của lô hàng tạm nhập tái xuất do có vướng mắc về chứng từ thanh toán; doanh nghiệp phải có cam kết bằng văn bản về việc thực hiện QĐ cuối cùng của Bộ Tài chính; doanh nghiệp phải thực hiện nộp đủ thuế của các lô hàng mới phát sinh theo đúng thời hạn qui định của các Luật thuế hiện hành.

Nếu không đáp ứng được các điều kiện trên, doanh nghiệp sẽ bị dừng làm thủ tục xuất nhập khẩu. **(CV số 1709/TCHQ-KTTT ngày 04/5/2005).**
33. Miễn thuế hàng nhập khẩu: Bộ Tài chính qui định, trường hợp đơn vị nhập khẩu máy móc, thiết bị trước khi được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cũng được miễn thuế nhập khẩu. Nhưng thời gian được miễn thuế không quá 02 tháng (được tính tròn 60 ngày theo lịch), kể từ ngày nhập khẩu đến ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. **(CV số 1708/TCHQ-KTTT ngày 04/5/2005).**
34. Bãi bỏ qui định cũ: Ngày 29/4/2005, Bộ Thương mại ra QĐ số 1318/2005/QĐ-BTM bãi bỏ QĐ số 0971/2004/QĐ-BTM ngày 14/7/2004; tạm ngừng việc tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu gỗ thành phẩm và điều kiện nhập khẩu bán thành phẩm đồ gỗ để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.

Theo QĐ này, Bộ sẽ tạm ngừng việc tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu gỗ thành phẩm qua Việt Nam sang Hoa Kỳ. Điều kiện nhập khẩu bán thành phẩm đồ gỗ để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ, kể cả các hợp đồng gia công cho nước thứ 3 để xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo nguyên tắc: trị giá bán thành phẩm nhập khẩu tính theo giá CIF cảng Việt Nam không lớn hơn 60% trị giá xuất khẩu thành phẩm tính theo giá FOB cảng Việt Nam. **(QĐ số 1318/2005/QĐ-BTM ngày 29/4/2005).**
35. Được áp dụng thuế NK ưu đãi theo tỷ lệ nội địa hóa nếu thiếu tài liệu về SHCN: Doanh nghiệp nhập khẩu linh kiện, phụ tùng thuộc ngành cơ khí - điện - điện tử chưa xuất trình được văn bản đảm bảo tính hợp pháp về sở hữu công nghiệp vẫn có thể được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi theo công thức tính tỷ lệ nội địa hóa. Sau khi xuất trình được tài liệu trên, doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh thuế suất nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hóa thực tế đạt được. **(CV số 5193 TC/TCHQ ngày 28/4/2005).**
36. Điều kiện giải tỏa cưỡng chế làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa nhập khẩu ủy thác: Doanh nghiệp có linh kiện xe hai bánh gắn máy nhập khẩu ủy thác cho doanh nghiệp khác bị truy thu, để được giải tỏa cưỡng chế làm thủ tục nhập khẩu phải thỏa mãn các điều kiện sau: (i) hàng hóa nhập khẩu phải là máy móc, vật tư, nguyên liệu (không phải vật tư, nguyên liệu để sản xuất, lắp ráp xe máy); (ii) doanh nghiệp ủy thác nhập khẩu không có

- bất kỳ khoản nợ thuế hoặc nợ phạt chậm nộp thuế hàng nhập khẩu; (iii) hợp đồng ủy thác theo đúng quy định của Luật Thương mại; (iv) thực hiện nộp thuế ngay lô hàng nhập khẩu mới phát sinh trước khi giải phóng hàng. **(CV số 1666/TCHQ-KTTT ngày 28/04/2005).**
37. **Được miễn thuế đ/v hàng hoá mua bằng nguồn viện trợ không hoàn lại:** Đơn vị nhập khẩu hoặc mua trong nước các vật tư, hàng hoá, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải từ nguồn viện trợ không hoàn lại được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng. **(TT số 32/2005/TT-BTC ngày 26/4/2005).**
38. **Nhập khẩu bộ linh kiện xe ô tô tải dạng CKD để sản xuất và lắp ráp:** Việc nhập khẩu linh kiện xe ô tô để sản xuất lắp ráp theo Giấy phép của Chính phủ cấp cho từng doanh nghiệp được thay thế bằng biện pháp quản lý theo tiêu chuẩn của Bộ Công nghiệp. Theo CV số 1601/TCHQ-GSQL ngày 26/4/2005 của TCHQ, doanh nghiệp đã được các cấp có thẩm quyền cho phép sản xuất, lắp ráp ô tô được tiếp tục nhập khẩu và áp dụng chính sách thuế theo quy định hiện hành. Kể từ ngày 01/7/2005, khi làm thủ tục nhập khẩu, doanh nghiệp phải xuất trình văn bản xác nhận đủ tiêu chuẩn sản xuất, lắp ráp ô tô của UBND cấp tỉnh theo quy định của Bộ Công nghiệp. **(CV số 1601/TCHQ-GSQL ngày 26/4/2005).**
39. **Cập nhật thông tin vào hệ thống GTT22:** Tổng cục Hải quan đã có chỉ đạo về vấn đề này tại CV số 1524/TCHQ-KTTT ngày 22/4/2005. Theo đó, đối với các mặt hàng đã được xác định lại giá trị tính thuế sau tham vấn, công chức tính thuế ở Chi cục Hải quan các cửa khẩu sẽ tiến hành tính lại thuế trên Tờ khai Hải quan hàng nhập khẩu và cập nhật vào hệ thống dữ liệu giá GTT22 ngay sau khi nhận được thông báo kết quả xác định lại trị giá tính thuế sau tham vấn.
- Vào ngày 15 và 30 hàng tháng, các Chi cục sẽ có báo cáo về Cục Hải quan các tỉnh, thành phố số thuế phải truy thu sau tham vấn và số thuế doanh nghiệp đã thực nộp. **(CV số 1524/TCHQ-KTTT ngày 22/4/2005).**
40. **Không bắt buộc phải mở tờ khai NK nguyên liệu SXK tại nơi có trụ sở chính:** Doanh nghiệp không bắt buộc phải mở tờ khai NK nguyên liệu SXK tại cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc nơi có cơ sở sản xuất sản phẩm xuất khẩu. **(CV số 1506/TCHQ-GSQL ngày 21/4/2005).**
41. **Xử lý nợ thuế dự án ODA:** Về vấn đề này, cụ thể như trong trường hợp Dự án Cấp nước sử dụng vốn vay ODA, theo Tổng cục Hải quan thì, sẽ không thực hiện biện pháp cưỡng chế làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hoá và không xử lý phạt chậm nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT đối với các máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu trước ngày 01/01/2005;
- Đối với các máy móc, thiết bị, vật tư, phương tiện vận tải chuyên dùng nhập khẩu từ ngày 01/01/2005 trở đi thì thực hiện nộp thuế theo quy định của Luật thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu. Nếu quá thời hạn mà chưa nộp thuế thì vẫn phải xử lý phạt chậm nộp thuế theo quy định. **(CV số 1504/TCHQ-KTTT ngày 21/4/2005).**
42. **Không sử dụng bảng giá của cơ quan tài chính địa phương làm căn cứ tính thuế hàng NK:** Bảng giá do cơ quan tài chính địa phương ban hành không được sử dụng để làm căn cứ tính thuế hàng nhập khẩu mà chỉ được sử dụng để tham khảo trong việc xác định trị giá tính thuế **(CV số 1438/TCHQ-KTTT ngày 15/4/2005).**
43. **Thủ tục đ/v xăng dầu tạm nhập tái xuất:** Đối với trường hợp xăng dầu nhập khẩu và tạm nhập tái xuất có chung một hoá đơn thương mại bản chính, thì Tổng cục Hải quan chấp nhận cho doanh nghiệp nộp hoá đơn thương mại bản chính để lưu vào hồ sơ tờ khai nhập khẩu; hoá đơn thương mại bản photo có xác nhận sao y bản chính của doanh nghiệp lưu vào hồ sơ tờ khai tạm nhập.
- Xăng dầu tạm nhập tái xuất được lưu tại Việt Nam 90 ngày, và được gia hạn không quá 90 ngày. Nếu quá hạn sẽ bị lập biên bản vi phạm và bị xử lý theo luật định **(CV số 1415/TCHQ-GSQL ngày 14/4/2005).**
44. **Phải có ý kiến của Bộ Thương mại khi nhập khẩu đường làm hàng gia công:** Doanh nghiệp chỉ được nhập khẩu đường làm hàng gia công với thương nhân nước ngoài sau khi có ý kiến chấp thuận của Bộ Thương mại cho doanh nghiệp nhập khẩu đường **(CV số 1413/TCHQ-GSQL ngày 14/4/2005).**
45. **Điều kiện hoàn thuế khâu nhập khẩu:** Theo quy định, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được cơ quan tài chính hoàn trả các khoản đã nộp Ngân sách Nhà nước khi có đủ các điều kiện về: khoản thu đã được cơ quan thuế, hải quan các tỉnh/thành phố kiểm tra, xem xét, có QĐ hoàn trả và CV đề nghị hoàn trả gửi cơ quan tài chính.
- Việc xét hoàn trả thuế GTGT, kể cả thuế GTGT đơn vị nộp nhầm, nộp thừa được thực hiện hoàn trả từ quỹ hoàn thuế GTGT **(CV số 1105 TCT/PCCS ngày 14/4/2005).**
46. **Thủ tục nhập khẩu thiết bị hỏng:** Về việc giải quyết thủ tục nhập khẩu thiết bị hỏng không tái xuất mà để lại Việt Nam, theo hướng dẫn, trường hợp được nhập khẩu hàng hoá thay thế hàng hoá thuộc Danh mục thiết bị đồng bộ, toàn bộ đã được phê duyệt, hàng thay thế được tính thuế nhập khẩu theo máy chính, thì đối với hàng hoá bị thay thế nếu để lại Việt Nam sẽ phải chịu thuế nhập khẩu theo mức thuế suất qui định trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi cho mặt hàng đó **(CV số 1338/TCHQ-KTTT ngày 11/4/2005).**
47. **Hồ sơ đ/v hàng hoá gia công xuất khẩu chuyển tiếp:** Theo Luật Thương mại thì, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài phải có đầy đủ Hợp đồng gia công xuất khẩu và các phụ kiện hợp đồng ký với nước ngoài, trong đó ghi rõ cơ sở nhận hàng tại Việt Nam; Hoá đơn GTGT phải ghi rõ giá gia công và số lượng hàng gia công trả nước ngoài và tên cơ sở nhận hàng theo chỉ định của phía nước ngoài; Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp; và hàng hoá gia công cho nước ngoài phải thanh toán qua Ngân hàng **(CV số 1052 TCT/ĐTN ngày 11/4/2005).**

48. Đầu tư vào địa bàn đặc biệt khó khăn được miễn thuế NK 05 năm đ/v nguyên vật liệu: Doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn sẽ được miễn thuế nhập khẩu trong 05 năm đối với nguyên vật liệu, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng không đạt tiêu chuẩn để phục vụ hoạt động của dự án **(CV số 4175/TC-CST ngày 11/4/2005).**
49. Không miễn thuế nhập khẩu đối với hàng tiêu dùng mới 100%: Việc miễn thuế nhập khẩu một số mặt hàng tiêu dùng của gia đình, cá nhân người Việt Nam đang định cư ở nước ngoài, người nước ngoài được phép định cư tại Việt Nam chỉ áp dụng với hàng tiêu dùng đang sử dụng, không áp dụng với hàng tiêu dùng mới 100% **(CV số 1309/TCHQ-GSQL ngày 08/4/2005).**
50. Việt kiều góp vốn thành lập doanh nghiệp không được tạm nhập miễn thuế xe ô tô: Quy định về tạm nhập miễn thuế 01 xe ô tô 4 chỗ ngồi chỉ áp dụng đối với Việt kiều về nước làm việc trong thời hạn một năm trở lên, theo lời mời của cơ quan nhà nước Việt Nam, có xác nhận của cơ quan mời, không áp dụng đối với trường hợp Việt kiều về nước góp vốn thành lập doanh nghiệp trong nước. **(CV số 1291/TCHQ-GSQL ngày 07/4/2005).**
51. Tạm dừng ký kết mới hợp đồng xuất khẩu khoáng sản rắn dưới dạng nguyên liệu thô: Trong khi chưa ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản, doanh nghiệp chỉ được phép tiếp tục xuất khẩu khoáng sản theo hợp đồng đã ký kết, tạm dừng việc ký kết mới hợp đồng xuất khẩu khoáng sản rắn dưới dạng nguyên liệu thô. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng chỉ được cấp giấy phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản nếu có dự án đầu tư để làm giàu quặng hoặc chế biến ra sản phẩm kim loại, hợp kim hoặc làm ra các sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế cao. **(Chỉ thị số 10/2005/CT-TTg ngày 05/04/2005).**
52. Chuyển nhượng hạn ngạch dệt may xuất khẩu: Về vấn đề Chuyển nhượng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005 đã được hướng dẫn tại TT liên tịch số 06/2005/TTLT-BTM-BCN ngày 01/4/2005.

Về phạm vi, TT quy định hạn ngạch được phép chuyển nhượng là hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005 của thương nhân được Liên Bộ Thương mại - Công nghiệp giao theo thành tích xuất khẩu của thương nhân, kể cả hạn ngạch ứng trước thành tích xuất khẩu.

Việc chuyển nhượng hạn ngạch phải được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, trực tiếp, công khai giữa các thương nhân có nhu cầu thông qua Hợp đồng Chuyển nhượng. TT nghiêm cấm thực hiện chuyển nhượng thông qua môi giới, trung gian. Ngoài ra, phần hạn ngạch đã nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp. Phần hạn ngạch đã nhận chuyển nhượng không được sử dụng để chuyển đổi.

Thương nhân Chuyển nhượng có thể chuyển nhượng hạn ngạch được phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc từng phần, cho một hoặc nhiều thương nhân khác. Đối với Thương nhân Nhận Chuyển nhượng, nếu không sử dụng hết một phần hoặc toàn bộ số lượng hạn ngạch nhận chuyển nhượng thì Thương nhân này phải báo cáo Liên Bộ Thương mại - Công nghiệp để giải quyết **(TT liên tịch số 06/2005/TTLT-BTM-BCN ngày 01/4/2005).**
53. Giá tính thuế truy thu: Theo qui định, giá tính thuế truy thu xác định theo tỷ lệ còn lại của hàng mới – là tỷ lệ % của số thuế được hoàn tương ứng với thời gian hàng hoá nhập khẩu đã sử dụng và lưu lại Việt Nam. Thời gian hàng hoá nhập khẩu đã sử dụng và lưu lại Việt Nam xác định từ khi hàng hoá nhập khẩu đến khi được Bộ Thương mại cấp phép để xuất nhập khẩu tại chỗ.

Nếu doanh nghiệp chậm kê khai nộp thuế truy thu thì sẽ bị xử lý theo qui định và bị xử phạt chậm nộp thuế. Thời gian tính số ngày chậm nộp xác định kể từ khi được phép thay đổi mục đích sử dụng đến khi nộp hồ sơ cho cơ quan Hải quan trừ đi 02 ngày **(CV số 1220/TCHQ-KTTT ngày 01/4/2005).**
54. Hồ sơ đề nghị hoàn thuế phải có dấu đỏ: Khi nộp bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế, ngoài những tài liệu phải nộp bản chính thì các tài liệu khác nếu nộp bản photô cần phải có dấu "Sao y bản chính" của cơ quan công chứng hay của doanh nghiệp xin hoàn thuế và phải có chữ ký của người có trách nhiệm **(CV số 1211 TCHQ/KTTT ngày 01/4/2005).**
55. Hồ sơ gia hạn nộp thuế: Để được gia hạn nộp thuế, doanh nghiệp phải gửi về Cục Hải quan những giấy tờ sau: văn bản đề nghị chậm nộp thuế và các khoản nộp NSNN. Trong đó nêu rõ nguyên nhân, khó khăn của doanh nghiệp và thời gian đề nghị chậm nộp thuế; Bản photo tờ khai hải quan, thông báo thuế liên quan tới số thuế xin chậm nộp; Và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan tài chính địa phương về giá trị tài sản bị thiệt hại do nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh, do đó doanh nghiệp chưa có điều kiện nộp thuế. **(CV số 1206 TCHQ/KTTT ngày 31/3/2005).**
56. Vướng mắc chứng từ thanh khoản: Đối với trường hợp nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu, khi doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm có hình thức thanh toán thực tế khác với hình thức thanh toán đã thoả thuận trong hợp đồng; bên cạnh đó, doanh nghiệp lại không có phụ lục hợp đồng phản ánh việc thay đổi hình thức thanh toán thì, chứng từ thanh toán đó không được chấp nhận là chứng từ hợp lệ để xem xét hoàn thuế, cũng như xem xét không thu thuế nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu **(CV số 1192 TCHQ/KTTT ngày 31/3/2005).**
57. Thủ tục đăng ký hải quan hàng nhập khẩu: Khi đăng ký thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu, doanh nghiệp làm thủ tục hải quan phải nộp cho cơ quan hải quan toàn bộ chứng từ liên quan tới lô hàng nhập khẩu, đó là hợp đồng nhập khẩu, invoice, packinglist, C/O, Bill of Loading.... Cần cứ các chứng từ do doanh nghiệp xuất trình, cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra các tiêu thức khai báo trên tờ khai và tiếp nhận tờ khai hải quan **(CV số 1191 TCHQ/KTTT ngày 31/3/2005).**

58. Miễn thuế hàng đầu tư nước ngoài: Đối với Dự án đầu tư nước ngoài, trang thiết bị bếp, phòng ăn, nhà hàng, quầy bar nhập khẩu tạo TSCĐ được miễn thuế nhập khẩu 01 lần, không áp dụng cho trường hợp thay thế.
Việc xét duyệt Danh mục hàng hoá nhập khẩu miễn thuế tạo TSCĐ cho từng doanh nghiệp thuộc thẩm quyền Bộ Thương mại. Cơ quan Hải quan sẽ căn cứ vào Danh mục mặt hàng nhập khẩu miễn thuế được duyệt và làm thủ tục miễn thuế nhập khẩu cho doanh nghiệp (**CV số 1189/TCHQ-KTTT ngày 31/3/2005**).
59. Thuế hàng tam nhập – tái xuất: Máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải do các nhà thầu nước ngoài mang vào Việt Nam theo phương thức tam nhập – tái xuất để phục vụ thi công công trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức được miễn thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu khi tái xuất.
Tuy nhiên, khi kết thúc thời hạn thi công công trình, dự án thì nhà thầu nước ngoài phải tái xuất. Nếu không tái xuất sẽ phải kê khai nộp thuế nhập khẩu theo qui định (**CV số 1182/TCHQ-KTTT ngày 30/3/2005**).
60. Bãi bỏ thuế suất thuế nhập khẩu: Bộ Tài chính ra QĐ số 16/2005/QĐ-BTC ngày 28/3/2005, điều chỉnh Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan.
Bộ QĐ, bãi bỏ thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với mặt hàng sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường; sữa và kem cô đặc có pha thêm đường; ngô; xơ bông chưa chải thô hoặc chưa chải kỹ; phế liệu bông; xơ bông chải thô hoặc chải kỹ tại Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu (**QĐ số 16/2005/QĐ-BTC ngày 28/3/2005**).
61. Dự án sản xuất ô tô được miễn thuế NK, thuế GTGT khi NK máy móc tạo TSCĐ: Dự án sản xuất ô tô do các nhà đầu tư Việt Nam đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án. Được biết, nếu những thiết bị, máy móc này chưa sản xuất được ở trong nước thì doanh nghiệp sẽ không phải nộp thuế GTGT cho số máy móc nhập khẩu. (**CV số 3481 TC/CST ngày 28/3/2005**).
62. Được hoàn trả tiền thuế nộp thừa do nhầm lẫn trong kê khai tính thuế: Nếu do doanh nghiệp hoặc cơ quan hải quan nhầm lẫn trong kê khai tính thuế dẫn đến doanh nghiệp nộp thừa thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì doanh nghiệp sẽ được hoàn trả tiền nộp thừa trong thời hạn tối đa là 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu đến ngày phát hiện nhầm lẫn. (**CV số 3480 TC/CST ngày 28/3/2005**).
63. Xét miễn thuế hàng nhập khẩu: Một doanh nghiệp nhập khẩu máy móc, thiết bị trước khi được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cũng được miễn thuế nhập khẩu, nhưng chỉ trong thời gian không quá 02 tháng (được tính tròn là 60 ngày theo lịch) kể từ ngày nhập khẩu đến ngày được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư từ cơ quan có thẩm quyền (**CV số 1063/TCHQ-KTTT ngày 22/3/2005**).
64. Thuế xuất khẩu hàng hoá: Trường hợp một đơn vị xuất khẩu hàng hoá, nhưng hàng hoá xuất khẩu đó lại thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, không qua ngân hàng hoặc xuất khẩu hàng hoá nhưng không có hợp đồng bán hàng hoá cho khách hàng nước ngoài, thì các trường hợp này được coi là không đủ thủ tục, điều kiện qui định để được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT. Do đó, hàng xuất khẩu trong trường hợp này không được áp dụng thuế GTGT 0%, nhưng cũng không phải tính thuế GTGT đầu ra.
Đơn vị xuất khẩu này không được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào của các chi phí liên quan đến hàng xuất khẩu mà phải tính vào chi phí kinh doanh (**CV số 807 TCT/DNK ngày 22/3/2005**).
65. Doanh nghiệp ngừng hoạt động vẫn phải thanh khoản hợp đồng gia công: Các doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng còn tồn đọng hợp đồng gia công chưa thanh khoản thì vẫn có nghĩa vụ thanh khoản hợp đồng gia công tồn đọng với cơ quan Hải quan. (**CV số 1046/TCHQ-GSQL ngày 21/3/2005**).
66. Thuế hàng nhập khẩu thuộc nguồn vốn ODA: Chủ dự án ODA trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu, kể cả thu chênh lệch giá đối với một số mặt hàng nhập khẩu và không phải trả thuế GTGT, thuế TTĐB theo những qui định hiện hành (**CV số 1038/TCHQ-KTTT ngày 21/03/2005**).
67. Miễn thuế hàng ODA: Về việc miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng ODA, theo Tổng cục Hải quan, chủ dự án ODA không hoàn lại, trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu hàng hoá để thực hiện dự án ODA không hoàn lại được miễn thuế nhập khẩu, kể cả thu chênh lệch giá và không phải trả thuế GTGT, thuế TTĐB.
Trong hồ sơ xuất trình với cơ quan hải quan để được miễn thuế, phải có QĐ của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng nguồn ODA không hoàn lại; văn bản xác nhận hàng viện trợ không hoàn lại; Hợp đồng nhập khẩu, hoặc uỷ thác nhập khẩu;... (**CV số 932/TCHQ-KTTT ngày 11/3/2005**).
68. Phương án thuế đ/v linh kiện, phụ tùng ô tô: Ngày 03/3/2005, Bộ Tài chính trình với Chính phủ CV số 2458 TC/CST, triển khai phương án thuế đối với linh kiện và phụ tùng ô tô.
Có 02 phương án đề xuất – xây dựng mức thuế suất theo từng loại linh kiện, phụ tùng, không phân biệt theo chủng loại xe; và phương án xây dựng mức thuế suất thuế nhập khẩu phân biệt đối với loại linh kiện, phụ tùng theo chủng loại xe. Mỗi phương án đều có những ưu nhược điểm riêng.
Bộ Tài chính dự kiến xây dựng 04 Danh mục phụ tùng, linh kiện cho các chủng loại xe chở người trên/dưới 16 chỗ ngồi và xe chở hàng có tổng trọng lượng có tải trên/dưới 05 tấn. Bộ dự kiến xây dựng 05 mức thuế suất là 30%, 20%, 10%, 5% và 0% đối với từng loại linh kiện, phụ tùng (**CV số 2458 TC/CST ngày 03/03/2005**).

69. Thuế xe ô tô đã qua sử dụng: Tổng cục Hải quan hướng dẫn, các đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, nếu chuyển nhượng xe cho các đối tượng không được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ thì, người chuyển nhượng phải nộp thuế nhập khẩu, thuế và lệ phí theo luật định của Việt Nam – đó là 3 sắc thuế: thuế nhập khẩu, thuế TTĐB và thuế GTGT. *(CV số 1008/TCHQ-GSQL ngày 18/3/2005).*
70. Không được gửi thuốc lá điếu và ô tô đã qua sử dụng vào kho quan ngoại: Mặt hàng thuốc lá điếu và ô tô đã qua sử dụng thuộc danh mục mặt hàng cấm nhập khẩu nên không được phép gửi vào kho quan ngoại. *(CV số 1007/TCHQ-GSQL ngày 18/3/2005).*
71. Sửa đổi thuế nhập khẩu ưu đãi: Ngày 17/3/2005, Bộ Tài chính ra QĐ số 15/2005/QĐ-BTC về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử.

Những mặt hàng sửa đổi trong Biểu thuế lần này là những mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử thuộc các nhóm 8504, 8522, 8529, 8532, 8534, 8540, 8541. Đó là những sản phẩm hàng hoá biến thể điện, máy biến đổi điện tĩnh; đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, catot lạnh hoặc catot quang điện; điốt, bóng bán dẫn và các thiết bị bán dẫn tương tự; bộ phận bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện, đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng môđun;...*(QĐ số 15/2005/QĐ-BTC ngày 17/03/2005).*
72. Sửa đổi thuế nhập khẩu nhóm 2710: Cùng ngày 17/3/2005, Bộ Tài chính ban hành QĐ số 14/2005/QĐ-BTC, sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Nhóm 2710 gồm những sản phẩm dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có chứa 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó. Mức thuế suất sửa đổi lần này là 0%, 3%, 5%, 10% và 20% tùy theo từng mã hàng.
 Quyết định này áp dụng cho các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu kể từ ngày 18/3/2005. *(QĐ số 14/2005/QĐ-BTC ngày 17/03/2005).*
73. Không áp dụng danh mục dữ liệu giá tính thuế với hàng NK đã qua sử dụng: Theo CV số 977/TCHQ-KTTT ngày 16/3/2005 của TCHQ, Danh mục dữ liệu giá tính thuế chỉ quy định giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu mới. Vì vậy, nếu nhập khẩu hàng đã qua sử dụng thì doanh nghiệp sẽ không được áp dụng theo Danh mục trên mà áp dụng giá tính thuế do cơ quan hải quan địa phương tự xây dựng. *(CV số 977/TCHQ-KTTT ngày 16/3/2005).*
74. Phải được Bộ Thương mại chấp thuận khi XK xăng dầu nhiên liệu: Doanh nghiệp xuất khẩu xăng dầu nhiên liệu như diessel, dầu nhớt v.v.. phải được Bộ Thương mại chấp thuận. *(CV số 974/TCHQ-GSQL ngày 16/3/2005).*
75. Hàng hóa NK xuất xứ từ Bê-la-rút được bổ sung áp dụng trị giá tính thuế theo GATT: Hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ Bê-la-rút được bổ sung là đối tượng áp dụng TT số 118/2003/TT-BTC. Điều này có nghĩa là trị giá tính thuế đối với hàng hóa từ Bê-la-rút sẽ được xác định theo nguyên tắc của Hiệp định thực hiện Điều 7 Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). *(CV số 2932 TC/CST ngày 15/3/2005).*
76. Điều kiện chuyển đổi hạn ngạch giữa các chủng loại hàng dệt may XK sang Hoa Kỳ: Ngày 14/3/2005, Bộ Thương mại đã ra Thông báo số 0321/TM-DM công bố danh sách đợt 4 các thương nhân được xét chuyển đổi hạn ngạch giữa các chủng loại hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ/2005. Theo đó, các doanh nghiệp trên chỉ được chuyển đổi giữa các cat nóng sang nóng; không cho phép chuyển đổi các cat đã được cấp visa tự động sang các cat đang quản lý v.v.. Tất cả các trường hợp chuyển đổi giữa các cat đều phải có xác nhận của Phòng quản lý xuất nhập khẩu về số lượng còn đủ cho thu hồi. *(Thông báo số 0321/TM-DM ngày 14/03/2005).*
77. Ưu tiên giao hạn ngạch dệt may sang Hoa Kỳ cho doanh nghiệp liên kết chuỗi: Doanh nghiệp dệt may có dự án dệt nhuộm đầu tư mới hoặc thực hiện liên kết với nhau thành chuỗi sẽ được ưu tiên phân giao 5% hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ/2005, trong đó dành 3,5% hạn ngạch phân bổ cho các Chuỗi và 1,5% hạn ngạch còn lại phân bổ cho các doanh nghiệp có dự án đầu tư mới dệt nhuộm. Để được hưởng ưu tiên, doanh nghiệp phải gửi hồ sơ đến Bộ Thương mại trước ngày 10/4/2005. *(CV số 0319/TM-DM ngày 11/3/2005).*
78. Lùi thời hạn cưỡng chế đối với hoạt động xuất nhập khẩu: Doanh nghiệp bị phạt chậm nộp thuế nhập khẩu có thể được lùi việc cưỡng chế hoạt động XNK trong một thời hạn nhất định nếu đáp ứng đủ các điều kiện: (i) không còn nợ thuế XNK của lô hàng khác; (ii) có cam kết bằng văn bản về việc chấp thuận quyết định xử lý cuối cùng của Bộ Tài chính về việc phạt chậm nộp; và (iii) các lô hàng NK mới phát sinh phải được nộp đủ thuế đúng thời hạn. *(CV số 926/TCHQ-KTTT ngày 11/3/2005).*
79. Doanh nghiệp có thể bị cơ quan Hải quan bác bỏ trị giá khai báo hàng NK: Hải quan được quyền tiến hành tham vấn khi có nghi ngờ về trị giá tính thuế hàng hóa nhập khẩu do doanh nghiệp tự khai báo. Theo CV số 914/TCHQ-KTTT ngày 11/3/2005 của TCHQ, ngay cả trong trường hợp doanh nghiệp không chấp nhận kết quả tham vấn thì Hải quan vẫn có quyền bác bỏ trị giá khai báo trong các trường hợp sau: (i) người khai Hải quan không giải thích được các nghi vấn; (ii) thông tin người khai hải quan cung cấp được kiểm chứng không đúng; (iii) thông tin Hải quan có được bằng các biện pháp nghiệp vụ khẳng định trị giá giao dịch là không trung thực; và (iv) sau khi tham vấn, Hải quan vẫn khẳng định được tính chính xác, khách quan của cơ sở thông tin trị giá giao dịch là không trung thực. *(CV số 914/TCHQ-KTTT ngày 11/3/2005).*

80. Tham vấn xác định giá tính thuế: Đối với mặt hàng thuộc diện nộp thuế ngay, có mức thuế suất thuế nhập khẩu từ 50% trở lên, nếu doanh nghiệp nhập khẩu khai báo trị giá giao dịch thấp hơn so với các thông tin về trị giá có sẵn tại cơ quan Hải quan, mà cơ quan Hải quan đã có thông tin phục vụ cho việc tham vấn thì tổ chức tiến hành tham vấn ngay trong ngày mà không cần chờ đến 15 ngày sau khi thông quan.
- Nếu cơ quan Hải quan bác bỏ được trị giá giao dịch do doanh nghiệp khai báo thì sẽ xác định trị giá tính thuế ngay và doanh nghiệp phải nộp đủ thuế đối với lô hàng phải nộp thuế ngay thì mới được làm thủ tục thông quan hàng hoá.
- Có hai loại tham vấn: tham vấn trực tiếp – đối với trường hợp có mức chênh lệch thuế lớn hơn 20 triệu đồng; và tham vấn bằng văn bản – đối với trường hợp có mức chênh lệch thuế dưới 20 triệu đồng. **(CV số 913/TCHQ-KTTT ngày 11/3/2005).**
81. Khai báo không trung thực giá tính thuế có thể bị phạt gấp 5 lần mức gian lận: Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá nếu có hành vi khai báo không trung thực về mức giá giao dịch có thể bị truy thu tiền thuế và bị xử phạt đến 5 lần số tiền thuế gian lận. **(CV số 891/TCHQ-KTTT ngày 10/3/2005).**
82. Miễn thuế NK đối với máy móc, thiết bị NK để tạo TSCĐ: Doanh nghiệp được miễn thuế NK và không phải nộp thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng để tạo tài sản cố định nếu việc nhập khẩu hàng hoá nói trên đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho hưởng ưu đãi đầu tư chấp thuận và đã đăng ký với cơ quan hải quan. **(CV số 888/TCHQ-KTTT ngày 10/3/2005).**
83. Không thu thuế GTGT đối với hàng tạm nhập tái xuất: Hàng hoá tạm nhập - tái xuất là đối tượng thuộc diện không chịu thuế GTGT. Vì vậy, doanh nghiệp không phải nộp thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu theo phương thức này. **(CV số 878/TCHQ-KTTT ngày 10/3/2005).**
84. Không tính thuế NK theo giá hợp đồng nếu không thanh toán qua ngân hàng: Doanh nghiệp không được tính thuế nhập khẩu theo giá trong hợp đồng mua bán mà phải tính theo giá tối thiểu nếu không thực hiện thanh toán 100% trị giá hàng hoá qua ngân hàng. **(CV số 865/TCHQ-KTTT ngày 09/3/2005).**
85. Không phải nộp thuế NK đối với hàng hóa được phép tiêu hủy tại Việt Nam: Doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa theo phương thức tạm nhập tái xuất nhưng không tái xuất mà giữ lại tiêu thụ tại thị trường Việt Nam thì phải được sự đồng ý của BTM và phải nộp thuế NK. Trường hợp giữ lại để tiêu hủy thì phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường và doanh nghiệp sẽ không phải nộp thuế GTGT đối với hàng bị tiêu hủy. **(CV số 860/TCHQ-KTTT ngày 09/3/2005).**
86. Giảm 50% thuế suất thuế NK đối với hàng có xuất xứ từ Lào: Theo CV số 2730/TC-CST ngày 09/3/2005 của BTC, việc giảm 50% thuế suất thuế NK đối với hàng nhập khẩu vào Việt Nam có xuất xứ từ Lào sẽ được tiếp tục áp dụng trong 2005. **(CV số 2730/TC-CST ngày 09/3/2005).**
87. Nguyên tắc phân giao hạn ngạch dệt may: Về nguyên tắc phân giao hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ căn cứ vào thành tích xuất khẩu của thương nhân đợt II/2005, Bộ Thương mại đã có Thông báo số 0301/TM-DM ngày 09/3/2005 về vấn đề này.
- Theo đó, để đảm bảo công bằng, có tính đến sự cân đối hệ số phân bổ hạn ngạch thành tích đợt I và đợt II/2005, trong đó, đợt I có hệ số phân bổ cho thương nhân bằng 80% số thực hiện 7/đầu/2004, Liên Bộ tính hệ số phân giao hạn ngạch thành tích chung áp dụng cho cả/2005 bằng tổng nguồn hạn ngạch dành cho tiêu chí thành tích 2005 chi cho tổng thực hiện cả/2004. Liên Bộ lấy hệ số phân bổ chung là 0,9 cho cả/2005 đối với tất cả các Cat. Nếu còn số lượng dư lại thì sẽ đưa vào nguồn chung để giải quyết khiếu nại của thương nhân hoặc dùng cho việc giải quyết các kiến nghị chuyển đổi hạn ngạch.
- Như vậy, số lượng giao cho thương nhân đợt II/2005 sẽ bằng tiêu chuẩn hạn ngạch thành tích/2005 của thương nhân trừ đi số lượng hạn ngạch đã giao đợt I/2005. **(Thông báo số 0301/TM-DM ngày 09/3/2005).**
88. Thẩm quyền cấp phép quá cảnh Việt Nam cho hàng Trung Quốc: Trước đây, hàng hoá của Trung Quốc quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải được Bộ Thương mại cho phép. Tuy nhiên, theo QĐ số 0336/2005/QĐ-BTM ngày 08/3/2005, Bộ Thương mại đã ủy quyền cấp phép cho Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực Hà Nội, khu vực Đà Nẵng và khu vực TP. Hồ Chí Minh thực hiện. **(QĐ số 0336/2005/QĐ-BTM ngày 08/3/2005).**
89. Giảm thuế hàng dệt may có xuất xứ Hoa Kỳ hoặc EU: Các mặt hàng dệt may có tờ khai hàng nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 01/01/2005, có C/O của Hoa Kỳ hoặc các nước thuộc Cộng đồng Châu Âu sẽ được giảm thuế suất thuế nhập khẩu công bố cho/2005 từ 7% xuống còn 5%. Trường hợp mức thuế này vẫn cao hơn mức thuế MFN thì hàng hoá đó sẽ được áp dụng mức thuế MFN. Doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế nếu số thuế đã nộp cao hơn số thuế phải nộp theo quy định nói trên. **(QĐ số 13/2005/QĐ-BTC ngày 08/3/2005).**
90. Có thể được hoàn thuế NK khi chưa xuất trình chứng từ thanh toán của nước ngoài: Một trong những điều kiện để được hoàn thuế NK đối với nguyên liệu NK để sản xuất hàng xuất khẩu là phải có chứng từ thanh toán của bên nước ngoài. Theo CV số 2606 TC/TCHQ ngày 07/3/2005 của TCHQ, doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để SXKK, đã thực đưa vào sản xuất và xuất khẩu nhưng vì người mua nước ngoài thanh toán không đúng hạn, thanh toán thiếu hoặc có dấu hiệu lừa đảo dẫn đến chưa có chứng từ thanh toán để làm thủ tục xét hoàn thuế thì doanh nghiệp vẫn có thể được xét hoàn thuế nếu có văn bản cam kết về thời hạn nộp chứng từ thanh toán

hoặc thời hạn có kết luận chính thức về việc người mua lừa đảo. Quá thời hạn mà không thực hiện cam kết thì doanh nghiệp sẽ bị truy thu số thuế NK đã được hoàn. **(CV số 2606 TC/TCHQ ngày 07/3/2005).**

91. **Thuế nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh:** Bộ Tài chính hướng dẫn, hàng hoá nhập khẩu là các sản phẩm hoàn chỉnh để xuất khẩu kèm với sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu hoặc xuất khẩu kèm với sản phẩm gia công được áp dụng chính sách thuế như đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu, với điều kiện doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các điều kiện, qui chế quản lý, thanh quyết toán theo qui định của loại hình sản xuất xuất khẩu; doanh nghiệp phải xây dựng định mức. Giám đốc doanh nghiệp chịu trách nhiệm về việc xây dựng định mức này. Nếu có biểu hiện nghi vấn về định mức, cơ quan hải quan sẽ tiến hành kiểm tra; cơ quan hải quan nơi doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm hoàn chỉnh phải lưu mẫu để đối chiếu khi xuất khẩu. **(CV số 2605 TC/TCHQ ngày 07/3/2005).**
92. **Thuế hàng tạm nhập – tái xuất:** Theo Bộ Tài chính, đối với các hàng hoá nhập khẩu theo hình thức tạm nhập khẩu, sau đó tái xuất khẩu nhưng không tái xuất mà chuyển một phần hoặc toàn bộ sang tiêu thụ nội địa sau khi có sự cho phép của cơ quan chức năng, thì thời hạn nộp thuế là 15 ngày, kể từ ngày hết hạn tái xuất cho do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt cho toàn bộ lô hàng đã tạm nhập khẩu. **(CV số 2547 TC/TCHQ ngày 04/3/2005).**
93. **Có thể cam kết nộp muộn bằng kê chứng từ đã thanh toán tiền hàng XK qua ngân hàng:** Doanh nghiệp xuất khẩu phải nộp bằng kê chứng từ đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng trong hồ sơ hoàn thuế GTGT. Theo CV số 2503 TC/TCT ngày 04/3/2005 của BTC, nếu ký hợp đồng xuất khẩu trả chậm, doanh nghiệp không cần nộp ngay bằng kê chứng từ đã thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng trong bộ hồ sơ hoàn thuế GTGT mà có thể cam kết nộp sau một thời hạn nhất định. Nếu đến hạn cam kết mà doanh nghiệp không xuất trình được bằng kê chứng từ nêu trên thì sẽ bị thu hồi tiền thuế GTGT đã được hoàn, khấu trừ và bị xử phạt vi phạm hành chính về việc chiếm dụng tiền hoàn thuế của nhà nước. **(CV số 2503 TC/TCT ngày 04/3/2005).**
94. **Phân loại hàng hóa đối với máy giặt:** Theo CV số 821 TCHQ/GSQL ngày 04/3/2005 của TCHQ, để tạo thuận lợi trong việc áp mã số thuế đối với hàng xuất, nhập khẩu, mặt hàng máy giặt sẽ được phân loại ra hai nhóm chính: nhóm 8450 bao gồm các loại máy giặt sử dụng trong gia đình hoặc trong hiệu giặt, nhóm 8451 bao gồm các loại máy giặt công nghiệp. **(CV số 821 TCHQ/GSQL ngày 04/3/2005).**
95. **Miễn thuế NK đối với hàng là quà biếu, tặng mang mục đích nhân đạo:** Doanh nghiệp sẽ được miễn thuế NK đối với hàng nhập khẩu là quà biếu, quà tặng mang mục đích nhân đạo, từ thiện. Được biết, để được miễn thuế thì hàng hóa trong trường hợp này phải có quyết định, thông báo hoặc thỏa thuận tặng hàng hóa. **(CV số 818/TCHQ-KTTT ngày 04/03/2005).**
96. **Không xử phạt nếu lần đầu áp sai mã số hàng hóa:** Theo CV số 808 TCHQ-GSQL ngày 04/03/2005 của TCHQ, nếu doanh nghiệp lần đầu xuất, nhập khẩu mặt hàng đã khai đúng hàng hóa thực xuất, nhập khẩu nhưng áp sai mã số hàng hóa thì sẽ không bị xử phạt. Tuy nhiên, nếu đã được cơ quan hải quan hướng dẫn mà vẫn tiếp tục áp sai mã số thuế đối với mặt hàng đó thì doanh nghiệp sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính. **(CV số 808 TCHQ-GSQL ngày 04/03/2005).**
97. **Điều chỉnh hạn ngạch thuế quan:** Kể từ ngày 01/4/2005, Thủ tướng Chính phủ qui định bãi bỏ hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng nhập khẩu nêu tại Danh mục các mặt hàng nhập khẩu chịu sự điều chỉnh của hạn ngạch thuế quan được ban hành kèm theo QĐ số 91/2003/QĐ-TTg ngày 09/5/2003. Đó là những mặt hàng: sữa nguyên liệu chưa cô đặc và cô đặc, ngô hạt và bông. **(CV số 46/2005/QĐ-TTg ngày 03/3/2005).**
98. **Quy chế cấp Giấy phép nhập khẩu sẽ có hiệu lực từ ngày 01/9/2005:** Ngày 02/3/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quy chế cấp Giấy phép nhập khẩu. Theo đó, cơ quan cấp Giấy phép nhập khẩu không được từ chối hồ sơ đề nghị cấp phép vì những sai sót nhỏ về thông tin, với điều kiện những sai sót này không làm thay đổi những nội dung quan trọng và cơ bản của hồ sơ. Được biết, quy chế này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2005 **(QĐ số 41/2005/QĐ-TTg ngày 02/03/2005).**
99. **Không miễn thuế NK nếu không đạt tỷ lệ xuất khẩu đã đăng ký:** Doanh nghiệp FDI nếu không đạt tỷ lệ xuất khẩu như quy định tại Giấy phép đầu tư thì sẽ bị truy thu thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu đã được miễn thuế và không bị tính phạt chậm nộp. **(CV số 2388 TC/TCHQ ngày 01/3/2005).**
100. **Giá tính thuế nhập khẩu áp dụng thống nhất trên toàn quốc:** Giá tính thuế đối với hàng nhập khẩu áp dụng thống nhất trên toàn quốc chứ không có sự phân biệt riêng cho các khu kinh tế tại Việt Nam. **(CV số 660/TCHQ-KTTT ngày 24/02/2005).**
101. **Có thể không phải nộp thuế nhập khẩu đối với hàng tái xuất:** Hàng hóa do doanh nghiệp nhập khẩu nhưng bị hư hỏng không đạt yêu cầu nên phải tái xuất trả chủ hàng nước ngoài thì có thể được xem xét không thu thuế nhập khẩu cho lô hàng đã tái xuất. **(CV số 651/TCHQ-KTTT ngày 24/02/2005).**
102. **Phải nộp đủ và đúng hạn tiền thuế, tiền phạt trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại:** Trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại về việc nộp tiền thuế hoặc tiền phạt, doanh nghiệp khiếu nại vẫn phải nộp đủ và đúng hạn các loại tiền thuế, tiền phạt theo thông báo của cơ quan thuế hoặc hải quan. **(CV số 625/TCHQ-KTTT ngày 23/02/2005).**

103. Xét miễn thuế quà tặng: Căn cứ theo qui định về thuế xuất nhập khẩu thì hàng hoá là quà biếu tặng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức Việt Nam thuộc đối tượng được xét miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, hàng hoá là quà biếu tặng đó chỉ được xét miễn thuế nhập khẩu khi có trị giá không vượt quá 30 triệu đồng.
- Vì vậy, nếu một đơn vị được một tổ chức nước ngoài tặng xe ô tô 4 chỗ đã qua sử dụng thì không được nhập khẩu (do Chính phủ đã qui định, xe ô tô chở người dưới 16 chỗ đã qua sử dụng thuộc mặt hàng cấm nhập khẩu) và không thuộc đối tượng được xét miễn thuế, dù đó là hàng biếu tặng. **(CV số 610/TCHQ-KTTT ngày 22/02/2005).**
104. Các nước có thỏa thuận MFN và thỏa thuận ưu đãi đặc biệt trong thương mại với VN: Ngày 21/02/2005, Bộ Thương mại đã ban hành CV số 0765/TM-PC về việc cập nhật các văn bản quy định về Giấy chứng nhận xuất xứ để hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi và Danh sách các nước và vùng lãnh thổ đã có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc và ưu đãi đặc biệt trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Đến nay đã có 89 nước và vùng lãnh thổ có thỏa thuận đối xử tối huệ quốc và 10 nước, vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Nếu muốn biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để được cung cấp toàn văn văn bản. **(CV số 0765/TM-PC ngày 21/02/2005).**
105. Xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan: Ngày 16/02/2005, Bộ Tài chính ban hành TT số 14/2005/TT-BTC, hướng dẫn thi hành ND số 138/2004/ND-CP ngày 17/6/2004 qui định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
- Theo qui định tại Thông tư thì, trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá, vật phẩm không đúng với khai hải quan nhưng không ảnh hưởng đến tiền thuế và các nghĩa vụ tài chính phải nộp, không vi phạm qui định về chính sách mặt hàng, vệ sinh môi trường hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật theo qui định của pháp luật thì không bị xử phạt;
- Nếu trường hợp người khai hải quan đúng hàng hoá thực xuất khẩu, nhập khẩu nhưng áp sai mã số hàng hoá do lần đầu nhập khẩu mặt hàng đó thì cơ quan Hải quan sẽ hướng dẫn người khai áp lại mã số hàng hoá cho chính xác, lập biên bản chứng nhận và không xử phạt. Nhưng nếu đã được Hải quan hướng dẫn mà vẫn tiếp tục khai sai mã số mặt hàng đó thì sẽ bị lập biên bản và xử phạt theo luật định. **(TT số 14/2005/TT-BTC ngày 16/02/2005).**
106. Không phân loại thông tin phần mềm chứa trong các vật mang tin: Việc phân loại sản phẩm phần mềm theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, biểu thuế xuất khẩu chỉ áp dụng đối với phương tiện dùng để lưu, ghi, chứa thông tin (phần mềm) mà không áp dụng đối với chính thông tin (phần mềm) được ghi, lưu, chứa trên các phương tiện đó. Theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu đối với sản phẩm phần mềm nhập khẩu sẽ phụ thuộc vào hình thức phần mềm đó được lưu giữ chứa không phụ thuộc vào nội dung của phần mềm **(CV số 667 TCHQ/GSQL ngày 24/02/2005).**
107. Xét miễn thuế quà tặng: Căn cứ theo qui định về thuế xuất nhập khẩu thì hàng hoá là quà biếu tặng của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức Việt Nam thuộc đối tượng được xét miễn thuế nhập khẩu. Tuy nhiên, hàng hoá là quà biếu tặng đó chỉ được xét miễn thuế nhập khẩu khi có trị giá không vượt quá 30 triệu đồng.
- Vì vậy, nếu một đơn vị được một tổ chức nước ngoài tặng xe ô tô 4 chỗ đã qua sử dụng thì không được nhập khẩu (do Chính phủ đã qui định, xe ô tô chở người dưới 16 chỗ đã qua sử dụng thuộc mặt hàng cấm nhập khẩu) và không thuộc đối tượng được xét miễn thuế, dù đó là hàng biếu tặng **(CV số 610/TCHQ-KTTT ngày 22/02/2005).**
108. 16 doanh nghiệp được chuyển đổi các Cat hạn ngạch dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ: Bộ Thương mại đã thông báo danh sách các thương nhân được xét chuyển đổi giữa các chủng loại hàng hạn ngạch dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2 năm 2005 đợt 3. Danh sách này gồm 16 doanh nghiệp, trong đó, TP. HCM có 04 doanh nghiệp và Hà Nội có 03 doanh nghiệp **(Thông báo số 0240/TM-DM ngày 18/02/2005).**
109. Miễn thuế hàng nhập khẩu: Để được xét miễn thuế hàng nhập khẩu làm tặng phẩm, quà lưu niệm cho khách đến thăm hội chợ, triển lãm thì, khi làm thủ tục hải quan hàng hoá tạm nhập – tái xuất tham dự triển lãm, xác nhận danh mục hàng hoá đã biếu, tặng làm cơ sở xét miễn thuế nhập khẩu phải thông báo cho người khai hải quan biết rõ qui định xét miễn thuế nhập khẩu đối với hàng được phép tạm nhập vào Việt Nam; và phải xác định trị giá hàng hoá dùng làm quà biếu, tặng theo qui định hiện hành tại thời điểm nhập khẩu.
- Bên cạnh đó, khi xét miễn thuế nhập khẩu hàng nhập khẩu làm quà biếu tặng, chỉ xét miễn thuế đối với những hàng hoá có trị giá trong định mức qui định - từ 5USD/1 vật phẩm trở xuống và tổng trị giá lô hàng nhập khẩu dùng để biếu, tặng không quá 3.000 USD **(CV số 569/TCHQ-KTTT ngày 17/02/2005).**
110. Thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ: Theo những qui định hiện hành thì, để mở tờ khai xuất nhập khẩu tại chỗ, sản phẩm phải đáp ứng các điều kiện theo luật định, trong đó, doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm phải dùng làm nguyên liệu sản xuất sản phẩm xuất khẩu.
- Căn cứ theo qui định trên, nếu một doanh nghiệp nhập hàng về làm dụng cụ sản xuất, không sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì không đủ điều kiện để làm thủ tục xuất nhập khẩu tại chỗ. Trường hợp này không được coi là xuất khẩu nên doanh nghiệp không phải làm thủ tục hải quan mà thực hiện theo mua bán nội địa **(CV số 561 TCHQ/GSQL ngày 17/02/2005).**

111. Thuế suất CEPT mặt hàng Bugi cho xe gắn máy: Chính phủ đã qui định tại Danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung CEPT của các nước ASEAN cho các năm 2003 – 2006 thì, mặt hàng Bugi dùng cho xe gắn máy nhập khẩu từ ASEAN thuộc mã số 8511.10.90 có thuế suất thuế nhập khẩu 5% (*CV số 556/TCHQ-KTTT ngày 16/02/2005*).
112. Không giao hạn ngạch dệt may cho các doanh nghiệp không đủ điều kiện: Để được giao hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Hoa Kỳ năm 2005, doanh nghiệp phải đáp ứng một số tiêu chí nhất định như: (i) có Giấy đăng ký kinh doanh; (ii) có quyền nhận quota để xuất khẩu độc lập hoặc nhận quota trong liên kết chuỗi v.v.. Vì vậy, theo CV số 0219/TM-DM ngày 16/2/2005 của BTM, một số doanh nghiệp thuộc danh sách đính kèm Công văn này sẽ không được giao hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu vì không đáp ứng đủ các tiêu chí trên. Quý vị muốn biết thêm thông tin chi tiết xin liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ ở cuối bản tin này để được cung cấp toàn văn bản (*CV số 0219/TM-DM ngày 16/2/2005*).
113. Bổ sung một số Phòng quản lý xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ Thương mại: Theo CV số 0233/TM-DM ngày 16/2/2005 của BTM, một số Phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực trực thuộc Bộ Thương mại vừa được bổ sung tại các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh v.v.. để thực hiện việc cấp giấy phép xuất khẩu đối với hàng dệt may sang thị trường EU năm 200. (*CV số 0233/TM-DM ngày 16/2/2005 của BTM*).
114. Ngừng cấp Giấy phép nhập khẩu: Ngày 15/02/2005, Bộ Thương mại ra Thông báo số 0217/TM-DM, thông báo, kể từ ngày 16/02/2005, Bộ sẽ ngừng cấp Giấy phép xuất khẩu tự động đối với mặt hàng vải tổng hợp (Cat.35) xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2005.
- Thương nhân có nhu cầu xuất khẩu mặt hàng Cat.35 sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2005, hãy gửi hồ sơ đăng ký về Bộ Thương mại, Ban Điều hành Hạn ngạch Dệt may, chậm nhất ngày 21/02/2005. Hồ sơ gồm: Hợp đồng xuất khẩu hoặc P.O, chứng từ nhận nguyên phụ liệu, giấy báo giao hàng... sao y bản chính, đóng dấu và chữ ký của người đứng đầu thương nhân (*Thông báo số 0217/TM-DM ngày 15/02/2005 của BTM*).
115. Sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu nhóm 2710: Ngày 04/02/2005, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 11/2005/QĐ-BTC, sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi. Quyết định áp dụng cho các tờ khai hàng hoá nhập khẩu đăng ký với cơ quan Hải quan kể từ ngày 06/02/2005.
- Đó là loại dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác có chứa từ 70% khối lượng trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó, trừ dầu thải (*QĐ số 11/2005/QĐ-BTC ngày 04/02/2005 của BTC*).
116. Sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu: Chính phủ ban hành ND số 13/2005/ND-CP ngày 03/02/2005, về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung CEPT của các nước ASEAN cho các năm 2005 – 2013.
- Các mặt hàng trong danh mục sửa đổi, bổ sung lần này gồm thực phẩm từ gia cầm, một số loài động vật, rau quả; đồ uống: rượu mạnh, rượu mùi; xi hạt nhỏ, địa xi, vụn xi, các phế thải từ công nghiệp luyện sắt thép; một số sản phẩm từ xà phòng; một số đồ điện tử và mỹ thuật... Các sản phẩm này nằm trong mã hàng 0105, 0207, 0208, 0602, 0805, 1601, 1602, 2208, ... sẽ được giảm thuế suất CEPT dần theo từng năm, tính từ năm 2005, tiến tới giảm thuế suất tới mức tối thiểu và 0%.
- Mức thuế mới này sẽ áp dụng cho các Tờ khai hàng hoá nhập khẩu đã đăng ký với cơ quan Hải quan, kể từ ngày 01/01/2005. (*ND số 13/2005/ND-CP ngày 03/02/2005*).
117. Cấm nhập khẩu xe ô tô bơm bê tông có tay lái nghịch: Phương tiện vận tải tay lái nghịch thuộc danh mục hàng cấm nhập khẩu. Do đó, theo CV số 495 TCHQ/GSQL ngày 03/02/2005 của TCHQ, xe ô tô bơm bê tông có tay lái nghịch cũng thuộc mặt hàng cấm nhập khẩu. (*CV số 495 TCHQ/GSQL ngày 03/02/2005*).
118. Hàng nhập khẩu từ New Zealand không bị áp giá tối thiểu: Kể từ ngày 06/5/2004, hàng hóa nhập khẩu từ New Zealand sẽ không thuộc đối tượng phải áp dụng giá tối thiểu. Theo đó, doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ New Zealand được tự xác định trị giá tính thuế (*CV số 493/TCHQ-KTTT ngày 03/02/2005*).
119. Thời hạn xuất trình C/O mẫu D được kéo dài thêm 02 tháng so với quy định cũ: Trước đây, doanh nghiệp phải trình C/O mẫu D trong vòng 04 tháng kể từ ngày được cơ quan cấp C/O của nước xuất khẩu ký. Để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu, Bộ Thương mại đã ban hành Quyết định số 0151/2005/QĐ-BTM ngày 27/01/2005 kéo dài thời hạn này lên 06 tháng (*QĐ số 0151/2005/QĐ-BTM ngày 27/01/2005*).
120. Xác định giá tính thuế ô tô nhập khẩu: Qua kiểm tra, Tổng cục Hải quan phát hiện một số doanh nghiệp nhập khẩu mặt hàng xe ô tô du lịch dưới 09 chỗ với giá nhập khẩu rất thấp so với mức giá chào bán trên internet, trên thị trường nội địa,... Và nhận thấy mức giá do doanh nghiệp khai báo thường không phải là mức giá thực tế thanh toán.
- Do vậy, Tổng cục Hải quan yêu cầu Chi cục Hải quan các tỉnh tiến hành rà soát tất cả các trường hợp nhập khẩu mặt hàng xe ô tô du lịch dưới 09 chỗ phát sinh từ ngày 01/01/2004 đến nay để xác định doanh nghiệp vi phạm, khai báo mức giá thấp. Và các Chi cục sẽ dựa trên mức giá chào bán tại các địa chỉ www.vietnam.ovop.com, www.automotive.com, www.discountnewcar.com, hoặc www.banxe.com (*CV số 364/TCHQ-KTTT ngày 25/01/2005*).

121. **Xác định doanh thu xuất khẩu:** Theo luật định, cục thuế sẽ căn cứ vào hợp đồng xuất khẩu, hoá đơn GTGT, invoice và tờ khai hải quan để xác định doanh thu xuất khẩu và hoàn thuế GTGT cho đơn vị.
- Trường hợp giá trị hàng hoá xuất khẩu ghi trên invoice cao hơn giá trị hàng hoá xuất khẩu ghi trên hoá đơn GTGT và tờ khai hải quan, phía nước ngoài thực tế đã thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu theo giá trị ghi trên invoice và giá trị hàng hoá xuất khẩu này phù hợp với qui định trong hợp đồng xuất khẩu thì doanh thu xuất khẩu của đơn vị được xác định theo giá trị ghi trên invoice. *(CV số 342 TCT/DNNN ngày 25/01/2005 của TCHQ).*
122. **Thuế nhập khẩu xe máy từ EU:** Ngày 18/01/2005, Bộ Tài chính ra QĐ số 05/2005/QĐ-BTC về thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe máy nhập khẩu có nguồn gốc từ EU.
- Theo đó, để được hưởng mức thuế suất thuế nhập khẩu là 70%, hàng hoá nhập khẩu của doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện là có giấy chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên EU cấp; vận tải đơn thể hiện hàng được vận chuyển từ cảng EU.
- Trên cơ sở hạn ngạch do Bộ Thương mại cấp cho từng doanh nghiệp, cơ quan Hải quan sẽ tiến hành theo dõi, làm thủ tục nhập khẩu và tính thuế cho các doanh nghiệp. Nếu số lượng xe hai bánh gắn máy nhập khẩu vượt hạn ngạch 3.500 chiếc hoặc những doanh nghiệp không được cấp hạn ngạch khi nhập khẩu phải thực hiện nộp thuế theo đúng các qui định hiện hành *(QĐ số 05/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005).*
123. **Thuế mặt hàng rượu nhập khẩu:** Cùng ngày 18/01/2005, Bộ Tài chính ra QĐ số 04/2005/QĐ-BTC, sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng rượu nhập khẩu.
- Theo quyết định này, những mặt hàng rượu nhập khẩu nằm trong mã số 2204, 2205, 2206, 2208 sẽ có mức thuế suất là 65%. Qui định này áp dụng cho những Tờ khai hàng hoá nhập khẩu nộp cơ quan Hải quan kể từ ngày 01/01/2005. Số tiền thuế chênh lệch giữa số thuế đã nộp với số thuế theo mức thuế suất thuế nhập khẩu qui định tại Quyết định này sẽ được xử lý hoàn trả *(QĐ số 04/2005/QĐ-BTC ngày 18/01/2005)*
124. **Vướng mắc C/O mẫu D:** Theo Tổng cục Hải quan, việc kiểm tra C/O, trước hết phải căn cứ vào bộ phận chứng từ và thực tế hàng hoá. Sai lệch về màu sắc của C/O mẫu D không phải là yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến mục đích xác định xuất xứ của lô hàng. Nếu C/O mẫu D đó được cấp đúng thể thức cho mặt hàng có xuất xứ từ các nước thành viên ASEAN và nằm trong danh mục hàng hoá và thuế suất của Việt Nam để thực hiện CEPT, có dấu, chữ ký và tên của người có thẩm quyền ký đúng theo qui định hiện hành, có nội dung phù hợp với bộ chứng từ và thực tế hàng hoá, thì được chấp nhận để làm thủ tục hưởng ưu đãi theo CEPT *(CV số 20/TCHQ-GSQL ngày 04/01/2005).*
125. **Thuế quà biếu tặng:** Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, hàng hoá là quà biếu tặng của tổ chức cá nhân người nước ngoài cho tổ chức, cá nhân người Việt Nam có trị giá hàng hoá không vượt quá 30 triệu đồng, thuộc đối tượng được xem xét miễn thuế nhập khẩu. Nhưng, để được xét miễn thuế, tổ chức cá nhân đó phải có đủ những hồ sơ theo qui định cho lô hàng đó, gồm: công văn yêu cầu miễn thuế của tổ chức, cá nhân được biếu tặng; thông báo hoặc quyết định hoặc thoả thuận tặng hàng hoá; tờ khai hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá nhập khẩu đã làm thủ tục hải quan; thông báo thuế của cơ quan hải quan *(CV số 6367 TCHQ-KTTT ngày 31/12/2004).*
126. **Kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp:** Bộ Tài chính và Bộ KH-CN ban hành TTLT số 129/2004/TTLT/BTC-BKHCN ngày 29/12/2004, hướng dẫn thi hành các biện pháp kiểm soát biên giới về sở hữu công nghiệp đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.
- Thông tư này áp dụng đối với tất cả hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trừ hàng hoá viện trợ nhân đạo; hàng quá cảnh; hàng hoá tạm nhập - tái xuất, hàng hoá tạm nhập - tái xuất phục vụ công tác, sinh hoạt của tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng hoá là quà biếu tặng, tài sản di chuyển trong tiêu chuẩn được miễn thuế.
- Theo qui định tại TTLT này, hàng hoá bị tạm ngừng làm thủ tục hải quan khi bị nghi ngờ xâm phạm bản quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn. Nếu xác định đúng là hàng vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, thì số hàng hoá đó sẽ buộc phải bị xử phạt vi phạm hành chính, loại bỏ các yếu tố vi phạm (nếu có thể), buộc tái xuất, tịch thu hoặc phân phối cho các đối tượng sử dụng không nhằm mục đích kinh doanh, và sẽ tiêu huỷ nếu hàng hoá đó không có hoặc không còn giá trị sử dụng *(TTLT số 129/2004/TTLT/BTC-BKHCN ngày 29/12/2004)*
127. **Ôtô Nhật Bản, Hàn Quốc sẽ được áp dụng giá tính thuế do nhà nhập khẩu khai báo:** Giá tính thuế nhập khẩu đối với ô tô có xuất xứ Nhật Bản và Hàn Quốc là giá do doanh nghiệp khai báo với Hải quan. Tuy nhiên, trong trường hợp có nghi ngờ về tính trung thực của mức giá khai báo, cơ quan Hải quan có thể sẽ tổ chức tham vấn để xác định trị giá tính thuế *(CV số 6281/TCHQ-KTTT ngày 27/12/2004)*
128. **Nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu sẽ được hoàn thuế nhập khẩu:** doanh nghiệp sẽ được hoàn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng tiêu thụ trong nước nhưng sau đó đã được chuyển sang sản xuất hàng xuất khẩu. Mức thuế được hoàn sẽ tương đương với số lượng nguyên liệu chuyển sang sản xuất hàng xuất khẩu *(CV số 6274/TCHQ-KTTT ngày 27/12/2004)*

129. 51 chủng loại hàng dệt may sẽ được cấp giấy phép xuất khẩu tư động sang EU: Kể từ ngày 01/01/2005, chế độ cấp giấy phép xuất khẩu tư động sẽ được áp dụng đối với 51 chủng loại hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường EU. Để biết thêm thông tin chi tiết, xin quý khách vui lòng liên hệ với chúng tôi để được cung cấp toàn văn văn bản **(TB số 6494 TM/XNK ngày 24/12/2004)**.
130. Linh kiện, phụ tùng ô tô, xe máy được hưởng thuế nhập khẩu CEPT: Ngày 24/12/2004, Chính phủ đã ban hành ND số 213/2004/NĐ-CP chính thức bổ sung 19 mặt hàng mới, chủ yếu là các loại phụ tùng của ô tô, xe gắn máy vào Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt nam thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT). Đáng chú ý là mức thuế suất ưu đãi này sẽ được áp dụng hồi tố đối với các lô hàng đã kê khai Hải quan kể từ ngày 01/01/2004 **(NĐ số 213/2004/NĐ-CP ngày 24/12/2004)**.

DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

1. Thành lập mới, tổ chức lại và giải thể Công ty Nhà nước: Tại TT số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005, Bộ Tài chính đã hướng dẫn về trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước.

Theo đó, Công ty Nhà nước không đủ điều kiện để sáp nhập, hợp nhất vào công ty nhà nước khác khi kinh doanh thua lỗ, mất hết vốn nhà nước. Đối với công ty đủ điều kiện, thì trong thời gian 30 ngày sau khi có QĐ sáp nhập, hợp nhất, công ty bị sáp nhập, các công ty bị hợp nhất có trách nhiệm khoá sổ kế toán, tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản công ty đang quản lý, sử dụng và lập báo cáo tài chính ở thời điểm hợp nhất.

Tài sản kiểm kê sẽ được phân loại theo các nhóm: tài sản cần dùng; tài sản không cần dùng, tài sản ứ đọng, tài sản chờ thanh lý; tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi; tài sản thuê ngoài, vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán hộ, nhận ký gửi.

Trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày có QĐ sáp nhập, hợp nhất, công ty bị sáp nhập, công ty bị hợp nhất phải bàn giao đầy đủ, nguyên trạng tài sản, vốn, công nợ, quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, hồ sơ chứng từ có liên quan, các quyền và nghĩa vụ khác cho công ty nhận sáp nhập, công ty hợp nhất. **(TT số 38/2005/TT-BTC ngày 18/5/2005)**.

2. Đổi mới doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng: Vấn đề này được Chính phủ qui định tại QĐ số 102/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005, phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Xây dựng trong 2 năm 2005 – 2006.

Tại QĐ này, Danh mục doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng tiến hành sắp xếp giai đoạn 2005 – 2006 gồm: Các doanh nghiệp Nhà nước giữ 100% vốn (22 doanh nghiệp); Các doanh nghiệp cổ phần hoá (72 doanh nghiệp); Khoán kinh doanh (02 doanh nghiệp); Các Tổng công ty nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con (12 Tổng công ty). **(QĐ số 102/2005/QĐ-TTg ngày 12/5/2005)**.

3. Quy chế Công khai tài chính: Ngày 14/4/2005, Bộ Tài chính ban hành TT số 29/2005/TT-BTC, hướng dẫn về Quy chế Công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước.

Bộ Tài chính hướng dẫn, các doanh nghiệp thực hiện công khai các nội dung thông tin tài chính tại hệ thống báo cáo tài chính hàng năm - bao gồm các thông tin về tài sản, tiền vốn, kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, lưu chuyển tiền tệ và thông tin thuyết minh về báo cáo tài chính.

Đối với các cổ đông, người góp vốn ở công ty cổ phần, công ty TNHH mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì, việc công khai và tiếp nhận thông tin tài chính được thực hiện theo hình thức cổ đông hoặc người góp vốn thông qua báo cáo tài chính tại đại hội Đại hội đồng cổ đông hoặc tại hội nghị thành viên.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc công ty thực hiện công khai tài chính có trách nhiệm trả lời chất vấn về các nội dung công khai tài chính. Các chất vấn phải được trả lời cho người chất vấn chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận nội dung chất vấn. Trường hợp nội dung chất vấn phức tạp, cần nhiều thời gian để chuẩn bị trả lời thì phải hẹn lại ngày trả lời cụ thể cho từng người chất vấn, nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày tiếp nhận nội dung chất vấn. **(TT số 29/2005/TT-BTC ngày 14/4/2005)**.

4. Phần đất chưa đền bù, giải phóng mặt bằng bị tính tiền sử dụng đất theo giá đất mới: Doanh nghiệp được Nhà nước giao đất để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng, nộp hồ sơ kê khai, nộp tiền sử dụng đất trước ngày 01/01/2005, đã tiến hành việc đền bù, bồi thường thiệt hại về đất đúng quy định thì được tính tiền sử dụng đất theo giá đất tại thời điểm nộp hồ sơ. Tuy nhiên, trong trường hợp chưa đền bù, giải phóng mặt bằng hoặc mới chỉ trả một phần thì doanh nghiệp chỉ được tính theo giá đất tại thời điểm nộp hồ sơ tương ứng với phần đất đã đền bù, phần chưa đền bù doanh nghiệp sẽ bị tính tiền sử dụng đất theo khung giá đất mới **(CV số 990 TCT/TS ngày 04/4/2005)**.

5. Xoá nợ thuế: Chính phủ đã qui định, doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng được giao, bán mà có các khoản phải trả lớn hơn giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc lớn hơn số tiền thu từ bán doanh nghiệp, thì thuộc đối tượng được xoá nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN.

Doanh nghiệp được xoá nợ thuế và các khoản phải nộp NSNN trong trường hợp đó là những doanh nghiệp nhà nước độc lập, và các doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty. Bên cạnh đó, doanh

ng nghiệp phải có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo qui định để đảm bảo thoả mãn điều kiện được xoá nợ thuế (*CV số 1212/TCHQ-KTTT ngày 01/4/2005*).

6. Không được thế chấp bằng quyền sử dụng đất khi thuê đất: Doanh nghiệp được nhà nước cho thuê đất chỉ được quyền thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất, không được thế chấp bằng quyền sử dụng đất. Nếu muốn được thế chấp bằng quyền sử dụng đất thì doanh nghiệp phải làm thủ tục chuyển sang hình thức nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất (*CV số 448 TCT/TS ngày 03/02/2005*).
7. Xoá nợ thuế và khoản nộp NSNN: Để hỗ trợ cho những doanh nghiệp gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, theo những qui định hiện hành, doanh nghiệp nhà nước sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, bị lỗ, nợ đọng thuế và các khoản phải nộp NSNN không có khả năng hoàn trả, được nhà nước cho sáp nhập vào doanh nghiệp nhà nước khác. Nếu doanh nghiệp nhà nước sáp nhập không có khả năng thanh toán các khoản nợ thuế, các khoản phải nộp NSNN của doanh nghiệp nhận sáp nhập hoặc đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ về tài chính và tín dụng mà doanh nghiệp nợ thuế vẫn chưa giải quyết được hết nợ thì doanh nghiệp nhận sáp nhập lập hồ sơ báo cáo Bộ Tài chính để xem xét xoá nợ đọng thuế và các khoản nộp NSNN (*CV số 06 TCT/DNNN ngày 05/01/2005*).
8. DNNN góp vốn liên doanh bằng đất phải nộp tiền sử dụng vốn NSNN: DNNN sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn liên doanh phải nộp tiền sử dụng vốn NSNN từ thời điểm sử dụng tiền thuê đất để góp vốn. Doanh nghiệp phải dùng khoản lợi nhuận được chia từ liên doanh hoặc các nguồn hợp pháp khác để chi trả khoản này. Trong thời gian đầu liên doanh chưa có lợi nhuận, doanh nghiệp được sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để chi trả (*CV số 4379 TCT/PCCS ngày 30/12/2004*).
9. Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty cổ phần: Ngày 24/12/2004, Bộ Tài chính ban hành TT số 126/2004/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện ND số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo qui định, trước khi cổ phần hoá, doanh nghiệp phải xử lý những tồn tại về tài chính theo pháp luật hiện hành, đó là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp được phép tiến hành cổ phần hoá. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải còn vốn nhà nước sau khi đã tiến hành xử lý tài chính. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hoá thì áp dụng hình thức sắp xếp khác phù hợp với qui định của pháp luật, không cấp thêm vốn nhà nước để cổ phần hoá. Và trong quá trình cổ phần hoá, doanh nghiệp tiếp tục xử lý những vấn đề tài chính còn tồn tại cho đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Doanh nghiệp được tự lựa chọn hình thức cổ phần hoá. Những doanh nghiệp có nhu cầu huy động thêm vốn để đầu tư, phát triển phải phát hành thêm cổ phiếu.

Về thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, thì đó là thời điểm khoá sổ kế toán, lập báo cáo tài chính để xác định giá trị doanh nghiệp. Trong đó, đối với trường hợp áp dụng phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo tài sản, đó là thời điểm kết thúc gần nhất với thời điểm có quyết định cổ phần hoá, nhưng không quá 06 tháng so với thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp; đối với trường hợp áp dụng phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp theo chiết khấu dòng tiền, là thời điểm kết thúc năm gần nhất với thời điểm có quyết định cổ phần hoá nhưng không quá 09 tháng so với thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (*TT số 126/2004/TT-BTC ngày 24/12/2004*).

10. Hồ sơ xem xét cổ phần hoá: Trường hợp một doanh nghiệp nhà nước chuyển sang công ty cổ phần, có các lô hàng nhập khẩu phát sinh nợ phạt chậm nộp thuế, nếu đã áp dụng các biện pháp hỗ trợ về tài chính và tín dụng mà doanh nghiệp còn khó khăn, không có khả năng thanh toán nợ phạt chậm nộp, doanh nghiệp cần nộp cho cơ quan hải quan văn bản đề nghị xoá nợ phạt chậm nộp, nêu rõ số nợ đề nghị xoá, lý do đề nghị kèm theo bộ hồ sơ - gồm có: quyết định của cơ quan hải quan có thẩm quyền về thực hiện cổ phần hoá; quyết toán thuế và xác nhận của cơ quan thuế về số thuế nợ đọng lũy kế đến thời điểm thực hiện cổ phần hoá; báo cáo tài chính của doanh nghiệp có số lũy kế đến thời điểm cổ phần hoá; bản tổng hợp báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh trước thời điểm nhà máy cổ phần hoá; tờ khai hàng hoá nhập khẩu phát sinh phạt chậm nộp; và quyết định phạt chậm nộp của cơ quan hải quan (*CV số 5803/TCHQ-KTTT ngày 30/11/2004*).
11. Chuyển lỗ khi sáp nhập doanh nghiệp: Trong trường hợp một doanh nghiệp A sáp nhập vào doanh nghiệp B trong năm 2004, mà doanh nghiệp A có các khoản lỗ chưa kết chuyển hết thì doanh nghiệp B phải theo dõi riêng số lỗ đã phát sinh từng năm tài chính của doanh nghiệp A. Phải đảm bảo từng khoản lỗ phát sinh được tiếp tục chuyển sang các năm tiếp theo và được bù trừ bằng lợi nhuận phát sinh của những năm tiếp theo trong vòng 05 năm, kể từ năm phát sinh lỗ.

Các khoản lỗ phát sinh đã quá 05 năm mà không bù trừ hết bằng lợi nhuận các năm tiếp theo thì không được tiếp tục kết chuyển, nhà đầu tư tự bù đắp các khoản lỗ này bằng lợi nhuận sau thuế TNDN (*CV số 3916 TCT/ĐTNN ngày 29/11/2004*).

DOANH NGHIỆP FDI

1. Có thể vẫn được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định cũ khi điều chỉnh GPĐT: Doanh nghiệp FDI cam kết xuất khẩu 80% sản phẩm mà không thực hiện đúng cam kết sẽ bị điều chỉnh mức thuế suất, thời hạn miễn,

giảm thuế được quy định trong Giấy phép đầu tư. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn có thể được áp dụng các quy định cũ để tính và hưởng ưu đãi về thuế TNDN. **(CV số 5892 TCT/TCĐN ngày 17/5/2005).**

2. **Doanh nghiệp FDI chưa được cấp phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư:** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn chưa thuộc đối tượng được xem xét để cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư và làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát thư nước ngoài. **(TT số 01/2005/TT-BBCVT ngày 06/5/2005).**
3. **Chỉ được tính vào chi phí tiền thuê quản lý nếu đã được cơ quan cấp GPĐT chấp thuận:** Doanh nghiệp FDI chỉ được hạch toán vào chi phí hợp lý khoản tiền thuê người nước ngoài làm dịch vụ quản lý sau khi đã được cơ quan cấp Giấy phép đầu tư chấp thuận bằng văn bản. Doanh nghiệp thuê dịch vụ quản lý phải nộp thay thuế TNDN, thuế GTGT cho bên cung cấp dịch vụ quản lý, đồng thời phải khấu trừ thuế TNCN đối với toàn bộ thu nhập của người nước ngoài làm việc theo hợp đồng này **(CV số 1071 TCT/ĐTN ngày 12/04/2005).**
4. **Thuế hợp đồng hợp tác kinh doanh:** Theo những qui định hiện hành, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, khi hết thời hạn được ưu đãi về thuế suất theo Giấy phép đầu tư thì chuyển sang áp dụng thuế suất 25% **(CV số 969 TCT/PCCS ngày 01/4/2005).**
5. **TSCĐ nhập khẩu không trích khấu hao sẽ bị truy thu thuế NK:** Doanh nghiệp FDI được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định (TSCĐ). Theo CV số 854 TCT/ĐTN ngày 25/3/2005, nếu doanh nghiệp không tiến hành theo dõi, trích khấu hao TSCĐ đối với loại tài sản này mà chuyển nhượng cho bên thứ ba tại Việt Nam thì doanh nghiệp sẽ bị truy thu thuế nhập khẩu. Ngoài ra, doanh nghiệp còn có thể bị xử phạt vi phạm hành chính **(CV số 854 TCT/ĐTN ngày 25/3/2005).**
6. **Tăng lãi suất tiền gửi bằng Đô la Mỹ của pháp nhân tại tổ chức tín dụng:** Mức lãi suất tiền gửi bằng Đô-la Mỹ của pháp nhân bao gồm cả pháp nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam tăng từ 0,1%/năm lên tối đa 0,3%/năm (đối với tiền gửi không kỳ hạn); từ 0,3%/năm lên tối đa 0,7%/năm (đối với tiền gửi có kỳ hạn đến 6 tháng); và từ 0,8%/năm lên tối đa 1%/năm (đối với tiền gửi có kỳ hạn trên 6 tháng) **(QĐ số 272/2005/QĐ-NHNN ngày 21/03/2005).**
7. **Doanh nghiệp FDI không được kinh doanh dịch vụ nhập khẩu:** Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép kinh doanh dịch vụ nhập khẩu, bao gồm cả nhập khẩu ủy thác. **(CV số 927/TCHQ-GSQL ngày 11/3/2005).**
8. **Doanh nghiệp FDI được lựa chọn hình thức làm thủ tục hải quan:** Doanh nghiệp FDI được chủ động lựa chọn việc làm thủ tục hải quan theo loại hình kinh doanh hay loại hình sản xuất xuất khẩu (đối với việc nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm) phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. **(CV số 874/TCHQ-GSQL ngày 10/3/2005).**
9. **Truy thu thuế NK nếu sử dụng hàng miễn thuế vào mục đích khác:** Theo CV số 709/TCHQ-KTTT ngày 01/03/2005 của TCHQ, nếu doanh nghiệp FDI sử dụng hàng nhập khẩu được miễn thuế vào mục đích khác với mục đích đã được miễn thuế thì ngoài việc phải được sự đồng ý của Bộ Thương mại còn bị truy thu toàn bộ số thuế NK và thuế TTĐB (nếu có) đã được miễn tại thời điểm nhập khẩu. **(CV số 709/TCHQ-KTTT ngày 01/03/2005).**
10. **Không miễn thuế nhập khẩu đối với hàng mua bán trong nước:** Theo CV số 708/TCHQ-KTTT ngày 03/3/2005 của TCHQ, doanh nghiệp FDI chỉ được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu để tạo tài sản cố định. Trường hợp doanh nghiệp không nhập khẩu mà mua hàng trong nước để tạo tài sản cố định thì không được miễn thuế nhập khẩu. **(CV số 708/TCHQ-KTTT ngày 03/3/2005).**
11. **Chế biến lâm sản từ nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu cũng được hưởng ưu đãi thuế:** Doanh nghiệp FDI chế biến lâm sản (trừ gỗ rừng tự nhiên trong nước) từ nguồn nguyên liệu trong nước được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, theo CV số 569 TCT/ĐTN ngày 28/02/2005 của BTC, doanh nghiệp vẫn được hưởng ưu đãi thuế theo diện này nếu sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu được quy định trong Giấy phép đầu tư. **(CV số 569 TCT/ĐTN ngày 28/02/2005).**
12. **Không được hưởng ưu đãi thuế nếu không thực hiện đúng tỷ lệ xuất khẩu đã cam kết:** Doanh nghiệp FDI cam kết xuất khẩu một tỷ lệ sản phẩm nhất định sẽ được một số ưu đãi về thuế TNDN tương ứng với tỷ lệ xuất khẩu đã cam kết. Thông thường, các ưu đãi này sẽ được quy định rõ tại Giấy phép đầu tư. Doanh nghiệp sẽ không được hưởng ưu đãi theo Giấy phép đầu tư nếu thực tế trong quá trình hoạt động không đạt tỷ lệ xuất khẩu như đã cam kết **(CV số 550 TCT/ĐTN ngày 25/2/2005).**
13. **Được hưởng ưu đãi nếu cam kết chuyển giao tài sản khi hết hạn dự án:** Doanh nghiệp FDI sẽ được miễn thuế TNDN trong 02 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo nếu có cam kết chuyển giao không bồi hoàn tài sản cho bên Việt Nam khi dự án kết thúc **(CV số 388 TCT/ĐTN ngày 28/1/2005).**
14. **Hướng dẫn thanh lý đ/v doanh nghiệp có vốn ĐTN:** Ngày 06/01/2005, Bộ Thương mại ra TT số 01/2005/TT-BTM, hướng dẫn việc thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Thông tư áp dụng cho các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp chế xuất, các bên hợp doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Hình thức thanh lý là nhượng bán tại thị trường Việt Nam; xuất khẩu; cho, biếu, tặng; tiêu hủy. Với nội dung thanh lý là vật tư, thiết bị dôi dư sau khi hoàn thành xây dựng cơ bản hình thành doanh nghiệp có vốn đầu tư

nước ngoài; tài sản của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sau khi chấm dứt hoạt động, giải thể; máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, Bộ Thương mại còn có những quy định, những hướng dẫn về điều kiện để được thanh lý cũng như hồ sơ thanh lý đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (*TT số 01/2005/TT-BTM ngày 06/01/2005*).

15. Doanh nghiệp có vốn ĐTNN không cần nộp kinh phí công đoàn: Trước đây, mọi doanh nghiệp có tổ chức công đoàn phải trích nộp kinh phí công đoàn bằng 2% quỹ tiền lương của doanh nghiệp. Theo TT số 119/2004/TTLT/BTC-TLĐĐVN ngày 8/12/2004 của BTC và TLĐLĐVN, doanh nghiệp có vốn ĐTNN nay không cần phải trích nộp khoản phí này. Trong trường hợp tự nguyện đóng góp, doanh nghiệp được quyền thỏa thuận mức trích nộp với tổ chức công đoàn (*TT số 119/2004/TTLT/BTC-TLĐĐVN ngày 8/12/2004*).
16. Nhà đầu tư không phải trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trước đây, doanh nghiệp có vốn ĐTNN phải trả chi phí bồi thường và giải phóng mặt bằng khi thuê đất thực hiện dự án. Doanh nghiệp nay không phải trả các khoản tiền bồi thường hay hỗ trợ tái định cư tái định cư. Nhà nước có trách nhiệm trả các khoản chi phí này. Nếu doanh nghiệp đã chi trả thì khoản tiền đã trả sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất của doanh nghiệp.

Trước đây, doanh nghiệp có vốn ĐTNN phải trả chi phí bồi thường và giải phóng mặt bằng khi thuê đất thực hiện dự án. Theo ND số 197/2004/ND-CP ngày 03/12/2004 của CP, doanh nghiệp nay không phải trả các khoản tiền bồi thường hay hỗ trợ tái định cư tái định cư. Nhà nước có trách nhiệm trả các khoản chi phí này. Nếu doanh nghiệp đã chi trả thì khoản tiền đã trả sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất của doanh nghiệp (*ND số 197/2004/ND-CP ngày 03/12/2004*).

NGÂN HÀNG

1. Có thể được cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Doanh nghiệp vay vốn ở ngân hàng có thể được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nếu thuộc một trong các trường hợp sau: (i) doanh nghiệp không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay trong phạm vi thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng có khả năng trả nợ trong các kỳ hạn tiếp theo; hoặc (ii) không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi vốn vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng có khả năng trả nợ trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn vay. (*QĐ số 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005*).
2. Hợp đồng cho thuê tài chính có thể được cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Công ty cho thuê tài chính được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo hai phương thức sau: (i) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (thay đổi kỳ hạn trả nợ trong phạm vi thời hạn cho thuê tài chính đã thỏa thuận trong hợp đồng mà kỳ hạn nợ cuối cùng không thay đổi) và (ii) gia hạn nợ (kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ vượt quá thời hạn cho thuê đã thỏa thuận. Bên cạnh đó, công ty cần báo cáo với ngân hàng Nhà nước về những hợp đồng cho thuê tài chính đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ. (*TT số 03/2005/TT-NHNN ngày 25/5/2005*).
3. Chi nhánh ngân hàng của các nước EU được tăng tỷ lệ huy động tiền gửi bằng đồng VN: Theo QĐ số 210/2005/QĐ-NHNN ngày 28/02/2005 của NHNN, kể từ ngày 01/3/2005, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của các nước thuộc EU hoạt động tại Việt Nam được phép tăng tỷ lệ huy động tiền gửi bằng đồng Việt Nam từ 250% lên 400% vốn được cấp đối với pháp nhân Việt Nam và tăng từ 250% lên 350% vốn được cấp đối với thể nhân Việt Nam. (*QĐ số 210/2005/QĐ-NHNN ngày 28/02/2005*).
4. Doanh nghiệp được phép vay vốn để thực hiện dự án đầu tư tại nước ngoài: Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có quyền vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ ở trong hoặc ngoài nước. (*QĐ số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005*).
5. Xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán: Ngày 29/12/2004, Bộ Tài chính ban hành TT số 130/2004/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của ND số 161/2004/ND-CP ngày 07/9/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Những hành vi như vi phạm quy định về hoạt động phát hành chứng khoán ra công chúng; vi phạm các quy định về niêm yết chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán; vi phạm các quy định về hoạt động kinh doanh, đăng ký, lưu ký chứng khoán, bù trừ và thanh toán các giao dịch chứng khoán... là những vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính nếu các cá nhân, tổ chức phạm phải. Hình phạt sẽ là cảnh cáo hoặc phạt tiền, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, cũng như tình tiết tăng nặng giảm nhẹ.

Đối với mỗi hành vi vi phạm, chỉ được áp dụng một trong hai hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền. Các hình thức xử phạt bổ sung không được áp dụng độc lập mà phải áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính (*TT số 130/2004/TT-BTC ngày 29/12/2004*).

6. Khoản vay nước ngoài có thể được đăng ký muộn hơn: Trước đây, doanh nghiệp phải đăng ký khoản vay nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước (hoặc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tại các tỉnh) trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và trước khi rút vốn. Tuy nhiên, thời hạn này đã được tăng thêm thành 30 ngày (*TT số 09/2004/TT-NHNN ngày 21/12/2004*).

KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH

1. **Chứng từ đ/v tài sản góp vốn:** Trường hợp góp vốn bằng tài sản, không phải đăng ký quyền sở hữu thì phải có biên bản chứng nhận góp vốn, biên bản giao nhận tài sản, biên bản định giá tài sản, biên bản điều chuyển tài sản. Các biên bản này được coi là chứng từ hợp pháp để xác định nguyên giá TSCĐ và được trích khấu hao TSCĐ theo qui định.

Bên cạnh đó, nếu giá trị TSCĐ do đơn vị tự định giá, không phù hợp với giá thực tế của TSCĐ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường, thì đơn vị phải xác định lại giá trị hợp lý của TSCĐ. Nếu giá trị TSCĐ vẫn chưa phù hợp với giá thực tế trên thị trường, cơ quan thuế có quyền yêu cầu đơn vị xác định lại giá TSCĐ thông qua Hội đồng định giá ở địa phương hoặc tổ chức có chức năng thẩm định giá theo luật định. **(CV số 1902 TCT/PCCS ngày 17/6/2005).**
2. **Cơ sở xác định nguyên giá:** Nguyên giá TSCĐ hữu hình mua sắm là giá mua thực tế phải trả cộng với các khoản thuế, các chi phí liên quan tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa TSCĐ vào trạng thái sẵn sàng sử dụng như lãi tiền vay đầu tư cho TSCĐ, chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí nâng cấp, lệ phí trước bạ....

Trường hợp doanh nghiệp mua phương tiện, máy móc, thiết bị của cá nhân không có hoá đơn thì doanh nghiệp phải yêu cầu người bán cung cấp hoá đơn lẻ căn cứ vào giá mua ghi trên hoá đơn và các chứng từ thanh toán để xác định nguyên giá TSCĐ. **(CV số 1881 TCT/DNK ngày 16/6/2005).**
3. **Hạch toán chi phí xây dựng công trình tạm phục vụ thi công công trình chính:** Công trình tạm phục vụ thi công công trình chính có thể là công trình của chủ đầu tư hoặc của nhà thầu xây dựng trên mặt bằng công trình xây dựng. Theo ND số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của CP, nếu là công trình của chủ đầu tư, chi phí xây dựng, dỡ bỏ được tính vào tổng mức đầu tư của dự án. Trong trường hợp là công trình của nhà thầu, chi phí xây dựng, dỡ bỏ công trình được tính trong giá gói thầu xây dựng công trình chính. **(ND số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005).**
4. **Hạch toán đối với hàng khuyến mại:** Nếu doanh nghiệp là trung gian nhận cung cấp miễn phí hàng khuyến mại để sử dụng số hàng này khuyến mại miễn phí cho khách hàng thì doanh nghiệp phải theo dõi số hàng này trên tài khoản ngoài bảng TK002 - vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, đồng thời phải mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi và hạch toán riêng biệt về số hàng nhập về, xuất ra. Trong trường hợp doanh nghiệp dùng số hàng khuyến mại trên để bán có thu tiền của khách hàng thì doanh nghiệp phải ghi nhận vào thu nhập khác và hạch toán như đối với hàng hóa thông thường. **(CV số 6419 TC/CĐKT ngày 27/5/2005).**
5. **Hạch toán chi hỗ trợ giảm giá hàng năm:** Đối với công ty liên doanh, hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài, thì việc trích lập dự phòng giảm giá đối với vật tư hàng hoá tồn kho được thực hiện khi có hoá đơn, chứng từ hợp pháp hoặc các bằng chứng khác chứng minh giá vốn vật tư hàng hoá tồn kho; và đó là những vật tư hàng hoá thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá trị thu hồi hoặc giá trị thị trường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán. **(CV số 1565 TCT/PCCS ngày 25/5/2005).**
6. **Được hạch toán chi phí lãi vay vào giá trị tài sản đầu tư, xây dựng từ nguồn tiền vay:** Chi phí lãi vay bao gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi. Theo CV số 1541 TCT/DNNN ngày 24/5/2005 của BTC, doanh nghiệp được tính các chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang vào giá trị của tài sản đó nếu việc sử dụng tài sản đó chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai và chi phí lãi vay xác định được một cách đáng tin cậy. **(CV số 1541 TCT/DNNN ngày 24/5/2005).**
7. **Xác định quyền sở hữu tài sản thuê khi dứt hợp đồng thuê tài chính trước thời hạn:** Bên thuê tài chính chỉ được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản thuê từ bên cho thuê khi thời hạn hợp đồng kết thúc. Tuy nhiên, theo ND số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của CP, trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và bên thuê đã hoàn trả được toàn bộ số tiền thuê phải trả theo hợp đồng thì bên thuê vẫn được nhận chuyển quyền sở hữu tài sản thuê tài chính. **(ND số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005).**
8. **Có thể được hạch toán phí BHYT vào chi phí sản xuất:** Phí BHYT bắt buộc của mỗi người lao động là 3% trên tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm, trong đó doanh nghiệp đóng 2% và người lao động đóng 1% còn lại. Theo ND số 63/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005 của CP, trong trường hợp doanh nghiệp đóng toàn bộ phí BHYT cho người lao động thì doanh nghiệp sẽ được hạch toán.
9. **Chưa có quy định hướng dẫn về biểu mẫu kế toán điện tử:** Bộ Tài chính hiện chưa có văn bản quy định về danh mục, nội dung, kết cấu và phương pháp ghi các chỉ tiêu của biểu mẫu kế toán điện tử để áp dụng thống nhất cho các đơn vị kế toán. **(CV số 1308 TCT/TTr ngày 5/5/2005).**
10. **Cán bộ thuế thi hành công vụ chưa có thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kế toán:** Cán bộ thuế thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế nhưng chưa có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán. Nếu trong khi thi hành công vụ, cán bộ thuế phát hiện doanh nghiệp vi phạm trong lĩnh vực kế toán nhưng không dẫn đến trốn thuế thì không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. **(CV số 1305 TCT/PC-CS ngày 05/05/2005).**
11. **Không được hạch toán chi phí nâng cấp tài sản cố định vào chi phí kinh doanh trong kỳ:** Nâng cấp tài sản cố định là hoạt động nhằm kéo dài thời gian sử dụng, nâng cao năng suất, tính năng, tác dụng của tài sản cố định

nếu cải tạo; xây lắp; trang bị bổ sung thêm cho tài sản cố định. Do đó, doanh nghiệp phải hạch toán chi phí này tăng nguyên giá tài sản cố định, không được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong kỳ. **(CV số 1202 TCT/DNNN ngày 25/4/2005).**

12. **Hợp đồng có thể ký qua fax:** Điện báo, telex, fax, thư điện tử được coi là một dạng hợp đồng mua bán hàng hoá. Trường hợp trong trường hợp có hàng hỏng thì các bên phải có biên bản nêu rõ số lượng, giá trị hàng hỏng và trách nhiệm của mỗi bên về số hàng hỏng đó kèm theo hợp đồng. Nếu hàng hỏng là do bên giao hàng vi phạm hợp đồng về chất lượng thì khoản chi lô hàng hỏng sẽ không được tính vào chi phí hợp lý của doanh nghiệp. **(CV số 1150 TCT/DNK ngày 19/4/2005).**

13. **03 tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam:** 03 tiêu chuẩn này được Bộ Tài chính qui định tại QĐ số 24/2005/QĐ-BTC ngày 18/4/2005, áp dụng cho hoạt động thẩm định giá trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Cụ thể, 03 tiêu chuẩn này có số hiệu và tên gọi như sau:

Tiêu chuẩn số 01: TĐGVN01 Giá trị thị trường làm cơ sở cho thẩm định giá tài sản - Mục đích của tiêu chuẩn này là qui định nội dung về giá trị thị trường của tài sản và vận dụng giá trị thị trường khi tiến hành thẩm định giá tài sản. Theo tiêu chuẩn này, khi thẩm định giá tài sản, thẩm định viên phải căn cứ vào những dữ liệu giao dịch trên thị trường trong điều kiện thương mại bình thường;

Tiêu chuẩn số 03: TĐGVN03 Những qui tắc đạo đức hành nghề thẩm định giá tài sản – Đây là tiêu chuẩn qui định những qui tắc đạo đức chi phối thẩm định viên, doanh nghiệp, tổ chức thẩm định giá trong quá trình hành nghề thẩm định giá tài sản;

Tiêu chuẩn số 04: TĐGVN04 Báo cáo kết quả, hồ sơ và chứng thư thẩm định giá tài sản - Hình thức, nội dung của báo cáo kết quả, hồ sơ và chứng thư thẩm định giá trị tài sản phải tuân thủ theo những qui định tại Tiêu chuẩn này. **(QĐ số 24/2005/QĐ-BTC ngày 18/4/2005).**

14. **Hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán (đợt 3):** Ngày 30/3/2005, Bộ Tài chính ban hành TT số 23/2005/TT-BTC, hướng dẫn kế toán thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo QĐ số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003. Áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế trong cả nước.

Theo hướng dẫn mới, Chuẩn mực Bất động sản đầu tư - Chuẩn mực số 05, cụm từ “doanh thu” của đoạn 28 và cụm từ “khoản doanh thu từ việc bán” của đoạn 29 được thay bằng cụm từ “giá bán”; trong Chuẩn mực số 07 - Kế toán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết, nhà đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con từ 20% - dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư thì không phải trình bày khoản đầu tư đó trên báo cáo tài chính của riêng mình, mà chỉ trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của nhà đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu;

Ngoài ra, những Chuẩn mực Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh; Chuẩn mực Trình bày báo cáo tài chính; Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con cũng được hướng dẫn cụ thể tại TT.

Khi TT này có hiệu lực, các tổng công ty, công ty có chế độ kế toán đặc thù đã được Bộ Tài chính chấp thuận, phải căn cứ vào 06 chuẩn mực kế toán (đợt 3) và TT số 23/2005/TT-BTC này để hướng dẫn, bổ sung phù hợp. **(TT số 23/2005/TT-BTC ngày 30/03/2005).**

15. **Chi phí trước hoạt động:** Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên và chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập, được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ hoặc được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa không quá 03 năm.

Các chi phí xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị... sẽ được vốn hoá trực tiếp vào TSCĐ hữu hình là nhà, xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị **(CV số 1059 TCT/ĐTNN ngày 11/4/2005).**

16. **Trích khấu hao TSCĐ:** Trường hợp một đơn vị thực tế có tiến hành xây dựng nhà xưởng và có đưa tài sản này vào sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, nhưng trong quá trình xây dựng, đơn vị không mời giám sát xây dựng, không có nhật ký công trình mà chỉ có biên bản hợp đồng xây dựng và biên bản bàn giao thì, để có cơ sở trích khấu hao, đơn vị đó có thể mời trung tâm tư vấn giá cả của Sở Tài chính để xác định giá trị tài sản, sau đó dựa vào đó để trích khấu hao **(CV số 1044 TCT/THTT ngày 08/4/2005).**

17. **Không được trích khấu hao tài sản cố định là quyền sử dụng đất:** Tổng cục Thuế một lần nữa khẳng định rằng quyền sử dụng đất lâu dài là TSCĐ vô hình đặc biệt nên doanh nghiệp không được trích khấu hao đối với nguyên TSCĐ là quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, doanh nghiệp được trích khấu hao đối với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất **(CV số 996 TCT/PCSS ngày 4/4/2005).**

18. **06 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4):** 06 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4) này đã được Bộ Tài chính ban hành và công bố tại QĐ số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005, nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tài chính, nâng cao chất lượng thông tin kế toán cung cấp trong nền kinh tế quốc dân và để kiểm tra, kiểm soát chất lượng công tác kế toán.

06 chuẩn mực kế toán Việt Nam đợt này có số hiệu và tên gọi là:

- Chuẩn mực số 17 - Thuế TNDN;
- Chuẩn mực số 22 – Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự;
- Chuẩn mực số 23 – Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Chuẩn mực số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Chuẩn mực số 28 – Báo cáo bộ phận;
- Chuẩn mực số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.

06 Chuẩn mực trên được áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế trong cả nước. Các chế độ kế toán cụ thể phải căn cứ vào những hướng dẫn, những qui định tại 06 chuẩn mực kế toán tại Quyết định này để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

19. **Hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh:** Các khoản không liên quan đến doanh thu và thu nhập chịu thuế như: chi về đầu tư xây dựng cơ bản, chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội và ủng hộ địa phương... không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

Theo đó, nếu một doanh nghiệp đầu tư làm đường thuộc tài sản của doanh nghiệp thì được hạch toán vào TSCĐ và trích khấu hao theo qui định; nếu doanh nghiệp ủng hộ địa phương tiền để làm đường trên đất của xã thì không được hạch toán vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế (**CV số 544 TCT/DNK ngày 25/02/2005**).

20. **Không bổ nhiệm trưởng phòng kế toán ở nơi đã có kế toán trưởng:** Theo Thông tư liên tịch số 13/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 07/02/2005 của BTC và BLĐTBXH, nếu doanh nghiệp đã bổ nhiệm kế toán trưởng thì không được đồng thời bổ nhiệm trưởng phòng hoặc trưởng ban kế toán. Thay vào đó, kế toán trưởng sẽ đồng thời thực hiện các nhiệm vụ quy định cho trưởng phòng, trưởng ban kế toán. Người giữ vị trí trưởng phòng hoặc trưởng ban kế toán nếu đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì được bổ nhiệm làm kế toán trưởng, nếu thiếu điều kiện thì chuyển thành người phụ trách kế toán. Cũng theo thông tư này, văn phòng đại diện của công ty nước ngoài tại Việt Nam không bắt buộc phải bố trí người làm kế toán trưởng nhưng phải cử người làm phụ trách kế toán (**TTLT số 13/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 07/02/2005**).

21. **Tiêu chuẩn bổ nhiệm, bãi miễn kế toán trưởng:** Tại Thông tư liên tịch số 13/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 07/02/2005, hướng dẫn về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn và xếp lương kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các tổ chức hoạt động kinh doanh.

Theo qui định, các đơn vị kế toán phải bố trí người làm kế toán trưởng gồm các công ty hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Nhà nước được xác định là đơn vị kế toán; công ty mẹ và công ty con của Tổng công ty do các công ty tự đầu tư và thành lập được chuyển đổi theo mô hình công ty mẹ - công ty con; các tổ chức kinh doanh có tổ chức kế toán nhiều cấp cơ sở là một đơn vị kế toán có khối lượng công việc kế toán lớn thì phải có từ hai người làm kế toán trở lên. Đối với các đơn vị này, nếu khuyết người làm kế toán trưởng thì thủ trưởng đơn vị kế toán phải bố trí ngay người làm kế toán trưởng. Trường hợp chưa có người đủ tiêu chuẩn và điều kiện để bổ nhiệm thì được phép bố trí người làm phụ trách kế toán trong thời hạn tối đa là 01 năm tài chính, sau đó phải bổ nhiệm ngay người làm kế toán trưởng.

Để bổ nhiệm làm kế toán trưởng, bên cạnh tiêu chuẩn về đạo đức, còn có những yêu cầu bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ. Tùy theo từng đơn vị kế toán khác nhau mà yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ của kế toán trưởng khác nhau, từ trình độ trung cấp, cao đẳng hoặc đại học, trên đại học; và yêu cầu thời gian công tác thực tế về kế toán khác nhau, có thể ít nhất là 02 năm, 03 năm hoặc 05 năm.

Đối với người nước ngoài được bổ nhiệm làm kế toán trưởng trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp Việt Nam thì phải có Chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc Chứng chỉ kế toán, kiểm toán do tổ chức nước ngoài cấp, được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận; hoặc Chứng chỉ hành nghề kế toán, hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính Việt Nam cấp; hoặc có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo qui định của Bộ Tài chính; có thời gian công tác thực tế về kế toán nhất là 02 năm, trong đó có 01 năm làm công tác kế toán tại Việt Nam (**TT LT số 13/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 07/02/2005**).

22. **Hạch toán chi phí:** Các khoản chi hoá đơn, chứng từ theo chế độ qui định hoặc chứng từ không hợp pháp không được tính vào chi phí hợp lý.

Theo qui định của Luật Kế toán, chứng từ kế toán phải phản ánh tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân lập chứng từ kế toán và tên, địa chỉ của đơn vị hoặc cá nhân nhận chứng từ kế toán. Vì vậy, một doanh nghiệp Việt Nam chỉ được tính vào chi phí hợp lý để xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản chi trả cho một công ty nước ngoài nếu các chi phí đó được thể hiện trong hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng giữa 2 bên; có chứng từ thu tiền dịch vụ của công ty nước ngoài đó ghi tên đơn vị nhận từng từ và trả tiền và doanh nghiệp Việt Nam; và có xác nhận của công ty kiểm toán độc lập ngoài Việt Nam (**CV số 122 TCT/PCCS ngày 12/01/2005**).

23. **Không cần đăng ký chế độ kế toán:** Trước đây, trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư, doanh nghiệp có vốn ĐTNN phải đăng ký chế độ kế toán áp dụng với Bộ Tài chính. Theo TT số 122/2004/TT-BTC ngày 22/12/2004 của BTC, doanh nghiệp nay sẽ không phải thực hiện thủ tục này mà sẽ đương nhiên áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam. Trong quá trình hoạt động, nếu doanh nghiệp có sự thay đổi hoặc bổ sung chế

độ kế toán, đơn vị tiền tệ trong kế toán v.v.. thì mới phải báo cáo và xin ý kiến chấp thuận của Bộ Tài chính (*TT số 122/2004/TT-BTC ngày 22/12/2004*)

ĐẦU TƯ

1. **Thời gian xét miễn/giảm thuế TNDN:** Năm miễn thuế, giảm thuế TNDN là năm doanh nghiệp bắt đầu có thu nhập chịu thuế.

Nếu doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư nhưng khi kiểm tra ra quyết toán thuế, phát hiện doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ thì doanh nghiệp phải nộp thuế theo phương pháp ấn định, không được miễn/giảm thuế. Sang năm tiếp theo, nếu đơn vị có đủ điều kiện theo qui định thì sẽ được miễn/giảm thuế TNDN và thời gian xét miễn/giảm thuế TNDN phải trừ đi năm đầu đơn vị có thu nhập chịu thuế nhưng không đủ điều kiện để được xét miễn/giảm thuế. (*CV số 1862 TCT/PCCS ngày 15/6/2005*).

2. **Ưu đãi đầu tư:** (i) Các đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, được miễn thuế nhập khẩu thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải chuyên dùng tạo TSCĐ của doanh nghiệp hoặc mở rộng qui mô đầu tư, đổi mới công nghệ, nếu dự án đầu tư thuộc các ngành, nghề hoặc địa bàn được hưởng ưu đãi đầu tư và hàng hoá nhập khẩu không thuộc Danh mục mặt hàng trong nước đã sản xuất được. (*CV số 2328/TCHQ-KTSTQ ngày 15/6/2005*).

(ii) Trong trường hợp khác, cơ sở kinh doanh được thành lập mà không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN khi: doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty TNHH hoặc HTX mới thành lập mà người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong cơ sở kinh doanh này đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các cơ sở kinh doanh đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng, tính từ thời điểm giải thể cơ sở kinh doanh cũ đến thời điểm thành lập cơ sở kinh doanh mới. (*CV số 1859 TCT/PCCS ngày 15/6/2005*).

(iii) Bộ Tài chính hướng dẫn, cơ sở kinh doanh phát triển hạ tầng mới thành lập từ dự án đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; doanh nghiệp chế xuất trong lĩnh vực sản xuất không phân biệt trong hay ngoài khu chế xuất thì được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Theo đó, nếu một doanh nghiệp có thêm hoạt động mua nguyên phụ liệu, thiết bị trong thị trường nội địa để xuất khẩu, thì doanh nghiệp phải hạch toán riêng và đối chiếu với các điều kiện ưu đãi để xác định định mức, thời gian miễn giảm thuế TNDN. Hoạt động này không được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế TNDN theo hoạt động sản xuất của doanh nghiệp chế xuất. (*CV số 1780 TCT/PCCS ngày 09/6/2005*).

3. **Ưu đãi thuế TNDN:** Trong quá trình hoạt động, nếu doanh nghiệp có vốn ĐTNN không đạt các tiêu chuẩn để được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế TNDN và miễn giảm thuế TNDN, thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi. Cơ quan thuế sẽ trực tiếp quản lý thu thuế đối với doanh nghiệp căn cứ vào các điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế TNDN mà doanh nghiệp thực tế đạt được hàng năm để xác định mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi và thực hiện quyết toán thuế TNDN theo mức thuế suất đó. (*CV số 1791 TCT/ĐTNN ngày 10/6/2005*).

4. **Miễn/giảm thuế TNDN:** Một đơn vị là doanh nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp, xuất khẩu trên 50% sản phẩm thì được áp dụng thuế suất thuế TNDN 15% trong suốt thời hạn thực hiện dự án đầu tư và được miễn thuế trong 02 năm, kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. (*CV số 1754 TCT/PCCS ngày 08/6/2005*).

5. **Không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với các hoạt động đầu tư ngoài GPĐT:** Doanh nghiệp FDI không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với các hoạt động đầu tư ngoài quy định tại Giấy phép đầu tư. Do đó, doanh nghiệp cần hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn giảm và không được miễn giảm. Trong trường hợp không hạch toán riêng được thì doanh nghiệp sẽ bị phân bổ thu nhập chịu thuế theo tỉ lệ doanh thu của hoạt động không được miễn giảm trên tổng doanh thu. (*CV số 1728 TCT/ĐTNN ngày 07/6/2005*).

6. **Miễn giảm thuế TNDN:** Dựa trên qui định của Bộ Tài chính, cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện tại Khu công nghiệp được miễn thuế TNDN 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Trường hợp mức ưu đãi về thuế TNDN ghi trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thấp hơn mức ưu đãi về thuế TNDN mà Bộ Tài chính qui định, thì cơ sở kinh doanh được hưởng các mức ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại. (*CV số 1624 TCT/ĐTNN ngày 30/5/2005*).

7. Hoàn thuế TNDN đối với khoản lợi nhuận tái đầu tư: Từ ngày 01/01/2004, nhà ĐTNN dùng lợi nhuận thu được và các khoản thu hợp pháp khác từ hoạt động đầu tư tại Việt Nam để tái đầu tư sẽ không được hoàn thuế TNDN đối với khoản lợi nhuận tái đầu tư. Tuy nhiên, theo CV số 1573 TCT/ĐTNN ngày 26/5/2005 của TCT, các dự án đã được cấp giấy phép tái đầu tư hoặc có văn bản trước ngày 01/01/2004 chấp thuận việc sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư vẫn được xem xét hoàn thuế TNDN đối với khoản lợi nhuận tái đầu tư. **(CV số 1573 TCT/ĐTNN ngày 26/5/2005).**
8. Điều kiện miễn giảm thuế TNDN: Về nội dung này, Bộ Tài chính đã quy định, cơ sở kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải, sử dụng từ 10 – 100 lao động nữ, trong đó, số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên; hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ, mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên thì được giảm số thuế TNDN phải nộp tương ứng với số tiền thực chi cho lao động nữ nếu đơn vị đó hạch toán riêng được. **(CV số 1570 TCT/ĐTNN ngày 26/5/2005).**
9. Dự án đầu tư của người Việt Nam định cư ở nước ngoài có thể được miễn thuế TNDN: Nhà đầu tư là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài thường trú tại Việt Nam sẽ được miễn thuế TNDN nếu góp vốn đầu tư vào Việt Nam dưới các hình thức: bằng sáng chế, bí quyết kỹ thuật, quy trình công nghệ, dịch vụ kỹ thuật. **(TT liên tịch số 02/2005/TTLT/BKH-BTP-BNG-BCA ngày 25/5/2005).**
10. Ưu đãi thuế TNDN đ/v cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư trong KCN: Cơ sở sản xuất mới thành lập từ dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp được hưởng ưu đãi thuế TNDN với thuế suất là 15% trong suốt thời gian thực hiện dự án, được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. **(CV số 1550 TCT/PCCS ngày 24/5/2005).**
11. Thuế doanh nghiệp sau khi sáp nhập: Cơ sở kinh doanh đang trong thời gian được hưởng ưu đãi về thuế TNDN mà có sự thay đổi hình thức doanh nghiệp, chuyển đổi sở hữu, sáp nhập thêm cơ sở kinh doanh khác vào theo quy định của pháp luật thì tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế TNDN cho khoảng thời gian ưu đãi còn lại, nếu vẫn đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. **(CV số 1497 TCT/ĐTNN ngày 20/5/2005).**
12. Ưu đãi thuế TNDN: Chính phủ đã quy định, doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá, chuyển thành công ty cổ phần thì được hưởng ưu đãi về thuế theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước, doanh nghiệp không phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

Nếu công ty cổ phần đó đáp ứng được điều kiện về lao động: có 100 người lao động tại đô thị loại 1 và 2, 50 người lao động ở những địa bàn khác và 20 người lao động ở những địa bàn khuyến khích đầu tư thì sẽ được miễn thuế TNDN trong 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 03 năm tiếp theo. **(CV số 1470 TCT/DNNN ngày 18/5/2005).**
13. Được áp dụng quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Luật thuế TNDN cũ: Doanh nghiệp trong nước có đủ điều kiện ưu đãi đầu tư theo các văn bản hướng dẫn thuế TNDN trước đây nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi về thuế theo các điều kiện cũ cho khoảng thời gian hưởng ưu đãi còn lại tính từ ngày 01/01/2004. **(CV số 1413 TCT/PCCS ngày 12/5/2005).**
14. Doanh nghiệp mới thành lập mua lại máy móc qua sử dụng vẫn được hưởng ưu đãi thuế: Doanh nghiệp mới thành lập mua lại máy móc, thiết bị đã qua sử dụng của một doanh nghiệp khác vẫn có thể được miễn, giảm thuế TNDN theo diện mới thành lập. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp mới thành lập nhận vốn góp bằng máy móc, thiết bị đã qua sử dụng thì không thuộc đối tượng được xét miễn, giảm thuế TNDN theo diện mới thành lập. **(CV số 1396 TCT/DNK ngày 11/5/2005).**
15. Doanh nghiệp chuyển đổi hình thức hoạt động được tiếp tục hưởng ƯĐĐT: Doanh nghiệp chuyển đổi hình thức hoạt động, chuyển đổi sở hữu, sáp nhập sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu đang trong thời gian được hưởng ưu đãi và sau khi thay đổi vẫn đáp ứng các điều kiện ưu đãi đầu tư. **(CV số 1332 TCT/PCCS ngày 06/5/2005).**
16. Không được miễn giảm thuế TNDN nếu thuộc diện ấn định thuế: Nếu cơ sở kinh doanh đã thuộc diện ấn định thuế thì không đủ điều kiện thuộc diện được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. **(CV số 1330 TCT/PCCS ngày 6/5/2005).**
17. Doanh nghiệp chuyển đổi hình thức hoạt động được hưởng ƯĐĐT của doanh nghiệp cũ: Doanh nghiệp cũ thuộc diện được hưởng ưu đãi thuế TNDN nhưng chưa xin hưởng ưu đãi nay giải thể để chuyển đổi sang hình thức doanh nghiệp mới thì doanh nghiệp mới sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN của doanh nghiệp cũ nếu có cùng ngành nghề, địa điểm kinh doanh và người đại diện hợp pháp với doanh nghiệp cũ. **(CV số 1295 TCT/DNK ngày 05/5/2005).**
18. Miễn giảm thuế TNDN: Theo quy định, thuế suất 10% được áp dụng đối với doanh nghiệp chế xuất mới thành lập trong lĩnh vực sản xuất, không phân biệt trong hay ngoài khu chế xuất;

Đối với doanh nghiệp chế xuất trong lĩnh vực sản xuất, được miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, không phân biệt doanh nghiệp trong hay ngoài khu chế xuất. **(CV số 1291 TCT/ĐTNN ngày 04/5/2005).**
19. Chỉ được ưu đãi thuế TNDN đ/v hoạt động kinh doanh được khuyến khích đầu tư: Trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đa ngành nghề mà trong đó bao gồm cả ngành nghề khuyến khích và không

khuyến khích đầu tư thì doanh nghiệp chỉ được hưởng ưu đãi đối với ngành nghề được khuyến khích đầu tư. **(CV số 1283 TCT/DNNN ngày 04/5/2005).**

20. **Ưu đãi thuế TNDN đ/v doanh nghiệp tư nhân mới thành lập từ hộ kinh doanh cá thể:** Doanh nghiệp tư nhân mới thành lập từ hộ kinh doanh cá thể với ngành nghề và trụ sở kinh doanh như trước đây thì không được hưởng ưu đãi về thuế TNDN theo diện thành lập mới. **(CV số 1279 TCT/PCCS ngày 04/05/2005)**
21. **Được ưu đãi thuế khi giao dịch chứng khoán lần đầu tại Trung tâm GDCK Hà Nội:** Doanh nghiệp đăng ký giao dịch chứng khoán lần đầu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội sẽ được hưởng ưu đãi về thuế TNDN như tổ chức niêm yết chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán. **(CV số 5248/TC-CST ngày 29/4/2005).**
22. **Vi phạm quy định về thuế vẫn có thể được hưởng ưu đãi:** Doanh nghiệp có những vi phạm về thuế như tăng chi phí để tăng số lỗ hoặc để giảm lãi v.v.. có thể bị xử phạt về hành vi trốn thuế. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn được xem xét miễn thuế TNDN đối với toàn bộ thu nhập chịu thuế trong năm được ưu đãi trong trường hợp có một trong các hành vi trên dẫn đến làm tăng thu nhập chịu thuế nhưng không làm giảm số thuế của năm tiếp sau khi hết thời hạn được miễn thuế. **(CV số 1203 TCT/PCCS ngày 25/4/2005).**
23. **Ưu đãi thuế TNDN:** Theo những văn bản qui định, hướng dẫn về Luật thuế TNDN thì, cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng qui mô, đổi mới công nghệ, cải thiện môi trường sinh thái, nâng cao năng lực sản xuất được miễn thuế, giảm thuế TNDN cho phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mang lại. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng phần thu nhập tăng thêm đó để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm. Nếu không hạch toán riêng được thì phần thu nhập tăng thêm đó sẽ được miễn giảm thuế, được xác định theo tỷ lệ tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định thực tế dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh **(CV số 501 TCT/DNK ngày 17/02/2005).**

Trường hợp công ty là đơn vị mới thành lập năm 2004 với nhiều hoạt động kinh doanh như: xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại, giao thông thì công ty được miễn thuế TNDN theo diện cơ sở sản xuất mới thành lập đối với thu nhập từ hoạt động xây dựng và sản xuất, và công ty phải hạch toán riêng thu nhập của hoạt động sản xuất và hoạt động xây dựng.

Nếu công ty không hạch toán riêng được thì thu nhập của hoạt động kinh doanh được miễn giảm thuế được xác định bằng tổng thu nhập chịu thuế nhân với tỷ lệ % giữa doanh thu của hoạt động kinh doanh được miễn giảm thuế và tổng doanh thu của công ty. Nếu công ty đáp ứng thêm điều kiện sử dụng nhiều lao động thì công ty sẽ được hưởng thêm ưu đãi về thuế TNDN **(CV số 456 TCT/DNK ngày 04/02/2005).**
24. **Được hưởng ưu đãi thuế TNDN có lợi hơn trong thời gian ưu đãi còn lại:** Trong trường hợp các mức ưu đãi về thuế TNDN trong Giấy phép đầu tư thấp hơn các mức ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành thì doanh nghiệp sẽ được hưởng mức ưu đãi có lợi hơn cho khoảng thời gian được hưởng ưu đãi còn lại. **(CV số 475 TCT/ĐTN ngày 04/02/2005).**
25. **Phải đăng ký thời gian miễn, giảm thuế cho dự án đầu tư mở rộng:** Doanh nghiệp có dự án đầu tư mở rộng cần phải đăng ký với cơ quan Thuế thời gian miễn, giảm thuế. Được biết, thời gian miễn, giảm thuế sẽ được tính từ năm dự án này hoàn thành và bắt đầu sản xuất, kinh doanh. **(CV số 465 TCT/ĐTN ngày 04/02/2005).**
26. **Ưu đãi thuế TNDN:** Căn cứ vào các qui định tại ND số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 thì các doanh nghiệp mới thành lập, đang trong thời gian được miễn, giảm thuế TNDN chưa thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ thì không được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN. Trường hợp đã thực hiện chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ có vi phạm chế độ kế toán, thì theo từng trường hợp vi phạm xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, và vẫn được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN **(CV số 207 TCT/PCCS ngày 17/01/2005).**
27. **Chính sách ưu đãi thuế:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh ngoài dự án đầu tư vào ngành, nghề, địa bàn kinh doanh được hưởng ưu đãi đầu tư mà còn có hoạt động kinh doanh vào ngành, nghề, địa bàn kinh doanh khác thì phải theo dõi hạch toán riêng từng phần thu nhập chịu thuế của ngành, nghề, địa bàn kinh doanh được hưởng ưu đãi đầu tư với phần thu nhập chịu thuế của hoạt động kinh doanh vào các ngành, nghề, địa bàn kinh doanh khác để kê khai nộp thuế TNDN riêng theo đúng các mức thuế suất qui định đối với từng ngành, nghề, địa bàn mà cơ sở kinh doanh **(CV số 105 TCT/PCCS ngày 11/01/2005).**
28. **Thuế suất thuế TNDN:** Theo Quy định tại TT số 88/2004/TT-BTC ngày 01/9/2004, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh hết thời hạn được hưởng ưu đãi về thuế suất theo Giấy phép đầu tư thì chuyển sang áp dụng thuế suất 25%; trường hợp đang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% thì tiếp tục được áp dụng thuế suất 25% đến hết thời hạn của Giấy phép đầu tư.

Quy định nêu trên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép đầu tư từ trước thời điểm 01/01/2004 (trước thời điểm này chưa có Nghị định 164/2003/NĐ-CP của Chính phủ nên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 25%). Để đảm bảo cam kết cho hưởng ưu đãi đầu tư đối với các nhà đầu tư nước ngoài, Thông tư nêu trên đã cho phép các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trước đây đã được cấp Giấy phép đầu tư với mức thuế suất (khi hết thời hạn ưu đãi đầu tư) là 25% thì nay tiếp tục được hưởng mức thuế suất này. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam từ sau ngày 01/01/2004, khi hết thời hạn ưu đãi đầu tư sẽ áp dụng thuế suất thuế TNDN là 28% theo

quy định tại Thông tư số 128/2004/TT-BTC ngày 22/12/2003 của BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN (**CV số 96 TCT/ĐTN ngày 10/01/2005**).

29. **Doanh nghiệp phần mềm được hưởng thuế TNDN 10%:** Các doanh nghiệp sản xuất phần mềm sẽ được hưởng mức thuế TNDN ưu đãi là 10% so với mức thuế trung bình hiện nay là 28%. Tuy nhiên, mức thuế này chỉ được áp dụng trong thời hạn 15 năm đầu tiên kể từ bắt đầu hoạt động. Ngoài ra, doanh nghiệp còn được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (**TT số 123/2004/TT-BTC ngày 22/12/2004**).

LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

1. **Chi phí tiền lương đ/v công nhân thi công công trình:** Nếu cơ sở kinh doanh trả lương theo hợp đồng lao động và đã đăng ký kế hoạch tiền lương theo qui định với cơ quan Thuế, thì tiền lương trả cho người lao động theo hợp đồng lao động được xác định là chi phí hợp lý.

Trường hợp cơ sở kinh doanh không đăng ký kế hoạch lương với cơ quan Thuế, thì khi quyết toán thuế TNDN, căn cứ để tính chi phí tiền lương là mức thu nhập bình quân của ngành xây dựng do UBND tỉnh, thành phố qui định. Nếu UBND tỉnh, thành phố không xây dựng được mức thu nhập bình quân thì chi phí tiền lương được xác định căn cứ vào định mức tiền lương trong dự toán xây dựng cơ bản. (**CV số 1843 TCT/DNK ngày 14/6/2005**).

2. **Chuyển xếp lương cũ sang lương mới:** Bộ LĐTBXH bổ sung việc hướng dẫn chuyển xếp lương cũ sang lương mới trong các công ty nhà nước như sau: đối với những người xếp bậc 7, bậc 8 của ngạch chuyên viên, kinh tế viên, kỹ sư, thì đạt kết quả nâng ngạch viên chức thì bậc 7 chuyển xếp vào bậc 2, bậc 8 chuyển xếp vào bậc 3 ngạch chuyên viên chính, kinh tế viên chính, kỹ sư chính.

Trường hợp đã chuyển xếp vào bậc 1, bậc 2 lương mới ngạch chuyên viên chính, kinh tế viên chính, kỹ sư chính thì chuyển xếp lại bậc 1 vào bậc 2, bậc 2 vào bậc 3 theo bảng lương viên chức chuyên môn, nghiệp vụ trong công ty nhà nước.

Thời gian nâng lương lần sau tính từ ngày được xếp bậc 7, bậc 8 của ngạch chuyên viên, kinh tế viên, kỹ sư. (**CV số 1746/LĐTBXH-TL ngày 08/6/2005**).

3. **Không sa thải đối với người lao động vi phạm kỷ luật chưa gây thiệt hại nghiêm trọng:** Việc sa thải người lao động chỉ áp dụng khi họ có hành vi trộm cắp, tham ô, tiết lộ bí mật công nghệ, kinh doanh hoặc hành vi khác gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của doanh nghiệp. Doanh nghiệp không áp dụng đối với những hành vi vi phạm nội quy, kỷ luật lao động có thể xảy ra hậu quả rất nghiêm trọng về tài sản và con người nhưng thực tế chưa gây ra thiệt hại nghiêm trọng. (**CV số 1593/LĐTBXH-LĐVL ngày 27/5/2005**).

4. **Doanh nghiệp phải nộp tiền nếu nhận người tàn tật làm việc thấp hơn tỉ lệ quy định:** Doanh nghiệp có trách nhiệm nhận người tàn tật vào làm việc tại doanh nghiệp với tỉ lệ 2% - 3% trên tổng số lao động có mặt bình quân hàng tháng. Nếu nhận thấp hơn tỉ lệ này, hàng tháng doanh nghiệp phải nộp vào Quỹ việc làm dành cho người tàn tật số tiền tương ứng với mức lương tối thiểu chung nhân với số người còn thiếu và được hạch toán vào chi phí sản phẩm hoặc dịch vụ. (**TT liên tịch số 19/2005/TTLT/BLĐTBXH-BTC-BKHĐT ngày 19/5/2005**).

5. **Doanh nghiệp XK lao động có thể được hỗ trợ chi phí cho một số hoạt động XK lao động:** Doanh nghiệp xuất khẩu lao động có thể được Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động hỗ trợ chi phí cho một số hoạt động như khai thác, phát triển thị trường lao động, giải quyết rủi ro trong hoạt động xuất khẩu lao động không do lỗi của doanh nghiệp và người lao động, hỗ trợ người lao động trong việc đào tạo những ngành nghề đặc thù đòi hỏi yêu cầu cao về tay nghề, ngoại ngữ v.v.. (**QĐ số 26/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005**).

6. **Xác định khung bậc lương:** Về việc xác định khung bậc thợ trong tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân và khung bậc lương của các ngành nghề, công việc, không phải công việc nào, nghề nào cũng xác định khung bậc từ bậc 1 – 7 theo hệ thống cấp bậc kỹ thuật hiện nay, mà phải căn cứ vào yêu cầu công việc đòi hỏi theo tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, độ phức tạp kỹ thuật của từng nghề, công việc đòi hỏi bao nhiêu bậc thì xác định khung bậc thợ và khung lương tương ứng bấy nhiêu bậc, sao cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. (**CV số 1400/LĐTBXH-TL ngày 13/5/2005**).

7. **Không bắt buộc phải trả tiền tàu xe khi người lao động nghỉ phép năm:** Khi người lao động nghỉ phép năm thì doanh nghiệp và người lao động có thể thỏa thuận về việc trả hay không trả tiền tàu xe đi lại cho người lao động. Nếu doanh nghiệp đã đồng ý trả tiền tàu xe về nghỉ phép năm cho người lao động thì khi trả tiền lương cho người lao động ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng, doanh nghiệp phải thanh toán thêm một khoản tiền ít nhất bằng 9% so với tiền lương tháng theo hợp đồng lao động. (**CV số 1402/LĐTBXH-LĐVL ngày 13/5/2005**).

8. **Liên doanh có thể phải trả trợ cấp cả cho thời gian người lao động làm việc tại bên VN:** Trong trường hợp bên Việt Nam bàn giao lao động cho Liên doanh mà trong Hợp đồng liên doanh không thỏa thuận rõ về việc trả tiền trợ cấp thôi việc thì Liên doanh sẽ phải trả tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động được bàn giao từ bên Việt Nam đối với thời gian người lao động làm việc cho bên Việt Nam. (**CV số 1341/LĐTBXH-LĐVL ngày 10/5/2005**).

9. Không áp dụng thủ tục chuyển công tác khi điều chuyển người lao động: Khi người lao động nghỉ việc tại doanh nghiệp này để chuyển sang doanh nghiệp khác làm việc thì không áp dụng thủ tục chuyển công tác cho người lao động mà người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động cũ để ký hợp đồng lao động với người sử dụng lao động mới. Được biết, người sử dụng lao động cũ phải trả trợ cấp thôi việc cho người lao động trong trường hợp này. **(CV số 1311/LĐTBXH-LĐVL ngày 6/5/2005).**

10. Mức lương của các chức danh quản lý được xếp theo chuyên môn, nghiệp vụ: Việc xếp lương đối với chức danh quản lý của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh áp dụng thang, bảng lương của doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện như sau: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc được xếp lương theo chức danh Chủ tịch HĐQT (HĐQT QĐ mức lương); Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc hoặc Kế toán trưởng được xếp lương Phó Giám đốc và Kế toán trưởng; Các chức danh trưởng, phó phòng xếp lương chuyên môn, nghiệp vụ công phụ cấp chức vụ, thành viên Ban kiểm soát được hưởng phụ cấp trách nhiệm. **(CV số 1241/LĐTBXH-TL ngày 28/4/2005).**

11. Chế độ thôi việc đ/v cán bộ, công chức: Vấn đề này đã được Chính phủ qui định cùng nội dung chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức tại ND số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005.

Theo ND, công chức, viên chức cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng (là mức lương theo ngạch, bậc) và các khoản phụ cấp hiện hưởng (nếu có gồm các khoản phụ cấp được đóng bảo hiểm xã hội) do nhà nước quy định. Trường hợp thấp nhất cũng được hưởng bằng 1 tháng lương hiện hưởng và các khoản phụ cấp hiện hưởng (nếu có) do nhà nước quy định.

Thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là thời gian có đóng bảo hiểm xã hội tại cơ quan, đơn vị nhà nước. Đối với công chức là tổng thời gian làm việc (cộng dồn) kể từ khi có QĐ tuyển dụng đến khi có QĐ thôi việc của cơ quan có thẩm quyền; Đối với viên chức được tuyển dụng trước 01/7/2003 là tổng thời gian làm việc (cộng dồn) kể từ khi có QĐ tuyển dụng đến khi có QĐ thôi việc, viên chức được tuyển dụng từ 01/7/2003 là tổng thời gian làm việc theo hợp đồng làm việc (cộng dồn) tại đơn vị đó đến khi có QĐ thôi việc.

Cũng tại ND, đối với công chức, viên chức được cử đi đào tạo nhưng trong thời gian đang học tập hoặc khi trở về cơ quan, đơn vị đã tự ý bỏ việc, hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc thì phải bồi thường chi phí đào tạo. Căn cứ vào thâm niên công tác, cống hiến của công chức, viên chức mà cơ quan, đơn vị đó sẽ QĐ mức bồi thường chi phí đào tạo này. **(ND số 54/2005/NĐ-CP ngày 19/4/2005).**

12. Trả lại hồ sơ người lao động: Hồ sơ đăng ký dự tuyển lao động chỉ có giá trị khi tuyển dụng lao động, không phải là văn bản ghi lại quá trình làm việc của người lao động.

Vì vậy, chỉ khi không trúng tuyển hoặc không đến dự tuyển, người lao động được trả lại hồ sơ. Trường hợp trúng tuyển nhưng không đến làm việc, thì người sử dụng lao động không bắt buộc phải trả lại hồ sơ. Khi người trúng tuyển đã vào làm việc một thời gian, sau đó thôi việc thì người sử dụng lao động có trách nhiệm trả lại sổ lao động và sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động. **(CV số 1113/LĐTBXH-LĐVL ngày 19/4/2005).**

13. Phải tổ chức thi nâng ngạch khi vận dụng hệ thống thang bảng lương của DNNN: Trong trường hợp vận dụng hệ thống thang bảng lương của Nhà nước để xếp và nâng bậc lương thì khi xếp lương ở ngạch dưới lên ngạch trên, doanh nghiệp ngoài quốc doanh phải căn cứ vào yêu cầu công việc để tổ chức các kỳ thi nâng ngạch và tiến hành nâng bậc lương đối với những người lao động đủ tiêu chuẩn và thi đạt kỳ thi do doanh nghiệp tổ chức **(CV số 1028/LĐTBXH-TL ngày 12/4/2005).**

14. Quy chế trả lương trong công ty nhà nước: Chính phủ qui định, tiền lương phụ thuộc vào hiệu quả và năng suất lao động. Việc trả lương đối với người lao động thuộc trách nhiệm của giám đốc doanh nghiệp căn cứ vào qui chế trả lương do doanh nghiệp xây dựng.

Trường hợp nhà nước chưa có hướng dẫn mới về việc qui chế trả lương, thì doanh nghiệp căn cứ vào qui chế trả lương hiện tại và tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị để xây dựng qui chế trả lương hoặc điều chỉnh qui chế trả lương mới cho phù hợp với thực tại **(CV số 784/LĐTBXH-TL ngày 22/3/2005).**

15. Không tính vào chi phí lương tháng 13 nếu tốc độ tăng lương vượt tốc độ tăng thu nhập: Nếu doanh nghiệp bị lỗ nhưng tốc độ tăng lương, kể cả chi thưởng tháng thứ 13 vượt quá tốc độ tăng thu nhập chịu thuế hoặc mức giảm lỗ thì dù khoản chi lương tháng thứ 13 đã được quy định trong thỏa ước lao động tập thể cũng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế hoặc chuyển lỗ sang các năm tiếp sau **(CV số 808/TCT/DNK ngày 22/3/2005).**

16. Xét chuyển ngạch cán sự: Theo CV số 567/BNV-CCVC ngày 17/3/2005 về xét chuyển ngạch cán sự, chuyên viên hoặc tương đương thì, cán bộ, công chức muốn chuyển xét ngạch phải đạt tiêu chuẩn và điều kiện: trình độ qui định tại tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch đề nghị chuyển xếp; hoàn thành tốt các nghĩa vụ của cán bộ, công chức; cơ quan có vị trí, nhu cầu công việc; được bố trí làm đúng ngành nghề đào tạo; không trong thời gian đang thi hành kỷ luật.

Đối tượng để xét chuyển là cán bộ, công chức công tác tại các cơ quan hành chính nhà nước hoặc các đơn vị sự nghiệp của nhà nước, đang xếp ở các ngạch nhân viên, cán sự hoặc tương đương, được cơ quan, đơn vị cử đi học tập nâng cao trình độ và đã được cấp bằng tốt nghiệp **(CV số 567/BNV-CCVC ngày 17/3/2005).**

17. Lựa chọn thời gian làm việc trong doanh nghiệp: Tùy theo tính chất của công việc, doanh nghiệp có thể lựa chọn chế độ tổ chức thời giờ làm việc phù hợp. Theo CV số 681/LĐTBXH ngày 14/3/2005 của BLĐTBXH, doanh

- ng nghiệp có thể áp dụng một trong hai chế độ tổ chức thời giờ làm việc: (i) tổ chức thời giờ làm việc theo ca 8 giờ liên tục, giữa ca bố trí nghỉ ít nhất là 30 phút tính vào giờ làm việc; (ii) tổ chức thời giờ làm việc theo giờ hành chính: buổi sáng và buổi chiều mỗi buổi làm 4 giờ, giữa mỗi buổi làm việc bố trí cho người lao động nghỉ ít nhất 15 phút tính vào giờ làm việc, thời gian nghỉ giữa hai buổi không tính vào giờ làm việc. **(CV số 681/LĐTBXH ngày 14/3/2005).**
18. **Có thể nhân đặt hàng hoặc tham gia đấu thầu thực hiện các dịch vụ công ích:** Theo ND số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/03/2005 của CP, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều có thể nhận đặt hàng, đấu thầu để tham gia sản xuất và cung ứng một số sản phẩm, dịch vụ công ích như in tiền, các chứng chỉ có giá và sản xuất tiền bằng kim loại; bảo đảm hàng hải; quản lý, bảo trì đường sắt quốc gia, đường thủy nội địa, đường bộ, bến phà, bến xe quan trọng; dịch vụ vận tải công cộng bằng xe buýt tại các đô thị, dịch vụ công cộng v.v..**(ND số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/03/2005).**
 19. **Chỉ Bộ trưởng BLĐTBXH mới có quyền đình chỉ hoạt động xuất khẩu lao động:** Trước đây, thẩm quyền đình chỉ hoạt động xuất khẩu lao động từ 01 - 06/thuộc Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước, thẩm quyền đình chỉ vĩnh viễn thuộc về Bộ trưởng BLĐTBXH. Tuy nhiên, theo TT số 15/2005/TT-BLĐTBXH ngày 09/3/2005 của BLĐTBXH, chỉ có Bộ trưởng Bộ LĐTBXH mới thẩm quyền quyết định đình chỉ hoạt động xuất khẩu lao động, dù là tạm thời hay vĩnh viễn. **(TT số 15/2005/TT-BLĐTBXH ngày 09/3/2005).**
 20. **Tai nạn giao thông trên đường đi làm hoặc về nơi ở được coi là tai nạn lao động:** Theo Thông tư liên tịch số 14 ngày 08/3/2005 của BLĐTBXH, BYT, TLĐĐVN, tai nạn xảy ra đối với người lao động trên đường đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về nơi ở vào thời gian và địa điểm hợp lý, kể cả tai nạn giao thông, được coi là tai nạn lao động. **(Thông tư liên tịch số 14 ngày 08/3/2005).**
 21. **Doanh nghiệp phải tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động:** Theo QĐ số 198/2005/QĐ-BLĐTBXH ngày 07/3/2005 của BLĐTBXH, doanh nghiệp phải tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động và ghi kết quả vào "Phiếu tự kiểm tra thực hiện pháp luật lao động" theo mẫu đính kèm văn bản này. **(QĐ số 198/2005/QĐ-BLĐTBXH ngày 07/3/2005).**
 22. **Phải trả thêm 200% lương nếu yêu cầu người lao động làm việc vào ngày nghỉ hàng năm:** Nếu người lao động tự nguyện đi làm vào ngày nghỉ hàng năm/đã được thông báo trước thì doanh nghiệp chỉ phải trả nguyên lương của ngày đó. Tuy nhiên, theo CV số 45/ATLĐ-CSQP ngày 03/3/2005 của BLĐTBXH, trong trường hợp doanh nghiệp không bố trí trước lịch nghỉ hàng năm, hoặc đã có lịch nghỉ nhưng huy động người lao động đi làm vào những ngày này thì ngoài việc trả 100% tiền lương, doanh nghiệp còn phải trả 200% tiền lương làm thêm cho người lao động. **(CV số 45/ATLĐ-CSQP ngày 03/3/2005).**
 23. **Tạm ứng tiền lương/2005:** Về vấn đề tạm ứng tiền lương/2005 đối với công ty nhà nước, theo CV số 530/LĐTBXH-TL ngày 28/02/2005, thì trong khi chưa có quyết định chính thức về đơn giá tiền lương, căn cứ vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh các công ty tạm ứng đơn giá tiền lương tối đa không quá 80% mức đơn giá tiền lương/2004 để trả cho người lao động. Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc được tạm ứng tối đa không quá 80% mức tiền lương thực tế/2004. **(CV số 530/LĐTBXH-TL ngày 28/02/2005).**
 24. **Được tiếp tục đưa lao động sang Malaysia làm việc:** Theo CV số 218/QLLĐNN-TTLD ngày 28/02/2005 của BLĐTBXH, mặc dù Chính phủ Malaysia đã tạm dừng tiếp nhận lao động nước ngoài nhưng theo đề nghị của phía Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể tiếp tục khai thác thị trường, tuyển chọn, đào tạo và làm các thủ tục cần thiết để đưa lao động Việt Nam sang Malaysia làm việc. **(CV số 218/QLLĐNN-TTLD ngày 28/02/2005).**
 25. **Những qui định về tổ chức giới thiệu việc làm:** Chính phủ ban hành ND số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005, qui định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.

Theo Bộ luật Lao động đã sửa đổi, tổ chức giới thiệu việc làm gồm Trung tâm giới thiệu việc làm và Doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm. Trong đó, Trung tâm giới thiệu việc làm là đơn vị sự nghiệp có thu, tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên. Là tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động xã hội, do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội quyết định thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng, kho bạc nhà nước; còn Doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm là doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Về điều kiện và thủ tục thành lập, (i) đối với Trung tâm, bên cạnh những yêu cầu về địa điểm, trụ sở văn phòng, trang thiết bị thì phải có ít nhất 05 cán bộ có trình độ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ. Và trong sơ đồ tổ chức phòng ban thì không được vượt quá 04 phòng chuyên môn, nghiệp vụ;

(ii) Tương tự như vậy, Doanh nghiệp hoạt động giới thiệu việc làm cũng phải có địa điểm, trụ sở ổn định, có các phòng chức năng cụ thể, có ít nhất 05 cán bộ với trình độ và chuyên ngành bắt buộc, thì còn phải có ít nhất 300 triệu đồng Việt Nam ký quỹ tại Ngân hàng để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình hoạt động. Giấy phép hoạt động cấp cho Doanh nghiệp có thời hạn là 36 tháng, và mỗi lần gia hạn tiếp theo cũng không quá 36 tháng. **(ND số 19/2005/NĐ-CP ngày 28/02/2005).**
 26. **Chính sách đ/v người lao động trong công ty cổ phần:** Bộ LĐTBXH ban hành TT số 13/2005/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2005, hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo ND số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.

Đối tượng của Thông tư là người lao động đang làm việc tại công ty nhà nước không thuộc diện Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện cổ hoá.

Về vấn đề mua cổ phần, người lao động được mua cổ phần ưu đãi là người có tên thường xuyên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hoá – đó là người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn; hợp đồng xác định thời hạn từ đủ 12/đến 36 tháng, kể cả những người đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, chờ việc theo quyết định của giám đốc; công nhân, viên chức được tuyển dụng vào làm việc trước ngày 30/8/1999 – thời điểm có hiệu lực thi hành Pháp lệnh Hợp đồng lao động, mà chưa chuyển sang ký hợp đồng.

Bên cạnh đó, Thông tư còn có những hướng dẫn đối với việc thực hiện chính sách, chi trả chế độ trợ cấp cho người lao động tại thời điểm doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần, hoặc khi doanh nghiệp đã chuyển thành công ty cổ phần. **(TT số 13/2005/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2005).**

27. **Tính thời gian hưởng chế độ:** Thời gian người lao động nghỉ việc không hưởng lương mà tự động đóng BHXH thì không được tính để hưởng trợ cấp mất việc làm, chỉ tính để hưởng quyền lợi BHXH theo qui định của pháp luật BHXH. **(CV số 489/LĐTBXH – LĐVL ngày 23/02/2005).**

28. **Chính sách tinh giản biên chế:** Ngày 22/02/2005, Bộ Nội vụ ra CV số 353/BNV-TCBC, thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết 16/2000/NQ-CP và Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP. Áp dụng đối với các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên Ban kiểm soát của các công ty nhà nước.

Thời gian kể từ ngày 01/10/2004 đến ngày nghỉ thôi việc để tính mức trợ cấp thôi việc với mức lương tối thiểu là 290.00 đồng/tháng, được xác định theo nguyên tắc: số/lẻ trên 06/đến dưới 12/được tính tròn là 01/theo hệ số lương, phụ cấp lương về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; số/lẻ từ đủ 06/trở xuống thì được cộng vào thời gian trước ngày 01/10/2004.

Thời gian để tính mức trợ cấp thôi việc với mức lương tối thiểu là 210.000 đồng/tháng được tính bằng tổng thời gian tính trợ cấp trừ đi thời gian tính mức trợ cấp thôi việc với mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng.

Mức lương tối thiểu để tính lương/trả trợ cấp thôi việc theo số/có đóng BHXH cho những người thôi việc do tinh giản biên chế là 210.000 đồng/tháng để tính lương/trả trợ cấp thôi việc theo số/có đóng BHXH từ trước ngày 01/01/2003; mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng để tính lương/trả trợ cấp thôi việc theo số/đóng BHXH từ ngày 01/01/2003 trở đi. **(CV số 353/BNV-TCBC ngày 22/02/2005).**

29. **Tính thời gian hưởng chế độ:** Thời gian người lao động nghỉ việc không hưởng lương mà tự động đóng BHXH thì không được tính để hưởng trợ cấp mất việc làm, chỉ tính để hưởng quyền lợi BHXH theo qui định của pháp luật BHXH **(CV số 489/LĐTBXH – LĐVL ngày 23/02/2005).**

30. **Tiền lương đóng BHXH không bao gồm khoản trợ cấp trách nhiệm:** Khoản trợ cấp trách nhiệm không phải tính vào tiền lương làm căn cứ đóng BHXH cho người lao động. Tuy nhiên, theo CV số 313/LĐTBXH-BHXH ngày 01/02/2005 của BLĐTBXH, doanh nghiệp cần quy định rõ về khoản tiền này trong hợp đồng lao động **(CV số 313/LĐTBXH-BHXH ngày 01/02/2005).**

31. **Giao kết Hợp đồng lao động không đúng loại có thể bị phạt tới 10 triệu đồng:** Doanh nghiệp giao kết hợp đồng lao động không đúng loại có thể bị xử phạt vi phạm hành chính từ 500 nghìn đến 10 triệu đồng. Theo TT số 12/2005/TT-BLĐTBXH ngày 28/01/2005 của BLĐTBXH, việc giao kết HĐLĐ không đúng loại được hiểu là: (i) người lao động thực tế đã làm việc với thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên nhưng chưa được doanh nghiệp giao kết hợp đồng; (ii) người lao động đã hoàn thành liên tục hai hợp đồng xác định thời hạn, sau đó tiếp tục làm việc mà doanh nghiệp không giao kết hợp đồng hoặc giao kết HĐLĐ có thời hạn **(TT số 12/2005/TT-BLĐTBXH ngày 28/01/2005).**

32. **Triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới:** Ban chỉ đạo nghiên cứu cải cách chính sách tiền lương nhà nước ra CV số 01/BCĐTLNN ngày 13/01/2005 về triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới.

Tại Công văn, Ban CĐTL tập trung giải thích 06 nội dung cơ bản của Đề án cải cách chính sách tiền lương, BHXH và trợ cấp ưu đãi người có công, gồm: tiền lương tối thiểu; quan hệ tiền lương, hệ thống thang lương, bảng lương và phụ cấp; cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập trong khu vực hành chính, sự nghiệp; tiền lương của doanh nghiệp nhà nước; chính sách BHXH và trợ cấp ưu đãi người có công.

Trong đó, về mức lương tối thiểu, sau năm 2004, mức lương tối thiểu chung sẽ tiếp tục được điều chỉnh phù hợp với mặt hàng tiền lương, tiền công trên thị trường lao động và mức tăng thu nhập chung xã hội, tiến tới đảm bảo mức lương trung bình khá đối với cán bộ, công chức.

Đối với khối doanh nghiệp nhà nước, mức lương tối thiểu sẽ được điều chỉnh cao hơn mức lương tối thiểu chung trên cơ sở năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong hệ thống bảng lương sản xuất kinh doanh có bảng lương chuyên gia cao cấp và nghệ nhân; qui định bảng lương chức vụ đối với các thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị **(CV số 01/BCĐTLNN ngày 13/01/2005).**

33. **Khiếu nại, tố cáo trong lao động:** Vấn đề này được Chính phủ qui định tại ND số 04/2005/ND-CP ngày 11/01/2005, qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về khiếu nại, tố cáo về lao động. Áp dụng đối với người lao động, tập thể lao động và người sử dụng lao động.

Khiếu nại là việc người lao động, tập thể lao động yêu cầu cá nhân, cơ quan có thẩm quyền xem xét lại quyết định, hành vi của người sử dụng lao động khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó vi phạm pháp luật lao động, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của mình;

Tổ cáo là việc người lao động, tập thể lao động báo cho cá nhân, cơ quan có thẩm quyền biết về quyết định, hành vi vi phạm pháp luật lao động của người sử dụng lao động gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể lao động.

Người khiếu nại có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp để thực hiện quyền khiếu nại. Trong đơn khiếu nại phải ghi rõ ngày tháng năm khiếu nại; họ tên và địa chỉ; nêu rõ lý do, nội dung khiếu nại. Trong quá trình khiếu nại, có thể rút đơn bất kỳ giai đoạn nào. Thời hạn khiếu nại là 90 ngày.

Đối với người tố cáo, cũng phải nêu rõ họ tên, địa chỉ của mình hoặc của người đại diện tập thể lao động, nhưng có quyền yêu cầu được giữ bí mật; có trách nhiệm cung cấp những tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung tố cáo và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc tố cáo sai sự thật. Thời hạn giải quyết tố cáo về lao động không quá 60 ngày kể từ ngày thụ lý giải quyết (***NĐ số 04/2005/NĐ-CP ngày 11/01/2005***).

34. **Thông tư hướng dẫn chế độ tiền lương**: Ngày 05/01/2005, Bộ LĐTBXH ban hành một loạt các Thông tư hướng dẫn những Nghị định của Chính phủ về vấn đề tiền lương, lương hưu và chế độ BHXH mới ban hành. Gồm Thông tư 01/2005/TT-BLĐTBXH, TTLT 02/2005/TTLT-BLĐTBXH-BNV; Thông tư 03/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 04/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 05/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 06/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 07/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 08/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 09/2005/TT-BLĐTBXH; Thông tư 11/2005/TT-BLĐTBXH.

Các Thông tư trên tập trung hướng dẫn thi hành những qui định của Nghị định 205/2004/NĐ-CP; Nghị định 206/2004/NĐ-CP; Nghị định 207/2004/NĐ-CP; Nghị định 208/2004/NĐ-CP được ban hành ngày 14/12/2004.

Tại Thông tư 01/2005/TT-BLĐTBXH, việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới phải theo công việc hiện được giao, theo chức vụ đang đảm nhận. Căn cứ để chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với công nhân, nhân viên trực tiếp sản xuất, kinh doanh là tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật; đối với viên chức, nhân viên là tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; đối với Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng là hạng công ty hiện xếp. Khi chuyển xếp lương cũ sang lương mới không kết hợp nâng ngạch viên chức, không kết hợp nâng bậc lương, không xếp lương vào hàng cao hơn hạng của công ty.

Tương tự như vậy, tại TTLT 02/2005/TTLT-BLĐTBXH-BNV, căn cứ để chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với thành viên chuyên trách Hội đồng quản trị là hạng công ty hiện xếp; đối với thành viên Ban kiểm soát và viên chức giúp việc Hội đồng quản trị là tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch viên chức.

Về chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc trong các công ty nhà nước, theo Thông tư 03/2005/TT-BLĐTBXH, kể từ ngày 01/10/2004, phụ cấp trách nhiệm công việc gồm 4 mức: 0,5 = 145.000 đồng; 0,3 = 87.000 đồng; 0,2 = 58.000 đồng; 0,1 = 29.000 đồng. Mỗi mức phụ cấp sẽ tương ứng với từng vị trí công việc cụ thể riêng.

Cũng kể từ ngày 01/10/2004, theo Thông tư 04/2005/TT-BLĐTBXH, mức phụ cấp độc hại, nguy hiểm cũng được chia thành 4 mức: 0,4 = 116.000 đồng; 0,3 = 87.000 đồng; 0,2 = 58.000 đồng; 0,1 = 29.000 đồng. Mỗi mức, mỗi hệ số cũng được áp dụng cụ thể cho từng đối tượng.

Theo Thông tư 06/2005/TT-BLĐTBXH, hướng dẫn phương pháp xây dựng định mức lao động trong các công ty nhà nước. Các sản phẩm, dịch vụ đều phải có định mức lao động. Khi thay đổi kỹ thuật, công nghệ sản xuất, kinh doanh thì phải điều chỉnh định mức lao động. Khi xây dựng định mức lao động tổng hợp thì không được tính hao phí lao động làm sản phẩm phụ, sửa chữa máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng cơ bản, chế tạo, lắp đặt thiết bị. Những hao phí lao động cho các loại công việc này được xây dựng định mức lao động tổng hợp riêng.

Thông tư 08/2005/TT-BLĐTBXH hướng dẫn, quỹ tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty xác định theo năm, hàng tháng được tạm ứng tối đa bằng 80% quỹ tiền tiền lương kế hoạch. Phần tiền lương còn lại được thanh toán vào cuối năm theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Quỹ này không tính trong đơn giá tiền lương của công ty nhưng được hạch toán vào giá thành hoặc chi phí kinh doanh.

Về tiền lương bình quân, tại TT số 09/2005/TT-BLĐTBXH, tiền lương bình quân được tính trên cơ sở quỹ tiền lương thực hiện hoặc kế hoạch theo đơn giá tiền lương và số lao động sử dụng của công ty. Tiền lương bình quân được điều chỉnh theo mức tăng, giảm của năng suất lao động bình quân. Năng suất lao động bình quân tăng thì tiền lương bình quân tăng, nhưng mức tăng tiền lương bình quân phải thấp hơn mức tăng năng suất lao động bình quân. Năng suất lao động bình quân giảm thì tiền lương bình quân giảm. Mức giảm thấp nhất bằng mức giảm của năng suất lao động bình quân.

35. **Chi phí tiền lương**: Theo Luật thuế TNDN, chi phí tiền lương của cơ sở kinh doanh bao gồm các khoản tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động. Chi phí tiền lương được xác định là chi phí hợp lý khi tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với các cơ sở kinh doanh trừ doanh nghiệp nhà nước, được căn cứ vào hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể. Cơ sở kinh doanh phải đăng ký với cơ quan thuế về tổng quỹ lương phải trả trong năm, căn cứ và phương pháp xây dựng tổng quỹ lương cùng với việc nộp tờ khai thuế TNDN.

Trường hợp công ty thuê người lao động mang tính thời vụ có hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể, tiền công trả cho lao động thời vụ nằm trong tổng quỹ lương đã đăng ký với cơ quan thuế và thực tế công ty đã chi trả thì chi phí tiền lương trả cho lao động thời vụ được tính là chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp công ty không đăng ký quỹ lương với cơ quan thuế thì chi phí tiền lương được xác định căn cứ vào mức thu nhập bình quân của từng ngành nghề tại địa phương. Chi phí tiền lương được tính là chi phí hợp lý phải đảm bảo nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương không cao hơn tốc độ tăng thu nhập chịu thuế TNDN (*CV số 25 TCT/DNK ngày 05/01/2005*).

36. Căn cứ để tính vào chi phí tiền lương tháng 13: Doanh nghiệp sẽ được tính vào chi phí tiền lương tháng 13 nếu trong hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể có quy định việc trả lương tháng 13 và doanh nghiệp đã đăng ký kế hoạch tiền lương với cơ quan thuế (*CV số 4393 TCT/DNK ngày 30/12/2004*).
37. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh có thể vận dụng thang, bảng lương của DNNN: Doanh nghiệp ngoài quốc doanh được phép tự xây dựng thang bảng lương. Tuy nhiên, theo CV số 4500/LĐTBXH-TL ngày 24/12/2004 của BLĐTBXH, các doanh nghiệp này có thể vận dụng thang lương, bảng lương của các DNNN để xếp lương cho người lao động (*CV số 4500/LĐTBXH-TL ngày 24/12/2004 của BLĐTBXH*).

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

1. Nhà thầu thông đồng với chủ đầu tư có thể bị cấm tham gia hoạt động xây dựng 2 năm: Trong trường hợp bị phát hiện có hiện tượng thông đồng, móc ngoặc thì chủ đầu tư, tổ chức tư vấn hoặc nhà thầu xây dựng có thể bị phạt tiền, kỷ luật hành chính, phạt không cho tham gia hoạt động xây dựng ít nhất 2 năm, đồng thời thông báo trên bản tin Thông tin đấu thầu và trang thông tin về đấu thầu của nhà nước. (*CT số 21/2005/CT-TTg ngày 15/6/2005*).
2. Phê duyệt danh sách công ty cổ phần hoá: Ngày 14/6/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành QĐ số 528/QĐ-TTg về việc phê duyệt danh sách các công ty cổ phần hoá, thực hiện bán đấu giá cổ phần, niêm yết, đăng ký giao dịch tại các trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Danh sách các công ty nhà nước thuộc đối tượng bán đấu giá qua Trung tâm giao dịch chứng khoán trong phần Phụ lục I, ban hành kèm theo QĐ này bao gồm 9 doanh nghiệp độc lập thuộc Bộ, ngành: Giao thông Vận tải, Thương mại, Xây dựng; 44 doanh nghiệp thuộc các Tổng công ty nhà nước và 22 doanh nghiệp địa phương. Danh sách các Công ty cổ phần thuộc đối tượng niêm yết, đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán tại Phụ lục II gồm có 17 doanh nghiệp độc lập thuộc Bộ, ngành: Công nghiệp, Thương mại, Giao thông Vận tải, Xây dựng; 112 doanh nghiệp thuộc các Tổng công ty nhà nước: Bưu chính Viễn thông, Cà phê, Dệt may, Đường sắt, Hàng hải... và 49 doanh nghiệp thuộc nhiều địa phương trong cả nước.

QĐ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

3. Doanh nghiệp cần chủ động phòng, chống các vụ kiện thương mại với nước ngoài: Các doanh nghiệp cần chủ động phòng, chống các vụ kiện thương mại có nhân tố quốc tế. Nếu phát sinh các vụ kiện thương mại với nước ngoài, doanh nghiệp nên thực hiện các biện pháp như cử cán bộ, chuyên gia có kiến thức về pháp lý, có kinh nghiệm tham gia xử lý các vụ kiện, thuê công ty tư vấn luật giúp xử lý vụ kiện, nghiêm chỉnh theo đuổi vụ kiện, tích cực tiến hành các hoạt động vận động hành lang (lobby) và quan hệ công chúng (public relations) để hỗ trợ cho việc kháng kiện v.v.. (*CT số 20/2005/CT-TTg ngày 09/6/2005*).
4. Định hướng việc vay, trả nợ nước ngoài: Doanh nghiệp được khuyến khích thực hiện các hình thức huy động vốn gián tiếp từ nước ngoài như phát hành cổ phiếu, trái phiếu bán cho các nhà đầu tư nước ngoài để bổ sung nguồn vốn đầu tư, tiến tới giảm tỷ lệ vốn vay trong tổng nguồn vốn nước ngoài; khuyến khích việc phát hành cổ phiếu của các công ty cổ phần; tiến hành cổ phần hóa một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài v.v.. (*QĐ số 135/2005/QĐ-TTg ngày 08/6/2005*).
5. Phòng, chống rửa tiền: Từ ngày 01/8/2005, NĐ số 74/2005/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 07/6/2005, qui định về Phòng, chống rửa tiền sẽ có hiệu lực. Khi đó, Các giao dịch tiền tệ như: một hoặc nhiều giao dịch trong một ngày do cá nhân hay tổ chức thực hiện bằng tiền mặt có tổng giá trị từ 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) trở lên hoặc bằng ngoại tệ, bằng vàng có giá trị tương đương; Đối với giao dịch tiền gửi tiết kiệm thì mức tổng giá trị của một hay nhiều giao dịch bằng tiền mặt trong một ngày do cá nhân, tổ chức thực hiện là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) trở lên hoặc bằng ngoại tệ, bằng vàng có giá trị tương đương sẽ được đưa vào danh sách cần theo dõi, giám sát.

Đối tượng áp dụng của NĐ là các cá nhân, cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài và những người không có quốc tịch cư trú hoặc hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài không cư trú, không hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nhưng có giao dịch hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng liên quan đến giao dịch tiền tệ hay tài sản khác tại Việt Nam.

Mức phạt của những hành vi vi phạm tại NĐ là từ 5 – 30 triệu đồng, ứng với từng trường hợp cụ thể. Ngoài việc bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền, cá nhân, tổ chức vi phạm còn có thể bị tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không có thời hạn đối với giấy phép hoạt động, chứng chỉ hành nghề được sử dụng để vi phạm. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định trong khi thi hành nhiệm vụ về phòng, chống hoạt động

- rửa tiền thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. **(NĐ số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/6/2005).**
6. **Tính pháp lý của hợp đồng email:** Theo Tổng cục Hải quan, thư điện tử có thể được chấp nhận là giấy tờ có giá trị tương đương hợp đồng nếu thư điện tử đảm bảo được về mặt hình thức văn bản và các điều khoản theo Luật Thương mại; Nội dung của thư điện tử phải phù hợp với các chứng từ khác trong bộ hồ sơ hải quan và thực tế hàng nhập khẩu; Thư điện tử đó phải có dấu và chữ ký của bên mua hàng tự chịu trách nhiệm về tính trung thực của hợp đồng. **(CV số 2162 TCHQ/GSQL ngày 06/6/2005).**
 7. **Cần xác định rõ giá trị tài sản phải đăng ký quyền sở hữu trong hợp đồng chuyển nhượng:** Nhà, gồm: nhà ở, nhà làm việc, nhà xưởng, nhà kho, cửa hàng, cửa hiệu và các công trình kiến trúc khác thuộc đối tượng phải chịu lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu. Trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng ghi rõ giá trị chuyển nhượng của tài sản trên đất thuộc loại phải đăng ký quyền sở hữu thì giá tính lệ phí trước bạ là giá trị tài sản đó ghi trên hợp đồng. Ngược lại, nếu chỉ ghi chung toàn bộ giá trị tài sản trên đất (bao gồm cả tài sản khác) thì giá tính lệ phí trước bạ là toàn bộ giá trị tài sản trên đất ghi trên hợp đồng. **(CV số 1718 TCT/TS ngày 06/6/2005).**
 8. **Phải đánh giá rủi ro hóa chất khi lưu thông, sử dụng hóa chất mới:** Trước khi đưa vào lưu thông, sử dụng một loại hóa chất mới, tổ chức, cá nhân phải lập báo cáo đánh giá rủi ro hóa chất trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đưa vào danh mục trước khi triển khai các hoạt động hóa chất tiếp theo. **(NĐ số 68/2005/NĐ-CP ngày 20/5/2005).**
 9. **Vi phạm trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp có thể bị phạt tới 50 triệu:** Ngày 16/5/2005, Chính phủ đã ban hành NĐ số 64/2005/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý vật liệu nổ công nghiệp. Theo đó, tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài vi phạm các quy định trong lĩnh vực này có thể bị phạt tiền từ 50 ngàn đồng đến 50 triệu đồng, bị tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, bị tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm và buộc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả. **(NĐ số 64/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005).**
 10. **Tăng một số mức phí, lệ phí cấp phép và quản lý tên miền, địa chỉ internet ở Việt Nam:** Theo QĐ số 28/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005 của Bộ trưởng BTC, mặc dù lệ phí cấp tên miền, thay đổi tên miền vẫn giữ như cũ là 450 ngàn đồng và 250 ngàn đồng nhưng các mức phí duy trì tên miền, phí cấp và quản lý địa chỉ internet tại Việt Nam đã tăng rất cao so với trước. Muốn biết thông tin chi tiết, mời quý vị liên hệ với chúng tôi để được cung cấp toàn văn bản. **(QĐ số 28/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005).**
 11. **Xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản:** Ngày 12/5/2005, Bộ Tài chính ban hành TT số 34/2005/TT-BTC, hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá.

Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá là tài sản nhà nước được xác định theo nguyên tắc phải phù hợp với giá bán thực tế của tài sản cùng loại hoặc tương tự ở thị trường địa phương tại thời điểm xác định giá. Đối với những tài sản do Nhà nước qui định giá, giá khởi điểm không được thấp hơn giá do Nhà nước qui định tại thời điểm xác định giá khởi điểm; đối với tài sản chuyển dùng đơn chiếc, giá khởi điểm được xác định căn cứ vào chi phí tái tạo lại tài sản hoặc chi phí nhập khẩu và mức độ hao mòn của tài sản – Đây là nguyên tắc xác định giá khởi điểm.

Xác định giá khởi điểm sẽ được thực hiện bằng 03 phương pháp – phương pháp so sánh trực tiếp và phương pháp thu nhập áp dụng đối với tài sản là quyền sử dụng đất; phương pháp chi phí áp dụng đối với tài nguyên dùng đơn chiếc; và đối với các tài sản Nhà nước khác thì việc xác định giá khởi điểm được áp dụng theo phương pháp so sánh. **(TT số 34/2005/TT-BTC ngày 12/5/2005).**
 12. **Ban hành biểu mức thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản mới:** Doanh nghiệp hoạt động khoáng sản khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, xét duyệt trữ lượng báo cáo thăm dò khoáng sản phải nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản với mức tối thiểu là 4 triệu đồng và tối đa là 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí thăm dò địa chất vượt trên 01 tỷ đồng), phụ thuộc vào chi phí thăm dò địa chất mà doanh nghiệp phải thực hiện. **(QĐ số 27/2005/QĐ-BTC ngày 13/5/2005).**
 13. **Nội dung Giấy phép xây dựng:** Ngày 06/5/2005, Bộ Xây dựng ban hành TT số 09/2005/TT-BXD, hướng dẫn một số nội dung về giấy phép xây dựng trong NĐ số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005.

Theo TT, những công trình thuộc bí mật Nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính, công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị... thì không phải xin giấy phép xây dựng.

Còn giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với vùng xây dựng được duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện. Trong nội dung giấy phép xây dựng tạm phải ghi rõ thời gian có hiệu lực của giấy phép. Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép, nếu Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện qui hoạch thì chủ công trình xây dựng phải tự phá dỡ và được đền bù phần hiện trạng công trình đã có trước khi xây dựng theo giấy phép dựng tạm. **(TT số 09/2005/TT-BXD ngày 06/5/2005).**
 14. **Không cần lập dự án đối với các công trình xây dựng có vốn đầu tư dưới 5 tỷ đồng:** Công trình xây dựng có vốn đầu tư dưới 5 tỷ đồng không thuộc ngân sách nhà nước, không cần lập dự án mà chỉ cần lập Báo cáo kinh tế -

- kỹ thuật xây dựng công trình để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. (*TT số 08/2005/TT-BXD ngày 06/5/2005*).
15. Thi công các công trình hạ tầng do Nhà nước làm chủ đầu tư không được hưởng ƯĐĐT: Hoạt động đầu tư xây dựng các công trình cấp thoát nước, đầu tư xây dựng các công trình cầu, đường bộ thuộc danh mục ngành, nghề được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước nhưng hoạt động thi công các công trình trên lại không thuộc danh mục được hưởng ưu đãi đầu tư. (*CV số 1323 TCT/PCCS ngày 06/5/2005*).
 16. Sử dụng đất trước thời điểm thực hiện dự án không được miễn tiền thuê đất: Nếu doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư trên phần diện tích đất thuộc diện phải nộp tiền thuê đất và đã sử dụng diện tích đất này trước thời điểm thực hiện dự án thì không đủ điều kiện để được miễn tiền thuê đất. (*CV số 1321 TCT/PC-CS ngày 06/5/2005*).
 17. Giá bán nhà của công ty kinh doanh nhà phải cao hơn giá do UBND cấp tỉnh ban hành: Trừ trường hợp bán nhà cho các đối tượng chính sách theo hình thức trợ giá, công ty kinh doanh nhà không được bán nhà với mức giá thấp hơn giá nhà, đất do UBND cấp tỉnh ban hành cho các trường hợp khác. (*CV số 1309 TCT/TS ngày 05/5/2005*).
 18. Không giới hạn mức phạt tối đa đối với hành vi nộp chậm tiền thuế, tiền sử dụng đất: Đối tượng nộp chậm tiền thuế, tiền sử dụng đất sẽ phải nộp phạt theo % số tiền nộp chậm trên mỗi ngày nộp chậm và không bị giới hạn mức phạt tối đa là 100 triệu đồng như quy định tại Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. (*CV số 1306 TCT/PC-CS ngày 5/5/2005*).
 19. Được trừ tiền bồi thường về đất tối đa không quá 90% tiền sử dụng đất phải nộp: Khi đối tượng được Nhà nước giao đất đã bồi thường về đất cho người có đất bị thu hồi trước ngày Luật Đất đai 2003 có hiệu lực, theo đúng quy định tại ND 22/1998/ND-CP, thì sẽ được trừ số tiền thực tế đã bồi thường về đất vào tiền sử dụng đất phải nộp vào ngân sách nhà nước, nhưng không được quá 90%. (*CV số 1289 TCT/TS ngày 4/5/2005*).
 20. Đơn vị hành chính mới thành lập vẫn thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư như cũ: Đơn vị hành chính mới được thành lập trên cơ sở đơn vị hành chính cũ thuộc địa bàn được hưởng ưu đãi đầu tư vẫn tiếp tục là địa bàn ưu đãi như cũ. (*CV số 1264 TCT/PCCS ngày 29/4/2005*).
 21. Phạt đến 5 triệu khi kinh doanh giống cây trồng chính chưa được công nhận chính thức: Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh giống cây trồng chính đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chính thức công nhận. Nếu kinh doanh giống cây trồng chính ngoài phạm vi nói trên, doanh nghiệp sẽ bị phạt tiền từ 3 triệu đến 5 triệu đồng. (*ND số 57/2005/ND-CP ngày 27/4/2005*).
 22. Sản xuất bò sữa được trích 2% - 5% giá trị nguyên liệu NK vào chi phí sản xuất: Doanh nghiệp đầu tư vào phát triển vùng chăn nuôi bò sữa sẽ được tạo quỹ hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu bằng cách trích tỷ lệ 2% - 5% giá trị nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất sữa vào chi phí sản xuất. (*QĐ số 22/2005/QĐ-BCN ngày 26/4/2005*).
 23. Chứng chỉ hành nghề xây dựng: Ngày 25/4/2005, Bộ Xây dựng ban hành QĐ số 15/2005/QĐ-BXD, ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, Kỹ sư hoạt động xây dựng.

Theo Quy chế, người được cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư hoạt động xây dựng phải có kinh nghiệm trong công tác thiết kế ít nhất 5 năm và đã tham gia thiết kế kiến trúc ít nhất 5 công trình hoặc 5 đồ án quy hoạch xây dựng được phê duyệt; Đối với kỹ sư phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm về nội dung xin đăng ký hành nghề và đã tham gia thực hiện thiết kế hoặc khảo sát ít nhất 5 công trình...

Chứng chỉ hành nghề là bắt buộc khi một cá nhân đảm nhận các chức danh: chủ nhiệm thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng, chủ trì thiết kế chuyên ngành thuộc đồ án quy hoạch xây dựng; chủ nhiệm đồ án thiết kế xây dựng công trình, chủ trì thiết kế các chuyên môn thuộc đồ án thiết kế xây dựng công trình; chủ nhiệm khảo sát xây dựng; cá nhân hành nghề độc lập thiết kế quy hoạch xây dựng, tư vấn khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình.

Sau ngày Quy chế này có hiệu lực, sẽ thay thế QĐ số 91/BXD-ĐT ngày 16/4/1993 và QĐ số 23/2000/QĐ-BXD ngày 13/11/2000. (*QĐ số 15/2005/QĐ-BXD ngày 25/4/2005*).
 24. Giám sát thi công xây dựng công trình phải có chứng chỉ hành nghề: Cá nhân chỉ được phép hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình tại Việt Nam sau khi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề trong trường hợp này là: (i) cá nhân phải tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp; (ii) có ít nhất 5 năm kinh nghiệm có liên quan; và (iii) có chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình của một cơ sở đào tạo được Bộ Xây dựng công nhận v.v.. (*QĐ số 12/2005/QĐ-BXD ngày 18/4/2005*).
 25. Quy chế giám sát đầu tư của công đồng: Quy chế này được qui định tại QĐ số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005.

Theo QĐ thì, người dân được khuyến khích theo dõi, đánh giá việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư của cơ quan có thẩm quyền QĐ đầu tư, chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các nhà thầu và đơn vị thi công dự án trong quá trình đầu tư. Đó là các dự án đầu tư có sử dụng vốn nhà nước và không thuộc diện bí mật quốc gia,

có ảnh hưởng trực tiếp tới cộng đồng trên địa bàn của xã, phường; các dự án đầu tư bằng nguồn vốn và công sức của cộng đồng hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho xã, phường;

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thành lập. Ban này được quyền yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, kế hoạch đầu tư... có liên quan trên địa bàn cấp xã. Bên cạnh đó, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng còn có quyền yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý; yêu cầu các đối tượng chịu sự giám sát đầu tư của cộng đồng trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư... (**QĐ số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005**).

26. **Phải nộp hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính khi thực hiện các thủ tục về QSDĐ:** Khi thực hiện trình tự, thủ tục hành chính về quản lý, sử dụng đất đai, người sử dụng đất phải nộp hồ sơ về thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước tại cơ quan có thẩm quyền. Hồ sơ về thực hiện nghĩa vụ tài chính bao gồm các tờ khai liên quan đến nghĩa vụ tài chính phải nộp, các giấy tờ về việc miễn, giảm, ưu đãi đối với nghĩa vụ tài chính v.v.. (**TTLT số 30/2005/TTLT-BTC-BTNMT ngày 18/4/2005**).
27. **Phải áp dụng định mức chi phí khi lập dự án và thiết kế xây dựng công trình:** Ngày 15/4/2005, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành QĐ số 11/2005/QĐ-BXD về định mức chi phí lập dự án và thiết kế xây dựng công trình. Theo đó, việc lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật và thiết kế xây dựng tất cả các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA; vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước đều phải áp dụng định mức chi phí lập dự án và thiết kế xây dựng công trình ban hành kèm theo QĐ này. Được biết, định mức chi phí này được khuyến khích áp dụng đối với các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn khác. (**QĐ số 11/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005**).
28. **Định mức chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình mới:** Theo QĐ số 10/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005 của Bộ trưởng BXD, chi phí quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn dưới đây đều phải tuân thủ định mức chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng mới ban hành kèm theo văn bản này: dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA; vốn tín dụng do nhà nước bảo lãnh; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước. (**QĐ số 10/2005/QĐ-BXD ngày 15/4/2005**).
29. **Có thể quy đổi chi phí xây dựng của từng công trình hoàn thành trước trong Dự án:** Dự án đầu tư xây dựng công trình phải được quy đổi chi phí về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Trường hợp dự án đầu tư xây dựng có nhiều công trình có thể đưa vào khai thác, sử dụng độc lập thì quy đổi chi phí đầu tư xây dựng đã thực hiện của công trình đã hoàn thành về mặt bằng giá tại thời điểm bàn giao đưa công trình này vào sử dụng (**TT số 07/2005/TT-BXD ngày 15/4/2005 của BXD**).
30. **Áp dụng giá ca máy của các DA đầu tư xây dựng công trình phân biệt theo nguồn vốn:** Theo TT số 06/2005/TT-BXD ngày 15/4/2005 của BXD, giá ca máy (mức chi phí cần thiết cho máy và thiết bị thi công trong một ca làm việc) được sử dụng để xác định và quản lý chi phí xây dựng công trình. Giá ca máy bắt buộc phải được xác định theo quy định tại TT này đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn đầu tư phát triển của DNNN khác, và khuyến khích áp dụng đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác. (**TT số 06/2005/TT-BXD ngày 15/4/2005**).
31. **Miễn thị thực đối với công dân một số nước Bắc Âu:** Ngày 13/4/2005, Bộ Ngoại giao đã ban hành QĐ số 808/2005/QĐ-BNG về việc miễn thị thực đối với công dân các nước Bắc Âu. Kể từ ngày 01/5/2005, công dân các nước Đan Mạch, Na Uy, Phần Lan và Thụy Điển không phân biệt loại hộ chiếu và mục đích nhập cảnh, đều được miễn thị thực khi nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam với thời hạn tạm trú tại Việt Nam không quá 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh. (**QĐ số 808/2005/QĐ-BNG ngày 13/4/2005**).
32. **Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai:** Những hướng dẫn thực hiện một số điều của ND số 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 đã được Bộ Tài nguyên & Môi trường thể hiện tại TT số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005.
Theo TT, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có QĐ quản lý trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước, nhưng trong thực tế Nhà nước chưa có QĐ quản lý hoặc chưa thực hiện quản lý thì hộ gia đình, cá nhân đó được tiếp tục sử dụng, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất. Người sử dụng đất có thể sử dụng đất vào các mục đích khác nhưng không làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất vào mục đích chính.
Đối với trường hợp nhà đầu tư thuê quyền sử dụng đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của người đang sử dụng đất, thì thực hiện thủ tục đăng ký hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với người đang sử dụng đất trước khi thực hiện thủ tục nhà đầu tư thuê quyền sử dụng đất hoặc nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất;
Trường hợp dự án đã hoàn thành giai đoạn xây dựng cơ bản, nếu nhà đầu tư không có khả năng tiếp tục thực hiện dự án thì được bán tài sản gắn liền với đất. Người mua tài sản được tiếp tục thực hiện dự án phải sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xét duyệt;... (**TT số 01/2005/TT-BTNMT ngày 13/4/2005**).

33. **Phải thi tuyển thiết kế kiến trúc trước khi tiến hành xây dựng một số loại công trình:** Một số loại công trình xây dựng sau bắt buộc phải thi tuyển thiết kế kiến trúc trước khi xây dựng công trình: (i) trụ sở UBND từ cấp huyện trở lên; (ii) công trình văn hóa, thể thao và các công trình công cộng khác có quy mô cấp I, cấp đặc biệt; (iii) công trình xây dựng có kiến trúc đặc thù trong đô thị từ loại 2 trở lên như tượng đài, cầu, công trình xây dựng ở vị trí có ảnh hưởng QĐ đến cảnh quan kiến trúc đô thị v.v.. Các công trình có yêu cầu về kiến trúc khác được khuyến khích tổ chức thi tuyển thiết kế kiến trúc (**TT số 05/2005/TT-BXD ngày 12/4/2005**).
34. **Phu cấp độc hại, nguy hiểm:** Đối với những nghề hoặc công việc ở những nơi có điều kiện độc hại, nguy hiểm như: hầm lò, giàn khoan ngoài biển, treo người trên cao, tiếp xúc trực tiếp với chất độc hại, làm việc ở nơi có bệnh truyền nhiễm,... không thuộc diện chịu thuế TNCN.
- Mức chi phí các khoản phụ cấp bằng tiền được xác định theo qui định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành (**CV số 1043 TCT/ĐTN ngày 08/4/2005**).
35. **Tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài tại Việt Nam:** Ngày 07/4/2005, Bộ Xây dựng ban hành QĐ số 09/2005/QĐ-BXD, ban hành Quy chế áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam. Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam khi áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài.
- Quy chế qui định việc áp dụng các tiêu chuẩn cấp quốc gia của các nước trên thế giới, của các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, tổ chức tiêu chuẩn khu vực trong hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.
- Các công trình và dự án xây dựng đã có văn bản chấp thuận việc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài của Bộ Xây dựng trước ngày có hiệu lực của Quy chế này, được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận ghi tại văn bản đã chấp thuận. Nếu có những phát sinh mới cần bổ sung kể từ ngày Quy chế có hiệu lực thì sẽ triển khai thực hiện theo qui định tại Quy chế này (**QĐ số 09/2005/QĐ-BXD ngày 07/4/2005**).
36. **Qui định về tổ chức Thanh tra Xây dựng:** Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Xây dựng, Thủ tướng Chính phủ đã ra những qui định rõ ràng tại ND số 46/2005/NĐ-CP ngày 06/4/2005.
- Thanh tra Xây dựng được tổ chức thành hệ thống ở Trung ương là Thanh tra Bộ Xây dựng và ở địa phương là Thanh tra Sở Xây dựng, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về: xây dựng, vật liệu xây dựng, nhà ở và công sở, kiến trúc, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy định của pháp luật. Các tổ chức Thanh tra Xây dựng có con dấu và tài khoản riêng.
- Đối tượng của Thanh tra Xây dựng là: tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng; tổ chức, cá nhân Việt Nam tham gia hoạt động xây dựng trong và ngoài nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
- Sau khi ND này có hiệu lực, các quy định tại các khoản 1,2,3,4 Điều 46 của ND số 126/2004/NĐ-CP ngày 26/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, quản lý công trình hạ tầng đô thị và quản lý sử dụng nhà sẽ bị bãi bỏ (**ND số 46/2005/NĐ-CP ngày 06/4/2005**).
37. **Được hỗ trợ tối đa 5 tỷ đồng khi bị di dời địa điểm sản xuất:** Doanh nghiệp có đất đang sử dụng nằm trong khu quy hoạch bị Nhà nước thu hồi đất sẽ được hỗ trợ từ 20- 30% mức bồi thường cho đất bị thu hồi để di dời, xây dựng cơ sở mới, nhưng tối đa không quá 05 tỷ đồng (**QĐ số 74/2005/QĐ-TTg ngày 06/4/2005**).
38. **Quỹ quốc gia về việc làm:** Ngày 05/4/2005, Thủ tướng Chính phủ ký QĐ số 71/2005/QĐ-TTg về Cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm.
- Theo QĐ này, đối tượng được vay vốn bao gồm: hộ kinh doanh cá thể; cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật; doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Luật Doanh nghiệp; chủ trang trại; trung tâm giáo dục lao động-xã hội (gọi tắt là cơ sở sản xuất kinh doanh) và hộ gia đình... Mức vốn vay tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án và không quá 20 triệu đồng/hộ gia đình; thời hạn vay vốn từ 12 - 60 tháng tùy loại hình sản xuất kinh doanh, với lãi suất 0,5%/tháng, riêng đối tượng người tàn tật là 0,35%/tháng (**QĐ số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005**).
39. **Phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp:** Ngày 04/4/2005, Chính phủ ban hành QĐ số 68/2005/QĐ-TTg, phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Chương trình sẽ được thực hiện từ năm 2005 – 2010.
- Mục tiêu của Chương trình là nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về bảo hộ sở hữu trí tuệ để chủ động xây dựng, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ; nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp có các sản phẩm chiến lược, có tiềm năng xuất khẩu (**QĐ số 68/2005/QĐ-TTg ngày 04/4/2005**).
40. **Phải thỏa thuận bằng văn bản khi thay đổi Hợp đồng kinh tế:** Trong quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế, nếu muốn sửa đổi nội dung đã ký kết thì các bên phải thỏa thuận bằng văn bản. Các thỏa thuận miệng sẽ không có giá trị pháp lý (**CV số 995 TCT/PCCS ngày 04/4/2005**).
41. **Chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình:** Nội dung chi tiết của vấn đề này được Bộ Xây dựng hướng dẫn tại Thông số 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005.

TT qui định, đối với dự án có sử dụng ngoại tệ thì phần ngoại tệ được ghi theo đúng nguyên tệ trong tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, quyết toán công trình làm cơ sở cho việc quy đổi vốn đầu tư và là cơ sở để tính tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán xây dựng công trình theo nội tệ.

Trong các loại chi phí chịu sự qui định của TT thì, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư được tính theo khối lượng phải đền bù, tái định cư của dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước về giá đền bù và tái định cư tại địa phương nơi xây dựng công trình, chi phí thuê đất trong thời gian xây dựng, chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật;

Chi phí quản lý dự án và chi phí khác được tính theo các quy định hiện hành hoặc có thể ước tính bằng 10% - 15% của tổng chi phí xây dựng và thiết bị;

Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được khoán trong dự toán, được tính bằng 2% giá trị dự toán chi phí xây dựng - đối với công trình mới khởi công ở vùng sâu, vùng xa, hải đảo, công trình đi theo tuyến ngoài đô thị và vùng dân cư, và bằng 1% đối với các công trình khác;...

Khi điều chỉnh dự án không làm thay đổi quy mô, mục tiêu đầu tư và không vượt tổng mức đầu tư trong dự án đã phê duyệt thì chủ đầu tư được phép tự điều chỉnh dự án. Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi thiết kế cơ sở hoặc vượt tổng mức đầu tư đã phê duyệt thì chủ đầu tư phải trình người QĐ đầu tư xem xét, QĐ. Những nội dung thay đổi phải được thẩm định lại (**TT số 04/2005/TT-BXD ngày 01/4/2005**).

42. **Cán bộ thuế không có quyền xử phạt VPHC trong lĩnh vực kế toán:** Cán bộ thuế chỉ có thẩm quyền xử phạt VPHC đối với hành vi dẫn tới việc trốn thuế mà không có quyền xử phạt đối với những vi phạm trong lĩnh vực kế toán không dẫn tới việc trốn thuế (**CV số 936 TCT/PC-CS ngày 30/3/2005**).

43. **Định hướng giá bán xăng dầu năm 2005:** Vấn đề này được Bộ tài chính qui định tại QĐ số 17/2005/QĐ-BTC ngày 29/3/2005. Theo QĐ, kể từ 12 giờ ngày 29/3/2005, mức giá bán lẻ định hướng thống nhất trong cả nước của xăng không chì RON 92 là 8.000 đồng, xăng không chì RON 90 là 7.800 đồng, xăng không chì RON 83 là 7.600 đồng,...

Theo chỉ đạo, mặc dù giá bán xăng, dầu được điều chỉnh tăng, nhưng các sản phẩm chủ đạo: điện, than, xi măng... không được tăng giá bán ra. Các doanh nghiệp kinh doanh nhập khẩu xăng, dầu phải liên đới chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm giá bán xăng dầu của các đơn vị trực thuộc, đại lý bán lẻ thuộc hệ thống phân phối của doanh nghiệp mình (**QĐ số 17/2005/QĐ-BTC ngày 29/3/2005**).

44. **Điều kiện sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:** Ngày 29/3/2005, Bộ Công nghiệp đã ban hành TT số 02/2005/TT-BCN về điều kiện sản xuất, kinh doanh, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. Theo đó, chỉ doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị quân đội làm kinh tế mới được thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác chỉ được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp vào mục đích sản xuất, dịch vụ nổ mìn, đào tạo, huấn luyện, nghiên cứu khoa học và thử nghiệm theo quy định tại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (**TT số 02/2005/TT-BCN ngày 29/3/2005**).

45. **Thành lập Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam:** Ngày 23/3/2005, Chính phủ ban hành QĐ số 58/2005/QĐ-CP, phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam được hình thành trên cơ sở sắp xếp, tổ chức lại Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị thành viên. Cơ cấu tổ chức bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Công ty mẹ) - Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam - Các Tổng công ty Viễn thông hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con - Các công ty do Tập đoàn nắm giữ 100% vốn điều lệ - Các công ty do Tập đoàn nắm giữ trên 50% vốn điều lệ - Các công ty do Tập đoàn nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ - Các công ty liên doanh với nước ngoài - và Các đơn vị sự nghiệp (**QĐ số 58/2005/QĐ-CP ngày 23/3/2005**).

46. **Không được ưu đãi đầu tư nếu không trực tiếp đầu tư và thực hiện dự án:** Một trong các điều kiện để doanh nghiệp được hưởng ưu đãi đầu tư là doanh nghiệp phải trực tiếp đầu tư và thực hiện dự án. Trong trường hợp không trực tiếp đầu tư mà chỉ làm các dịch vụ tư vấn, thiết kế xây dựng cho các dự án thuộc diện được hưởng ưu đãi thì doanh nghiệp không được hưởng ưu đãi đối với hoạt động tư vấn, thiết kế nêu trên (**CV số 799 TCT/DNNN ngày 21/3/2005**).

47. **Xử phạt vi phạm hành chính:** Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính đã quá thời hạn tự nguyện chấp hành hoặc quá thời hạn hoãn chấp hành các QĐ nêu trên mà không tự nguyện chấp hành, sẽ bị áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành QĐ xử phạt vi phạm hành chính.

Các biện pháp cưỡng chế hành chính trong ND bao gồm: khấu trừ một phần tiền lương, một phần thu nhập hoặc tài khoản tại ngân hàng; kê biên phần tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá... Chủ tịch UBND cả ba cấp, trưởng công an cấp huyện, trưởng đồn biên phòng, chỉ huy trưởng kiểm lâm... đều có quyền ra QĐ cưỡng chế (**ND số 37/2005/ND-CP ngày 18/3/2005**).

48. **Phạt đến 30 triệu đồng nếu xả nước thải vào nguồn nước mà không có giấy phép:** Doanh nghiệp xả nước thải vào nguồn nước không có giấy phép sẽ bị phạt tiền từ 10 đến 30 triệu đồng. Được biết, mức phạt tối thiểu 10 triệu đồng được áp dụng đối với trường hợp xả thải từ 10 - 50 m³/ngày đêm, mức phạt tối đa 30 triệu đồng

được áp dụng đối với trường hợp xả thải từ 5.000 m³/ngày đêm trở lên (**ND số 34/2005/NĐ-CP ngày 17/3/2005**).

49. **Lệ phí cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản tối đa là 4 triệu đồng:** Theo TT số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005, doanh nghiệp khi được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản theo một trong các hình thức như khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải nộp lệ phí cấp giấy phép với mức dao động từ 0,5 đến 4 triệu đồng (**TT số 20/2005/TT-BTC ngày 16/3/2005**).
50. **Thời hạn cuối cùng để nộp chậm tiền sử dụng đất theo giá đất cũ là 31/12/2005:** Doanh nghiệp được giao đất để xây dựng nhà ở, kết cấu hạ tầng để bán và đã được cơ quan thuế giải quyết chậm nộp tiền sử dụng đất tối đa không quá 5/thì cũng chỉ được chậm nộp theo giá đất cũ đến hết ngày 31/12/2005. Nếu quá thời hạn này mà chưa nộp tiền sử dụng đất thì sẽ bị tính lại tiền sử dụng đất theo giá đất mới do UBND cấp tỉnh công bố tại thời điểm nộp chậm. (**CV số 741 TCT/TS ngày 15/3/2005**).
51. **Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền:** Ngày 14/3/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành ND số 32/2005/NĐ-CP về Quy chế cửa khẩu biên giới đất liền. Nghị định này quy định các hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đất liền của người, phương tiện, hàng hoá... Theo Nghị định, công dân Việt Nam mang hộ chiếu hoặc giấy thông hành hợp lệ được xuất cảnh, nhập cảnh qua các cửa khẩu biên giới Việt Nam. Công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới khi sang khu vực biên giới nước láng giềng phải có giấy thông hành hoặc giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận do UBND hoặc công an xã, phường, thị trấn cấp.

Những hoạt động bị nghiêm cấm tại khu vực cửa khẩu, đó là làm thay đổi dấu hiệu, hướng đi của đường biên giới quốc gia; sử dụng hộ chiếu, giấy tờ giả; kích động hoặc có hành vi phá hoại an ninh... Một số hoạt động bị cấm khác là buôn lậu, vận chuyển hoặc sử dụng trái phép hàng hoá, tiền tệ, các loại vũ khí, chất nổ, chất cháy; buôn bán phụ nữ, trẻ em... (**ND số 32/2005/NĐ-CP ngày 14/03/2005**).
52. **Danh mục hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa:** Danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa đã được Chính phủ quy định tại ND số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa ở nước ta.

Các loại hàng hóa nguy hiểm gồm: chất nổ; chất khí dễ cháy, độc hại; chất lỏng, chất rắn dễ cháy; chất ôxy hóa; chất độc hại, lây nhiễm; chất phóng xạ; chất ăn mòn;...

Nghị định quy định, thuyền viên làm việc trên phương tiện chuyên dùng vận tải xăng, dầu, khí hóa lỏng, hóa chất phải được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn về vận tải hàng hóa theo quy định của Bộ giao thông vận tải. Người vận tải hàng hóa nguy hiểm còn có trách nhiệm chỉ chấp nhận vận tải khi có giấy phép vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa đối với loại, nhóm, tên hàng hóa quy định phải có giấy phép vận tải hàng hóa nguy hiểm và việc đóng gói, bao bì, nhãn hàng biểu trưng hàng hóa nguy hiểm được thực hiện theo đúng quy định.

Đối với phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm phải đảm bảo các điều kiện phải có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của cơ quan đăng kiểm phù hợp với từng loại, nhóm hàng hóa nguy hiểm; phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, sau khi dỡ hết hàng hóa nguy hiểm nếu không tiếp tục vận tải loại hàng hóa đó thì phải được làm sạch theo quy trình và ở nơi quy định. (**ND số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005**).
53. **Doanh nghiệp có thể góp vốn cùng tổ chức xã hội lập Tổ chức tài chính quy mô nhỏ:** Doanh nghiệp trong và ngoài nước không được tự mình thành lập Tổ chức tài chính quy mô nhỏ mà cần phải tham gia góp vốn với các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội, Quỹ từ thiện, Quỹ xã hội, tổ chức phi chính phủ Việt Nam để thành lập tổ chức này. Tổ chức tài chính quy mô nhỏ là tổ chức tài chính hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, có chức năng chủ yếu là sử dụng vốn tự có, vốn vay và nhận tiết kiệm để cấp tín dụng, cung ứng một số dịch vụ thanh toán v.v.. trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. (**ND số 28/2005/NĐ-CP ngày 09/3/2005**).
54. **Được điều chỉnh dự toán các công trình xây dựng cơ bản từ 01/10/2004:** Ngày 04/3/2005, Bộ Xây dựng đã ban hành TT số 03/2005/TT-BXD hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản từ ngày 01/10/2004. Theo đó, đối với các công trình, hạng mục công trình đã được phê duyệt dự toán nhưng chưa tổ chức đấu thầu thì chủ đầu tư được điều chỉnh dự toán trình phê duyệt lại. Chủ đầu tư các công trình đang thi công được điều chỉnh dự toán khối lượng xây dựng thực hiện từ 01/10/2004. Để biết thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ với chúng tôi theo địa chỉ dưới bản tin để được cung cấp toàn văn bản. (**TT số 03/2005/TT-BXD ngày 04/03/2005**).
55. **Quy định chi tiết Luật Giao thông đường thủy nội địa:** Một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa được Chính phủ quy định chi tiết tại ND số 21/2005/NĐ-CP ngày 01/03/2005.

Nghị định quy định chi tiết về phạm vi hành lang bảo vệ luồng; điều kiện an toàn của phương tiện giao thông đường thủy phải đăng ký nhưng không phải đăng kiểm; điều kiện của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện giao thông đường thủy nội địa; trách nhiệm bố trí đủ chức danh, định biên thuyền viên của chủ phương tiện; điều kiện kinh doanh xếp dỡ hàng hóa, phục vụ hành khách. Việc phối hợp hoạt động

giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng, bến thủy nội địa có tiếp nhận phương tiện giao thông đường thủy nước ngoài và điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa cũng được quy định trong Nghị định.

Theo Nghị định, phương tiện giao thông đường thủy nội địa phải đăng ký nhưng không thuộc diện phải đăng kiểm là loại không có động cơ, trọng tải toàn phần từ 1 tấn đến dưới 5 tấn hoặc có sức chở 5 - 12 người, và loại có động cơ, nhưng công suất máy chính dưới 5 mã lực hoặc có sức chở dưới 5 người. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện giao thông đường thủy nội địa cần có cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp, có phương án tổ chức sản xuất phù hợp với chủng loại, kích cỡ phương tiện được sản xuất; có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng và có ít nhất một cán bộ kỹ thuật. Các cảng, bến thủy nội địa muốn kinh doanh xếp, dỡ hàng hóa, phục vụ hành khách phải có đăng ký kinh doanh và phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động... **(NĐ số 21/2005/NĐ-CP ngày 01/03/2005).**

56. **Hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng:** Chính phủ hướng dẫn thi hành Điều 121 của Luật Xây dựng tại QĐ số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005.

Quyết định này quy định việc xử lý các công trình xây dựng đang tồn tại trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng không phù hợp với quy định của Luật Xây dựng, bao gồm công trình xây dựng phù hợp với qui hoạch xây dựng được duyệt nhưng chưa phù hợp về kiến trúc; và công trình xây dựng không phù hợp với qui hoạch xây dựng được duyệt.

Đối với trường hợp toàn bộ công trình không phù hợp với qui hoạch xây dựng thì, trường hợp thực hiện ngay qui hoạch xây dựng, chủ công trình xây dựng phải di chuyển về khu qui hoạch và được đền bù; trường hợp chưa thực hiện qui hoạch xây dựng thì được phép tồn tại theo hiện trạng.

Đối với trường hợp một phần công trình không phù hợp với qui hoạch thì chủ công trình xây dựng phải phá dỡ phần không phù hợp với qui hoạch và được đền bù. Đối với phần diện tích bề mặt còn lại, nếu nhỏ hơn 15m² có chiều rộng mặt tiền hoặc chiều sâu so với chỉ giới xây dựng nhỏ hơn 3m thì không được phép xây dựng; nếu phần diện tích còn lại từ 15 m² đến nhỏ hơn 40 m² có chiều rộng mặt tiền từ 3m trở lên và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng từ 3m trở lên thì được phép xây dựng không quá 2 tầng. **(QĐ số 39/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005).**

57. **Hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng:** Nội dung này được Bộ Xây dựng quy định chi tiết tại TT số 02/2005/TT-BXD ngày 25/02/2005.

Trong phần khái niệm, Bộ quy định, hợp đồng trong hoạt động xây dựng là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên giao thầu và Bên nhận thầu, để thực hiện toàn bộ hay một phần hoặc một số công việc trong hoạt động xây dựng. Hợp đồng xây dựng là văn bản có giá trị pháp lý ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng phải có trách nhiệm thực hiện các điều khoản đã ký, là căn cứ để thanh toán và phân xử các tranh chấp trong quan hệ hợp đồng.

Tuỳ theo từng qui mô, tính chất của loại công trình, loại công việc, các mối quan hệ của các bên mà đó có thể là Hợp đồng tư vấn, Hợp đồng thi công xây dựng, hay Hợp đồng tổng thầu xây dựng. Đối với từng loại hợp đồng, Bên giao thầu và bên nhận thầu có thể thỏa thuận về giá hợp đồng và phương thức thanh toán theo hình thức Hợp đồng theo giá trọn gói; Hợp đồng theo đơn giá cố định; Hợp đồng theo giá điều chỉnh; Hợp đồng kết hợp các loại giá trên.

Bên cạnh những hướng dẫn về khối lượng công việc, giá hợp đồng, tạm ứng hợp đồng, thanh toán và hồ sơ thanh toán hợp đồng, thì thời gian và tiến độ thực hiện cũng phải ghi rõ trong hợp đồng. Trường hợp Bên giao thầu ký nhiều hợp đồng với Bên nhận thầu để thực hiện các công việc xây dựng thì tiến độ của các hợp đồng phải phối hợp để thực hiện được tổng tiến độ dự án. Các Bên của hợp đồng phải thiết lập phụ lục phần không tách rời của hợp đồng để ghi rõ yêu cầu về tiến độ đối với từng loại công việc phải thực hiện. **(TT số 02/2005/TT-BXD ngày 25/02/2005).**

58. **Hợp đồng thuê đất phải áp dụng giá đất do UBND cấp tỉnh công bố hàng năm:** Kể từ ngày 01/01/2005, các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng/được ký trước ngày 01/7/2004 phải áp dụng giá đất theo khung giá do UBND cấp tỉnh công bố hàng năm. Theo CV số 536 TCT/TS ngày 23/02/2005 của BTC, sau khi hết thời hạn đã trả trước tiền thuê đất cho một số năm, các hợp đồng thuê đất trả tiền trước sẽ bị tính lại giá thuê đất theo giá mới do UBND cấp tỉnh ban hành (không bị giới hạn bởi mức tăng tối đa 15%) và phải chuyển sang hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. **(CV số 536 TCT/TS ngày 23/02/2005).**

59. **Sửa đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S:** Bộ Thương mại ra QĐ số 0244/2005/QĐ-BTM ngày 17/02/2005, sửa đổi Điều 1 Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ Mẫu S của Việt Nam cho hàng hoá để hưởng các ưu đãi thuế quan theo Hiệp định về Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa chính phủ Việt Nam và chính phủ Lào (đã được ban hành kèm theo QĐ số 0865/2004/QĐ-BTM ngày 29/06/2004).

Theo đó, Định nghĩa của Điều 1 được sửa đổi là: Giấy chứng nhận hàng hoá Mẫu S của Việt Nam (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận Mẫu S) là Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (viết tắt là C/O) do cơ quan có thẩm quyền được Bộ Thương mại uỷ quyền cấp cho hàng hoá Việt Nam để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định Hợp tác Kinh tế, Văn hoá, Khoa học Kỹ thuật giữa Chính phủ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã ký tại Hà Nội ngày 07/01/2005 (gọi tắt là Hiệp định Việt – Lào). **(QĐ số 0244/2005/QĐ-BTM ngày 17/02/2005).**

60. **Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình:** Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước kể cả các dự án thành phần, Nhà nước sẽ quản lý toàn bộ quá trình đầu tư xây dựng từ việc xác định chủ trương đầu tư, lập dự án, quyết định đầu tư, lập thiết kế, tổng dự toán, lựa chọn nhà thầu, thi công xây dựng đến khi nghiệm thu, bàn giao và đưa công trình vào khai thác sử dụng;

Đối với dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước thì Nhà nước chỉ quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư;

Đối với các dự án sử dụng vốn khác bao gồm cả vốn tư nhân, chủ đầu tư tự quyết định hình thức và nội dung quản lý dự án. Đối với các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thỏa thuận về phương thức quản lý hoặc quản lý theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ % lớn nhất trong tổng mức đầu tư.

Người có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do việc cấp giấy phép sai hoặc cấp giấy phép chậm. Trường hợp do cấp phép chậm mà người xin phép xây dựng khởi công công trình thì người có thẩm quyền cấp phép phải bồi thường thiệt hại cho người xin phép xây dựng khi công trình bị định chỉ xử phạt hành chính hoặc không phù hợp với quy hoạch xây dựng, bị buộc phải dỡ bỏ.

Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu nhà ở (có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt); các công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong không làm thay đổi kiến trúc, cấu trúc chịu lực và an toàn của công trình; công trình hạ tầng kỹ thuật quy mô nhỏ thuộc các xã vùng sâu vùng xa.

Việc xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trong vùng đã công bố quy hoạch xây dựng được duyệt nhưng chưa thực hiện (quy hoạch "treo") thì chỉ được cấp phép xây dựng tạm có thời hạn theo thời hạn thực hiện quy hoạch. Trường hợp xin cấp phép xây dựng tạm có thời hạn thì trong đơn xin cấp phép xây dựng còn phải có cam kết tự phá dỡ công trình khi Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng (**NĐ số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005**).

61. **Bỏ thủ tục phê duyệt Hợp đồng chuyển giao công nghệ:** Trước đây, một số hợp đồng chuyển giao công nghệ (HĐCGCN) từ nước ngoài vào Việt Nam bắt buộc phải được phê duyệt tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mới có hiệu lực. Tuy nhiên, theo NĐ số 11/2005/NĐ-CP ngày 02/02/2005 của CP, thủ tục phê duyệt HĐCGCN đã được xóa bỏ. Thay vào đó, các hợp đồng chỉ cần đăng ký tại Sở KH-CN địa phương (đối với Hợp đồng có giá trị dưới 1 tỷ đồng) hoặc tại Bộ KH-CN (đối với Hợp đồng có giá trị trên 1 tỷ đồng). Thời hạn đăng ký Hợp đồng là 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ. Quá 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ hợp lệ, nếu không có phản hồi từ cơ quan đăng ký, Hợp đồng sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày thứ 16 (**NĐ số 11/2005/NĐ-CP ngày 02/02/2005**).

62. **Bán đấu giá tài sản:** Mọi qui định về nguyên tắc, thủ tục bán đấu giá tài sản, người bán đấu giá tài sản và quản lý nhà nước đối với hoạt động bán đấu giá tài sản được Chính phủ qui định chi tiết tại NĐ số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005.

Theo đó, việc bán đấu giá tài sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, liên tục, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia. Người có tài sản bán đấu giá có quyền lựa chọn người bán đấu giá tài sản để uỷ quyền bán đấu giá tài sản. Và trong Nghị định có những hướng dẫn rất rõ ràng về hợp đồng uỷ quyền cũng như những nội dung ký kết hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá tài sản.

Giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá được xác định trước khi ký kết hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá tài sản hoặc chuyển giao tài sản để bán đấu giá, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có qui định khác. Trong đó, đối với tài sản bán đấu giá là tài sản nhà nước thì giá khởi điểm do cơ quan tài chính hoặc Hội đồng định giá của Nhà nước xác định theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; Đối với các loại tài sản bán đấu giá không phải là tài sản nhà nước thì giá khởi điểm do người có tài sản bán đấu giá tự xác định hoặc uỷ quyền cho người bán đấu giá tài sản hoặc người thứ 3 xác định. Và khi đó, người bán đấu giá tài sản phải thông báo cho người uỷ quyền về giá khởi điểm trước khi thông báo công khai việc bán đấu giá (**NĐ số 05/NĐ-CP ngày 18/01/2005**).

63. **Mỗi doanh nghiệp chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá đất:** Một doanh nghiệp chỉ được cử một đơn vị tham gia đấu giá quyền sử dụng đất. Theo đó, nếu Tổng Công ty (Công ty) đứng tên đăng ký tham gia đấu giá đất thì các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc không được phép tham gia (**CV số 15371TC/QLCS ngày 27/12/2004**).

64. **Cảng biển có thể thực hiện dịch vụ trung chuyển container:** Các cảng biển Việt Nam có đủ cơ sở hạ tầng và thiết lập được khu vực trung chuyển container riêng có thể làm thủ tục tại Bộ Thương mại, Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải để được phép tiến hành thực hiện dịch vụ trung chuyển container (**TT số 08/2004/TTLT-BTM-BTC-BGTVT ngày 17/12/2004**).

Tỷ giá liên ngân hàng giữa VND và USD từ tháng 01/2005 đến tháng 06/2005

Tháng 6/2005				Tháng 5/2005			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/06	15.187	16/06	15.833	01/05	15.794	18/05	15.800
02/06	15.825	17/06	15.840	04/05	15.799	19/05	15.804
03/06	15.820	18/06	15.835	05/05	15.805	20/05	15.809
05/06	15.810	21/06	15.830	06/05	15.810	21/05	15.805
07/06	15.813	22/06	15.826	07/05	15.807	24/05	15.801
08/06	15.821	23/06	15.831	10/05	15.801	25/05	15.809
09/06	15.824	24/06	15.825	11/05	15.806	26/05	15.814
10/06	15.819	25/06	15.822	12/05	15.798	27/05	15.811
11/06	15.826	28/06	15.817	13/05	15.795	28/05	15.816
14/06	15.832	29/06	15.826	14/05	15.799	30/05	15.816
15/06	15.828	30/06	15.816	17/05	15.805	31/05	15.812
Tháng 4/2005				Tháng 3/2005			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/04	15.779	16/04	15.790	01/03	15.770	16/03	15.770
02/04	15.784	19/04	15.797	02/03	15.766	17/03	15.768
05/04	15.792	20/04	15.803	03/03	15.772	18/03	15.772
06/04	15.802	21/04	15.794	04/03	15.767	22/03	15.778
07/04	15.795	22/04	15.791	05/03	15.771	23/03	15.782
08/04	15.788	23/04	15.785	08/03	15.768	24/03	15.779
09/04	15.782	26/04	15.793	09/03	15.773	25/03	15.787
12/04	15.786	27/04	15.800	10/03	15.767	26/03	15.780
13/04	15.780	28/04	15.804	11/03	15.765	29/03	15.786
14/04	15.789	29/04	15.794	12/03	15.762	30/03	15.790
15/04	15.786	30/04	15.794	15/03	15.766	31/03	15.785
Tháng 2/2005				Tháng 1/2005			
Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá	Ngày	Tỷ giá
01/02	15.758	18/02	15.745	01/01	15.739	17/01	15.741
02/02	15.762	19/02	15.750	03/01	15.746	18/01	15.746
03/02	15.756	22/02	15.759	04/01	15.746	19/01	15.741
04/02	15.760	23/02	15.761	05/01	15.754	20/01	15.749
05/02	15.755	24/02	15.757	06/01	15.750	21/01	15.753
12/02	15.758	25/02	15.760	07/01	15.742	22/01	15.747
15/02	15.753	26/02	15.765	08/01	15.735	24/01	15.747
16/02	15.755	27/02	15.765	10/01	15.735	25/01	15.740
17/02	15.749	28/02	15.765	11/01	15.737	26/01	15.748
				12/01	15.732	27/01	15.752
				13/01	15.739	28/01	15.746
				14/01	15.734	29/01	15.751
				15/01	15.741	31/01	15.751

Danh mục các văn bản mới từ tháng 01/2005 đến tháng 06/2005

Chính phủ

1. QĐ số 144/2005/QĐ-TTg (14/6/2005) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo QĐ số 02/2003/QĐ-TTg (2/1/2003) của Thủ tướng Chính phủ.
2. CT số 21/2005/CT-TTg (15/6/2005) về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về công tác đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn nhà nước và chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư xây dựng.
3. QĐ số 528/QĐ-TTg (14/6/2005) về việc phê duyệt danh sách các công ty cổ phần hoá thực hiện bán đấu giá cổ phần, niêm yết, đăng ký giao dịch tại các trung tâm giao dịch chứng khoán Việt Nam.
4. CT số 20/2005/CT-TTg (9/6/2005) về việc chủ động phòng, chống các vụ kiện thương mại nước ngoài.
5. ND số 74/2005/ND-CP (7/6/2005) về phòng, chống rửa tiền.
6. ND số 71/2005/ND-CP (6/6/2005) về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.
7. ND số 69/2005/ND-CP (26/5/2005) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của ND số 48/2001/ND-CP (13/8/2001) về tổ chức và Hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân.
8. QĐ số 444/QĐ-TTg (26/5/2005) về việc phê duyệt Đề án triển khai thực hiện Hiệp định hàng rào kỹ thuật trong thương mại.
9. ND số 65/2005/ND-CP (19/5/2005) về quy định về việc sửa đổi bổ sung một số điều của ND số 16/2001/ND-CP (2/5/2001) về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính.
10. ND số 63/2005/ND-CP (16/5/2005) về ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế.
11. QĐ số 59/2005/ND-CP (4/5/2005) về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.
12. QĐ số 384/QĐ-TTg (11/5/2005) về việc thay đổi thành viên Hội đồng khuyến khích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.
13. QĐ số 98/2005/QĐ-TTg (9/5/2005) về việc phê duyệt Phương án điều chỉnh sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước trực thuộc Bộ Quốc phòng.
14. QĐ số 96/2005/QĐ-TTg (6/5/2005) về việc điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
15. QĐ số 95/2005/QĐ-TTg (6/5/2005) về việc điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải trong 2/2005-2006.
16. QĐ số 94/2005/QĐ-TTg (5/5/2005) về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
17. QĐ số 93/2005/QĐ-TTg (5/5/2005) về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.
18. CV số 2432/VPCP-ĐMDN (10/5/2005) về việc chuyển công ty TNHH 1 TV thành công ty cổ phần và bán tiếp phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần.
19. ND số 53/2005/ND-CP (19/4/2005) về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật khiếu nại, tố cáo và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại tố cáo.
20. QĐ số 86/2005/QĐ-TTg (22/4/2005) về việc điều chỉnh đề án sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước trực thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam.
21. ND số 54/2005/ND-CP (19/4/2005) về chế độ thôi việc, chế độ bồi thường chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức.
22. QĐ số 85/2005/QĐ-TTg (21/4/2005) về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
23. QĐ số 80/2005/QĐ-TTg (18/4/2005) về việc ban hành Quy chế giám sát đầu tư của công đồng.
24. QĐ số 78/2005/QĐ-TTg (14/4/2005) về phê duyệt phương án điều chỉnh sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.
25. CV số 458/TTg-CN (20/4/2005) về cơ chế quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài theo ND số 07/2003/ND-CP.
26. CV số 1955/VPCP-ĐMDN (15/4/2005) về điều chỉnh phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng cục du lịch.
27. ND số 45/2005/ND-CP (06/04/2005) về việc tổ chức hoạt động của thanh tra xây dựng
28. QĐ số 74/2005/QĐ - TTg (08/04/2005) về việc sử dụng tiền chuyển quyền sử dụng đất, tiền bán xương và các công trình khác khi tổ chức kinh tế khi phải di dời trụ sở, cơ quan sản xuất, kinh doanh theo quy hoạch.
29. QĐ số 71/2005/QĐ-TTg (5/4/2005) về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm.
30. QĐ số 68/2005/QĐ-TTg (4/4/2005) về việc phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.
31. QĐ số 59/2005/QĐ-TTg (23/3/2005) về việc ban hành quy chế quản lý tài chính đối với Quỹ hỗ trợ phát triển.
32. QĐ số 58/2005/QĐ-TTg (23/3/2005) về việc phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.
33. CV số 567/BNV-CCVC (17/3/2005) về xét chuyển ngạch cán sự, chuyên viên hoặc tương đương.

34. CV số 784 LĐTĐXH-TL (22/3/2005) về quy chế trả lương trong công ty nhà nước.
35. ND số 37/2005/ND-CP (18/3/2003) về quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành QĐ xử phạt vi phạm hành chính.
36. ND số 35/2005/ND-CP (17/3/2003) về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức.
37. ND số 34/2005/ND-CP (17/3/2003) về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước.
38. ND số 32/2005/ND-CP (14/3/2005) về quy chế cửa khẩu biên giới đất liền.
39. ND số 31/2005/ND-CP (11/3/2005) về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
40. ND số 29/2005/ND-CP (10/3/2005) về quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
41. ND số 28/2005/ND-CP (9/3/2005) về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam
42. QĐ số 50/2005/QĐ-TTg (11/3/2005) về việc thành lập và ban hành quy chế hoạt động khu kinh tế Dung Quyết, tỉnh Quảng Ngãi.
43. CV số 253 TTg-ĐMDN (11/3/2005) về chuyển Công ty chế biến XNK nông sản thực phẩm sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ công ty con.
44. CV số 1190 VPCP-ĐMDN (11/3/2005) về bán Công ty Đầu tư và Xây dựng 568.
45. ND số 27/2005/ND-CP (8/3/2005) về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thủy sản.
46. ND số 26/2005/ND-CP (2/3/2005) về hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự.
47. ND số 21/2005/ND-CP (1/3/2005) về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.
48. QĐ số 47/2005/QĐ-TTg (7/3/2005) về việc phê duyệt Đề án chuyển Tổng công ty Thương mại Sài Gòn sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con.
49. QĐ số 46/2005/QĐ-TTg (3/3/2005) về việc điều chỉnh Danh mục hàng nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan.
50. QĐ số 44/2005/QĐ-TTg (2/3/2005) về phê duyệt Chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm/2005.
51. QĐ số 43/2005/QĐ-TTg (2/3/2005) về phê duyệt Đề án thành lập Tổng công ty Viễn thông quân đội.
52. QĐ số 41/2005/QĐ-TTg (2/3/2005) về ban hành quy chế về cấp giấy phép nhập khẩu hàng hoá.
53. Thông báo số 39/TB-VPCP (8/3/2005) về ý kiến kết luận của Phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại cuộc họp về bổ sung phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp và các tổng công ty nhà nước ngành công nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.
54. ND số 20/2005/ND-CP (28/2/2005) về bổ sung danh mục dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo ND số 106/2004/ND-CP.
55. ND số 19/2005/ND-CP (28/2/2005) về quy định điều kiện thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm.
56. ND số 18/2005/ND-CP (24/2/2005) về quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức bảo hiểm tương hỗ.
57. QĐ số 39/2005/QĐ-TTg (28/2/2005) về hướng dẫn thi hành Điều 121 của Luật Xây dựng.
58. QĐ số 37/2005/QĐ-TTg (28/2/2005) về việc phê duyệt bổ sung phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp.
59. ND số 16/2005/ND-CP (7/2/2005) về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
60. QĐ số 35/2005/QĐ-TTg (22/2/2005) về việc thành lập khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang.
61. CV số 829 VPCP-VX (23/2/2005) về thực hiện chính sách, pháp luật lao động và đời sống trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.
62. CV số 829/VPCP-VX (23/2/2005) về việc thực hiện chính sách, pháp luật lao động và đời sống trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.
63. ND số 16/2005/ND-CP (07/02/2005) quy định chi tiết việc quản lý dự án đầu tư xây dựng.
64. ND số 14/2005/ND-CP (4/2/2005) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thông kê.
65. ND số 13/2005/ND-CP (3/2/2005) về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN cho các năm 2005-2013.
66. ND số 11/2005/ND-CP (2/2/2005) về quy định chi tiết về chuyển giao công nghệ (sửa đổi).
67. ND số 08/2005/ND-CP (24/1/2005) về quy hoạch xây dựng.
68. ND số 06/2005/ND-CP (19/1/2005) về việc lập và hoạt động của văn phòng đại diện của các tổ chức hợp tác, nghiên cứu của nước ngoài tại Việt Nam.
69. ND số 05/2005/ND-CP (18/1/2005) về bán đấu giá tài sản.
70. QĐ số 28/2005/QĐ-TTg (1/2/2005) về ban hành quy chế thống nhất quản lý các hoạt động đối ngoại của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
71. QĐ số 19/2005/QĐ-TTg (24/1/2005) về phê duyệt danh mục dự án phát triển thương mại vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ đến năm 2010.
72. CV số 2076 TC/TCT (21/2/2005) về thuế TNCN.
73. CV số 2079 TC/TCT (22/2/2005) về chính sách phân loại hàng hoá nhập khẩu.

74. CV số 2184 TC/CST (24/2/2005) về việc khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu sau đó tái xuất.
75. CV số 2213 TC/CST (24/2/2005) về thuế GTGT đối với hoạt động gia công xuất khẩu chuyển tiếp.
76. ☞ND số 04/2005/NĐ-CP (11/1/2005) về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về khiếu nại, tố cáo về lao động.
77. QĐ số 12/2005/QĐ-TTg (13/1/2005) về phê duyệt Đề án bổ sung sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam đến năm 2005.
78. QĐ số 11/2005/QĐ-TTg (12/1/2005) về ban hành Quy chế khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.
79. NĐ số 04/2005/NĐ-CP (11/1/2005) về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về khiếu nại, tố cáo về lao động.
80. QĐ số 08/2005/QĐ-TTg (10/1/2005) về việc phê duyệt phương án sắp xếp doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam giai đoạn 2005-2006.
81. ☞QĐ số 215/2004/QĐ-TTg (29/12/2004) về việc bán giá điện.
82. QĐ số 1471/QĐ-TTg (27/12/2004) phê duyệt kế hoạch kiểm toán năm 2005 của Kiểm toán Nhà nước.

Bộ Tài chính

1. ☞TT số 45/2005/TT-BTC (6/6/2005) về hướng dẫn thực hiện NĐ số 78/2003/NĐ-CP (1/7/2003, NĐ số 151/2004/NĐ-CP (5/8/2004, NĐ số 213/2004/NĐ-CP (24/12/2004, NĐ số 13/2005/NĐ-CP (3/2/2005) của Chính phủ về ban hành Danh mục hàng hoá và thuật ngữ của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN.
2. TT liên tịch số 43/2005/TT-BTC (2/6/2005) về hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và thu Ngân sách nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.
3. ☞QĐ số 32/2005/QĐ-BTC (31/5/2005) về việc sử đổi, bổ sung Quy chế cấp, sử dụng và quản lý Thẻ thẩm định viên về giá ban hành kèm theo QĐ số 21/2004/QĐ-BTC (24/2/2004 và Quy chế thi tuyển, cấp Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán ban hành kèm theo QĐ số 59/2004/QĐ-BTC (9/7 của Bộ trưởng BTC.
4. QĐ số 31/2005/QĐ-BTC (27/5/2005) về việc bổ sung danh mục dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước.
5. QĐ số 30/2005/QĐ-BTC (26/5/2005) về việc ban hành chế độ mở và sử dụng tài khoản tại kho bạc Nhà nước.
6. QĐ số 1712/QĐ-BTC (25/5/2005) về việc ban hành chế độ báo cáo giá cả thị trường.
7. CV số 6232 TC/QLCS (26/5/2005) về chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá.
8. CV số 1679 TCT/TNCN (2/6/2005) về nộp thuế TNCN.
9. ☞TT số 38/2005/TT-BTC (18/05/2005) về hướng dẫn trình tự, thủ tục, xử lý tài chính khi thành lập mới, tổ chức lại và giải thể công ty nhà nước.
10. ☞CV số 5969 TC-TCT (18/05/2005) về hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với chủ dự án ODA.
11. CV số 5833 TC-CST (16/05/2005) về việc phương án thuế đối với linh kiện và phụ tùng ô tô.
12. TT số 37/2005/TT-BTC (16/5/2005) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 56/2004/TT-BTC (14/6/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính thực hiện tổ chức lại sản xuất và chuyển đổi sở hữu đối với các công ty, nhà máy đường.
13. ☞TT số 34/2005/TT-BTC (16/5/2005) về hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chuyển giao tài sản nhà nước để bán đấu giá.
14. QĐ số 28/2005/QĐ-BTC (13/5/2005) về ban hành Biểu mức thu phí, lệ phí cấp phép và quản lý tên miền, địa chỉ Internet ở Việt Nam.
15. ☞QĐ số 27/2005/QĐ-BTC (13/5/2005) về quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản.
16. QĐ số 26/2005/QĐ-BTC (13/5/2005) về việc ban hành Quy chế tài chính về quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động.
17. ☞TT số 32/2005/TT-BTC (26/4/2005) về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của các nước cho các Hội.
18. ☞TT số 29/2005/TT-BTC (14/4/2005) về hướng dẫn quy chế công khai tài chính của doanh nghiệp nhà nước.
19. QĐ số 25/2005/QĐ-BTC (27/4/2005) về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành.
20. TT số 31/2005/TT-BTC (20/4/2005) về việc sửa đổi, bổ sung TT số 32/2004/TT-BTC (12/4/2005) hướng dẫn thực hiện việc phát hành trái phiếu Chính phủ qua hệ thống Kho bạc nhà nước.
21. ☞TT số 23/2005/TT-BTC (30/3/2005) về hướng dẫn kế toán thực hiện sáu chuẩn mực kế toán ban hành theo QĐ số 234/2003/QĐ-BTC (30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
22. ☞QĐ số 24/2005/QĐ-BTC (18/4/2005) về việc ban hành 3 tiêu chuẩn thẩm định giá.
24. TT số 24/2005/TT-BTC (01/04/2005) về việc hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo QĐ số 180/2002/QĐ-TTg (19/12/2002).
25. QĐ số 21/2005/QĐ-BTC (7/4/2005) về sửa đổi, bổ sung Quy chế đấu thầu, mua, bán hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo QĐ số 31/2004/QĐ-BTC (16/4/2004).
26. QĐ số 20/2005/QĐ-BTC (7/4/2005) về ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

27. CV số 4126 TC/TCĐN (8/4/2005) về hướng dẫn bổ sung một số vấn đề tài chính khi thực hiện cổ phần hoá.
28. QĐ số 19/2005/QĐ-BTC (1/4/2005) về việc bổ sung Danh mục dự án vay vốn tín dụng đầu tư phát triển Nhà nước.
29. QĐ số 988/QĐ-BTC (28/3/2005) về ban hành Chế độ kế toán Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.
30. CV số 3514 TC-TCĐN (28/3/2005) về tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 4/2005.
31. QĐ số 18/2005/QĐ-BTC (31/3/2005) về việc quy định thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng đèn hình phẳng Trinitron theo cơ cấu AICO.
32. QĐ số 17/2005/QĐ-BTC (29/3/2005) về giá định hướng bán xăng dầu năm 2005.
33. QĐ số 16/2005/QĐ-BTC (28/3/2005) về điều chỉnh Danh mục hàng hoá và thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng hạn ngạch thuế quan.
34. CV số 3623 TC-TCHQ (30/3/2005) về xử lý phạt chậm nộp thuế nguyên liệu sản xuất - xuất khẩu.
35. CV số 3545 TC-CST (28/3/2005) về miễn thuế TNDN đối với sản phẩm chế thử là ô tô, phụ tùng linh kiện ô tô.
36. TT số 21/2005/TT-BTC (22/3/2003) về hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.
37. TT số 20/2005/TT-BTC (16/3/2003) về quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
38. CV số 3276 TC/TCHQ (22/3/2003) danh mục hàng nhập khẩu được ưu đãi về thuế NK.
39. CV số 2925 TC/TCT (14/3/2003) về thuế đối với hoạt động báo chí.
40. CV số 2818 TC/TCĐN (10/3/2003) về nộp báo cáo năm 2004.
41. CV số 2458 TC/CST (3/3/2003) về triển khai phương án thuế đối với linh kiện và phụ tùng ô tô.
42. QĐ số 15/2005/QĐ-BTC (17/3/2005) về việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng linh kiện, phụ tùng điện tử.
43. QĐ số 14/2005/QĐ-BTC (17/3/2005) về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
44. CV số 2932 TC/CST (15/3/2005) về đối tượng áp dụng TT số 118/2003/TT-BTC.
45. TT số 18/2005/TT-BTC (8/3/2005) về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 119/2003/TT-BTC (12/12/2003) hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP (4/12/2003) quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.
46. QĐ số 13/2005/QĐ-BTC (8/3/2005) về việc thực hiện cam kết tại Thỏa thuận giữa Chính phủ nước CHXHCNVN và Cộng đồng Châu Âu về tiếp cận thị trường và Hiệp định về thương mại Hàng dệt, may ký giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cho năm 2005.
47. CV số 2828 TC/TCHQ (11/3/2005) về xử lý thuế nhập khẩu đối với hàng NK theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước.
48. CV số 2760 TC/TCHQ (10/3/2005) về xử lý hoàn thuế.
49. CV số 2606 TC/TCHQ (7/3/2005) về thanh khoản thuế nguyên liệu SXKK.
50. CV số 2605 TC/TCHQ (7/3/2005) về áp dụng chính sách thuế đối với sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để phục vụ hợp đồng gia công và SXKK.
51. CV số 2499 TC/TCĐN (4/3/2005) về thực hiện TT số 126/2004/TT-BTC (24/12/2004).
52. TT số 17/2005/TT-BTC (3/3/2005) về sửa đổi một số điểm của TT số 63/2004/TT-BTC (28/6/2004) của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định số 106/2004/NĐ-CP (1/4/2004) về tín dụng đầu tư phát triển nhà nước.
53. TT số 14/2005/TT-BTC (16/2/2005) về hướng dẫn thi hành Nghị định số 138/2004/NĐ-CP (17/6/2004) quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.
54. Thông tư liên tịch số 13/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH (7/2/2005) về hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn và xếp lương kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các tổ chức hoạt động kinh doanh.
55. QĐ số 12/2005/QĐ-BTC (15/2/2005) về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4).
56. CV số 2547 TC-TCHQ (4/3/2005) về xử lý thuế đối với hàng xăng dầu TN-TX.
57. CV số 2503 TC-TCT (4/3/2005) về chứng từ thanh toán đối với hợp đồng xuất khẩu thanh toán trả chậm.
58. CV số 2388 TC-TCHQ (1/3/2005) về xử lý phạt chậm nộp thuế.
59. CV số 2250 TC-CST (25/2/2005) về hướng dẫn thực hiện về việc nộp phí, lệ phí thú y.
60. QĐ số 11/2005/QĐ-BTC (4/2/2005) về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
61. QĐ số 10/2005/QĐ-BTC (02/02/2005) công bố danh sách thành viên bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2005.
62. QĐ số 08/2005/QĐ-BTC (20/1/2005) về quy định chế độ thu, nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
63. QĐ số 07/2005/QĐ-BTC (18/1/2005) về quy định mức thu, việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện áp dụng tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
64. QĐ số 06/2005/QĐ-BTC (18/1/2005) về việc ban hành quy chế tính giá tài sản, hàng hoá, dịch vụ.
65. QĐ số 335/QĐ-BTC (27/01/2005) về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2005.
66. QĐ số 233/QĐ-BTC (20/1/2005) về ban hành quy định Chế độ kế toán áp dụng tạm thời cho Công ty mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp.

90. TT số 12/2005/TT-BTC (4/2/2005) về sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 81/2004/TT-BTC (13/8/2004 của BTC hướng dẫn thi hành ND số 147/2004/ND-CP ngày 23/7/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.
91. TT số 10/2005/TT-BTC (02/02/2005) hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.
92. TT số 09/2005/TT-BTC (28/1/2005) hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2004-2008.
93. CV số 1549 TC/TCNH (4/2/2005) về vay vốn tín dụng ĐTPT của nhà nước đối với dự án xi măng.
94. CV số 1373 TC/TCHQ (02/02/2005) về dự thảo quyết định của Bộ Tài chính về việc ban hành qui định về thủ tục hải quan đối với loại hình nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.
95. TT số 06/2005/QĐ-BTC (14/1/2005) về hướng dẫn việc áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% và hoàn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu sang Campuchia thu ngoại tệ do chuyển đổi tiền mặt.
96. QĐ số 05/2005/QĐ-BTC (18/1/2005) về thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xe máy nhập khẩu có nguồn gốc từ EU.
97. QĐ số 04/2005/QĐ-BTC (18/1/2005) về sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng rượu nhập khẩu.
98. QĐ số 02/2005/QĐ-BTC (12/1/2005) về việc bãi bỏ lệ phí hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU và Canada.
99. TT số 05/2005/TT-BTC (11/1/2005) về hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.
100. TT số 03/2005/TT-BTC (6/1/2005) về hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính.
101. TT số 133/2004/TT-BTC (31/12/2004) về hướng dẫn thực hiện hiệp định tránh đánh thuế hai lần đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam và các nước có hiệu lực thi hành tại Việt Nam.
102. TT số 132/2004/TT-BTC (30/12/2004) về hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.
103. TT số 126/2004/TT-BTC (24/12/2004) về hướng dẫn thực hiện ND số 187/2004/ND-CP (16/11/2004 của Chính phủ về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần).
104. QĐ số 01/2005/QĐ-BTC (5/1/2005) về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.
105. TT số 01/2005/TT-BTC (04/12/2004) về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phép, thay đổi nội dung giấy phép, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký hoạt động chi nhánh của trung tâm trọng tài và lệ phí toà án liên quan đến trọng tài.
106. TT số 130/2004/TT-BTC (29/12/2004) về việc hướng dẫn thi hành một số điều của ND số 161/2004/ND-CP (7/9/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán).
107. TT số 128/2004/TT-BTC (27/12/2004) về việc sửa đổi TT số 88/2004/TT-BTC (01/09/2004 của Bộ Tài chính về mẫu tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn lập tờ khai tự quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp).
108. TT số 127/2004/TT-BTC (27/12/2004) về việc sửa đổi TT số 127/2003/TT-BTC (22/12/2003 và TT số 84/2004/TT-BTC (18/8/2004 của Bộ Tài chính về mẫu tờ khai và hướng dẫn lập tờ khai thuế GTGT).
109. QĐ số 01/2005/TT-BTC (5/1/2005) về việc sửa đổi thuế suất thuế nhập khẩu của một số mặt hàng thuộc nhóm 2710 trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi.

Bộ Thương mại

1. QĐ số 1318/2005/QĐ-BTM (29/4/2005) về việc bãi bỏ QĐ số 0971/2004/QĐ-BTM (14/7/2004) của Bộ trưởng Bộ Thương mại; tạm ngừng việc tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu đồ gỗ thành phẩm và điều kiện nhập khẩu bán thành phẩm đồ gỗ để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu.
2. CV 0415 TM-DM (1/4/2005) về hướng dẫn xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU.
3. QĐ số 04/2005/TT-BTM (24/3/2005) về việc điều chỉnh Danh mục hàng hoá nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan/2005) (bổ sung, sửa đổi TT số 10/2004/TT-BTM (27/12/2004).
4. TB số 0408/TM-DM (1/4/2005) về việc điều chỉnh số liệu phân giao hạn ngạch thành tích đợt II.
5. TB số 0393/TM-DM (29/3/2005) về việc chuyển đổi hạn ngạch giữa các chủng loại hàng dệt may XK sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005 đợt 5 và 6.
6. TB số 0385/TM-DM (29/3/2005) về việc điều chỉnh số liệu phân giao hạn ngạch thành tích đợt II.
7. TB số 0374/TM-DM (29/3/2005) về việc phân giao hạn ngạch 5 chủng loại hàng (cat.) 333, 434, 435, 440 và 448 xuất khẩu dệt may sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005.
8. TB số 0367/TM-DM (28/3/2005) gửi phòng quản lý xuất nhập khẩu khu vực.
9. TB số 0362/TM-DM (28/3/2005) về việc điều chỉnh số liệu phân giao hạn ngạch thành tích đợt II.
10. QĐ số 0336 QĐ-BTM (8/3/2005) về ban hành quyết định của Bộ Thương mại uỷ quyền cho các phòng quản lý XNK cấp phép hàng hoá của CHND Trung Hoa quá cảnh lãnh thổ CNXHCN Việt Nam.
11. CV số 0328 TM-DM (17/3/2005) về chuyển đổi hạn ngạch sang cat nóng 338/339.

12. CV số 0325 TM-DM (16/3/2005) về thu hồi hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ/2005.
13. CV số 0321 TM-DM (14/3/2005) về chuyển đổi hạn ngạch giữa các chủng loại hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ/2005 đợt 4.
14. CV số 0319 TM-DM (11/3/2005) về phân giao hạn ngạch ưu tiên cho thương nhân liên kết chuỗi và thương nhân đầu tư mới các dự án dệt, nhuộm làm hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ/2005 theo Thông tư liên tịch số 04/2004/TTLT/BTM/BCN (28/7/2004) và BCN.
15. CV số 0311 TM-DM (10/3/2005) về thu hồi hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ/2005.
16. QĐ số 0244/2005/QĐ-BTM (17/2/2005) về việc sửa đổi quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu S của Việt Nam cho hàng hoá để hưởng các ưu đãi thuế quan theo Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào ban hành kèm theo QĐ số 0865/2004/QĐ-BTM (29/6/2004).
17. TB số 0301/TM-DM (9/3/2005) về nguyên tắc phân giao hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ căn cứ vào thành tích xuất khẩu của thương nhân đợt II/2005.
18. TB số 0298/TM-DM (7/3/2005) về chuẩn xác lại hạn ngạch tiêu chuẩn khách hàng lớn.
19. TB số 0294/TM-DM (4/3/2005) về chuyển đổi giữa các chủng loại hàng hạn ngạch dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005.
20. TB số 0289/TM-DM (3/3/2005) về hướng dẫn hồ sơ cấp phép xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ, EU và Thổ Nhĩ Kỳ.
21. TB số 0284/TM-DM (2/3/2005) về chuyển đổi giữa các chủng loại hàng hạn ngạch dệt may XK sang thị trường Hoa Kỳ/2005.
22. TB số 0275/TM-DM (4/3/2005) về cấp bổ sung số lượng nhỏ và ứng trước hạn ngạch thành tích xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đợt II/2005.
23. CV số 0262 TM-DM (24/2/2005) về việc sửa đổi Mục 5 của TT số 0225/TM-DM (16/2/2005) về phân giao hạn ngạch đối với một số thương nhân liên quan đến vụ việc Bộ công an đang tiến hành điều tra.
24. CV số 0765 TM-PC (21/2/2005) về việc cập nhật các quy định về cấp giấy chứng nhận xuất xứ để được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi và Danh sách các nước và vùng lãnh thổ đã có thoả thuận đối xử tối huệ quốc và ưu đãi đặc biệt trong quan hệ thương mại với Việt Nam.
25. CV số 0246 TM-DM (21/2/2005) về ứng trước hạn ngạch thành tích đợt II/2005 và giao bổ sung hạn ngạch cho các thương nhân xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 1 và tháng 2/2005 (lần thứ 5).
26. CV số 0240 TM-DM (18/2/2005) về chuyển đổi giữa các chủng loại hàng hạn ngạch dệt may XK sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005.
27. QĐ số 0151/2005/QĐ-BTM (27/1/2005) về việc ban hành sửa đổi, bổ sung quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá của Việt Nam - mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA).
28. CV số 0233 TM-DM (16/2/2005) về bổ sung danh sách, địa chỉ các Phòng quản lý XNK khu vực tại Phụ lục II kèm theo TB số 6494 TM-XNK (24/12/2004) của Bộ Thương mại hướng dẫn xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường EU.
29. CV số 0219 TM-DM (16/2/2005) về việc thương nhân đăng ký hạn ngạch không theo các tiêu chí.
30. CV số 0217 TM-DM (15/2/2005) về việc ngừng cấp Giấy phép xuất khẩu (E/L) tự động đối với mặt hàng vải tổng hợp (Cat.35) xuất khẩu sang thị trường Thổ Nhĩ Kỳ năm 2005.
31. CV số 0213 TM-DM (4/2/2005) về thủ tục cấp Visa hạn ngạch tiêu chuẩn khách hàng lớn Hoa Kỳ năm 2005.
32. CV số 0197 TM-DM (4/2/2005) về cấp bổ sung số lượng nhỏ và ứng trước hạn ngạch thành tích xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đợt II/2005).
33. CV số 0193 TM-DM (2/2/2005) về chuyển đổi giữa các chủng loại hàng hạn ngạch dệt may XK sang thị trường Hoa Kỳ/2005).
34. CV số 0189 TM-DM (1/2/2005) về ứng trước hạn ngạch thành tích xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đợt II năm 2005).
35. CV số 0186 TM-DM (1/2/2005) về hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ/2005).
36. CV số 0173 TM-DM (27/1/2005) về việc thương nhân đăng ký hạn ngạch không theo các tiêu chí.
37. CV số 0158 TM-DM (27/1/2005) về cấp bổ sung số lượng nhỏ và ứng trước hạn ngạch thành tích xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đợt II/2005).
38. CV số 0152 TM-DM (26/1/2005) về thủ tục cấp visa hạn ngạch tiêu chuẩn khách hàng lớn Hoa Kỳ năm 2005.
39. CV số 0141 TM-DM (19/1/2005) về việc bãi bỏ lệ phí hạn ngạch hàng dệt, may sang thị trường EU và Canada.
40. CV số 0132 TM-DM (17/1/2005) về điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch thành tích xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ/2005).
41. CV số 0131 TM-DM (17/1/2005) về chuyển đổi giữa các chủng loại hàng hạn ngạch dệt may XK sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005.
42. TT số 01/2005/TT-BTM (6/1/2005) về hướng dẫn việc thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

43. QĐ số 0028/2005/QĐ-BTM (7/1/2005) về việc uỷ quyền phê duyệt thanh lý máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật tư, nguyên liệu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
44. QĐ số 0027/2005/QĐ-BTM (7/1/2005) về việc uỷ quyền phê duyệt kế hoạch nhập khẩu thành phẩm để kết hợp với sản phẩm xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
45. CV số 0103 TM-DM (14/1/2005) về cấp bổ sung số lượng nhỏ và ứng trước hạn ngạch thành tích xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đợt II/2005.
46. CV số 0063 TM-DM (11/1/2005) về TB thu hồi hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang Hoa Kỳ năm 2004.
47. CV số 0061 TM-DM (10/1/2005) về xuất khẩu hàng dệt may số lượng nhỏ sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005.
48. CV số 0043 TM-DM (5/1/2005) về việc giao hạn ngạch cho các thương nhân trong danh sách khuyến nghị của Hải quan Hoa Kỳ.
49. CV số 0025 TM-XNK (4/1/2005) về việc cấp bổ sung lượng nhỏ và ứng trước hạn ngạch thành tích xuất khẩu dệt may sang Hoa Kỳ đợt II năm 2005.
50. CV số 0005 TM-XNK (4/1/2005) về việc phân giao bổ sung hạn ngạch tiêu chuẩn khách hàng lớn Hoa Kỳ năm 2005.

Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

1. CV số 1791 LĐTĐBXH-TL (13/6/2005) về xếp lương đối với viên chức trong doanh nghiệp.
2. CV số 1746/LĐTĐBXH-CPCTNXH (8/6/2005) về chuyển xếp lương cũ sang lương mới trong công ty nhà nước.
3. CV số 1593/LĐTĐBXH-LĐVL (27/5/2005) về việc áp dụng hình thức kỷ luật sa thải.
4. CV số 1630 LĐTĐBXH-LĐVL (31/5/2005) về tiền lương làm căn cứ để tính trợ cấp thôi việc.
5. CV số 1551/LĐTĐBXH-TL (25/5/2005) về xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp trong công ty.
6. CV số 1550/LĐTĐBXH-TL (25/5/2005) về phân phối tiền lương và thu nhập.
7. CV số 1487/LĐTĐBXH-TL (19/5/2005) về hệ số điều chỉnh tăng thêm mức lương tối thiểu của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.
8. TT số 18/2005/TT-BLĐTBXH (11/5/2005) về sửa đổi, bổ sung TT số 19/2004/TT-BLĐTBXH (22/11/2004) hướng dẫn thi hành một số điều của NĐ số 41/2002/NĐ-CP (11/4/2002 của Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung tại NĐ số 155/2004/NĐ-CP (10/8/2004 về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.
9. CV số 1402 LĐTĐBXH-LĐVL (13/5/2005) về tiền tàu xe khi nghỉ phép.
10. CV số 1400 LĐTĐBXH-TL (13/5/2005) về vướng mắc trong chuyển xếp lương mới.
11. CV số 1380 LĐTĐBXH-TL (12/5/2005) về vướng mắc trong chuyển xếp lương mới.
12. CV số 1346 LĐTĐBXH-LĐVL (10/5/2005) về giải quyết một số vướng mắc trong quá trình thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.
13. CV số 1341 LĐTĐBXH-LĐVL (10/5/2005) về trợ cấp thôi việc.
14. CV số 1241 LĐTĐBXH-QLLĐNN (28/4/2005) về hướng dẫn xếp lương.
15. CV số 1162 LĐTĐBXH-LĐVL (21/4/2005) về xác định thời điểm bán cổ phần ưu đãi cho người lao động.
16. CV số 1148 LĐTĐBXH-TL (21/4/2005) về xếp doanh nghiệp hạng.
17. CV số 1133 LĐTĐBXH-BTXH (20/4/2005) về triển khai thực hiện chỉ thị số 12/2005/CT-TTg (8/4/2005) của TTCP.
18. CV số 1113 LĐTĐBXH-LĐVL (19/4/2005) về thực hiện pháp luật lao động.
19. TT số 15/2005/TT-BLĐTBXH (9/3/2005) về sửa đổi, bổ sung một số điểm của TT số 22/2003/TT-BLĐTBXH (13/10/2003) hướng dẫn về người lao động Việt Nam làm việc ở nước.
20. CV số 681 LĐTĐBXH-PC (14/3/2005) về bố trí thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.
21. CV số 651 LĐTĐBXH-TL (10/3/2005) về tiền lương làm thêm giờ.
22. CV số 530 LĐTĐBXH-TL (28/2/2005) về tạm ứng tiền lương/2005 đối với công ty nhà nước.
23. CV số 506 LĐTĐBXH-TL (24/2/2005) về phụ cấp chức vụ đối với một số chức danh lãnh đạo của các Chi nhánh ngân hàng thương mại.
24. CV số 353 BNV-TCCB (22/2/2005) về thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 16/2000/NQ-CP và Nghị quyết số 09/2003/NQ-CP.
25. CV số 489 LĐTĐBXH-LĐVL (23/2/2005) về tính thời gian hưởng chế độ.
26. CV số 489/LĐTĐBXH – LĐVL (23/02/2005) về thời gian hưởng chế độ đối với người tự đóng BHXH.
27. CV số 313 LĐTĐBXH-BHXX (01/2/2005) về tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.
28. TT số 12/2005/TT-BLĐTBXH (28/1/2005) về hướng dẫn một số điều của NĐ số 113/2004/NĐ-CP (16/4/2004) về quy định xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật lao động.
29. CV số 267 LĐTĐBXH-BHXX (27/1/2005) về chế độ đối với người bị tai nạn lao động
30. CV số 266 LĐTĐBXH-BHXX (27/1/2005) về đề nghị giải quyết chế độ BHXH đối với người tự ý xin thôi việc.
31. CV số 260 LĐTĐBXH-LĐVL (27/1/2005) về giải đáp pháp luật lao động.
32. CV số 105/2005/QLLĐNN-TTLD (21/1/2005) về danh sách các doanh nghiệp đã được cấp phép hoạt động xuất khẩu lao động.

33. TT số 11/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn việc điều chỉnh lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội theo ND số 208/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
34. TT số 10/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn thực hiện ND số 210/2004/NĐ-CP (20/12/2004 của Chính phủ qui định chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng).
35. TT số 09/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn tính năng suất lao động bình quân và tiền lương bình quân trong các công ty nhà nước theo ND số 206/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
36. TT số 08/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện ND số 207/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ trách nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc công ty nhà nước).
37. TT số 07/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn thực hiện ND số 206/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và thu nhập trong các công ty nhà nước).
38. TT số 06/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn phương pháp xây dựng định mức lao động trong các công ty nhà nước theo ND số 206/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
39. TT số 05/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động trong các công ty nhà nước theo ND số 205/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
40. TT số 04/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm trong các công ty nhà nước theo ND số 205/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
41. TT số 03/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc trong các công ty nhà nước theo ND số 205/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
42. TT số 01/2005/TT-BLĐTBXH (5/1/2005) về việc hướng dẫn chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và công nhân, viên chức, nhân viên trong các công ty nhà nước theo ND số 205/2004/NĐ-CP (14/12/2004 của Chính phủ).
43. CV số 4501/LĐTBXH-ATLĐ (24/12/2004) về việc thỏa thuận chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật.

Bộ nội vụ

1. TT số 06/2005/TT-BNV (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp lưu động đối với cán bộ, công chức, viên chức.
2. TT số 05/2005/TT-BNV (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức.
3. TT số 04/2005/TT-BNV (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức.
4. TT số 03/2005/TT-BNV (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức.
5. TT số 02/2005/TT-BNV (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với cán bộ, công chức, viên chức.
6. TT số 01/2005/TT-BNV (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Bộ Xây dựng

1. TT số 09/2005/TT-BXD (6/5/2005) về hướng dẫn một số nội dung về giấy phép xây dựng.
2. TT số 08/2005/TT-BXD (6/4/2005) về hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và xử lý chuyển tiếp thực hiện ND số 16/2005/NĐ-CP (7/2/2005) của Chính phủ.
3. TT số 06/2005/TT-BXD (15/4/2005) về hướng dẫn phương pháp xây dựng giá ca máy và thiết bị thi công.
4. QĐ số 15/2005/QĐ-BXD (25/4/2005) về việc ban hành Quy chế cấp chứng chỉ hành nghề Kiến trúc sư, Kỹ sư hoạt động xây dựng.
5. QĐ số 12/2005/QĐ-BXD (18/4/2005) về việc ban hành quy chế cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình.
6. TT số 04/2005/TT-BXD (1/4/2005) về việc hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dự án đầu tư xây dựng công trình.
7. TT số 03/2005/TT-BXD (4/3/2005) về hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản.
8. TT số 02/2005/TT-BXD (25/2/2005) về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Bộ Khoa học và Công nghệ

1. QĐ số 05/2005/QĐ-BKHCN (11/5/2005) về việc sửa đổi bổ sung QĐ số 28/2004/QĐ-BKHCN (1/10/2004) về phương pháp xác định tỷ lệ nội địa hoá đối với ô tô.
2. CV số 1866/CV-CLH (12/4/2005) về việc không áp dụng thuế nhập khẩu phối thép.

Bộ Công nghiệp

1. CV số 1696/QĐ-TCCB (9/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển xí nghiệp vận tải ô tô, xây lắp, dịch vụ đời sống của Công ty Dệt Nam Định thành công ty cổ phần dịch vụ - thương mại Dệt Nam Định.
2. CV số 1695/QĐ-TCCB (9/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển xí nghiệp May 1 của Công ty Dệt Nam Định thành Công ty cổ phần May 1 Dệt Nam Định.
3. CV số 1694/QĐ-TCCB (9/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cơ khí dệt may Thủ Đức thành công ty cổ phần cơ khí Thủ Đức.
4. CV số 1690/QĐ-TCCB (9/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Da Sài Gòn thành Công ty cổ phần Da Sài Gòn.
5. CV số 1689/QĐ-TCCB (9/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển xí nghiệp Việt Thái của Công ty Dây và cáp điện Việt Nam thành công ty cổ phần Việt Thái.
6. CV số 1664/QĐ-TCCB (9/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Rượu Bình Tây thành Công ty cổ phần Rượu Bình Tây.
7. CV số 1642/QĐ-TCCB (5/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Công nghiệp hoá chất Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Công nghiệp hoá chất Đà Nẵng.
8. CV số 1641/QĐ-TCCB (5/5/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Điện tử tin học viễn thông Nghệ An thành công ty cổ phần Điện tử - Tin học Viễn thông Nghệ An.
9. QĐ số 1547/QĐ-TCCB (29/4/2005) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dệt Phước Long thành Công ty cổ phần Sản xuất - Dịch vụ dệt may Phước Long.
10. QĐ số 1543/QĐ-TCCB (28/4/2005) về việc cổ phần hoá Công ty Dệt vải công nghiệp Hà Nội.
11. QĐ số 19/2005/QĐ-BCN (30/3/2005) về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Thác Bà thành Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
12. QĐ số 18/2005/QĐ-BCN (30/3/2005) về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi thành Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
13. QĐ số 17/2005/QĐ-BCN (30/3/2005) về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Thác Mơ thành Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
14. QĐ số 15/2005/QĐ-BCN (30/3/2005) về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Uông Bí thành Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
15. QĐ số 14/2005/QĐ-BCN (30/3/2005) về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa – Vũng Tàu thành Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
16. QĐ số 13/2005/QĐ-BCN (30/3/2005) về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Ninh Bình thành Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam.
17. QĐ số 09/2005/QĐ-BCN (4/3/2005) về việc chuyển Tổng công ty Giấy Việt Nam sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ- công ty con.
18. QĐ số 818/QĐ-TCCB (7/3/2005) về việc cổ phần hoá Công ty Sản xuất và Dịch vụ dệt may thuộc Viện Kinh tế Kỹ thuật dệt may.
19. QĐ số 816/QĐ-TCCB (7/3/2005) về việc cổ phần hoá Công ty May Bình Định.
20. QĐ số 816/QĐ-TCCB (7/3/2005) về việc cổ phần hoá Công ty Len Việt Nam.
21. QĐ số 815/QĐ-TCCB (7/3/2005) về việc cổ phần hoá Công ty Dệt Nha Trang.
22. QĐ số 814/QĐ-TCCB (7/3/2005) về việc cổ phần hoá Công ty dệt may Thành Công.

Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. TT số 01/2005/TT-BTNMT (13/4/2005) về hướng dẫn thực hiện một số điều của ND số 181/2004/ND-CP (29/10/2005) của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

Ngân hàng

1. TT số 03/2005/TT-NHNN (25/5/2005) hướng dẫn các công ty cho thuê tài chính thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn đối với hoạt động cho thuê tài chính.
2. QĐ số 493/2005/QĐ-NHNN (22/4/2005) về việc ban hành Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của các tổ chức tín dụng.
3. QĐ số 457/2005/QĐ-NHNN (19/4/2005) về việc ban hành "Quy chế về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng".
4. TT số 01/2005/TT-NHNN (10/3/2005) về hướng dẫn thi hành Nghị định số 202/2004/ND-CP (10/12/2004) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Liên bộ

1. TT liên tịch số 02/2005/TTLT/BKH-BTP-BNG-BCA (25/5/2005) về việc hướng dẫn việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài thường trú tại Việt Nam đầu tư theo ND số 51/1999/ND-CP (8/7/1999) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10.
2. TT liên tịch số 30/2005/TT-BTC (18/4/2005) về hướng dẫn việc luân chuyển hồ sơ của người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính.
3. TT liên tịch số 08/2005/TTLT/BTM-BNV (8/4/2005) về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về thương mại ở địa phương.
4. TT liên tịch số 07/2005/TTLT-BTM-BCN (1/4/2005) về bổ sung TT liên tịch số 04/2004/TTLT/BTM/BCN (28/7/2004) hướng dẫn việc giao và thực hiện hạn ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào thị trường Hoa Kỳ/2005.
5. TT liên tịch số 06/2005/TTLT-BTM-BCN (1/4/2005) về hướng dẫn thực hiện chuyển nhượng hạn ngạch hàng dệt may xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ năm 2005.
6. TT số 13/2005/TT-LĐTBXH (25/2/2005) về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 187/2004/ND-CP (16/1/2004) về chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần.
7. Thông tư liên tịch số 24/2005/TTLT-BNV-BTC (18/2/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu hưởng lương và phụ cấp từ nguồn kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước.
8. TTLT số 13/2005/TTLT-BTC-BLĐTBXH (7/02/2005) về hướng dẫn tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục bổ nhiệm, bãi miễn và xếp lương kế toán trưởng, phụ trách kế toán trong các tổ chức hoạt động kinh doanh.
9. Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT/BTP-BNV (24/1/2005) về hướng dẫn thi hành một số điều của ND số 122/2004/ND-CP (18/5/2004) quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và danh nghiệp Nhà nước.
10. Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-BQP-BTC (4/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với tổ chức, cá nhân được huy động phục vụ quốc phòng theo ND số 19/2002/ND-CP ngày 19/2/2002 của Chính phủ về huy động tiềm năng khoa học và công nghệ của Nhà nước phục vụ quốc phòng.
11. CV số 01/BCĐTLNN (13/1/2005) về triển khai thực hiện chế độ tiền lương mới.
12. TTLT số 11/2005/TT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBDT (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.
13. TTLT số 08/2005/TT-BNV-BTC (5/1/2005) về hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.
14. TTLT số 10/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC (5/1/2005) về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp thu hút.
15. TTLT số 22/2004/TTLT-BLĐTBXH-BCA (31/12/2004) về hướng dẫn thực hiện một số điều của ND số 135/2004/ND-CP (10/6/2004) của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.
16. TTLT số 41/2005/TTLT-BGD&ĐT-BTC-BLĐTBXH-BQP (31/12/2004) về hướng dẫn thực hiện một số chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên giáo dục quốc phòng.
17. TTLT số 02/2005/TT-BLĐTBXH-BNV (5/1/2005) về việc hướng dẫn chuyển xếp dẫn chuyển lương cũ sang lương mới đối với thành viên chuyên trách hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát và viên chức giúp việc hội đồng quản trị trong các công ty nhà nước theo ND số 205/2004/ND-CP ngày 24/12/2004 của chính phủ.

Tổng Cục thuế

1. CV số 1909 TCT/PCCS (17/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
2. CV số 1908 TCT/PCCS (17/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
3. CV số 1907 TCT/PCCS (17/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
4. CV số 1906 TCT/PCCS (17/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
5. CV số 1904 TCT/PCCS (17/6/2005) về việc hướng dẫn sử dụng hoá đơn.
6. CV số 1903 TCT/PCCS (17/6/2005) về việc trả lời chính sách thuế GTGT, thuế TNDN.
7. CV số 1902 TCT/PCCS (17/6/2005) về trả lời chính sách thuế.
8. CV số 1900 TCT/PCCS (17/6/2005) về việc chính sách miễn, giảm thuế.
9. CV số 1895 TCT/PCCS (17/6/2005) về giá tính thuế GTGT khi bán nhà và CQSD đất.
10. CV số 1894 TCT/PCCS (17/6/2005) về hình thức ban hành QĐ xử phạt nộp chậm tiền thuế, tiền phạt.
11. CV số 1884 TCT/DNK (16/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
12. CV số 1883 TCT/DNK (16/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
13. CV số 1882 TCT/DNK (16/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
14. CV số 1881 TCT/DNK (16/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
15. CV số 1880 TCT/PCCS (16/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
16. CV số 1878 TCT/DNK (16/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.

17. CV số 1874 TCT/DNK (16/6/2005) về việc kê khai thuế TNDN và chuyển lỗ.
18. CV số 1864 TCT/PCCS (15/6/2005) về chứng từ đối với tiền chi hoa hồng cho khách hàng.
19. CV số 1863 TCT/PCCS (15/6/2005) về việc xác định ngành nghề thuộc diện ưu đãi thuế.
20. CV số 1862 TCT/PCCS (15/6/2005) về thời gian xét miễn giảm thuế TNDN.
21. CV số 1860 TCT/TS (15/6/2005) về tỷ lệ(%) chất lượng còn lại làm căn cứ tính, thu LPTB tài sản.
22. CV số 1859 TCT/PCCS (15/6/2005) về ưu đãi đầu tư.
23. CV số 1849 TCT/TNCN (14/6/2005) về việc khấu trừ thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.
24. CV số 1843 TCT/DNK (14/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
25. CV số 1840 TCT/DNK (14/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
26. CV số 1839 TCT/DNK (14/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
27. CV số 1838 TCT/DNK (14/6/2005) về việc thuế GTGT chuyển giao tài sản.
28. CV số 1820 TCT/DNK (13/6/2005) về việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
29. CV số 1819 TCT/ĐTN (13/6/2005) về thuế đối với nhà thầu nước ngoài của dự án ODA.
30. CV số 1818 TCT/ĐTN (13/6/2005) về việc kê khai nộp thuế của nhà thầu nước ngoài.
31. CV số 1817 TCT/DNK (13/6/2005) về việc lập lại hoá đơn thuế GTGT.
32. CV số 1816 TCT/ĐTN (13/6/2005) về thuế môn bài đối với Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài.
33. CV số 1809/ TCT/PC-CS (13/6/2005) về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.
34. CV số 1808 TCT/ĐTN (13/6/2005) về việc thuế GTGT của nhà thầu phụ Việt Nam.
35. CV số 1806 TCT/ĐTN (13/6/2005) chính sách thuế GTGT.
36. CV số 1804 TCT/ĐTN (13/6/2005) về miễn giảm thuế TNDN.
37. CV số 1798 TCT/ĐTN (10/6/2005) về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá bị tịch thu.
38. CV số 1795 TCT/DNK (10/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
39. CV số 1794 TCT/DNK (10/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
40. CV số 1793 TCT/DNK (10/6/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.
41. CV số 1792 TCT/DNK (10/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
42. CV số 1791 TCT/ĐTN (10/6/2005) về thuế TNDN.
43. CV số 1789 TCT/TS (10/6/2005) về việc thực hiện chính sách thu tiền sử dụng đất.
44. CV số 1787 TCT/TS (10/6/2005) về miễn giảm tiền thuê đất.
45. CV số 1780 TCT/PCCS (9/6/2005) về ưu đãi đầu tư.
46. CV số 1777 TCT/PCCS (9/6/2005) về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
47. CV số 1774 TCT/PCCS (9/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
48. CV số 1773 TCT/PCCS (9/6/2005) về việc trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại hội nghị đối thoại.
49. CV số 1754 TCT/PCCS (8/6/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
50. CV số 1750 TCT/PCCS (8/6/2005) về việc ưu đãi đầu tư.
51. CV số 1739 TCT/TNCN (7/06/2005) về thuế TNDN.
52. CV số 1738 TCT/DNK (07/06/2005) về hoá đơn chứng từ mua hàng.
53. CV số 1737 TCT/DNK (7/06/2005) về truy thu thuế GTGT.
54. CV số 1735 TCT/TS (7/6/2005) về giá tính thuế tiền thuê đất.
55. CV số 1728 TCT/ĐTN (07/06/2005) về việc miễn giảm thuế TNDN.
56. CV số 1718 TCT/TS (06/06/2005) về việc thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu tại chỗ.
57. CV số 1714 TCT/PCCS (06/06/2005) về việc hoàn thuế GTGT.
58. CV số 1709 TCT/PCCS (06/06/2005) mua hàng của đơn vị bỏ trốn.
59. CV số 1708 TCT/PCCS (06/06/2005) về chính sách ưu đãi thuế TNDN.
60. CV số 1707 TCT/PCCS (06/06/2005) về việc xử phạt hành chính đối với hành vi làm mất hoá đơn.
61. CV số 1698 TCT/DNN (03/06/2005) về việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu.
62. CV số 1669 TCT/DNN (1/6/2005) về kê khai, nộp thuế TNDN.
63. CV số 1665 TCT/PCCS (1/6/2005) về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi ghi lùi ngày, ghi nháy có hoá đơn.
64. CV số 1651 TCT/DNK (31/5/2005) về thuế GTGT đối với hạch toán phụ thuộc.
65. CV số 1649 TCT/ĐTN (31/5/2005) về hoàn thuế GTGT đối với dự án sử dụng vốn ODA.
66. CV số 1644 TCT/PCCS (31/5/2005) về thuế suất thuế GTGT.
67. CV số 1643 TCT/ĐTN (31/5/2005) về hoá đơn GTGT.
68. CV số 1640 TCT/DNK (31/5/2005) về sử dụng hoá đơn.
69. CV số 1639 TCT/ĐTN (31/5/2005) về kê khai nộp thuế của nhà thầu nước ngoài.
70. CV số 1632 TCT/PCCS (31/5/2005) về trả lời kiến nghị của doanh nghiệp tại Hội nghị đối thoại.

71. CV số 1630 TCT/PCCS (31/5/2005) về thuế tài nguyên.
72. CV số 1610 TCT/DNNN (30/5/2005) về ưu đãi thuế TNDN, tiền thuê đất.
73. CV số 1609 TCT/ĐTNN (30/5/2005) về trích và hạch toán vào chi phí.
74. CV số 1608 TCT/ĐTNN (30/5/2005) về xác định thu nhập chịu thuế TNDN.
75. CV số 1607 TCT/ĐTNN (30/5/2005) về thuế nhà thầu.
76. CV số 1604 TCT/DNNN (30/5/2005) về doanh thu tính thuế GTGT và TNDN.
77. CV số 1603 TCT/ĐTNN (30/5/2005) về miễn, giảm thuế TNDN.
78. CV số 1586 TCT/DNNN (26/05/2005) về việc hồ sơ hoàn thuế GTGT.
79. CV số 1585 TCT/TS (26/05/2005) về việc lệ phí trước bạ xe ô tô khuyến mại.
80. CV số 1582 TCT/DNNN (26/5/2005) về hoàn thuế GTGT của dự án sử dụng vốn ODA.
81. CV số 1581 TCT/DNNN (26/5/2005) về hoàn thuế GTGT.
82. CV số 1580 TCT/TNCN (26/5/2005) về thuế TNCN.
83. CV số 1577 TCT/PCCS (26/05/2005) về việc đối tượng không chịu thuế GTGT.
84. CV số 1576 TCT/PCCS (26/05/2005) về việc điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu.
85. CV số 1573 TCT/ĐTNN (26/05/2005) về việc hoàn thuế TNDN tái đầu tư.
86. CV số 1571 TCT/DNK (26/05/2005) về việc xác định đối tượng chịu thuế GTGT.
87. CV số 1570 TCT/ĐTNN (26/5/2005) về miễn thuế TNDN.
88. CV số 1566 TCT/DNNN (26/5/2005) về hoàn thuế GTGT.
89. CV số 1565 TCT/PCCS (25/5/2005) về hạch toán chi phí hỗ trợ giảm giá.
90. CV số 1560 TCT/DNK (25/5/2005) về chính sách thuế môn bài.
91. CV số 1550 TCT/PCCS (24/05/2005) về việc thuế TNDN.
92. CV số 1549 TCT/PCCS (24/05/2005) về việc ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.
93. CV số 1548 TCT/PCCS (24/5/2005) về doanh thu tính thuế.
94. CV số 1547 TCT/PCCS (24/05/2005) về việc xác định chi phí hợp lý.
95. CV số 1543 TCT/DNK (24/5/2005) về thuế suất thuế GTGT.
96. CV số 1541 TCT/DNNN (24/5/2005) về hạch toán chi phí và lãi.
97. CV số 1540 TCT/DNNN (24/5/2005) về thuế suất thuế GTGT.
98. CV số 1539 TCT/TNCN (24/5/2005) về nộp thuế TNCN.
99. CV số 1534 TCT/ĐTNN (24/05/2005) về việc ưu đãi thuế TNDN.
100. CV số 1529 TCT/ĐTNN (23/5/2005) sử dụng hoá đơn GTGT.
101. CV số 1528 TCT/ĐTNN (23/5/2005) về chứng từ nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu.
102. CV số 1524 TCT/DNK (23/5/2005) về khấu trừ thuế GTGT của hoá đơn quá hạn quy định.
103. CV số 1523 TCT/DNK (23/5/2005) về thuế GTGT đối với hàng hoá xuất khẩu.
104. CV số 1520 TCT/DNK (23/5/2005) về miễn giảm thuế TNDN đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt.
105. CV số 1519 TCT/DNK (23/5/2005) về thuế suất thuế GTGT.
106. CV số 1486 TCT/ĐTNN (19/5/2005) về thuế GTGT và xác định chi phí đối với hàng dùng để biếu tặng.
107. CV số 1480 TCT/TS (18/5/2005) về thuế tài nguyên.
108. CV số 1478 TCT/ĐTNN (18/5/2005) về nộp thuế TNDN đối với hoạt động mua lại phần vốn góp.
109. CV số 1477 TCT/ĐTNN (18/5/2005) về thủ tục, hồ sơ hoàn thuế của nhà thầu nước ngoài.
110. CV số 1476 TCT/ĐTNN (18/5/2005) về chi phí quảng cáo tiếp thị.
111. CV số 1470 TCT/DNNN (18/5/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
112. CV số 1436 TCT/PCCS (13/5/2005) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.
113. CV số 1438 TCT/PCCS (13/5/2005) về thuế GTGT.
114. CV số 1437 TCT/PCCS (13/5/2005) về thời hạn truy thu thuế đối với hành vi trốn thuế.
115. CV số 1436 TCT/PCCS (13/5/2005) về xử lý phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.
116. CV số 1435 TCT/PCCS (13/5/2005) về chính sách thuế.
117. CV số 1434 TCT/PCCS (13/5/2005) về chính sách thuế đối với đầu tư cơ sở hạ tầng phân lô chuyển nhượng gắn với chuyển quyền sử dụng đất.
118. CV số 1432 TCT/PCCS (13/5/2005) về hoàn thuế GTGT.
119. CV số 1430 TCT/DNNN (13/5/2005) về trả lời chính sách thuế.
120. CV số 1428 TCT/ĐTNN (13/5/2005) về thủ tục hồ sơ hoàn thuế của nhà thầu nước ngoài.
121. CV số 1417 TCT/DNNN (12/5/2005) về thuế GTGT đối với dự án KHCN.
122. CV số 1414 TCT/PCCS (12/5/2005) về xử lý đối với hoá đơn có dấu hiệu vi phạm pháp luật.
123. CV số 1413 TCT/PCCS (12/5/2005) về ưu đãi thuế TNDN.

124. CV số 1397 TCT/DNK (11/5/2005) về chính sách thuế.
125. CV số 1396 TCT/DNK (11/5/2005) về thuế TN đối với chuyển quyền sử dụng đất và việc xét miễn, giảm thuế TNDN theo diện mới thành lập đối với cơ sở mua lại máy móc thiết bị.
126. CV số 1390 TCT/PCCS (11/5/2005) về thuế GTGT đối với hoạt động cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước.
127. CV số 1389 TCT/PCCS (11/5/2005) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.
128. CV số 1386 TCT/DNK (10/5/2005) về xử lý vướng mắc về thuế GTGT.
129. CV số 1376 TCT/ĐTN (10/5/2005) về chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.
130. CV số 1374 TCT/DNK (10/5/2005) về miễn, giảm thuế cho hộ kinh doanh bị giải toả.
131. CV số 1371 TCT/DNK (10/5/2005) về chi phí bảo hành sản phẩm.
132. CV số 1369 TCT/DNK (10/5/2005) về miễn giảm thuế TNDN và thuế nhập khẩu.
133. CV số 1367 TCT/ĐTN (10/5/2005) về chuyển lỗ.
134. CV số 1366 TCT/ĐTN (10/5/2005) về thuế GTGT đối với hàng xuất sang Campuchia.
135. CV số 1365 TCT/ĐTN (10/5/2005) về hạch toán chi phí.
136. CV số 1364 TCT/ĐTN (10/5/2005) về chính sách thuế.
137. CV số 1363 TCT/ĐTN (10/5/2005) về truy thu thuế TNDN.
138. CV số 1355 TCT/DNN (9/5/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
139. CV số 1354 TCT/DNN (9/5/2005) về xử lý thuế đối với hành hoá mua vào không có hoá đơn.
140. CV số 1342 TCT/PCCS (9/5/2005) về giải đáp chính sách thuế.
141. CV số 1341 TCT/PCCS (9/5/2005) về hoàn thuế GTGT.
142. CV số 1338 TCT/PCCS (6/5/2005) về tờ khai hàng xuất khẩu.
143. CV số 1337 TCT/PCCS (6/5/2005) về ấn định thu nhập chịu thuế.
144. CV số 1332 TCT/PCCS (6/5/2005) về miễn giảm thuế.
145. CV số 1331 TCT/TS (6/5/2005) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
146. CV số 1330 TCT/PCCS (6/5/2005) về trả lời chính sách thuế.
147. CV số 1328 TCT/PCCS (6/5/2005) về chữ ký và đóng dấu trên hoá đơn.
148. CV số 1327 TCT/DNK (6/5/2005) về điều chỉnh vốn góp của đối tác nước ngoài theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
149. CV số 1326 TCT/DNN (6/5/2005) về thuế GTGT đối với dịch vụ vệ sinh công cộng.
150. CV số 1324 TCT/PCCS (6/5/2005) về khấu trừ thuế GTGT hàng xuất khẩu.
151. CV số 1323 TCT/PCCS (6/5/2005) về ưu đãi theo Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài.
152. CV số 1322 TCT/PCCS (6/5/2005) về xử lý vi phạm về hoá đơn.
153. CV số 1321 TCT/PCCS (6/5/2005) về ưu đãi đầu tư về tiền thuê đất.
154. CV số 1320 TCT/DNN (6/5/2005) về hoàn thuế GTGT.
155. CV số 1309 TCT/TS (5/5/2005) về giá tính thu các khoản từ đất.
156. CV số 1308 TCT/TT (5/5/2005) về xử phạt hành chính.
157. CV số 1307 TCT/PCCS (5/5/2005) về phạt nộp chậm tiền thuế tiền phạt.
158. CV số 1306 TCT/PCCS (5/5/2005) về giải đáp vướng mắc về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.
159. CV số 1305 TCT/PCCS (5/5/2005) về xử lý phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.
160. CV số 1303 TCT/ĐTN (5/5/2005) về chính sách thuế.
161. CV số 1302 TCT/DNK (5/5/2005) về xử lý lập hoá đơn sai thuế suất thuế GTGT.
162. CV số 1299 TCT/ĐTN (5/5/2005) về thuế đối với các khoản thanh toán hộ.
163. CV số 1298 TCT/ĐTN (5/5/2005) về doanh thu đối với hoạt động gia công xuất khẩu.
164. CV số 1296 TCT/DNK (5/5/2005) về việc dán tem đối với máy điều hoà không khí.
165. CV số 1295 TCT/DNK (5/5/2005) về việc miễn giảm thuế TNDN.
166. CV số 1294 TCT/DNN (5/5/2005) về thuế thu nhập doanh nghiệp.
167. CV số 1293 TCT/DNN (5/5/2005) về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.
168. CV số 1291 TCT/ĐTN (4/5/2005) về miễn giảm thuế TNDN.
169. CV số 1290 TCT/TS (4/5/2005) về thu tiền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003.
170. CV số 1289 TCT/TS (4/5/2005) về việc thu tiền sử dụng đất.
171. CV số 1288 TCT/TS (4/5/2005) về việc thu tiền sử dụng đất.
172. CV số 1287 TCT/TS (4/5/2005) về trả lời chính sách thuế.
173. CV số 1285 TCT/PCCS (4/5/2005) về hoàn thuế GTGT.
174. CV số 1283 TCT/DNN (4/5/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
175. CV số 1282 TCT/DNN (4/5/2005) về chứng từ hạch toán.
176. CV số 1279 TCT/PCCS (4/5/2005) về chính sách thuế TNCN.

177. CV số 1266 TCT/PCCS (29/4/2005) về thuế suất thuế GTGT.
178. CV số 1265 TCT/PCCS (29/4/2005) về thuế GTGT.
179. CV số 1264 TCT/PCCS (29/4/2005) về địa bàn ưu đãi đầu tư.
180. CV số 1260 TCT/TNCN (28/4/2005) về xác định tổ chức chi trả khấu trừ tại nguồn thuế TNCN.
181. CV số 1257 TCT/PCCS (28/4/2005) về giải đáp về xử lý sau kiểm tra hoàn thuế GTGT.
182. CV số 1256 TCT/PCCS (28/4/2005) về thuế GTGT.
183. CV số 1255 TCT/PCCS (28/4/2005) về thuế suất thuế GTGT đối với chăm sóc rừng trồng.
184. CV số 1248 TCT/DNK (28/4/2005) về ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
185. CV số 1232 TCT/ĐTN (27/4/2005) về thực hiện nghĩa vụ thuế.
186. CV số 1221 TCT/DNK (27/4/2005) về thuế đối với phí dịch vụ du lịch.
187. CV số 1220 TCT/DNK (27/4/2005) về hoàn thuế GTGT.
188. CV số 1219 TCT/DNK (27/4/2005) về hạch toán vào chi phí khoản tiền trả nước ngoài.
189. CV số 1210 TCT/ĐTN (26/4/2005) về thuế nhà thầu nước ngoài.
190. CV số 1203 TCT/PCCS (25/4/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
191. CV số 1202 TCT/DNN (25/4/2005) về xác định chi phí tính thu nhập chịu thuế TNDN.
192. CV số 1195 TCT/ĐTN (22/4/2005) về phân bổ chi phí quản lý chung.
193. CV số 1194 TCT/DNN (22/4/2005) về hoàn thuế GTGT.
194. CV số 1189 TCT/PCCS (22/4/2005) về sử dụng hoá đơn.
195. CV số 1188 TCT/DNN (22/4/2005) về xử lý quyết toán năm 2004.
196. CV số 1185 TCT/DNN (22/4/2005) về áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.
197. CV số 4617 TC/ĐT (19/4/2005) về bãi bỏ tạm giữ chờ quyết toán.
198. CV số 1178 TCT/DNN (21/4/2005) về nộp thuế GTGT.
199. CV số 1177 TCT/TNCN (21/4/2005) về nộp thuế TNCN.
200. CV số 1153 TCT/DNK (19/4/2005) về xác định chi phí hợp lý đối với khoản chi phí lãi tiền vay.
201. CV số 1152 TCT/DNK (19/4/2005) về thuế suất thuế GTGT.
202. CV số 1151 TCT/DNK (19/4/2005) về chính sách thuế GTGT.
203. CV số 1150 TCT/DNK (19/4/2005) về quyết toán thuế của doanh nghiệp.
204. CV số 1142 TCT/PCCS (19/4/2005) về thuế suất thuế GTGT mặt hàng rutin.
205. CV số 1138 TCT/DNN (18/4/2005) về xử lý thuế GTGT nộp thừa ở khâu nhập khẩu.
206. CV số 1136 TCT/TT (18/4/2005) về quản lý và sử dụng hoá đơn.
207. CV số 1134 TCT/DNN (18/4/2005) về hoàn thuế GTGT.
208. CV số 1125 TCT/TS (18/4/2005) về thuế TNDN từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất.
209. CV số 1122 TCT/TS (18/4/2005) về giá tính lệ phí trước bạ đối với đất đấu giá.
210. CV số 1121 TCT/TS (18/4/2005) về lệ phí trước bạ.
211. CV số 1120 TCT/DNK (18/4/2005) về thuế GTGT đối với cho thuê tàu biển dùng vào vận tải quốc tế.
212. CV số 1117 TCT/DNK (18/4/2005) về chính sách miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.
213. CV số 1108 TCT/PCCS (14/4/2005) về thuế GTGT.
214. CV số 1109 TCT/TS (14/04/2005) về việc chính sách thu tiền sử dụng đất.
215. CV số 1107 TCT/PCCS (14/04/2005) về việc giấy báo có khi thanh toán qua ngân hàng bằng chứng từ điện tử.
216. CV số 1106 TCT/PCCS (14/04/2005) về việc hoá đơn thu mua hàng nông lâm, thủy sản chưa qua chế biến.
217. CV số 1105 TCT/PCCS (14/04/2005) về việc hoàn thuế GTGT khâu nhập khẩu.
218. CV số 1086 TCT/PCCS (14/4/2005) về miễn thuế TNDN.
219. CV số 1079 TCT/DNK (13/4/2005) về thực hiện chính sách thuế.
220. CV số 1077 TCT/DNK (13/04/2005) về việc thuế chuyển quyền sử dụng đất.
221. CV số 1076 TCT/DNK (13/4/2005) về hoá đơn chứng từ đối với hàng hoá luân chuyển nội bộ.
222. CV số 1075 TCT/DNK (13/04/2005) về việc kê khai thuế GTGT của chi nhánh.
223. CV số 1074 TCT/DNK (13/4/2005) về hướng dẫn chính sách thuế.
224. CV số 1071 TCT/ĐTN (12/4/2005) về hạch toán vào chi phí đối với phí dịch vụ quản lý.
225. CV số 1059 TCT/ĐTN (11/4/2005) về chi phí trước hoạt động.
226. CV số 1058 TCT/TNCN (11/4/2005) về thuế TNCN, TNDN của các đại lý bán vé xổ số kiến thiết.
227. CV số 1056 TCT/ĐTN (11/4/2005) về chứng từ sử dụng trong việc hạch toán các khoản chi hỗ trợ đại lý bằng tiền.
228. CV số 1052 TCT/ĐTN (11/4/2005) về trả lời chính sách thuế.
229. CV số 1048 TCT/TS (08/04/2005) về việc thuế GTGT đối với tài sản thanh lý.
230. CV số 1046 TCT/DNK (08/04/2005) về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.

231. CV số 1045 TCT/DNK (tháng 04/2005) về việc xác định chi phí hợp lý đối với khoản lãi vay ngân hàng.
232. CV số 1044 TCT/TTHT (08/04/2005) về việc trả lời thư bạn đọc
233. CV số 1043 TCT/ĐTNN (8/4/2005) về áp dụng phụ cấp độc hại, nguy hiểm.
234. CV số 1032 TCT/ĐTNN (6/4/2005) về xác định thuế GTGT, thuế TNCN và các chi phí khi quyết toán thuế từ năm 1999-2002.
235. CV số 1030 TCT/ĐTNN (6/4/2005) về kê khai thuế GTGT.
236. CV số 1029 TCT/TNCN (6/4/2005) về chính sách thuế.
237. CV số 1028 TCT/TNCN (6/4/2005) về thuế thu nhập cá nhân của người nước ngoài.
238. CV số 1022 TCT/DNNN (5/4/2005) về phương pháp trích khấu hao tài sản cố định.
239. CV số 1010 TCT/TNCN (4/4/2005) về xử lý vướng mắc trong quyết toán thuế và thoái trả thuế TNCN/2004.
240. CV số 1006 TCT/TNCN (4/4/2005) về thuế TNCN đối với các khoản tiền được chi trả hộ.
241. CV số 1004 TCT/PCCS (4/4/2005) về lập hoá đơn do ghi sai thuế suất thuế GTGT.
242. CV số 1003 TCT/PCCS (4/4/2005) về thời gian lưu trữ hoá đơn có in sẵn mệnh giá.
243. CV số 1002 TCT/PCCS (4/4/2005) về in điều kiện bán hàng trên mặt sau của hoá đơn tự in.
244. CV số 1001 TCT/PCCS (4/4/2005) về sử dụng hoá đơn đối với chi nhánh hạch toán phụ thuộc.
245. CV số 1000 TCT/PCCS (4/4/2005) về chứng từ hạch toán chi phí mua vé máy bay khứ hồi và hàng thực phẩm mua của hộ kinh doanh nhỏ lẻ.
246. CV số 999 TCT/PCCS (4/4/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
247. CV số 998 TCT/PCCS (04/04/05) về việc hướng dẫn chính sách thuế.
248. CV số 996 TCT/PCCS (04/04/05) về việc khấu hao tài sản cố định.
249. CV số 995 TCT/PCCS (4/4/2005) về chính sách thuế.
250. CV số 994 TCT/PCCS (4/4/2005) về thuế thu nhập doanh nghiệp.
251. CV số 992 TCT/ĐTNN (4/4/2005) về chính sách thuế GTGT.
252. CV số 991 TCT/TS (04/04/05) về lệ phí trước bạ.
253. CV số 900 TCT/TS (04/04/05) về việc hướng dẫn về thu tiền SDD.
254. CV số 987 TCT/PCCS (4/4/2005) về kê khai nộp thuế giá trị gia tăng.
255. CV số 986 TCT/PCCS (4/4/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
256. CV số 985 TCT/ĐTNN (4/4/2005) về trả lời chính sách thuế.
257. CV số 984 TCT/PCCS (4/4/2005) về thuế đối với tài sản phúc lợi.
258. CV số 983 TCT/TS (04/04/05) về lệ phí trước bạ đất.
259. CV số 981 TCT/PCCS (4/4/2005) về hoá đơn bán lẻ sử dụng cho máy tính tiền tại siêu thị.
260. CV số 978 TCT/DNK (1/4/2005) xử lý về thuế đối với hoạt động kinh doanh xe ô tô tải.
261. CV số 969 TCT/PCCS (1/4/2005) về cấp giấy phép hợp đồng hợp tác kinh doanh.
262. CV số 968 TCT/PCCS (1/4/2005) về điều chuyển hoá đơn tự in.
263. CV số 967 TCT/PCCS (1/4/2005) về trả lời chính sách thuế.
264. CV số 959 TCT/ĐTNN (1/4/2005) về thuế suất thuế GTGT.
265. CV số 958 TCT/ĐTNN (1/4/2005) về khấu trừ thuế GTGT đối với được phẩm tiêu hủy.
266. CV số 949 TCT/PCCS (31/3/2005) về ưu đãi đầu tư.
267. CV số 938 TCT/DNNN (30/3/2005) về khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
268. CV số 936 TCT/PCCS (30/3/2005) về giải đáp vướng mắc về giải đáp vướng mắc về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.
269. CV số 935 TCT/PCCS (30/3/2005) về miễn giảm thuế TNDN.
270. CV số 934 TCT/DNNN (30/3/2005) về chính sách thuế GTGT.
271. CV số 933 TCT/HTQT (30/3/2005) về trả lời hiệp định về thuế.
272. CV số 917 TCT/TS (29/3/2005) về lệ phí trước bạ.
273. CV số 915 TCT/ĐTNN (29/3/2005) về khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu.
274. CV số 914 TCT/DNK (29/3/2005) về xác định thời gian miễn, giảm thuế TNDN.
275. CV số 912 TCT/DNK (29/3/2005) về hoàn thuế GTGT.
276. CV số 909 TCT/DNK (29/3/2005) về chính sách thuế GTGT.
277. CV số 905 TCT/PCCS (29/3/2005) về thủ tục xét miễn giảm thuế.
278. CV số 900 TCT/PCCS (29/3/2005) về hướng dẫn xử lý viết lại hoá đơn.
279. CV số 873 TCT/TNCN (25/3/2003) về xác định thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao năm 2004.
280. CV số 872 TCT/TNCN (25/3/2003) về miễn thuế TNCN đối với người có thu nhập cao.
281. CV số 867 TCT/DNN (25/3/2003) về hoàn thuế GTGT.
282. CV số 864 TCT/PCCS (25/3/2003) về miễn giảm thuế TNDN đối với DNNN chuyển thành công ty cổ phần.

283. CV số 863 TCT/DNK (25/3/2003) về trích khấu hao tài sản.
284. CV số 856 TCT/ĐTNN (25/3/2003) về hoàn thuế GTGT đối với dịch vụ mua vào của Văn phòng đại diện.
285. CV số 855 TCT/ĐTNN (25/3/2003) về thuế GTGT đối với vận tải biển Quốc tế.
286. CV số 854 TCT/ĐTNN (25/3/2003) về vướng mắc hoàn thuế GTGT của Công ty liên doanh vận tải hành khách Phú Thọ.
287. CV số 852 TCT/PCCS (25/3/2003) về thuế nhà thầu nước ngoài.
288. CV số 845 TCT/DNK (24/3/2003) về thủ tục chứng từ khi góp vốn thành lập công ty cổ phần.
289. CV số 844 TCT/DNK (24/3/2003) về chính sách thuế GTGT.
290. CV số 843 TCT/ĐTNN (24/3/2003) về trả lời chính sách thuế.
291. CV số 838 TCT/DNK (24/3/2003) về chính sách thuế đối với HTX dịch vụ điện nông thôn.
292. CV số 836 TCT/DNK (24/3/2003) về lập lại hoá đơn thuế GTGT.
293. CV số 835 TCT/DNK (24/3/2003) về chính sách thuế GTGT.
294. CV số 834 TCT/DNK (24/3/2003) về các khoản thu trên đất.
295. CV số 833 TCT/TS (24/3/2003) về miễn thuế chuyển quyền sử dụng đất.
296. CV số 830 TCT/PCCS (24/3/2003) về chính sách thuế.
297. CV số 828 TCT/ĐTNN (23/3/2003) về thuế đối với dịch vụ giao nhận.
298. CV số 827 TCT/ĐTNN (23/3/2003) về doanh thu tính thuế đối với nhà thầu nước ngoài.
299. CV số 823 TCT/ĐTNN (23/3/2003) về ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN.
300. CV số 822 TCT/ĐTNN (23/3/2003) về thuế đối với hoạt động cho thuê tàu thủy của nước ngoài.
301. CV số 820 TCT/TNCN (23/3/2003) về thực hiện pháp lệnh thuế TN đối với người có thu nhập cao.
302. CV số 813 TCT/ĐTNN (22/3/2003) về giảm thuế GTGT.
303. CV số 812 TCT/ĐTNN (22/3/2003) về nghĩa vụ thuế của nhà thầu tư vấn dự án ODA.
304. CV số 811 TCT/DNNN (22/3/2003) về xóa nợ thuế khi giải thể doanh nghiệp.
305. CV số 810 TCT/DNNN (22/3/2003) về hoàn thuế GTGT.
306. CV số 809 TCT/DNNN (22/3/2003) về xóa nợ thuế theo TT số 32/2002/TT-BTC.
307. CV số 808 TCT/DNK (22/3/2003) về chính sách thuế.
308. CV số 807 TCT/DNK (22/3/2003) về chính sách thuế GTGT trong trường hợp xuất khẩu hàng hoá.
309. CV số 806 TCT/PCCS (22/3/2003) về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.
310. CV số 801 TCT/DNNN (21/3/2003) về thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu lao động.
311. CV số 799 TCT/DNNN (21/3/2003) về ưu đãi thuế TNDN.
312. CV số 798 TCT/DNK (21/3/2003) về thuế TNCN.
313. CV số 796 TCT/DNNN (21/3/2003) về kê khai nộp thuế GTGT.
314. CV số 795 TCT/DNNN (21/3/2003) về thuế GTGT và mã số thuế.
315. CV số 790 TCT/DNK (18/3/2003) về thuế đối với HTX dịch vụ vận tải.
316. CV số 790 TCT/DNK (18/3/2005) về thuế đối với HTX dịch vụ vận tải.
317. CV số 780 TCT/PCCS (17/3/2005) về giải đáp vướng mắc về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế.
318. CV số 752 TCT/ĐTNN (15/3/2005) về doanh thu đối với hoạt động gia công xuất khẩu.
319. CV số 750 TCT/ĐTNN (15/3/2005) về chi phí tính thuế TNDN của Công ty TAYA.
320. CV số 749 TCT/TNCN (15/3/2005) về thuế TNCN.
321. CV số 748 TCT/DNNN (15/3/2005) về đăng ký mã số thuế, khai nộp thuế.
322. CV số 747 TCT/DNNN (15/3/2005) về áp dụng thuế đối với chi phí góp vốn liên doanh.
323. CV số 742 TCT/TS (15/3/2005) về trả lời đơn về thu tiền sử dụng đất.
324. CV số 741 TCT/TS (15/3/2005) về thu tiền sử dụng đất theo Luật đất đai/2003.
325. CV số 735 TCT/DNNN (15/3/2005) về chính sách thuế đối với các đại lý bảo hiểm.
326. CV số 724 TCT/DNNN (14/3/2005) về thuế suất thuế GTGT.
327. CV số 719 TCT/DNNN (14/3/2005) về thuế GTGT hàng hoá luân chuyển nội bộ.
328. CV số 709 TCT/DNK (14/3/2005) về chứng từ thu mua hàng nông sản chưa qua chế biến.
329. CV số 708 TCT/DNK (14/3/2005) về thuế đối với thu nhập từ tiền thương khuyến mại.
330. CV số 707 TCT/DNK (14/3/2005) về kê khai thuế GTGT của chi nhánh.
331. CV số 705 TCT/DNK (14/3/2005) về miễn thuế GTGT, TNDN đối với hàng nông sản.
332. CV số 704 TCT/DNNN (14/3/2005) về kê khai nộp thuế GTGT.
333. CV số 695 TCT/PCCS (11/3/2005) về sử dụng chứng từ thu phí dịch vụ ngân hàng in từ máy vi tính.
334. CV số 694 TCT/DNNN (11/3/2005) về xóa nợ thuế sau khi đã chuyển thành công ty cổ phần.
335. CV số 693 TCT/DNNN (11/3/2005) về giải đáp chính sách thuế GTGT.

336. CV số 665 TCT/DNK (9/3/2005) về thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu.
337. CV số 663 TCT/DNK (9/3/2005) về chính sách thuế tiền bản quyền.
338. CV số 662 TCT/ĐTNN (9/3/2005) về chính sách thuế đối với dự án ODA vay vốn ưu đãi.
339. CV số 661 TCT/PCCS (9/3/2005) về chính sách thuế đối với dự án ODA.
340. CV số 660 TCT/PCCS (9/3/2005) về xác định ngành nghề SXKD ưu đãi thuế TNDN.
341. CV số 659 TCT/PCCS (9/3/2005) về sử dụng hoá đơn tự in.
342. CV số 658 TCT/PCCS (9/3/2005) về chi phí thù lao HĐQT Quỹ tín dụng nhân dân.
343. CV số 657 TCT/ĐTNN (9/3/2005) về chi hỗ trợ và chứng từ.
344. CV số 655 TCT/DNK (9/3/2005) về hoàn thuế GTGT, trích khấu hao tài sản cố định.
345. CV số 652 TCT/DNK (9/3/2005) về ấn định thuế đối với cơ sở kinh doanh.
346. CV số 638 TCT/PCCS (8/3/2005) về chính sách thuế GTGT.
347. CV số 637 TCT/PCCS (8/3/2005) về xử lý vi phạm tẩy xoá, giả mạo biên lai nộp thuế nhà đất.
348. CV số 636 TCT/PCCS (8/3/2005) về chi phí hợp lý được trừ để tính thu nhập chịu thuế.
349. CV số 635 TCT/TTr (8/3/2005) về xử lý hành vi mua, bán, sử dụng trái phép hoá đơn mua bán hàng hoá.
350. CV số 621 TCT/PCCS (4/3/2005) về thuế đối với quyền sử dụng đất.
351. CV số 350 TCT/PCCS (25/1/2005) về việc lập tờ mẫu tờ khai thuế GTGT và thuế TNDN.
352. CV số 620 TCT/DNK (4/3/2005) về đăng ký thuế khi thay đổi địa điểm kinh doanh.
353. CV số 621 TCT/PCCS (4/3/2005) về thuế đối với chuyển quyền sử dụng đất.
354. CV số 611 TCT/TS (4/3/2005) về thu tiền sử dụng đất.
355. CV số 610 TCT/DNK (4/3/2005) về xử lý vi phạm về sử dụng hoá đơn.
356. CV số 608 TCT/DNK (4/3/2005) về chính sách thuế.
357. CV số 607 TCT/ĐTNN (4/3/2005) về kê khai khấu trừ thuế GTGT truy thu.
358. CV số 606 TCT/TS (4/3/2005) về chính sách hoàn trả tiền sử dụng đất đã nộp.
359. CV số 605 TCT/ĐTNN (4/3/2005) về thuế nhà thầu nước ngoài.
360. CV số 597 TCT/DNK (2/3/2005) về hướng dẫn nộp thuế GTGT.
361. CV số 596 TCT/DNK (2/3/2005) về hạch toán chi phí rủi ro trong sản xuất kinh doanh.
362. CV số 595 TCT/ĐTNN (2/3/2005) về Nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu dự án ODA vay.
363. CV số 591 TCT/TS (2/3/2005) về thu tiền sử dụng đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
364. CV số 590 TCT/TS (2/3/2005) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
365. CV số 569 TCT/ĐTNN (28/2/2005) về trả lời chính sách thuế.
366. CV số 565 TCT/DNK (28/2/2005) về trả lời chính sách thuế.
367. CV số 564 TCT/ĐTNN (28/2/2005) về thuế GTGT đối với hoạt động bảo hành miễn phí.
368. CV số 555 TCT/DNNN (25/2/2005) về xử lý nợ thuế theo TT số 32/2002/TT-BTC.
369. CV số 554 TCT/DNNN (25/2/2005) về kê khai thuế GTGT.
370. CV số 552 TCT/DNK (25/2/2005) về chính sách thuế.
371. CV số 550 TCT/ĐTNN (25/2/2005) về miễn, giảm thuế TNDN.
372. CV số 545 TCT/ĐTNN (25/2/2005) về thủ tục xuất hoá đơn GTGT.
373. CV số 544 TCT/DNK (25/2/2005) về hạch toán chi phí SXKD.
374. CV số 538 TCT/DNNN (23/2/2005) về thuế suất thuế GTGT.
375. CV số 537 TCT/DNNN (23/2/2005) về xác định chi phí hợp lý.
376. CV số 536 TCT/TS (23/2/2005) về thu tiền thuê đất.
377. CV số 533 TCT/PCCS (23/2/2005) về xử lý đăng ký, kê khai chậm thuế nhà thầu nộp thay cho bên nước ngoài.
378. CV số 532 TCT/DNNN (23/2/2005) về áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ ngân hàng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất.
379. CV số 531 TCT/DNNN (23/2/2005) về khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
380. CV số 526 TCT/TS (22/2/2005) về chính sách thu tài chính liên quan đến đất đai.
381. CV số 517 TCT/DNK (21/2/2005) về chính sách thuế.
382. CV số 516 TCT/ĐTNN (21/2/2005) về thuế GTGT khi thay đổi chế độ kế toán.
383. CV số 514 TCT/DNNN (21/2/2005) về thuế GTGT và TNDN nộp thay nhà thầu nước ngoài.
384. CV số 508 TCT/TNCN (17/2/2005) về quyết toán thuế TNCN/2004.
385. CV số 556 TCT/DNNN (25/02/2005) thuế dịch vụ sửa chữa.
386. CV số 554 TCT/DNNN (25/02/2005) về kê khai khấu trừ thuế GTGT.
387. CV số 552 TCT/DNK (25/2/2005) về việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
388. CV số 550 TCT/ĐTNN (25/2/2005) về miễn, giảm thuế TNDN.

389. CV số 548 TCT/PCCS (25/2/2005) về thuế GTGT.
390. CV số 545 TCT/ĐTNN (25/2/2005) về thủ tục xuất hóa đơn GTGT.
391. CV số 544 TCT/DNK (25/2/2005) về hạch toán chi phí SXKD.
392. CV số 541 TCT/ĐTNN (24/02/2005) về hoàn thuế GTGT.
393. CV số 538 TCT/DNNN (23/02/2004) về thời điểm bàn giao công trình.
394. CV số 533 TCT/PCCS (23/2/2005) về xử lý đăng ký, kê khai chậm thuế nhà thầu nộp thay cho bên nước ngoài.
395. CV số 532 TCT/DNNN ngày 23/2/2005) về việc áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với dịch vụ ngân hàng cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất;
396. CV số 531 TCT/DNNN (23/3/2005) về việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
397. CV số 505 TCT/TS (17/2/2005) về tính các khoản thu nhập về nhà đất.
398. CV số 504 TCT/TNCN (17/2/2005) về thuế thu nhập cá nhân.
399. CV số 501 TCT/DNK (17/2/2005) về miễn, giảm thuế TNDN do ưu đãi đầu tư.
400. CV số 498 TCT/TS (17/2/2005) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
401. CV số 497 TCT/DNK (17/2/2005) về khấu trừ thuế GTGT.
402. CV số 489 TCT/DNNN (15/2/2005) về hoàn thuế GTGT.
403. CV số 487 TCT/DNNN (15/2/2005) về thuế TNDN của các đại lý bán vé xổ số kiến thiết.
404. CV số 485 TCT/PCCS (7/2/2005) về xác định giá tính thuế GTGT, TNDN đối với xe đạp hai bánh gắn máy.
405. CV số 482 TCT/TS (7/2/2005) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
406. CV số 477 TCT/TNCN (4/2/2005) về thoái trả tiền thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao.
407. CV số 475 TCT/ĐTNN (4/2/2005) về miễn giảm thuế TNDN.
408. CV số 473 TCT/ĐTNN (4/2/2005) về khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hoạt động gia công hành hoá.
409. CV số 471 TCT/DNNN (4/2/2005) về hoàn thuế GTGT.
410. CV số 470 TCT/DNNN (4/2/2005) về xác định đối tượng chịu thuế GTGT.
411. CV số 469 TCT/DNNN (4/2/2005) về trả lời chính sách thuế.
412. CV số 468 TCT/ĐTNN (4/2/2005) về thuế suất thuế GTGT của sản phẩm khuôn đúc.
413. CV số 467 TCT/ĐTNN (4/2/2005) về khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
414. CV số 466 TCT/ĐTNN (4/2/2005) về thủ tục chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.
415. CV số 456 TCT/DNK (4/2/2005) về ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN.
416. CV số 451 TCT/DNNN (3/2/2005) về thu tiền sử dụng đất đối với hồ sơ nhận trước ngày 1/1/2005.
417. CV số 448 TCT/TS (3/2/2005) về thu tiền thuê đất.
418. CV số 447 TCT/TS (3/2/2005) về lệ phí trước bạ đất.
419. CV số 442 TCT/DNNN (2/2/2005) về thuế GTGT.
420. CV số 440 TCT/DNK (2/2/2005) về áp dụng thuế suất thuế GTGT.
421. CV số 439 TCT/DNK (2/2/2005) về xác định chi phí hợp lý đối với khoản chi trả lãi tiền vay.
422. CV số 438 TCT/DNNN (2/2/2005) về hoàn thuế GTGT.
423. CV số 437 TCT/DNK (2/2/2005) về thuế suất thuế GTGT.
424. CV số 436 TCT/ĐTNN (2/2/2005) về hoàn thuế GTGT do điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá thực tế.
425. CV số 430 TCT/DNNN (2/2/2005) điều chỉnh mức nộp thuế TNDN.
426. CV số 429 TCT/TNCN (2/2/2005) về khấu trừ thuế TNCN.
427. CV số 428 TCT/DNNN (2/2/2005) về nộp thuế GTGT.
428. CV số 424 TCT/TS (1/2/2005) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
429. CV số 423 TCT/ĐTNN (1/2/2005) về xác định doanh thu xuất khẩu.
430. CV số 422 TCT/TS (1/2/2005) về nộp tiền thuê đất một lần.
431. CV số 421 TCT/TS (1/2/2005) về áp dụng bảng giá đất.
432. CV số 415 TCT/DNK (1/2/2005) về trả lời chính sách thuế.
433. CV số 414 TCT/ĐTNN (1/2/2005) về hạch toán chi phí.
434. CV số 413 TCT/ĐTNN (1/2/2005) về thuế GTGT hàng xuất khẩu.
435. CV số 412 TCT/ĐTNN (1/2/2005) về thuế nhà thầu nước ngoài.
436. CV số 409 TCT/ĐTNN (1/2/2005) về thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài.
437. CV số 408 TCT/TS (1/2/2005) về thu tiền sử dụng đất.
438. CV số 399 TCT/PCCS (31/1/2005) về thuế TNDN hoạt động liên doanh liên kết.
439. CV số 396 TCT/TS (31/1/2005) về thu tiền sử dụng đất.
440. CV số 395 TCT/DNNN (31/1/2005) về thực hiện kê khai nộp thuế theo Hiệp định thuế.

441. CV số 394 TCT/DNNN (31/1/2005) về thuế GTGT đối với bán tài sản đảm bảo nợ vay.
442. CV số 393 TCT/DNNN (31/1/2005) về miễn giảm thuế TNDN.
443. CV số 392 TCT/DNK (31/1/2005) về truy thu thuế đối với hoạt động kinh doanh xe hai bánh gắn máy.
444. CV số 391 TCT/TNCN (31/1/2005) về khấu trừ tiền thuế thu nhập.
445. CV số 388 TCT/ĐTNN (28/1/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
446. CV số 386 TCT/TS (28/1/2005) về chính sách thu tiền sử dụng đất.
447. CV số 385 TCT/TS (28/1/2005) về giải quyết khiếu nại việc thực hiện chính sách thu tiền sử dụng đất.
448. CV số 376 TCT/DNNN (27/1/2005) về hoàn thuế GTGT cho dự án sử dụng vốn ODA.
449. CV số 372 TCT/DNNN (26/1/2005) về thuế suất thuế GTGT.
450. CV số 371 TCT/TS (26/1/2005) về thời hạn nộp tờ khai thu phí lệ phí.
451. CV số 369 TCT/TS (26/1/2005) về thu tiền sử dụng đất đối với hồ sơ nhận trước ngày 24/12/2004.
452. CV số 360 TCT/DNNN (25/1/2005) về thuế suất thuế GTGT dự án xây nhà để bán.
453. CV số 357 TCT/TNCN (25/1/2005) về thuế đối với trợ cấp thôi việc.
454. CV số 354 TCT/PCCS (25/1/2005) về trả lời một số vướng mắc kiến nghị.
455. CV số 353 TCT/PCCS (25/1/2005) về hướng dẫn việc xử lý cơ sở kinh doanh không cung cấp được hoá đơn, chứng từ, sổ sách kế toán khi kiểm tra quyết toán thuế.
456. CV số 352 TCT/PCCS (25/1/2005) về thuế TNDN đối với đơn vị sự nghiệp có thu.
457. CV số 351 TCT/PCCS (25/1/2005) về xử lý vi phạm chế độ kế toán, hoá đơn.
458. CV số 349 TCT/PCCS (25/1/2005) về ưu đãi thuế.
459. CV số 342 TCT/DNNN (25/1/2005) về xác định doanh thu xuất khẩu.
460. CV số 334 TCT/DNK (24/1/2005) về khấu trừ thuế GTGT đầu vào.
461. CV số 331 TCT/PCCS (24/1/2005) về ghi sai chi tiêu mã số thuế.
462. CV số 330 TCT/PCCS (24/1/2005) về thanh toán chứng từ về thu phí, lệ phí.
463. CV số 329 TCT/DNK (24/1/2005) về khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
464. CV số 328 TCT/DNK (24/1/2005) về lập bảng kê thu mua hàng nông sản.
465. CV số 327 TCT/DNK (24/1/2005) về xác định thuế TNDN khi thanh lý tài sản cố định.
466. CV số 1318 TC/TCT (1/2/2005) về thực hiện Pháp lệnh thuế TN đối với người có thu nhập cao.
467. CV số 298 TCT/TS (20/1/2005) về lệ phí trước bạ.
468. CV số 294 TCT/PCCS (20/1/2005) về ghi đơn vị tiền tệ là ngoại tệ trên hoá đơn.
469. CV số 293 TCT/PCCS (20/1/2005) về điều kiện ưu đãi thuế TNDN.
470. CV số 292 TCT/PCCS (20/1/2005) về xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng hoá đơn.
471. CV số 289 TCT/ĐTNN (20/1/2005) về thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài bán cho doanh nghiệp chế xuất theo hợp đồng ba bên.
472. CV số 288 TCT/DNK (20/1/2005) về thuế suất thuế GTGT hoạt động xây dựng lắp đặt.
473. CV số 287 TCT/ĐTNN (20/1/2005) về sử dụng hoá đơn.
474. CV số 285 TCT/PCCS (20/1/2005) về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
475. CV số 282 TCT/PCCS (20/1/2005) về trả lời chính sách thuế.
476. CV số 281 TCT/PCCS (20/1/2005) về thu thuế đối với lãi tiền gửi, lãi cho vay và một số khoản thu nhập của cá nhân.
477. CV số 280 TCT/PCCS (20/1/2005) về sử dụng hoá đơn thu mua hàng nông, lâm, thủy sản.
478. CV số 278 TCT/DNK (20/1/2005) về thu thuế đối với hoạt động xây dựng nhà tư nhân.
479. CV số 277 TCT/PCCS (20/1/2005) về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
480. CV số 276 TCT/DNNN (20/1/2005) về chuyển lỗ, giảm thuế.
481. CV số 275 TCT/PCCS (20/1/2005) về xác định thu nhập chịu thuế.
482. CV số 274 TCT/PCCS (20/1/2005) về chính sách thuế đối với việc chuyển nhượng cầu thủ.
483. CV số 273 TCT/PCCS (20/1/2005) về thuế đối với dự án BOT.
484. CV số 272 TCT/PCCS (20/1/2005) về hoá đơn GTGT đối với hoạt động cho thuê tài chính.
485. CV số 271 TCT/ĐTNN (20/1/2005) về thuế nhà thầu nước ngoài.
486. CV số 260 TCT/DNK (19/1/2005) về ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN đối với cơ sở mới thành lập.
487. CV số 256 TCT/DNK (19/1/2005) về trả lời chính sách thuế.
488. CV số 254 TCT/DNK (19/1/2005) về hoàn thuế GTGT hàng hoá xuất khẩu uỷ thác.
489. CV số 237 TCT/TNCN (18/1/2005) về xử lý tiền học phí cho con của nhân viên Việt Nam làm việc tại tổ chức nước ngoài.
490. CV số 231 TCT/ĐTNN (18/1/2005) về hạch toán, xác định chi phí do chênh lệch tỷ giá hối đoái.
491. CV số 225 TCT/DNK (18/1/2005) về thuế GTGT đối với hàng hoá thuộc diện không chịu thuế.
492. CV số 224 TCT/DNK (18/1/2005) về chi phí nhân tin.

493. CV số 221 TCT/DNNN (18/1/2005) về căn cứ kê khai nộp thuế.
494. CV số 219 TCT/DNK (17/1/2005) về thuế suất thuế GTGT.
495. CV số 211 TCT/PCCS (17/1/2005) về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp có thu.
496. CV số 210 TCT/PCCS (17/1/2005) về chi lương tháng 13.
497. CV số 207 TCT/PCCS (17/1/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
498. CV số 206 TCT/PCCS (17/1/2005) về chi phí hợp lý khi quyết toán thuế TNDN.
499. CV số 204 TCT/PCCS (17/1/2005) về đăng ký nhận in các loại hoá đơn ấn chỉ.
500. CV số 203 TCT/PCCS (17/1/2005) về xử lý vi phạm về hoá đơn.
501. CV số 197 TCT/PCCS (17/1/2005) về sử dụng hoá đơn đối với việc bán đấu giá tài sản.
502. CV số 195 TCT/DNNN (17/1/2005) về thuế suất thuế TTĐB đối với ô tô.
503. CV số 181 TCT/PCCS (14/1/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
504. CV số 169 TCT/PCCS (13/1/2005) về xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh ưu đãi thuế TNDN.
505. CV số 142 TCT/DNK (12/1/2005) về xác định doanh thu hàng xuất khẩu.
506. CV số 139 TCT/DNK (12/1/2005) về giá bán xe hai bánh gắn máy.
507. CV số 136 TCT/ĐTNN (12/1/2005) về thuế GTGT đối với dịch vụ bảo hiểm.
508. CV số 133 TCT/DNK (12/1/2005) về xử lý vi phạm về thuế.
509. CV số 131 TCT/DNK (12/1/2005) về ưu đãi thuế TNDN.
510. CV số 130 TCT/PCCS (12/1/2005) về đăng ký nộp thuế và sử dụng hoá đơn.
511. CV số 129 TCT/PCCS (12/1/2005) xử lý vi phạm về hoá đơn.
512. CV số 128 TCT/ĐTNN (12/1/2005) về thuế GTGT đối với xây dựng công trình viện trợ nhân đạo.
513. CV số 126 TCT/PCCS (12/1/2005) về miễn thuế TNDN đối với đầu tư mở rộng.
514. CV số 124 TCT/PCCS (12/1/2005) về chính sách thuế.
515. CV số 123 TCT/PCCS (12/1/2005) về sử dụng biên lai, chứng từ khấu trừ thuế thu nhập.
516. CV số 122 TCT/PCCS (12/1/2005) về hạch toán chi phí.
517. CV số 121 TCT/TTr (12/1/2005) về hoàn lại thuế GTGT.
518. CV số 120 TCT/TS (12/1/2005) về chính sách thoái thu tiền sử dụng đất.
519. CV số 119 TCT/TS (12/1/2005) về nộp tiền thuê đất một lần.
520. CV số 110 TCT/ĐTNN (12/1/2005) về thuế đối với hoạt động mua bán tài sản.
521. CV số 108 TCT/ĐTNN (11/1/2005) về trả lời chính sách thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.
522. CV số 105 TCT/PCCS (11/1/2005) về chính sách ưu đãi thuế.
523. CV số 103 TCT/DNK (11/1/2005) về chính sách thuế GTGT.
524. CV số 102 TCT/PCCS (11/1/2005) về thuế đối với hàng hoá bị hư hỏng, tổn thất.
525. CV số 96 TCT/ĐTNN (10/1/2005) về trả lời chính sách thuế.
526. CV số 95 TCT/TS (10/1/2005) về chính sách miễn tiền sử dụng đất theo Luật khuyến khích đầu tư trong nước.
527. CV số 94 TCT/TNCN (10/1/2005) về hướng dẫn nộp thuế TNCN đối với cá nhân làm việc tại dự án.
528. CV số 92 TCT/DNNN (10/1/2005) về thuế suất thuế TNDN đối với các hoạt động không quy định trong Giấy phép đầu tư.
529. CV số 91 TCT/PCCS (10/1/2005) về xử lý vi phạm về hoá đơn, chứng từ.
530. CV số 86 TCT/TS (10/1/2005) về lệ phí trước bạ đất, thu tiền sử dụng đất.
531. CV số 85 TCT/TS (10/1/2005) về thu tiền sử dụng đất theo Luật đất đai năm 2003.
532. CV số 84 TCT/TS (10/1/2005) về đối tượng được giảm tiền sử dụng đất.
533. CV số 83 TCT/TS (10/1/2005) về thu lệ phí trước bạ nhà, đất và thuế chuyển quyền sử dụng đất.
534. CV số 75 TCT/ĐTNN (10/1/2005) về trả lời chính sách thuế.
535. CV số 74 TCT/PCCS (10/1/2005) về đăng ký in bổ sung hoá đơn.
536. CV số 73 TCT/PCCS (10/1/2005) về thuế suất thuế GTGT.
537. CV số 71 TCT/DNNN (10/1/2005) về thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm glucoza lỏng.
538. CV số 70 TCT/DNNN (10/1/2005) về trả lời chính sách thuế.
539. CV số 69 TCT/DNNN (10/1/2005) về thuế GTGT.
540. CV số 68 TCT/DNNN (10/1/2005) về ghi hoá đơn GTGT đối với hàng quảng cáo, khuyến mại.
541. CV số 67 TCT/ĐTNN (10/1/2005) về hoàn thuế GTGT.
542. CV số 65 TCT/ĐTNN (10/1/2005) về hướng dẫn chính sách.
543. CV số 64 TCT/ĐTNN (10/1/2005) về khấu trừ thuế GTGT đối với hoá đơn, biên lai chứng từ chậm kê khai.
544. CV số 41 TCT/PCCS (5/1/2005) về việc kê khai nộp thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất.
545. CV số 34 TCT/PCCS (5/1/2005) về việc giải quyết khiếu nại của thu nhập doanh nghiệp Đăng Pha.

546. CV số 33 TCT/DNK (5/1/2005) về việc giá bán đối với hoạt động kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy.
547. CV số 30 TCT/PCCS (5/1/2005) về việc thuế giá trị gia tăng.
548. CV số 29 TCT/DNK (5/1/2005) về việc hoàn thuế giá trị gia tăng trường hợp gia công hàng hoá xuất khẩu.
549. CV số 28 TCT/DNK (5/1/2005) về khấu trừ thuế GTGT.
550. CV số 26 TCT/DTNN (5/1/2005) về việc thuế đối với dịch vụ thiết kế của nhà thầu nước ngoài.
551. CV số 25 TCT/DNK (5/1/2005) về chính sách thuế.
552. CV số 19 TCT/DNK (5/1/2005) về việc ưu đãi thuế TNDN trong trường hợp sử dụng nhiều lao động.
553. CV số 18 TCT/DTNN (5/1/2005) về việc thuế GTGT chuyển giao tài sản.
554. CV số 16 TCT/DTNN (5/1/2005) về việc thuế đối với dịch vụ thiết kế của nhà thầu nước ngoài.
555. CV số 10 TCT/DTNN (5/1/2005) về việc thuế TNDN đối với trung tâm giáo dục thường xuyên.
556. CV số 07 TCT/DTNN (5/1/2005) về việc hoàn thuế giá trị gia tăng.
557. CV số 06 TCT/DTNN (5/1/2005) về việc xoá nợ thuế và các khoản nộp NSNN.
558. CV số 02 TCT/DNK (5/1/2005) về chính sách thuế.
559. CV số 01 TCT/PCCS (5/1/2005) về hạch toán án phí và lãi trả chậm do vi phạm HDKT.

Tổng Cục Hải quan

1. CV số 2356 TCHQ/KTTT (16/6/2005) về việc hoàn thuế nhập khẩu.
2. CV số 2350 TCHQ/KTTT (16/6/2005) về việc trả lời vướng mắc về giá tính thuế hàng nhập khẩu.
3. CV số 2347 TCHQ/KTTT (16/6/2005) về việc xử lý thuế nhập khẩu nguyên liệu SXKK bị cháy hỏng.
4. CV số 2333 TCHQ/KTTT (16/6/2005) về việc nội địa hoá.
5. CV số 2328 TCHQ/KTTT (15/6/2005) về miễn thuế hàng hoá nhập khẩu của đối tượng hưởng ưu đãi ĐTTN.
6. CV số 2249 TCHQ/KTTT (13/6/2005) về tính chất hàng quà tặng.
7. CV số 2244 TCHQ/GSQL (13/6/2005) về việc gia công các mặt hàng cấm nhập khẩu.
8. CV số 2243 TCHQ/GSQL (13/6/2005) về việc phân loại hàng hoá nhập khẩu.
9. CV số 2238 TCHQ/GSQL (13/6/2005) về việc xăng dầu nhập khẩu không phải nộp C/O.
10. CV số 2224 TCHQ/KTTT (10/6/2005) về xác nhận nợ thuế.
11. CV số 2227 TCHQ/KTTT (10/06/2005) về việc không thu thuế GTGT hàng nhập khẩu tái xuất.
12. CV số 2162 TCHQ/GSQL (6/06/2005) về hợp đồng ngoại thương.
13. CV số 2156 TCHQ/KTTT (03/06/2005) về việc giá tính thuế hàng nhập khẩu chuyển tiếp.
14. CV số 2146 TCHQ/KTTT (3/6/2005) về vướng mắc trong thanh khoản thuế NL SXKK.
15. CV số 2145 TCHQ/GSQL (3/6/2005) về đặt gia công tại nước ngoài.
16. CV số 2133 TCHQ/KTTT (2/6/2005) về việc nhập khẩu hàng hoá.
17. CV số 2060 TCHQ-KTTT (27/05/2005) về việc giá tính thuế truy thu xe máy nhập khẩu.
18. CV số 2039 TCHQ/GSQL (26/05/2005) về việc báo cáo giải quyết vướng mắc về bán hàng miễn thuế.
19. CV số 2026 TCHQ-KTTT (25/05/2005) về việc giải quyết thủ tục nhập khẩu và thuế nhập khẩu thiết bị hỏng.
20. CV số 1942/TCHQ-KTTT (20/05/2005) về việc hướng dẫn thời điểm tính thuế.
21. CV số 1921 TCHQ-KTTT (18/05/2005) về việc hướng dẫn xác định giá tính thuế hàng đã qua sử dụng.
22. CV số 1907 TCHQ-KTTT (18/05/2005) về việc giá tính thuế ô tô tải đã qua sử dụng.
23. CV số 1867/TCHQ-KTTT (16/05/2005) về việc xử lý thuế nhập khẩu, thuế GTGT.
24. CV số 1860 TCHQ-GSQL (16/05/2005) gia công lại đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
25. CV số 1856 TCHQ-KTTT (13/05/2005) về việc giải toả cưỡng chế và phạt chậm nộp.
26. CV số 1855/ GSQL (13/05/2005) về việc nhập khẩu gỗ từ Lào.
27. CV số 1853/ TCHQ-KTTT (13/05/2005) về việc giải quyết chứng từ thanh toán hàng tái xuất khẩu.
28. CV số 1852/ TCHQ-KTTT (13/05/2005) về việc giải quyết chứng từ thanh toán hàng tái xuất khẩu.
29. CV số 1835/ TCHQ-KTTT (12/05/2005) về việc giá tính thuế khung gầm có gắn động cơ ô tô nhập khẩu.
30. CV số 1828/ TCHQ-KTTT (12/05/2005) về việc giá tính thuế mặt hàng rượu.
31. CV số 1817/ TCHQ-GSQL (12/05/2005) về việc giá tính thuế mặt hàng rượu.
32. CV số 1814 TCHQ/GSQL (11/05/2005) về thủ tục XNK nguyên phụ liệu đưa đi gia công tại nước ngoài.
33. CV số 1812 TCHQ/GSQL (11/05/2005) về việc thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu hàng OC qua cửa khẩu Bo Nuê.
34. CV số 1811/TCHQ-KTTT (11/05/2005) về việc xử lý thuế xăng dầu TN-TX tiêu thụ nội địa.
35. CV số 1810/TCHQ-KTTT (11/05/2005) về việc vướng mắc trong việc thực hiện thuế nhập khẩu đầu tư nước ngoài.
36. CV số 1798/TCHQ-KTTT (10/05/2005) về việc giá tính thuế rượu vang đỏ.
37. CV số 1784 TCHQ-GSQL (09/05/2005) về thành lập địa điểm làm thủ tục Hải quan, điểm thông qua nội địa
38. CV số 1771/ TCHQ-KTTT (09/05/2005) về việc giá tính thuế sợi nhập khẩu.

39. CV số 1763/TCHQ-KTTT (10/05/2005) về việc trả lời vướng mắc về kiểm tra chất lượng thực phẩm nhập khẩu.
40. CV số 1728 TCHQ-KTTT (05/5/2005) về thuế suất CEPT dụng cụ điện đun nước nóng, phụ tùng xe máy.
41. CV số 1727 TCHQ-KTSTQ (05/5/2005) về giải quyết vướng mắc CV 5085 TCHQ-KTSTQ.
42. CV số 1711 TCHQ-KTTT (04/5/2005) về thuế nhập khẩu hàng đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
43. CV số 1709 TCHQ-KTTT (04/5/2005) về giải quyết vướng mắc về áp dụng chính sách thuế.
44. CV số 1708 TCHQ-KTTT (04/5/2005) về xét miễn thuế hàng nhập khẩu.
45. CV số 1667 TCHQ-KTTT (28/4/2005) về áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% đối với hàng xuất khẩu tại chỗ.
46. CV số 1595 TCHQ-KTTT (25/4/2005) về báo cáo việc thu thuế hàng gia công trong Khu chế xuất Tân thuận.
47. CV số 1593 TCHQ-KTTT (25/4/2005) về miễn thuế nguyên liệu NK và phạt chậm nộp thuế.
48. CV số 1668 TCHQ-GSQL (28/4/2005) về tạm nhập, tái xuất hàng phục vụ triển lãm.
49. CV số 1636 TCHQ-KTTT (27/4/2005) về xử lý thuế nhập khẩu tạo tài sản cố định vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
50. CV số 1601 TCHQ-GSQL (26/4/2005) về thủ tục nhập khẩu bộ linh kiện xe ô tô tải dạng CKD.
51. CV số 1526 TCHQ-KTTT (22/4/2005) về xử lý thuế đối với nguyên liệu để sản xuất giày thể thao XK, biếu tặng.
52. CV số 1524 TCHQ-KTTT (22/4/2005) về cập nhật thông tin vào hệ thống GTT22.
53. CV số 1506 TCHQ-GSQL (21/4/2005) về nơi mở tờ khai NSXXK.
54. CV số 1504 TCHQ-KTTT (21/4/2005) về xử lý nợ thuế dự án ODA.
55. CV số 1486 TCHQ-GSQL (20/4/2005) về nhập khẩu máy móc phục vụ dự án.
56. CV số 1479 TCHQ-KTTT (20/4/2005) về báo cáo hàng nhập khẩu, tái xuất.
57. CV số 1438/TCHQ- KTTT (15/04/2005) về việc giá tính thuế hàng NK
58. CV số 1435 TCHQ-GSQL (15/4/2005) về tạm nhập, tái xuất thiết bị.
59. CV số 1338 TCHQ-KTTT (11/4/2005) về giải quyết thủ tục nhập khẩu và thuế nhập khẩu thiết bị hỏng.
60. CV số 1429/TCHQ- KTTT (14/04/2005) về việc hướng dẫn thực hiện thu phí hồ tiêu xuất khẩu.
61. CV số 1415 TCHQ-GSQL (14/4/2005) về thủ tục đối với xăng dầu TNTX.
62. CV số 1413/TCHQ- GSQL (14/04/2005) về việc nhập khẩu đường để làm hàng gia công xuất khẩu
63. CV số 1411 TCHQ-GSQL (14/4/2005) về chấn chỉnh về thủ tục hải quan đối với hàng hoá chuyển cửa khẩu.
64. CV số 1400/TCHQ- KTTT (14/04/2005) về việc giá tính thuế xe ô tô nhập khẩu
65. CV số 1312 TCHQ-KTTT (8/4/2005) hoàn thuế hàng viện trợ.
66. CV số 1309 TCHQ-GSQL (8/4/2005) về nhập khẩu xe hai bánh gắn máy mới 100%) của Việt kiều hồi hương.
67. CV số 1308 TCHQ/GSQL (08/04/05) về việc lấy ý kiến dự thảo TT vay thế QĐ 094/2003/QĐ – BTC.
68. CV số 1291 TCHQ-GSQL (7/4/2005) về thủ tục nhập xe ô tô.
69. CV số 1266 TCHQ/KTTT (05/04/05) về việc thuế nhập khẩu đối với sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để phục vụ hợp đồng gia công và SXKK.
70. CV số 1243 TCHQ/KTTT (04/04/05) về việc miễn thuế nhập khẩu hàng xuất khẩu trả về.
71. CV số 1242 TCHQ/KTTT (04/04/05) về việc không thu thuế hàng nhập khẩu vì lý do nào đã tái xuất khẩu.
72. CV số 1241 TCHQ-KTTT (4/4/2005) về xử lý thuế thu nhập đối với bưu phẩm, bưu kiện.
73. CV số 1235 TCHQ/KTTT (04/04/05) về việc giá tính thuế xe chuyển nhượng
74. CV số 1218 TCHQ-KTTT (1/4/2005) về xét miễn thuế hàng nhập khẩu.
75. CV số 1182 TCHQ-KTTT (30/03/05) về việc miễn thuế nhập khẩu vật tư tạm nhập – tái xuất.
76. CV số 1281 TCHQ-KTTT (01/04/05) về việc xét miễn thuế hàng nhập khẩu.
77. CV số 1220 TCHQ-KTTT (16/03/05) về việc xác định giá tính thuế truy thu.
78. CV số 1214 TCHQ-GSQL (01/04/05) về việc thủ tục biếu tặng máy móc thiết bị thanh lý.
79. CV số 1211 TCHQ-KTTT (01/04/05) về việc bổ sung hồ sơ xét hoàn thuế.
80. CV số 1202 TCHQ-KTTT (31/03/05) về việc giá tính thuế nhập khẩu.
81. CV số 1196 TCHQ-KTTT (31/03/05) về việc xét miễn thuế hàng nhập khẩu.
82. CV số 1192 TCHQ-KTTT (31/03/05) về việc vướng mắc chứng từ thanh khoản.
83. CV số 1181 TCHQ-KTTT (30/03/05) về việc áp dụng chính sách thuế.
84. CV số 932 TCHQ-KTTT (11/03/05) về việc miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng ODA.
85. CV số 1063 TCHQ/KTTT (22/3/2003) về xét miễn thuế hàng nhập khẩu.
86. CV số 1050 TCHQ/GSQL (21/3/2003) về phân loại mặt hàng thiết bị đo và tự động điều chỉnh hệ số công suất điện.
87. CV số 1046 TCHQ/GSQL (21/3/2003) về hoàn thành việc thanh khoản các hợp đồng gia công tồn đọng.
88. CV số 1041 TCHQ/GSQL (21/3/2003) về nhập khẩu xe ô tô đã qua sử dụng.
89. CV số 1038 TCHQ/KTTT (21/3/2003) về hàng hoá nhập khẩu thuộc nguồn vốn ODA.
90. CV số 1023 TCHQ-KTTT (18/3/2005) về tham vấn, xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu.
91. CV số 1008 TCHQ-GSQL (18/3/2005) về tính thuế ô tô đã qua sử dụng.

92. CV số 1007 TCHQ-GSQL (18/3/2005) về hàng hoá gửi kho ngoại quan.
93. CV số 1006 TCHQ-KHTC (18/3/2005) về sử dụng tờ khai BB-HCT.
94. CV số 1004 TCHQ-KTTT (18/3/2005) về báo cáo thuế nguyên liệu nhập khẩu gia công tồn đọng.
95. CV số 1000 TCHQ-KTTT (17/3/2005) về trị giá tính thuế hàng nhập khẩu.
96. CV số 977 TCHQ-KTTT (16/3/2005) về vướng mắc về xác định giá tính thuế.
97. CV số 974 TCHQ-GSQL (16/3/2005) về xuất khẩu dầu sang Campuchia.
98. CV số 970 TCHQ-HTQT (15/3/2005) về xác minh C/O.
99. CV số 961 TCHQ-GSQL (15/3/2005) về thủ tục hải quan giao nhận NPL, BTP giữa 2 doanh nghiệp nhận gia công cho thương nhân nước ngoài.
100. CV số 951 TCHQ-KTTT (14/3/2005) về báo cáo xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu.
101. CV số 942 TCHQ-GSQL (14/3/2005) về quản lý hoạt động khai thác khoáng sản.
102. CV số 921 TCHQ-GSQL (11/3/2005) về đề nghị áp dụng mức thuế 1% cho các mặt hàng chất trợ nhuộm, hoàn tất vải.
103. CV số 915 TCHQ-KTTT (11/3/2005) về xử lý thuế đối với xăng dầu tạm nhập – tái xuất.
104. CV số 915 TCHQ-KTTT (11/03/2005) về việc xử lý thuế đối với xăng dầu TN – TX tiêu thụ nội địa.
105. CV số 914 TCHQ-KTTT (11/03/2005) về việc hướng dẫn kiểm tra, xác định giá tính thuế hàng nhập khẩu.
106. CV số 891 TCHQ-KTTT (10/03/2005) về việc giá và giải toả cưỡng chế.
107. CV số 890 TCHQ-KTTT (10/3/2005) về việc không thu thuế VAT hàng phục vụ nghiên cứu khoa học.
108. CV số 888 TCHQ-KTTT (10/3/2005) về việc miễn thuế đối hàng thuộc dự án đầu tư.
109. CV số 878 TCHQ-KTTT (10/3/2005) về việc nợ thuế giá trị gia tăng.
110. CV số 874 TCHQ-CSQL (10/3/2005) về việc vướng mắc thủ tục hải quan của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
111. CV số 865 TCHQ-KTTT (09/02/2005) về việc truy thu thuế nhập khẩu.
112. CV số 860 TCHQ-CSQL (09/3/2005) về việc xử lý lô hàng dầu nhờn Castrol tồn kho.
113. CV số 821 TCHQ-GSQL (4/3/2005) về phân loại hàng hoá.
114. CV số 818 TCHQ-KTTT (4/3/2005) về xử lý đề nghị miễn thuế nhập khẩu.
115. CV số 808 TCHQ-GSQL (4/3/2005) về phân loại hàng hoá.
116. CV số 803 TCHQ-GSQL (3/3/2005) về các doanh nghiệp và các lô hàng BTP nhập khẩu để SX, GC hàng may mặc XK.
117. CV số 792 TCHQ-GSQL (3/3/2005) về khai đơn giá trên tờ khai xuất khẩu sản phẩm gia công.
118. CV số 710 TCHQ-KTTT (1/3/2005) về miễn thuế nhập khẩu và không thu thuế GTGT.
119. CV số 709 TCHQ-KTTT (1/3/2005) về xử lý thuế nhập khẩu và thuế GTGT đối với tài sản liên doanh thay đổi mục đích sử dụng.
120. CV số 708 TCHQ-KTTT (1/3/2005) về thuế nhập khẩu đối với thiết bị, máy móc NK tạo tài sản cố định.
121. CV số 660 TCHQ/KTTT (24/2/2005) về giá trị tính thuế nhập khẩu từ Khu Thương mại Lao Bảo vào nội địa.
122. CV số 658 TCHQ/KTTT (24/2/2005) về biên lai thuế nhập khẩu và thuế TTĐB xe ô tô nhập khẩu.
123. CV số 651 TCHQ/KTTT (24/2/2005) về không thu thuế NK.
124. CV số 625 TCHQ/KTTT (23/2/2005) về trả lời đề nghị của doanh nghiệp.
125. CV số 620 TCHQ/KTTT (22/2/2005) về giá tính thuế và thuế suất.
126. CV số 610 TCHQ/KTTT (22/2/2005) về xử lý đề nghị miễn thuế nhập khẩu ô tô quà tặng.
127. CV số 667/TCHQ-GSQL (24/2/2005) về việc phân loại sản phẩm phần mềm.
128. CV số 666/TCHQ-GSQL (24/2/2005) về việc phân loại phần mềm tìm kiếm và xác định phụ tùng bê tông.
129. CV số 661/TCHQ-GSQL (24/2/2005) về việc chấp thuận vị trí đặt cửa hàng miễn thuế và kho hàng miễn thuế.
130. CV số 658/TCHQ-KTTT (24/2/2005) về biên lai thuế nhập khẩu, thuế TTĐB xe ô tô nhập khẩu.
131. CV số 650/TCHQ-KTTT (24/2/2005) về bảng kê giấy biên nhận trong quá trình hoàn thuế nhập khẩu nguyên liệu.
132. CV số 610/TCHQ-KTTT (22/02/2005) về việc xét miễn giảm thuế đối với quà tặng.
133. CV số 608/TCHQ-KTTT (22/2/2005) về trị giá tính thuế hàng nhập khẩu.
134. CV số 569 TCHQ-KTTT (17/2/2005) về định mức miễn thuế nhập khẩu hàng triển lãm biểu, tặng.
135. CV số 561 TCHQ-GSQL (17/2/2005) về thủ tục XNK tại chỗ.
136. CV số 556 TCHQ-KTTT (16/2/2005) về thuế suất CEPT cho mặt hàng Bugi cho xe gắn máy.
137. CV số 509 TCHQ/KTTT (4/2/2005) thời gian ân hạn thuế đối với hàng nhập nguyên liệu sản xuất xuất khẩu.
138. CV số 503 TCHQ/KTTT (4/2/2005) về thanh khoản tờ khai TN-TX.
139. CV số 504 TCHQ/KTTT (4/2/2005) về miễn phạt chậm nộp thuế nhập khẩu, thuế GTGT.
140. CV số 495 TCHQ/GSQL (3/2/2005) về nhập khẩu xe tay lái nghịch.
141. CV số 493 TCHQ/KTTT (3/2/2005) về giá tính thuế đậu Hà Lan khô nhập khẩu.
142. CV số 409 TCHQ-GSQL (28/1/2005) về thực hiện chỉ đạo tạm dừng xuất khẩu khoáng sản thô.

143. CV số 386 TCHQ-GSQL (26/1/2005) về phân loại mặt hàng sợi thuỷ tinh.
144. CV số 385 TCHQ-GSQL (26/1/2005) về phân loại mặt hàng giấy in đã gia công bề mặt.
145. CV số 375 TCHQ-KTTT (26/1/2005) về không thu thuế GTGT hàng nhập khẩu phục vụ NCKH.
146. CV số 364 TCHQ-KTTT (25/1/2005) về xác định trị giá tính thuế mặt hàng ô tô nhập khẩu.
147. CV số 363 TCHQ-KTTT (25/1/2005) về đề nghị xem xét C/O và giá tính thuế.
148. CV số 358 TCHQ-GSQL (25/1/2005) về nhập khẩu bộ linh kiện để sản xuất lắp ráp ô tô.
149. CV số 357 TCHQ-GSQL (25/1/2005) về giải quyết khiếu nại phân loại bằng cách điện bọc thanh cái cho điện cao áp 22KV.
150. CV số 356 TCHQ-GSQL (25/1/2005) về phân loại hàng hoá theo máy chính của thiết bị đồng bộ.
151. CV số 354 TCHQ-GSQL (25/1/2005) quản lý hoạt động khai thác khoáng sản.
152. CV số 342 TCHQ-KTTT (25/1/2005) về xử lý nợ phạt chậm nộp.
153. CV số 308 TCHQ-GSQL (20/1/2005) về thủ tục hải quan đối với phương tiện tạm nhập, tạm xuất.
154. CV số 236 TCHQ-GSQL (18/1/2005) về thủ tục hải quan đối với hàng KD tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu.
155. CV số 223 TCHQ-GSQL (18/1/2005) về hướng dẫn thủ tục đối với hàng hoá kinh doanh tạm nhập tái xuất.
156. CV số 220 TCHQ-KTTT (18/1/2005) về đề nghị miễn thuế đối với thiết bị y tế.
157. CV số 201 TCHQ-KTTT (17/1/2005) về trả lời việc xác định giá trị tính thuế.
158. CV số 121 TCHQ-KTTT (11/1/2005) về miễn thuế hàng nghiên cứu khoa học.
159. CV số 119 TCHQ-KTTT (11/1/2005) về thuế nhập khẩu hàng biếu tặng trong triển lãm.
160. CV số 118 TCHQ/GSQL (11/1/2005) về phân loại hàng hoá.
161. CV số 106 TCHQ/GSQL (10/1/2005) về tạm nhập đồ dùng cá nhân và xe của chuyên gia.
162. CV số 105 TCHQ/GSQL (10/1/2005) về nhập khẩu xe ô tô theo chế độ tài sản di chuyển.
163. CV số 82 TCHQ/KTTT (7/1/2005) về nhập hàng phục vụ dự án.
164. CV số 74 TCHQ/KTTT (07/1/2005) về miễn phạt chậm nộp thuế.
165. CV số 70 TCHQ/KTTT (06/1/2005) về giá tính thuế linh kiện phụ tùng xe máy nhập khẩu.
166. CV số 69 TCHQ/KTTT (06/1/2005) về giá tính thuế hàng nhập khẩu vi phạm.
167. CV số 29 TCHQ-KTTT (04/1/2005) về chứng từ thanh toán đối với hàng xuất khẩu.
168. CV số 27 TCHQ/KTTT (04/1/2005) về thuế GTGT đối với hàng nhập đầu tư có xuất xứ VN.
169. CV số 26 TCHQ-GSQL (04/1/2005) về phân loại hàng hoá.
170. CV số 20 TCHQ-GSQL (04/1/2005) về vướng mắc C/O mẫu D.
171. CV số 6372 TCHQ/KTTT (31/12/2004) về vướng mắc TT số 118/2003/TT-BTC.
172. CV số 6369 TCHQ/GSQL (31/12/2004) về phân loại hàng hoá.
173. CV số 6368 TCHQ/KTTT (31/12/2004) về hoàn thuế nhập khẩu.
174. CV số 6367 TCHQ/KTTT (31/12/2004) về nhập khẩu hàng hoá.
175. CV số 6352/TCHQ-KTTT (30/12/2004) về việc bù trừ tiền thuế NK.
176. CV số 6318/TCHQ-KTTT (29/12/2004) về việc bù trừ thuế NK.
177. CV số 6317/TCHQ-GSQL (29/12/2004) về việc hướng dẫn thủ tục nhập khẩu.